HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

Số 37 tháng 10 & 11 năm 1997



Ann Phong: Những hạt mầm *(acrylic on canvas)*



TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA

http://members.aol.com/tchl/hopluu.htm

Tel: (714)537-5229 • E-mail: tchl@aol.com

Phát hành hai tháng một kỳ • Số 37, tháng 10, 11/1997

Đại diện tại Florida: Triều Hoa Đại / Tel: (904)282-2419 • *Đại diện tại Houston, TX*: Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262 • *Đại diện tại San Jose*: Phạm Việt Cường / Tel: (408)294-2413 • *Đại diện tại Âu châu*: Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013 Paris. France / Tel: 33 (0) 1 45.83.19.12 • *Đại diện tại Na Uy:* Hoài Mỹ / Olsvikaasen 138. N-5079 Olsvik, Norway • *Đại diện tại Canada*: Trân Sa / Tel: (416)762-4659 &Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514)342-8018 • *Đại diện tại Australia*: Thường Quán / Tel: 61.3/ 8071.797 • *Đại diện tại Đông Âu*: Yên Phong / PSF-21. 37284 - Waldkappel. Germany

Thể lệ gửi bài

Kèm theo bài xin ghi địa chỉ, số điện thoại. Bài gửi cho *Hợp Lưu* đừng gửi báo khác. Trong trường hợp đã phổ biến, phải cho tòa soạn biết, dù chỉ trên báo địa phương. Viết một mặt giấy, rõ ràng, tránh bôi xóa quá nhiều. Nếu đánh máy xin chừa rộng khoảng cách giữa hai dòng. Viết bằng computer xin gửi bài kèm đĩa (ghi rõ dạng đang sử dụng: VNI, VNU, VPS..., và ký hiệu của bài). Bài không đăng không trả lại bản thảo. Nếu là thơ, sau ba số không thấy xuất hiện, tác giả tùy nghi sử dụng. Nếu là truyện, biên khảo... bài chọn đăng sẽ có thư riêng hoặc điện thoại. Có thể gửi bài qua E-mail.

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa KỳL ISSN: 1065-9323



Khương Huỳnh: Chiến tranh ngày nào (thuốc nước)

HỢP LƯU

Số 37, tháng 10 & 11 năm 1997



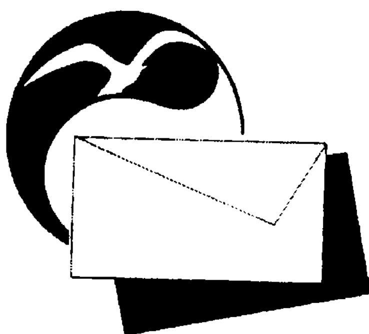
MỤC LỤC

Tranh bìa:
Ann Phong: Những hạt mầm (*acrylic on canvas*)
Tranh đen trắng trang 1:
Khương Huỳnh: Chiến tranh ngày nào (*thuốc nước*)





THƯ TÒA SOẠN



Sức khỏe của nhà văn Mai Thảo sút hẳn từ hơn một năm trước, và trở nên tệ hại trong vòng 30 ngày nay. Người thân đưa ông vào bệnh viện cách đây khoảng 20 ngày, lúc ông không còn nói được. Những hôm đầu, khi ông nằm bất động trong khu chăm sóc đặc biệt (Intensive Care Unit), với một thần trí mù lòa và chiếc mặt nạ oxy-gen phủ gần kín khuôn mặt sạm đen chỉ còn xương với da, mọi người đều nghĩ ông sẽ ra đi bất cứ lúc nào. Trong phòng đợi khu ICU, từ sáng tinh mơ đến nửa đêm, luôn túc trực hoặc những người em và các cháu trai cháu gái của ông, hoặc bằng hữu từ khắp nơi nghe tin ông hấp hối, tụ về. Tất cả đều chuẩn bị tinh thần để đón nhận tin buồn chắc chắn sẽ đến.

Thế nhưng, như phép lạ, sức sống thoi thóp trong tấm thân rệu rã kia bỗng hồi sinh. Tri giác hồi phục, Mai Thảo rời khỏi trạng thái hôn mê. Đến hôm nay ông đã có thể nhận biết mọi chuyện xảy ra chung quanh. Lưỡi hái tử thần dương cao trên định mệnh ông đã được hạ xuống. Theo lời một trong hai bác sĩ coi sóc trực tiếp cho bệnh nhân, Mai Thảo có khả năng sống được với cuộc đời này nhiều năm nữa.

Mọi người thở phào. Mai Thảo chưa ra đi. Mai Thảo không ra đi. Người đàn ông trọn đời sống cùng chữ nghĩa đó vẫn còn hiện diện trên cõi trần gian này, với bằng hữu, với anh em, với tờ tạp chí *Văn*, tuy ngày nay đã được giao lại cho nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng coi sóc, nhưng hàng tháng ông vẫn nhìn thấy nó, như một phần thịt xương không thể tách lìa.

Người ta có thể không thích văn chương Mai Thảo, nhưng không ai phủ nhận được sự thật hiển nhiên này: khi nói đến văn học Việt Nam nửa thế kỷ qua mà không nhắc đến Mai Thảo, không xem ông như một trong vài cột trụ đã có công hình thành một dòng văn học khởi từ bên này bờ Bến Hải, chạy dài đến phần đất cuối cùng của địa hình đất nước, mang tên Văn Học Miền

Nam Việt Nam sau 1954, là một thiếu sót không thể tha thứ.

Người ta cũng có thể không bằng lòng khi bị Mai Thảo, trong những cơn say, phán điều này, phê điều nọ, thậm chí đôi lúc nặng lời. Nhưng không ai phủ nhận được sự thật hiển nhiên này: Mai Thảo là một người anh, một người bạn thủy chung. Tuyệt đối thủy chung. Với Mai Thảo, trên hết - trên cả văn chương, thi ca, nghệ thuật - là tình bằng hữu. Ông quan tâm đến hạnh phúc, khổ đau, thành, bại của mọi người. Một quan tâm chân thật, vô điều kiện.

Bảy năm trước, khi *Hợp Lưu* mới ra đời, Mai Thảo thẳng thắn khẳng định quan điểm của mình: tuyệt đối không liên hệ gì với chế độ hiện tại ở quê nhà. Quan điểm đó được ông lặp lại nhiều lần, bằng ngôn ngữ viết, qua những cuộc phỏng vấn và trên mục *Sổ tay* của tạp chí *Văn*, hay qua ngôn ngữ đối thoại, trong các bàn tiệc giữa đông đủ văn nghệ sĩ. Nói cách khác, Mai Thảo không tán thành chủ trương của *Hợp Lưu*. Dù thế, ông không xem *Hợp Lưu* là "kẻ thù", không chụp lên đầu *Hợp Lưu* những cái mũ, lớn, bé. Và một điều nữa, xem chừng khá mâu thuẫn: *Hợp Lưu* có lẽ là tờ tạp chí gần gũi với ông nhất, được ông quan tâm lo lắng đến chuyện sống chết của nó nhiều nhất. Thực ra, sẽ rất hữu lý nếu chúng ta đủ thân gần để có thể hiểu Mai Thảo cặn kẽ: Ông yêu quí văn chương, đồng thời tôn trọng tuyệt đối tự do tư tưởng của mọi ngòi bút. Nhiều lần *Hợp Lưu* mời ông viết bài. Ông từ chối, vì không cùng quan điểm. Nhưng nếu *Hợp Lưu* lao đao tài chánh, ông lại là người sốt sắng tìm phương cách giúp *Hợp Lưu* vượt qua. Chỉ có những nhân cách lớn mới có thể tách bạch phân minh mọi điều được như thế.

Cho nên sẽ không quá đáng nếu *Hợp Lưu* cho rằng Mai Thảo là điển hình tiêu biểu nhất cho hai chữ Tự Do.

Hợp Lưu quí trọng Mai Thảo vì thế.

Thư tòa soạn số này chỉ đề cập đến Mai Thảo, cùng sự hồi sinh của ông, trên giường bệnh, vì thế.

Trong nghĩa nào đó, Mai Thảo chưa ra đi, cũng có nghĩa hai chữ Tự Do, trong văn học, vẫn còn thắm đượm màu son.

HỢP LƯU

HỢP LƯU

số 38, Xuân Mậu Dần

KỶ NIỆM NĂM THỨ TÁM

Mời văn hữu, bạn đọc trong ngoài nước đóng góp bài vở.

Hạn chót nhận bài: ngày 10 tháng 11, 1997.

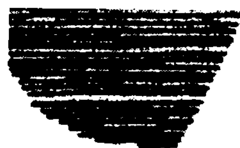
Có thể gửi bài qua email: tchl@aol.com (dưới bất cứ dạng nào)

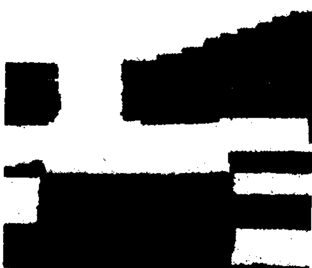


HÒA ĐA

VÀI CẢM NGHĨ VỀ TÌNH TỰ DÂN TỘC

CHUYỆN BÁC BA PHI





Những nhân vật lưu truyền trong dân gian phản ánh gần như trung thực tâm tư, nguyện vọng cũng như tính nết của người dân. Nhận xét đó của các nhà xã hội học cho phép chúng ta có thể tìm hiểu ít nhiều dân tộc tính qua những chuyện kể trong những câu chuyện hàng ngày.

Địa dư nước ta chia thành ba miền rất rõ rệt. Những điều kiện sinh hoạt, khí hậu, tạo cho mỗi vùng một sắc thái riêng biệt. Chỉ cần quan sát cách ứng xử trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta có thể rút ra nhiều minh chứng của nét dị biệt của cư dân các vùng Bắc Trung Nam của đất nước. Bài viết này không nhằm mục đích đào sâu sự khác biệt giữa người dân ba miền mà chỉ cốt nêu lên một nhận xét có tính hiển nhiên, để từ đó rút ra một cái nhìn tích cực.

1. Những nhân vật dân gian

Trong số những nhân vật dân gian ngoài Bắc, người ta phải kể đến hai nhân vật chính: Trạng Quỳnh và Chú Cuội.

Quỳnh là một nhân vật có thật vào thời cuối nhà Hậu Lê, nổi tiếng là nhanh trí và ứng phó giỏi. Quỳnh làm quan trong triều, dùng tài hay chữ của mình để trêu chọc mọi người, từ Chúa đến dân hèn, từ giai cấp sĩ phu đến lớp

người vô học, ở đâu, lúc nào ông cũng tìm thấy đề tài để bỡn cợt, trêu chọc. Lâu dần, nhân vật Quỳnh đi vào dân gian, người dân kể cho nhau nghe, thêm bớt những chi tiết trong những câu chuyện về Quỳnh, khiến những chuyện kể bị dân gian hóa, trở thành huyền thoại, và cứ chuyện nào có tính châm chọc cay chua hay bỡn cợt đều được gán cho Quỳnh. Trái lại Cuội xuất thân từ lớp dân nghèo, dốt nát, chịu không biết bao nhiêu sự áp bức. Vũ khí Cuội tự trang bị cho mình để sống còn là nói dối. Thành ngữ *"nói dối như Cuội"*, *"hứa cuội"* hay *"nói nhăng nói cuội"* đã nói lên điều đó. Cuội nói dối như thật, chỉ khi nào xong chuyện người ta phối kiểm lại mới biết bị lừa, Cuội dùng tài nói dối như thật của mình để phỉnh gạt người khác, nhất là những người giàu có, ỷ quyền thế, tiền bạc. Ngoài ra còn phải kể đến hai nhân vật Ba Giai, Tú Xuất tuy không được biết đến nhiều và được coi là phó sản của hai nhân vật trên. Cũng vậy, so với các phần còn lại của đất nước, người dân miền Bắc che giấu mình kỹ hơn. Cách suy nghĩ *"Nát giậu cũng còn bờ tre"* hay *"nào ai có khảo mà mình lại xưng"* v.v... chỉ rõ cho ta thấy người miền Bắc không chấp nhận thua kém, dù trên hình thức. Chúng ta còn nhớ sau tháng 4-75, miền Nam lọt vào tay Cộng Sản, người dân có những dịp không nhịn được cười, dù là cười lén, khi nghe những cán bộ Cộng Sản từ miền Bắc vào, luôn khoe miền Bắc dưới sự quản lý của đảng và nhà nước cái gì cũng có và có thừa thải nữa là khác, nên khi hỏi "ngoài đó có cà chớn không?" thì cán bộ nhà ta tưởng đó là một thứ cà gì đó, như cà chua, cà pháo, cà tím... đã đáp ngay "Thiếu gì! ở chợ Đồng Xuân đầy ra đấy" hay "frigidaire chiều nào cũng lượn đầy bờ hồ Tây" vì cán bộ tưởng nhầm frigidaire cũng là một loại gắn máy như Honda, Yamaha, Suzuki... lúc đó đang rất thịnh hành ở trong Nam...

Miền Trung đất hẹp, nghèo nàn. Dân chúng không sống tập trung như đồng bào ngoài Bắc do phải phân bố dọc theo những mãng đồng bằng khô khan nhỏ bé cạnh bờ biển. Do điều kiện sinh sống vô cùng khó khăn, kinh tế không mấy phát triển, lại phải đương đầu gần như thường trực với thiên tai, không hạn hán thì bão lụt, người dân không có được nhiều cơ hội để tiếp xúc nhau, nên chúng ta không lấy làm lạ khi không thấy những nhân vật có tính cách đại chúng như Trạng Quỳnh hay chú Cuội. Vã lại, hình thể địa lý của miền Trung trải quá dài. Người dân thuộc Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh đã khác Quảng Bình, Quảng Trị , Thừa Thiên; nói chi đến cư dân thuộc các vùng thuộc cực nam Trung Kỳ như Nha Trang hay vùng Tam Phan (Phan Rang, Phan Rí, Phan Thiết). Một nhân vật dân gian của miền Trung là chú Lía, nhưng đó là một nhân vật lịch sử, xuất thân từ lớp dân nghèo, giỏi võ và có biệt tài chạy rất nhanh, nổi dậy chống quan lại tham ô và bọn cường quyền, bị quan quân bóp chết từ khi lực lượng còn trứng nước. Phạm vi hoạt động của chú Lía thuộc vùng Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, tương đối gần với kinh đô Huế, nên không có nhiều ảnh hưởng đến người dân thường. Có chăng là còn lại trong câu hát ru con:

Chiều chiều én liệng Truông mây (1)
Cảm thương chú Lía bị vây trong thành

Miền Nam chỉ mới thuộc về Việt Nam sau này. Khởi đầu là đất của Miên, sau do chính sách di dân theo kiểu tầm ăn dâu, người Việt chiếm dần lãnh thổ của người Miên. Cũng phải ghi nhận công khai phá của những di thần nhà Minh và bộ hạ, không chịu theo Mãn Thanh như Dương Ngạn Địch vùng Cù Lao Phố, Nông Nại (Biên Hòa, Đồng Nai), hay Mạc Cửu ở Hà Tiên, sau đó dâng cho Chúa Nguyễn. Những người Việt tiền phong phần đông là thuộc vùng Nam Ngải Bình Phú(2) đi vào; một số khác là tù binh của Trịnh do Nguyễn bắt được trong cuộc nội chiến, hay là những tội đồ bị lưu đày. Họ là những người nghèo đói, những kẻ vong mạng, ít học... mong tạo cho mình một cuộc đời mới và họ tìm thấy nơi đây đất lành chim đậu. Họ chiến đấu với thú dữ, muỗi vắt, thiên nhiên hoang dã nhưng giàu có và hào phóng:

Trên rừng muỗi kêu như sáo thổi,
Dưới nước đỉa lội như bánh canh.

... Xứ đâu có xứ lạ lùng
Con chim kêu cũng sợ,
con cá vùng cũng kinh

... Chiều chiều quạ nói với diều,
Cù lao Ông Chưởng có nhiều cá tôm.

Người Miên không chịu được sự ẩm thấp nên chiếm hết các vùng cao ráo gọi là giồng do phù sa hai con sông Tiền và sông Hậu bồi đắp. Người Việt cứ khai thác vùng đất hoang bạt ngàn, những con người tiền phong đó cứ từng bước đặt những bước chân nam tiến vững chãi cho đến phần đất cuối cùng của bán đảo. Trong số những người tiền phong đó có lẽ có một người tên Ba Phi (3) cư ngụ và khai phá vùng U Minh, Cà Mau, vùng đất phèn thuộc lưu vực sông Ông Đốc. Bác Ba Phi phá rừng làm rẫy, ruộng, bắt cá, ăn ong... đem sản phẩm ra chợ Bảy Sào bán, mua lại khô, muối, vật liệu nông ngư nghiệp. Bác Ba Phi có lẽ là nhân vật rất điển hình của lớp người tiền phong khai thác

---

(1) *Liệng* là lượn, *truông* là vùng đất thấp trong rừng, *mây* là loại dây leo rất chắc và bền. *Truông Mây* là địa danh nơi chú Lía sinh sống.
(2) Quảng nam, Quảng Ngải, Bình Định, Phú Yên
(3) Cách gọi thân thuộc của người dân Nam Bộ gọi tên kèm theo thứ: Năm Chuột, Ba Lùn, Hai Hòn...Theo cách Nam Bộ, trong nhà không có Cả (do kiêng tên, Cả là tên gọi của Hoàng Tử Cảnh, con trai Nguyễn Ánh) người con trưởng bắt đầu bằng thứ hai

vùng bên kia sông Hậu. Thời gian Bác Ba Phi sống, qua các chuyện kể về Bác Ba Phi, có lẽ vào cuối thế kỷ 19 khi người Pháp đã đặt xong cơ cấu thực dân của họ. Những câu chuyện về Bác Ba Phi thường là những chuyện do bác kể lại sinh hoạt của bác, nhân những lúc trao đổi hàng hóa ở chợ Bảy Sào, phản ánh cá tính của người dân Nambộ xốc nổi, sống cho ra vẻ con người điệu nghệ... Bác kể chuyện sinh hoạt của bác, thêm mắm dặm muối trở nên hấp dẫn hơn, cường điệu hơn và thường chấm dứt một cách ngộ nghĩnh, thú vị bất ngờ, khiến người nghe bật cười thính thú, biết là người kể nói dóc mà cũng không giận vì chẳng hại gì cho ai. Ta cứ hãy tưởng tượng, có một nông dân trạc trung niên, nhân lúc chờ con nước để bơi xuồng về, ngồi nhâm nhi ly rượu đế, kể những chuyện lạ mà người dân ở chợ không biết, và vì là những chuyện lạ nên mặc tình anh ta thêm thắt chi tiết, nhiều khi quá đáng (xem chuyện *Tàu Rùa, Ba Phi làm lúa*). Lâu dần, chuyện cứ lan ra, người ta thấy ngộ, kể đi kể lại, tam sao thất bổn, riết thành chuyện dân gian. Ở miền Nam, nhất là nông thôn vùng đồng bằng Nam Bộ, trong các lễ cưới, hỏi, ma chay, người dân thường hay tụ họp ở nhà gia chủ thâu đêm, họ kể cho nhau nghe đủ thứ chuyện: tích Tàu, chuyện tiếu lâm... trong số những chuyện kể, đôi khi có những chuyện của Bác Ba Phi... Đến bây giờ, trong số các chuyện được kể lại không biết chuyện nào là chuyện do bác kể, chuyện nào là do chính người kể bịa đặt và gán cho Bác Ba Phi. Chỉ biết đó là những chuyện tiếu lâm không tục, những chuyện nói dóc có hệ thống mà người nghe thường chỉ nhận ra khi hết chuyện. Đó là lối giải trí nhẹ nhàng, dí dỏm, biểu thị tính cởi mở, xởi lởi của người dân miền Nam.

*

Như đã nhận xét ở trên, nếu những chuyên kể dân gian phản ánh phần nào cá tính của người dân, thì qua những nhân vật điển hình của ba vùng kể trên, ta có thể nhìn thấy những khác biệt rất tiêu biểu trong cách ứng xử hàng ngày của người dân thuộc ba vùng khác nhau của đất nước, để qua đó chúng ta có thể hiểu biết sâu sắc hơn, dễ thông cảm cho nhau hơn và do đó dễ tha thứ cho nhau hơn.

Có một cách nhìn tích cực, chúng ta mới mong xóa bớt những mặc cảm phân biệt địa dư lâu nay vẫn tiềm ẩn trong tâm tính người Việt chúng ta.

2. Chuyện kể về Ba Phi

Những chuyện kể về Trạng Quỳnh có rất nhiều, và có những chuyện rất hay biểu hiện sự thông minh, ứng xử bén nhạy, tinh tế... Những chuyện

Quỳnh đấu trí với sứ Tàu là những chuyện thú vị, linh hoạt. Còn những chuyện khác, mà chúng tôi nghĩ do người kể gán cho Trạng Quỳnh, lâu dần chẳng còn biết đâu thật giả và thường để lộ rõ tính chất khôn lanh vặt, luôn tranh hơn với người khác, kể cả việc phải dùng đến thủ đoạn để đạt được phần hơn. Quỳnh không thua bất kỳ ai, từ Vua Chúa, quan lại, bọn nhà giàu, đến ngay cả sứ Tàu, Vua quan Tàu...Quỳnh chỉ có thua đàn bà, bà Đoàn thị Điểm, có lúc phải nhờ vả đến cả bà Điểm để gở rối cho mình. Những chuyện kể về Trạng Quỳnh và Chú Cuội đã được xuất bản khá nhiều. Chuyện về Chú Lía như đã trình bày ở trên, chúng tôi không có tài liệu, mong những bậc thức giả đóng góp thêm, hầu có thể bổ túc thêm vào di sản văn học dân gian Việt Nam. Ở đây chỉ xin trích kể hai chuyện của Bác Ba Phi, một đọc được đâu đó trên báo trước 75 ở Sài Gòn (chuyện *Ba Phi làm lúa*) và một nghe kể trong một đám cưới ở nông thôn, Long Hồ - Vĩnh Long, sau 75 (chuyện *Tàu rùa*). Chuyện chỉ kể lại theo trí nhớ, có thể có những khác biệt, mong nghe được những đóng góp khác của bạn đọc.

Ba Phi làm lúa

Hồi Qua (4) với má sắp nhỏ về trấn trong đó, chung quanh chẳng có mấy người ở. Phải bơi xuồng cả buổi mới ra đến xóm nhỏ ở đầu vàm, chừng năm bảy nóc gia, trong đó có chú Phò người Quảng Đông mở một tiệm tạp hóa. Qua thường ghé đó đổi mật ong, sáp để lấy thuốc giồng(5) và dầu cù là con cọp để xài từ từ. Khi nào bảnh cũng dám xài sang mua vài ký đường phèn để dành uống trà. Bây giờ mấy em thấy Qua coi khỏe ru, nhưng hồi nẳm mới về cặm dùi ở trỏng, cực trần ai khoai củ(6)... Trời vừa chạng vạng, quơ tay một cái, hốt cả bụm muỗi, nốc chừng xị đế, chun vô nóp(7) mặc tình cho muỗi hầu tàn. Cá mắm thôi khỏi bàn, của trời để sẵn, cần cứ ra mương, vũng... miễn chỗ nào có nước, thọc tay xuống là bắt được cá, lóc cỡ cổ tay chê nhỏ thả bỏ cho lớn; lớn chừng bắp tay, cổ chơn mới chịu đem rộng trong khạp; ăn không hết, xẻ phơi khô, để dành ra chú Phò hay chợ Bảy Sào đổi mấy thứ cần dùng. Cái cực nhứt là làm lúa! Hồi mùa đầu qua mới về, nhân lúc nước

---

(4) Tiếng người lớn tuổi hơn tự xưng với người nhỏ tuổi hơn, thông dụng trong Nam

(5) Thuốc lá trồng trên đất giồng, được ép lại thành từng bánh, còn được quen gọi là thuốc rê

(6) Thành ngữ thường nghe trong Nam có nghĩa là rất cực, cực không thể tả

(7) Một loại chiếu đệm đan bằng bàng (một loại lác, mọc rất nhiều ở vùng sông Hậu) trải rộng ra như chiếc chiếu, xếp lại làm ba, gối mí lên nhau, may hai cạnh biên lại là thành chiếc nóp, hơi giống hình thức của sleeping bag, nóp là sản phẩm của Miên, rất thông dụng trong Nam.

nổi(8) qua phát ngày phát đêm, phá được chừng ba chục công. chừng nước rút cỏ nằm ủ một lớp dày cả thước, sang tháng ba, chẳng cần bừa trục gì ráo, qua có sẵn vài chục công nằm chờ sẵn , chỉ đợi mưa xuống là qua sạ(9). Năm đó qua đổi sẵn chục giạ giống rẩy xe của Miên, thứ này hột tròn mà trúng, lại ngon cơm mà nở nồi. Qua tính nhẩm một công cho chừng chục giạ thì giá chót qua cũng có hơn ba thiên lúa(10) dư xài. Chừng bắt đầu sa mưa, Qua ngâm, ủ cho giống no mình rồi chất xuống ghe chèo riết vô đậu mé kinh. Đội thúng lúa giống lội chừng một khắc thì tới ruộng. Ơ hay, sao nghe trên đầu bung bung, hổng biết giống chi, chừng để xuống thì ôi thôi lúa không còn một hột, mà trong thúng đầy nhóc chim, vậy mới dị đoan chớ! Qua cứ hồ nghi không biết chuyện gì, ngó miết ra bờ kinh chờ má sấp nhỏ thì thấy bả chân cao chân thấp đội thúng giống trên đầu đi tới, còn trên đầu bả là một đám mây đen khi lượn lên cao, khi xuống thấp, qua cũng chẳng biết là cái gì. Chừng bả tới gần thì trời mẹ ơi! Chim! không biết là bao nhiêu con, cứ bay lên, xà xuống, chúi mỏ vô thúng lúa giống mà ăn. Chừng bả tới nơi, thúng giống cũng đầy nhóc chim. Thì ra xứ gì mà chim quá thể, nội chen nhau giành ăn không thôi cũng chết cả đống. Điệu này thì làm sao mà sạ? Qua bèn nghĩ ra một kế thần sầu, qua nói với bả bẻ một cành cây, khi đội thúng giống từ ghe lên thì một tay vịn thúng, một tay thì quơ nhánh cây trên miệng thúng, miệng thì hô hù hù cho chim nó sợ. Làm vậy mà một thúng khi vô tới ruộng rồi cũng chỉ còn hơn phân nửa. Chừng qua bắt đầu sạ thì lúa giống chỉ còn đủ cho hơn chục công. Trối kệ! cũng cứ sạ chớ làm sao. Qua bắt đầu bưng giống xuống ruộng để sạ. Mới liệng chừng vài nắm thì nghe bả la :"Trời đất ơi! Ông coi kìa có hột lúa nào rớt xuống ruộng đâu" Qua dòm lại thì trời đất quỷ thần ơi! Chuột! Chuột cố, chuột ông, chuột bà, cha mẹ, con, cháu, chắt, chút, chít nhà chuột, hết cả họ hàng nội ngoại chú bác cô dì cậu mợ nhà chuột ra sắp hàng hàng lớp lớp dưới ruộng, há mỏ chờ Qua vãi nắm lúa nào xuống thì đớp hết trơn, chẳng rớt xuống ruộng một hột. Như vậy là công cốc! Qua với bả đành đội giống về lại. Lại vịn thúng, quơ cành, miệng hù đuổi chim lội ngược về ghe... Chừng về đến chói thì.chục giạ giống còn lại chưa đầy một giạ... Vậy mà năm đó Qua thu về hơn ba thiên lúa.

- Nói dóc cha nội, không sạ thì làm sao có lúa mà gặt?

- Ậy ! đừng có nóng, chú em! Để Qua vô ly này nữa rồi kể tiếp cho em nghe, Ba Phi này nói phải có lý thôi, chú em.

---

(8) Khoảng tháng 9, 10 âm lịch

(9) *Sạ:* gieo thẳng, một kỹ thuật đầy sáng tạo của nông dân trong Nam, với một lượng lúa giống ít hơn chừng 5 lần, nông dân gieo thẳng trên ruộng, bỏ qua các khâu ruộng mạ, nhổ và cấy, tiết kiệm rất nhiều công sức.

(10) Trong Nam, một *thiên* lúa là một trăm giạ lúa, chứ không phải là một ngàn (một giạ: 40 lít, nặng khoảng 20, 21kg)

Đánh trót ly rượu đế, Bác Ba Phi chậm rãi kể tiếp:

Chuyện như vầy: Qua về chói ngồi bó gối nghĩ lung lắm. Mình bỏ xứ trôi nổi đến đây cặm dùi mà như vầy đành chết đói sao? Con chim, con chuột, con cá... con gì cũng sống, cũng sanh sôi nảy nở hàng đàn hàng lũ, mà con người như mình đành không có lúa gạo mà chết sao? chỉ tại mình nghĩ không ra thế thôi! Một bữa, xách mấy ký khô lóc xuống tiệm chú Phò đổi gạo, Qua bỗng nảy ra ý hay: Nhờ chú Phò gởi ghe hàng mua giùm mấy chục tay lưới, loại 3 phân vuông, nói với chú bắt cá bán lấy tiền trả cho chú, vốn lời phân minh. Chú Phò một phần ham lời, một phần tin qua nói không sai hẹn, nên khứng giúp. Có lưới rồi qua lập thế giăng ngang đường chim bay về mỗi tối. Trời nhá nhem là chim mỏ nhác không thấy đường, nó chỉ bay theo thói quen, cứ vậy mà ghim đầu vô lưới. Qua cứ ở nhà đan bội(11) chờ hốt chim đem chợ Bảy Sào bán, được bao nhiêu, sau khi mua các thứ lặt vặt, còn lại mua lúa chở về. Chừng vài tháng chim bớt hẳn, cũng là lúc sang mùa nắng, Qua lại bện sậy làm đăng, thứ này thì thiế bẹn mất chục tay đăng lại không đặng. Qua giăng đăng ngang bờ ruộng, dưới hướng gió, sau đó lội lên đầu gió châm lửa đốt. Mớ cỏ lác, năng, bàng trong năm theo con nước lên cao nghều nghệu, chừng nước rút nằm sắp lớp dày cả thước, nắng tháng giêng, hai làm khô mặt trên nhưng bên dưới vẫn còn ẩm, cho nên lửa không bốc thành ngọn mà chỉ ngún ngầm trong cỏ, khói theo gió cứ luồn theo cỏ mà hun. Cả họ hàng nhà chuột bị khói cay mắt từ từ dồn về phía mé kinh, nơi có đăng chờ sẵn. Con nào còn nhỏ chui lọt đăng, tha làm phước, con nào lớn dính lại hết. Cả ngàn con chớ ít sao. Qua bán không kịp đành lột da mổ bụng muối, lớp phơi làm khô, lớp nhận làm mắm. Mắm chuột ngon mà lại có giá vì lạ miệng. Năm đó Qua trúng lớn, bán mớ khô chuột và mắm chuột Qua mua về cả mấy trăm giạ lúa nữa. Tính ra, vừa chim vừa chuột năm đó Qua thu về hơn ba thiên lúa.

Tàu Rùa

Năm đó trời làm hạn hán. Nước rút dần xuống mấy đìa nhỏ, cá tép cũng theo nhau về chen chúc trong mấy cái vũng ngày càng nhỏ hẹp, chịu không nổi với cái nóng tháng 2 tháng 3, thi nhau phình bụng nổi phều, chết ráo trọi. Chim chuột cũng thiếu thức ăn, tản cư đi đâu mất. Người còn phải chật vật, huống hồ là muông thú. Có khá chăng là miệt dưới Năm Căn, Bảy Sào... ghe thương hồ ghé buôn bán, còn chút tấp nập chớ miệt đầu nguồn, dân phá rừng, ăn ong... sống nhờ vào thiên nhiên như bác Ba Phi thì ở đâu đất lành

(11) Thứ giỏ đan bằng tre.

chim đậu. Nói vậy chớ biểu bác ra chợ hay nơi thị tứ kiếm sống, bác không chịu. Thảnh thơi quen rồi, không chịu được gò bó, ồn ào nơi đông đúc.

Thường thì bác luôn tìm công việc gì đó để làm, khi thì đan mấy cái lờ, đặt dọc theo mấy đường nước, cũng đủ cá mắm cho hai ông cháu, bác và thằng Đậu qua ngày, khi thì bác lội vô rừng tràm gác kèo ong, chờ tới mùa, trúng cũng thu được vài chục lít mật. Năm nay bết bát quá, hai vợ chồng thằng con bác, cha mẹ thằng Đậu, theo bạn gặt lên tuốt Châu Đốc từ hôm ra giêng, vừa ăn Tết xong, gửi thằng Đậu mới lên tám ở nhà hủ hỉ với Bác, cũng là để rảnh tay rảnh chơn mà gặt, hái... Mới hôm đầu tháng rồi, nó nhắn về, nói công gặt cũng chẳng được bao nhiêu, vì bạn gặt các nơi đổ về đông quá. Nó nói nó cùng với mấy đứa bạn bán lúa công gặt, gom tiền lên Miên bao đìa tát, bắt cá làm khô, mắm, đem về miệt Châu Đốc, Long Xuyên bán, lấy tiền mua lúa lại đem về. Bác nghe vậy thì hay vậy, ở nhà hai ông cháu chẳng chết đói đâu mà sợ. Thằng Đậu lớn lên trong rừng với bác nên tuy chẳng học hành gì ráo, nhưng việc gì cũng làm được. Từ tóm câu(12) đến đặt trúm(13) bắt lươn... chuyện gì cũng rành. Tuy vóc lớn lắm nhưng thằng Đậu mạnh cùi cụi và lanh như con sóc, xuống nước thì khỏi nói, nó lặn hụp như rái cá... Bác thương thằng Đậu lắm, những gì bác biết, bác đều chỉ cho thằng Đậu, hai ông cháu coi là tương đắc với nhau lắm.

Một lần, bác với thằng Đậu theo đường nước chèo tuốt vào trong sâu, định tìm thêm chỗ gác thêm vài trăm kèo ong. Chỉ cần gạo đầy ảng (14), nước mắm đầy hủ... là đủ, tới đâu kiếm thức ăn tới đó, chim trời cá nước đầy ra đó, chỉ có mấy đứa làm biếng mới không có mà ăn. Tới đâu mệt thì cặm sào lại nghỉ. Chừng hơn ngày đường, Bác biểu thằng Đậu cột ghe nghỉ, dặn nấu cơm ăn và coi chừng ghe, còn bác rảo lên bờ coi địa thế. Rừng hoang vu, không dấu tích con người lai vãng. Tràm mọc dày ken, bác phải lách theo chỗ trống len tới. Chừng cách xa bờ hơn trăm thước, bỗng nhiên rừng như sáng ra, trước mặt bác là một cái bàu (15) trước chắc cũng khá rộng, nhưng trời hạn đã thu hẹp phần nước. Bãi bùn chung quanh giờ đã khô cứng. Mà cái gì vậy kìa, đá ở đâu mà ai sắp đầy bãi, lớn nhỏ đủ cỡ. Ủa! đá sao mà cục cựa! Chừng dụi mắt nhìn kỹ thì chu cha quỷ thần ơi, rùa! không biết ở đâu mà tụ về bàu, có lẽ tìm chút hơi mát của nước còn sót trong bàu do trời hạn quá lâu. Bác chạy ngược về ghe. Thằng Đậu nấu xong nồi cơm thấy nội hớt hải trở về, vội hỏi:

-Gì vậy Nội ?

---

(12) *Tóm câu:* thắt nút dây gân (cước, chỉ) vào lưỡi câu, cần chắc và thẳng.

(13) *Trúm*: ống tre, một đầu kín nhờ mắt tre, đầu kia hở có gài hom, bên trong đặt cua chết hay ống đựng trùn chỉ, làm mồi nhử lươn. Hom chỉ cho lươn chui theo một chiều, không đi ngược lại được

(14) *Ảng*: lu nhỏ; theo thứ tự sức chứa , từ lớn đến nhỏ: mái đầm, mái, lu, khạp, ảng.

(15) *Bàu:* vùng thấp ngập nước nằm giữa rừng hay ruộng

- Đừng hỏi, đừng hỏi, để nội tính thử ! có nước trà rót cho nội một miếng

Chừng xong một bình trà, bác Ba Phi nói:

- Đi! Đi theo nội! Đi bắt rùa.

Hai ông cháu lại len lỏi trở vào rừng, gom lá tràm khô và củi bổi chất giáp vòng quanh đìa, chỉ chừa lại một lối duy nhất ra sông, thằng Đậu cũng đã quen ý nội nó nên cũng không hỏi đi hỏi lại, chỉ lo gom lá khô. Hai ông cháu làm tới chạng vạng mới vừa xong, lui về ghe. Ăn xong, thằng Đậu lăn ra ngủ như chết, bác còn ngồi suy tính...

Sáng hôm sau, khi thằng Đậu thức dậy thì bác Ba Phi đã nấu cơm sẵn, hối thúc nó ăn cho chắc bụng. Chừng dọn dẹp xong, bác lui ghe ra cặm ngoài sông, cách bờ chừng một tầm(16). Bác lôi từ trên ghe một miếng ván nhỏ, một đầu gác lên be ghe, đầu kia gác lên bờ. Bác cũng đưa cho thằng Đậu cây giầm(17) dặn nó ở ghe đợi. Bác lại lội vào rừng..., chừng một khắc sau, thằng Đậu ngửi thấy mùi khói ... một lúc sau nữa nó thấy Bác Ba Phi đang đứng chống mác trên bờ tay chỉ chỏ về phía rừng. Thằng Đậu ngó lên thì ôi thôi! rùa đang xếp hàng bò từ từ xuống bờ sông. Bây giờ thì nó mới hiểu công việc nội nó trù tính hôm qua. Bác Ba Phi bắt chước truyện Tam Quốc, dụng hỏa công phá trận Xích Bích Rùa, nhưng Bác Ba Phi còn tài hơn Gia Cát Khổng Minh là bắt rùa phải chạy về hướng mà Bác muốn... Chừng mấy anh rùa đầu tiên xuống đến bờ sông, bác Ba Phi lượm đặt lên cầu ván đã bắc sẵn xuống ghe. Thế là cả đoàn quân rùa cứ theo anh đầu đàn mà lần lượt lên ghe. Từ trên bờ bác la lớn kêu thằng Đậu:

- Con coi con nào lớn cho lên ghe, con nào nhỏ hất xuống

Thế là thằng Đậu hờm sẵn trên ghe cứ lựa theo ý nội nó, miệng cứ tía lia:

- Thằng này lên, thằng này ở lại..., thằng này lên, thằng này lên...

...Mặt trời đã đúng bóng mà rùa vẫn cứ tiếp tục nối đuôi nhau lên ghe, dưới sông bì bõm không biết bao nhiêu là rùa bị thằng Đậu hất xuống, cố bám vào be ghe... Trời hơi xế thì ghe cũng vừa khẳm. Bác Ba Phi đã lên ghe sửa soạn nhổ sào, miệng kêu thằng Đậu:

- Đậu! coi rút miếng ván, rồi đẩy mũi ghe ra. Ghe được rút sào, cả mấy trăm con rùa dưới nước hai chân trước bám vào be ghe, hai chân sau bơi bơi trong nước, đẩy ghe chạy tới. Ban đầu còn đâm ngang đâm dọc, nhưng chỉ chừng vài phút sau bác Ba Phi đã kềm được lái, cứ thế mà ghe chạy băng băng trên sông. Thằng Đậu ngồi trên mũi ghe khoái chí ca vọng cổ. Cả hai ông cháu chẳng phải chèo chống gì mà ghe cứ như có gắn máy rẽ nước chạy, dậy sóng cả một khúc sông, khiến mấy ghe nhỏ, xuồng con trồi lên hụp xuống. Một ghe ngược chiều la lớn:

---

(16) *Tầm:* đơn vị dùng đo chiều dài trong Nam. Tầm có chiều dài 2.5m hay 2.6m tùy nơi. Về sau nông dân dùng tầm thống nhất, do chính phủ qui định dài 2.633m.

(17) Giầm: có hình dạng như cây chèo, nhưng nhỏ hơn, dùng để bơi ghe, xuồng nhỏ

- Bớ tàu! Bớ tàu! bớt máy! bớt máy!
Thằng Đậu ngồi đằng mũi ghe thính chí cười lớn trả lời:
- Tàu này chạy bằng sức rùa thì làm sao bớt máy được ! ...

3. Vài ý kiến

Chuyện Bác Ba Phi chỉ mới xuất phát gần đây và tương đối khá phổ biến trong dân quê miền Nam. Cũng như nhân vật Trạng Quỳnh ở ngoài Bắc, những chuyện kể nào có tính cách hơi phóng đại và ngộ nghĩnh đều được gán cho Bác Ba Phi. Cũng cần nói thêm, người Cộng sản, đặc biệt gốc miền Nam đã sử dụng chuyện kể về Bác Ba Phi như là một hình thức binh vận của họ. Có lần, một cán bộ nguyên là chính trị viên hồi còn chiến tranh đã cho biết anh ta dùng chuyện Bác Ba Phi như một phương tiện giải trí và động viên tinh thần bộ đội của anh ta khi phải hành quân đường dài.

Qua hai chuyện vừa kể, ta thấy ngay chuyện Tàu Rùa là chuyện do người kể gán ghép cho Bác Ba Phi... Nhưng qua loạt chuyện về Bác Ba Phi, chúng ta thấy ngay tinh thần chịu khó, đơn giản, mộc mạc và thông minh của những người tiền phong trong việc khai phá vùng đất cực Nam của đất nước. Thiên nhiên miền Nam giàu có, hào sảng bao dung những người thất cơ lỡ vận, những kẻ phiêu lưu, những người làm chính trị thời Pháp thuộc bị lộ, muốn tìm cho mình một lý lịch mới.

Từ bên kia Sông Tiền qua bên này sông Hậu mang theo chiếc độc huyền và câu thơ Lục Vân Tiên ... (Sơn Nam - *Hương Rừng Cà Mau*)

Người Việt không có tính phiêu lưu, cực chẳng đã mới phải rời bỏ quê hương, nơi chôn nhau cắt rún mà đi. Đi tìm sự bình an, đất lành chim đậu, miền Nam trù phú, đón chào những bước chân tiền phong. Nhưng thiên nhiên không bao giờ cho không tài sản của mình. Những người tiền phong phải đổ mồ hôi, công sức để khai phá, phải chiến đấu với muỗi mòng, đỉa vắt, thú dữ (đặc biệt là sấu và cọp) chịu đựng ẩm thấp, chướng khí... Họ đã khai phá miền Nam một cách linh hoạt. Những người tiền phong này thường ít học, mộc mạc đon giản, thuộc tầng lớp nghèo khổ nhất của xã hội. Nhưng họ là những người giàu tính năng động không chịu trói mình trong khuôn khổ cứng ngắt.

Sách biên khảo về miền Nam còn quá ít so với những công trình tương tự về miền Bắc và Trung. Trước đây có vài công trinh có tính khởi đầu của vài tác giả miền Nam như Huỳnh Minh (qua các cuốn *Vĩnh Long Xưa và Nay, Gò Công Xưa và Nay...*), Sơn Nam (*Lịch Sử Khẩn Hoang Miền Nam, Đồng Bằng Sông Cửu Long* hay *Văn Minh Miệt Vườn...*) và gần đây có bộ *Nam Kỳ Lục Tỉnh* của Hứa Hoành . Bộ sách nói về các tỉnh xưa và nay của Huỳnh



THẬN NHIÊN

cổ ngoạn

Gửi người Bích Câu

Người ngồi như cổ vật
... cuối ngày
lời mặc cả chạm xương
                lặc lìa tay tượng
ú ớ đời chân tháp Babel

Gỗ gụ đồng đen bằn bặt đá
bám đâu hạt bụi ngày sau
di lặc buồn thiu
                chiều lệch ngói
lỡ tay chạm khẽ cõi vô cùng

Ai trôi đâu giạt đâu
vân tay để lại
đến đi trăm ngã trăm chiều
thoáng chớm thanh xuân nụ vàng
                                góc tối
độc bình khuất biệt mầu hoa...

THẬN NHIÊN

Minh thiên về địa dư chí và giới thiệu các thắng cảnh du lịch, di tích lịch sử cùng vài giai thoại nhỏ. Bộ *Nam Kỳ Lục Tỉnh* cũng là tập hợp những giai thoại, chuyện kể, ghi chép của tác giả về những vùng đất hai bên sông Tiền và sông Hậu và đúng như tác giả giới thiệu, đó là những tài liệu giai thoại nghe được, thấy được; nên chưa thể coi đó là một biên khảo có tính khoa học; tuy vậy chúng ta cũng có thể gạn lọc ở đó một nguồn tài liệu lớn. Riêng hai cuốn *Lịch Sử Khẩn Hoang Miền Nam* và *Đồng Bằng Sông Cửu Long* hay *Văn Minh Miệt Vườn* của Sơn Nam mang tính biên khảo hơn, nhưng chỉ mới có tính cách giới thiệu và có thể là những khởi đầu cho những công trình biên khảo lớn hơn, khoa học hơn của các tác giả sau này.

HÒA ĐA



NGUYỄN QUẢNG TUÂN

VIỆC NGHIÊN CỨU TRUYỆN KIỀU CỦA GIÁO SƯ HOÀNG XUÂN HÃN

LTS: *Rất nhiều công trình nghiên cứu đã được công bố, nhằm góp phần tìm hiểu, soi sáng những điều còn tồn nghi thuộc lãnh vực văn bản học của* Truyện Kiều. *Trong tinh thần tôn trọng các phát biểu nghiêm chỉnh của độc giả, chúng tôi cho đăng bài viết sau đây của giáo sư Nguyễn Quảng Tuân (hiện sống trong nước) để rộng đường dư luận.*

Hợp Lưu

*

Tạp chí *Văn Học* số 3-1997 có đăng bài *"Học Giả Hoàng Xuân Hãn Nói Về Truyện Kiều"*. Đây là một phần trong bài phỏng vấn học giả Hoàng Xuân Hãn của bà Thụy Khuê đã được đăng trên tờ *Hợp Lưu* số 29 ra tháng 6 & 7 năm 1996 mà tôi đã được đọc khi ở Canada năm vừa qua.

Nhận thấy công trình nghiên cứu của học giả Hoàng Xuân Hãn thật đáng trân trọng, chúng tôi xin có một vài nhận xét như sau:

I - Về công việc nghiên cứu Kiều của Hoàng Xuân Hãn trong 50 năm qua.

Học giả Hoàng Xuân Hãn cho biết đã thực sự nghiên cứu Kiều từ năm 1945 và cho rằng việc nghiên cứu của "mọi người mình trước đây chỉ là *giảng*

nghĩa, tức là công việc của một thầy giáo tiểu học, trung học và đại học mà ở trình độ nào cũng chỉ là *giảng học* vậy thôi".

Học giả Hoàng Xuân Hãn cho thế chưa phải là nghiên cứu nên mới đưa ra năm điểm:

1. Phải tìm bản Kiều nào xưa nhất để xem bản mình đọc bây giờ có bị sửa nhiều hay không?
2. Phải so sánh với bản truyện của Trung Quốc để thấy, nếu bản nào gần với bản của Trung Quốc nhiều chừng nào là xưa chừng ấy.
3. Phải tìm hiểu những lời tục truyền về con người Nguyễn Du, về quê hương và bạn bè của Nguyễn Du. •
4. Phải đọc bản nôm cho đúng vì có nhiều chữ hồi trước không đọc được hoặc đọc sai.
5. Phải tìm lấy những bản nôm còn lại xem có bản nào hội đủ điều kiện để tái lập phần lớn văn bản đời xưa.

Chúng tôi nhận thấy năm điểm này cũng không có gì mới lạ vì đã được các nhà nghiên cứu *Truyện Kiều* từ trước đến nay đem ra thực hiện rồi, kể từ khi cố giáo sư Lê Thước bắt đầu nghiên cứu *Truyện Kiều* từ năm 1922.

* Học giả Hoàng Xuân Hãn lại cho rằng "Nguyễn Du tuy ở Bắc nhiều - *mẹ là người Bắc* - nhưng cái gốc Nghệ cũng không thoát được, cho nên tiếng Nghệ *instinctivement** tự nhiên cụ viết ra"

Chúng tôi nhận thấy Nguyễn Du có mẹ là người Bắc, sinh ở đất Bắc, đi học và đi thi ở đất Bắc, lấy vợ người Bắc (quê hương quan họ), làm quan ở đất Bắc (Thái Nguyên), ở nhà quê vợ tại Thái Bình đến năm 30 tuổi mới trở về ở làng Tiên Điền (Hà Tĩnh), thì *instinctivement* ông phải viết theo giọng Bắc, viết theo tiếng Bắc chứ không thể là tiếng Nghệ được, chính vì vậy mà theo Trương Chính, Nguyễn Du khi sáng tác rất ít dùng tiếng xứ Nghệ. Trong *Truyện Kiều,* nhiều lắm cũng chỉ tìm được dăm ba tiếng xứ Nghệ" (1)

* Học giả Hoàng Xuân Hãn lại kể có được gặp ông Nghè Mai và có nói chuyện nhiều lắm về Nguyễn Du và *Truyện Kiều* thì được biết *"từ trước đến giờ người ta vào đấy... tìm bản cũ của cụ Nguyễn Du... Cụ (ông Nghè Mai) có cho người này bản này, người kia bản kia, người nào cũng tưởng là bản của cụ Nguyễn Du cả"*.

Chúng tôi trộm nghĩ ông Nghè Mai lấy đâu ra nhiều *bản Kiều nôm* mà cho mọi người như vậy vì ông chỉ có *một bản Kiều nôm duy nhất* mà ông cho

(*) Tự nhiên, thuộc về bản năng

(1) *Hương Hoa Đất Nước*. Nhà xuất bản Văn Hóa, Hà Nội 1978. Tr. 203

là *"bổn gia truyền"* quí *"dường như báu núi"*

Ông có sao cho Phạm Kim Chi một bản để đem về Nam phiên âm ra quốc ngữ và in ra năm 1917 với nhan đề là *Kim Túy Tình Từ.*

Bản nôm này học giả Hoàng Xuân Hãn gọi là *bản Tiên Điền* nhưng không có trong tay, chỉ căn cứ vào một vài mẫu mà biết là hơi giống với bản *Đoạn Trường Tân Thanh* mà Kiều Oánh Mậu cho khắc in.

II - Về bản Đoạn Trường Tân Thanh do Đào Nguyên Phổ đưa từ Kinh về Bắc.

Học giả Hoàng Xuân Hãn có nói về Đào Nguyên Phổ - người đã đem bản *Đoạn Trường Tân Thanh* từ Kinh đô về Bắc tặng cho Kiều Oánh Mậu - và cóthắc mắc là "*không biết ông Kiều Oánh Mậu có thêm thắt gì không*" trước khi cho in.

Nếu thắc mắc như vậy thì đúng là học giả Hoàng Xuân Hãn đã không lưu ý đến *bài Lệ ngôn thập tắc (Mười điều lệ ngôn)* mà Kiều Oánh Mậu đã trình bày ở đầu quyển *Đoạn Trường Tân Thanh*(2)

Kiều Oánh Mậu đã ghi rõ xuất xứ những câu có vấn đề là *Kinh bản, Phường bản, Nguyên tác, Nhất tác, Hoặc tác*, để mọi người được biết ông đã khảo đính như thế nào.

Chúng tôi chỉ xin trích lại *điều thứ 5* để các độc giả được thấy công việc làm của ông:

"Các bản Phường đã khắc in đem so với bản Trung Quốc của Thánh Thán phê bình, có nhiều chỗ sai lầm không thông, hoặc do người sau sơ suất sửa đổi lại thì không nói làm gì, nhưng đáng nói là những chỗ do các bậc học rộng nhớ nhiều trong một lúc khoái bút đã sửa mà không kịp kiểm soát lại...

Bản này có đôi vần hơi gượng ép nhưng nếu đọc không hại nghĩa thì vẫn giữ nguyên như cũ. Đến những chỗ sai lạc không thông thì tham khảo kỹ càng để đính chính, nếu cần đổi hẳn vần đi cho hợp với văn lý, tự biết làm như vậy là lạm quyền, đã có ghi chú rõ ràng, mong người xem lượng thứ."

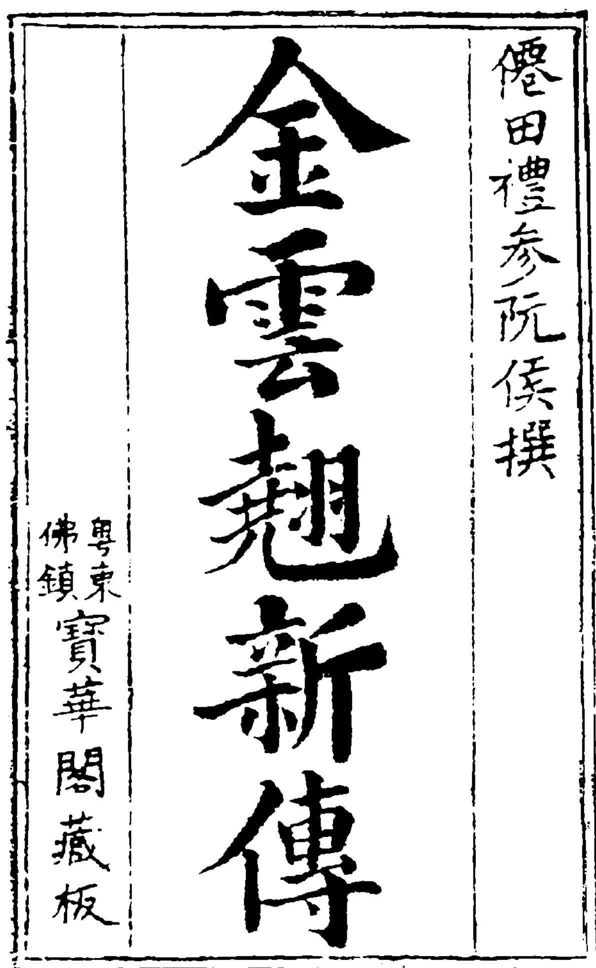
Nếu học giả Hoàng Xuân Hãn đọc kỹ bản *Đoạn Trường Tân Thanh* của Kiều Oánh Mậu khảo đính và chú thích thì đã không có thắc mắc như trên.

III - Về thời gian học giả Hoàng Xuân Hãn đã khám phá ra bản nôm ở miền Nam.

Học giả Hoàng Xuân Hãn đã cho biết đã khám phá ra bản nôm ở miền

---

(2)Bản nôm *Đoạn Trường Tân Thanh* này chúng tôi đã cho in lại trong *Tổng tập văn học Việt Nam* tập 12. Nhà xuất bảb Khoa Học Xã Hội, 1996.


僊田禮參阮侯撰

金雲翹新傳

粵東佛鎮

寶華閣藏板

Tiên Điền Lễ tham Nguyễn Hầu soạn
KIM VÂN KIỀU TÂN TRUYỆN
Việt Đông - Phật trấn
Bản Hoa các tàng bản
(Bản Duy Minh thị trùng san)

Namvào khoảng năm 1942 - 1943 nhưng vì nó có nhiều sai lầm nên ít ai để ý tới.

Theo học giả Hoàng Xuân Hãn, các sai lầm giản dị ấy có thể sửa lại được một cách chắc chắn, không như những bản khác ở miền Bắc người ta đã sửa lại một cách *khôn ngoan*, nên khó có thể đoán được.

Thực ra thì bản ở miền Nam do *Duy Minh thị trùng san* đã được khắc in tại Phật Trấn, Quảng Đông, Trung Quốc, do những người thợ Trung Quốc không biết chữ nôm nên đã khắc sai mà ai đọc đến cũng nhận thấy ngay.

Bản nôm ấy các nhà nghiên cứu đều biết cả., và năm 1883, chính Abel des Michels cũng đã dùng để phiên âm sang quốc ngữ và dịch sang tiếng Pháp.

IV - Về giá trị của bản Kiều nôm ấy mà học giả Hoàng Xuân Hãn khám phá ra

Học giả Hoàng Xuân Hãn cho biết bản Kiều nôm ấy (HXH không nói rõ tên) là một bản in - *tuy in sai rất nhiều* - và là một bản quí nhất vì chỉ có viết húy đời Gia Long, không có viết húy đời Minh Mạng.

Học giả Hoàng Xuân Hãn đã căn cứ vào nhận xét này mà cho rằng truyện ấy đã được viết ra trước đời Gia Long hoặc đầu đời Gia Long.

Học giả Hoàng Xuân Hãn còn đưa ra hai bằng cứ khác:

1- Việc Vũ Trinh và Nguyễn Lượng (3) đã phê bình *Truyện Kiều* có khắc in trong quyển *Đoạn Trường Tân Thanh* của Kiều Oánh Mậu.

- Việc Phạm Quí Thích đề từ quyển *Kim Vân Kiều Tân Truyện* của Nguyễn Du trên đường vào Kinh khoảng năm 1805-1806.

Hai bằng cứ này cũng không có gì là chắc chắn vì

- Theo Chiêm Vân thị (4), những lời phê bình ghi trong bản *Đoạn Trường Tân Thanh* của Kiều Oánh Mậu chú thích chưa chắc đã là của Vũ Trinh mà có thể do một nhà nho nào phê bình rồi gán cho Vũ Trinh.

Các lời phê bình ấy cũng chỉ nói về nội dung câu chuyện chứ không đề cập gì đến lời thơ của Nguyễn Du nên thực chất cũng chẳng có ý nghĩa gì.

- Theo Dương Quảng Hàm trong *Việt Nam Văn Học Sử Yếu* và nhiều sách văn học sử khác kể cả quyển *Tự Điển Văn Học* thì Phạm Quí Thích không vào Kinh vào năm 1805 hoặc năm1806 mà đã vào kinh năm 1811. Như vậy học giả Hoàng Xuân Hãn đã có sự nhầm lẫn. Hơn nữa cũng không có tài liệu nào nói Phạm Quí Thích đã làm bài thơ *Đề từ* quyển *Kim Vân Kiều Tân*

---

(3) Học giả Hoàng Xuân Hãn đã phiên âm là Nguyễn Thành

(4) *Thúy Kiều truyện tường chú*, Lê Mạnh Liên dịch. Bộ Văn Hóa Giáo Dục. Sài gòn 1965

Truyện lúc đi đường vào Kinh

Học giả Hoàng Xuâ n Hãn muố n chứng minh rằng Nguyễn Du đã viết quyển *Truyện Kiều* từ trước khi ra làm quan với nhà Nguyễn nhưng cho đến nay, chúng ta chưa có tài liệu nàochính xác để bác bỏ lời ghi chép của Sử quán trong *Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện* và của gia phả họ Nguyễn Tiên Điền là "Nguyễn Du sau khi đi sứ nhà Thanh về có *Bắc Hành Thi Tập* và *Truyện Kiều* hành thế".

Truyện Kiều nếu được khắc in từ đầu đời Gia Long (1802) và đã nổi tiếng ai cũng nghe biết thì không lẽ gì vị quan chép sử và con cháu trong gia đình lại không biết mà chép sai đi.

Đây là một điều chúng ta phải thận trọng chứ không thể suy luận vào chữ gọi *"quan Đông Cát"* trong bài Tựa *Kim Vân Kiều Án* của Nguyễn Văn Thắng mà Đào Duy Anh đã nêu ra, hay vào câu:

Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng

trong *Truyện Kiều* mà học giả Hoàng Xuân Hãn đã viện ra để suy luận rằng:

"Nguyễn Du đã viết *truyện Kiều* từ đời Tây Sơn.

... Một cuộc bể dâu mà Tây Sơn đánh đổ Lê - Trịnh là làm đổ hết cả họ về mọi mặt ở Tiên Điền, cho nên những điều trông thấy đấy làm cụ đau đớn lòng".

Chúng tôi thiển nghĩ không thể căn cứ vào sự suy diễn thiếu chính xác để bác bỏ những điều đã được *sử sách* ghi chép rõ ràng.

V. Về cách Nguyễn Du viết Truyện Kiều như thế nào, đã theo nguyên văn hay có thêm bớt gì không?

Học giả Hoàng Xuân Hãn cho biết là Nguyễn Du *"cứ theo truyện Tàu như thế nào thì cụ kể như thế. Không thêm tí nào. Nhưng cụ bỏ những cái dông dài".*

Hoặc: *"Có vài chi tiết, cụ lấy trong Kiều, viết ra y như thế, rồi những bản nôm sau này người ta bỏ đi"* vì không còn hợp với tập tục đời Gia Long nữa.

Học giả Hoàng Xuân Hãn nhận định như vậy nhưng đã *không đưa ra một thí dụ nào* mà chỉ cho rằng: *"Cái bản còn giữ nguyên vẹn những chi tiết của cụ Nguyễn Du, thì bản ấy là bản đầu tiên, ít ra gần với lời cụ Nguyễn Du hơn cả".*

Thực ra các bản *Truyện Kiều* nôm đâu có khác gì nhau về chi tiết của câu chuyện mà chỉ khác nhau về một số chữ thì các quyển *Truyện Kiều* khảo đính gần đây, trong phần *Khảo Dị* đã ghi rõ ràng đầy đủ cả rồi.

VI. Về việc in ấn Truyện Kiều ra sao?

Học giả Hoàng Xuân Hãn cho biết, quyển *Truyện Kiều* khi Nguyễn Du mới viết xong, cũng chưa in ngay, "sau rồi đến tay những con buôn sách, những người ở Liễu Trăng, mấy làng khắc ván, họ thấy có văn gì hay thì khắc rồi bán... Lúc ấy có nhiều nhà khắc bán, đầu tiên có nhẽ đương còn bản cũ nhưng đến người thứ hai, tái khắc lại... nhiều khi lại chữa một vài chữ. Cứ thế dần dần tam sao thất bản đi".

Chúng tôi nhận thấy việc in *Truyện Kiều* không phải đã như lời học giả Hoàng Xuân Hãn nói.

Sự thực quyển truyện ấy đã do Phạm Quý Thích cho khắc in ở phố Hàng Gai, Hà Nội vào khoảng những năm 1820, sau khi Nguyễn Du đã qua đời. Chính thời Minh Mạng (1820-1840) đã khó kiếm như nhà vua đã viết trong bài *Tổng Thuyết* (1830) để in ở đầu tập *Thanh Tâm Tài Tử* (tức truyện *Kim Vân Kiều*): "Thánh Thán bất phùng, hàn yên tán mạn. Hoa đường dĩ viễn, phá bích tiêu điều. Sở đương mịch kỳ di biên, cáo chủ đồng chí. Truyền thần tả chiếu, ly tảo trích hoa. (Bản Kim Văn Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân do Thánh Thán bình luận không còn, chỉ thấy khói tàn tản mạn. Bản Kim Vân Kiều Tân Truyện của Hoa Đường cho khắc in nay đã không còn, chỉ thấy vách cũ tiêu điều. Thiết nghĩ hãy tìm lại các sách cũ còn giữ được để truyền lại cho những người cùng chí hướng văn chương, mới theo truyện tả trong sách mà viết ra bài này.)

Theo bài *"Tổng Thuyết"* thì bản in lần đầu tiên là của Hoa Đường Phạm Quí Thích chứ không phải của "những người ở Liễu Tràng, những con buôn sách, họ thấy có văn gì hay thì khắc và bán" như học giả Hoàng Xuân Hãn đã nói.

Các bản in về sau là của Liễu Văn đường, Thịnh Mỹ đường, Phúc Văn đường, Quan Văn đường... v.v... thì cũng đều lấy *bản Hoa Đường* cho khắc lại nên cũng không có mấy khác biệt.

Học giả Hoàng Xuân Hãn cho biết "lúc cụ Nguyễn Du làm quan đời Gia Long thì tự nhiên cụ mang theo bản Kiều vào Huế. Các cụ trong Huế được đọc thích lắm".

Điều này cũng chưa hẳn đúng vì Nguyễn Du khi vào Huế làm quan đâu đã viết ra *Truyện Kiều*. Nếu có viết rồi thì cũng chỉ có một bản thảo, đâu đã in ra mà phổ biến cho rộng rãi được. Thế thì làm sao có chuyện "các cụ trong Huế thích lắm, nhất là các vua... "

Chúng tôi nghĩ chỉ có một ông vua cho mỗi một thời đại thôi chứ làm gì có "các vua" như học giả Hoàng Xuân Hãn nói.

Đến đời Tự Đức, nhà vua cũng thích đọc *Truyện Kiều* nhưng đã không sao tìm được . Theo bài *Dực Tông Anh Hoàng Đế ngự chế tổng từ* nhà vua mất năm 1871 thì khi đó *Hoa Đường bình bản vô lưu truyền* (bản Hoa Đường

không còn lưu truyền nữa), nhà vua đã phải cho tìm ở nhà Phạm Quí Thích và may mắn đã tìm được một bản để về cho khắc in lại (*Ngẫu ư cổ lộc đắc toàn giản, truyền thần tả chiếu tượng trùng thuyên.*).

Bản cho khắc in lại này có thể là *bản Kinh (5)* mà Đào Nguyên Phổ đã đem về tặng cho Kiều Oánh Mậu.

Học giả Hoàng Xuân Hãn lại có một lầm lẫn nữa khi cho rằng: khi Đào Nguyên Phổ mang quyển *Truyện Kiều* về Hà Nội thì *"lúc ấy ở Hà Nội, gặp phong trào thờ phụng quyển Kiều một cách đặc biệt lắm (6).*

"Vào khoảng 1906 - 1907, ông Lê Hoan, gốc nhà võ... , đưa giám binh đi đánh Đề Thám... nhờ thế được làm Tổng đốc Hà Nội. Ông ấy... có ý kiến đưa quyển Kiều ra làm một cuộc thi về Kiều. Ông ấy rao ra những người học giỏi, muốn thi thì cho xuống thuyền, mỗi người một thuyền đi xuống sông Nhuệ thì phải. Ở trong thuyền mấy ngày phải làm 20 bài thơ *vịnh Kiều*, thơ chữ hoặc thơ nôm cũng được, với một bài tựa gì đó. Lúc ấy sôi nổi ở Bắc, cuộc thi thơ Kiều của ông Lê Hoan".

Như trên, giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã kể sai hoàn toàn vì cuộc thi thơ *vịnh Kiều(7)* do ông Lê Hoan tổ chức không phải diễn ra vào khoảng 1906 - 1907 mà đã diễn ra vào cuối năm 1914 tới đầu năm 1915. Khi ấy Lê Hoan đang làm Tổng đốc Hưng Yên chứ không phải Hà Nội. Các nhà nho dự thi ở các nơi (*ai ở nhà ấy chứ không phải cho xuống thuyền trên sông Nhuệ trong mấy ngày phải làm đủ 22 bài (gồm một bài tựa, một bài tổng vịnh và 20 bài vịnh 20 hồi trong Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân.*) để nộp cho ban tổ chức. Các bài dự thi có thể làm bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm đều được cả. Ban giám khảo có cụ Nguyễn Khuyến và cụ Dương Lâm. Hai người trúng giải nhất là Chu Thấp Hi (thơ chữ Hán) và Chu Mạnh Trinh (thơ chữ nôm).

Cụ Phan Mạnh Danh, tác giả quyển *Bút Hoa* cũng có dự thi và sau có viết kể lại cuộc thi ấy trong quyển *Thi Văn tập (9).*

Học giả Hoàng Xuân Hãn ngoài phần trả lời ở trên còn nói thêm sáu điểm nữa:

1. Bản Quan Văn đường (1906)

Học giả Hoàng Xuân Hãn đã nói đến bản *Kim Vân Kiều tân tập* của nhóm

---

(5) Bản này có thể là bản đã được vua Tự Đức sửa lại và cho in ở Huế. *Bản Kinh* đến nay đã không sưu tầm lại được. Bản nôm Đào Nguyên Phổ mang về tặng Kiều Oánh Mậu có thể chỉ là một bản chép tay.

(6) Khi Đào Nguyên Phổ mang quyển *Đoạn Trường Tân Thanh* về Hà Nội lúc đó mới là năm 1898, chưa có phong trào sùng bái *Truyện Kiều*

(7) *Vịnh Kiều*: Không phải là vịnh quyển *Truyện Kiều* của Nguyễhn Du mà vịnh quyển *Kim Vân Kiều* của Thanh Tâm Tài Nhân gồm 20 hồi. Mỗi hồi vịnh thành một bài thơ.

Thời hiền thi tự (vẫn được truyền là của Chu Mạnh Trinh) là *"Các cụ đã chữa nhiều rồi, thành ra dùng thế nhưng cũng thất thực".*

Chúng tôi nhận thấy bản ấy cũng không khác gì mấy so với *bản Liễu Văn Đường* (1871) đời Tự Đức mà học giả Hoàng Xuân Hãn lại bảo là *"thất thực".* Đến nay, bản này được các nhà nghiên cứu đánh giá lá tốt và xứng đáng tiêu biểu cho *bản Phường* (vì không có một câu nào chép theo *bản Kinh.*)

2. Bản Kiều Oánh Mậu (1902)

Học giả Hoàng Xuân Hãn cho là *"Ông Kiều Oánh Mậu cũng không nói rõ là bản ông Đào Nguyên Phổ mang về như thế nào và ông Kiều Oánh Mậu chữa như thế nào? Không nói cho nên mình bây giờ hơi lỡ đỡ".*

Sự thực là Kiều Oánh Mậu có nói rõ trong bài *Lệ ngôn thập tắc* (xem phần II của bài này). Không những ông đã cẩn thận đối chiếu nhiều bản nôm với *bản Kinh* để lập lại một văn bản *Truyện Kiều* mà ông còn ghi chú các câu của *bản Kinh* khác với *bản Phường.* Chính nhờ vậy mà ngày nay chúng ta mới biết *bản Kinh* khác với *bản Phường* ra sao. Thế thì có gì mà học giả Hoàng Xuân Hãn lại bảo là "lỡ đỡ"?

3. Bản Kim Túy Tình Từ.

Học giả Hoàng Xuân Hãn gọi bản này là "bản của ông phán Sàigòn" và cho rằng *"Kim Túy Tình Từ* là quyển sách về cái tình giữa KIM là Kim Trọng, với TÚY là Thúy Kiều. Không phải là Kim Vân Kiều", vì thiếu mất Thúy Vân

Nếu nói vậy thì khi gọi *Truyện Kiều* (như ngày nay) lại thiếu cả Kim Trọng và Thúy Vân chăng?

Chúng tôi cũng không khỏi thắc mắc khi thấy học giả Hoàng Xuân Hãn gọi Phạm Kim Chi, người đã có công phiên âm quyển *Kim Túy Tình Từ* (10) ra quốc ngữ, là "bản của ông phán Sàigòn" mà học giả Hoàng Xuân Hãn coi chỉ là "một người interprète" tầm thường thôi sao?

4. Về đoạn sở khanh tán Kiều.

Học giả Hoàng Xuân Hãn kể lại có lần đã hỏi cụ Nghè Mai về đoạn *Sở khanh tán Kiều* thì được cụ Nghè cho biết rằng trong họ có nói: "Trước cụ Nguyễn Du viết khác, rồi sau các cụ ngoài Bắc chữa lại. Cụ Nguyễn Du viết có bốn câu, các cụ chữa lại sáu câu."

Học giả Hoàng Xuân Hãn có trích dẫn 6 câu trong bản Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim:

---

(9) Bản in lần thứ nhất. Nguyễn Trung Khắc. Nam Định 1942.
(10)Bản in lần thứ nhất. Imprimerie Huỳnh Kim Oanh. Sài gòn 1917.

Giá đành trong nguyệt trên mây,
Hoa sao hoa khéo đọa đày bấy hoa.
Nổi gan riêng giận trời già,
Lòng này ai tỏ cho ta hởi lòng.
Thuyền quyên ví biết anh hùng,
Ra tay tháo cũi sổ lồng như chơi.
(c. 1067 - c. 1072)

và có đưa ra hai câu trong bản nôm mà học giả Hoàng Xuân Hãn cho là xưa hơn:

Quế trong trăng, hạnh trên mấy,
Hoa sao hoa khéo đọa đày bấy hoa

Học giả Hoàng Xuân hãn đã có nhận xét rằng: "*Lời cụ Nguyễn Mai nói về đoạn ấy phù hợp với bản tôi cho là xưa nhất. Trong bản xưa nhất, người ta viết bốn câu, nhưng mà người ta bảo: Có bản chữa lại là sáu câu. Thì biết rằng, người đưa ra khắc đấy, hình như là về đời Tự Đức, cũng đã biết những version khác đi nhiều rồi đấy*".

Chúng tôi nhận thấy giáo sư Hoàng Xuân Hãn không muốn cho ai biết bản nômcổ nhất của mình đã lưu giữ được. Nhưng bản ấy chúng tôi cũng có và nó chính là bản *Kim Vân Kiều Tân Truyện* của Bảo Hoa các tàng bản, khắc in ở Việt Đông, Phật Trấn năm Kỷ mão (1879), Tự Đức thứ 32.

Học giả Hoàng Xuân Hãn đã phiên âm sai câu 1068 là:

Hoa sao hoa khéo đọa đày bấy hoa

Đúng ra câu ấy phải phiên âm là:

Hạc bay nỡ để cho đày đọa hoa.

và cả bốn câu ấy như sau:

Quế trong trăng, hạnh trên mây,
Hạc bay nỡ để cho đày đọa hoa.
Tiếc điều lầm chẳng biết ta,
Về châu vớt ngọc dễ đà như chơi.

Duy Minh Thị tuy chép bốn câu này nhưng cũng có ghi thêm 6 câu như bản Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim đã phiên âm để khảo dị.

Abel des Michels đã dùng bản Duy Minh thị để phiên âm và dịch sang

Quế trong trăng, hạnh (1) *trên mây,*
Hạc bay nỡ để cho đày đọa hoa.
Giá đành trong nguyệt trên mây,
Hoa sao hoa khéo dã dày bấy hoa.
Nổi gan riêng giận trời hoa, (2)
Lòng này ai tỏ cho ta hởi lòng.
Thuyền quyên ví biết anh hùng,
Ra tay tháo cũi sổ lồng như chơi.
Tiếc điều lầm chẳng biết ta,
Về châu với ngọc dễ đà như chơi.

---

(1) Chữ *hạnh* 杏 khắc sai. 2. Chữ *già* 老茶 khắc sai

tiếng Pháp (11) nhưng đã chép lầm chữ *hạnh* 杏 thành chữ *hương* 香 .

5. Về tên truyện: ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH.

Học giả Hoàng Xuân Hãn cho rằng "có nhẽ cụ Nguyễn Du đặt tên truyện là *Đoạn Trường Tân Thanh* chứ không phải là Kim Vân Kiều... Rồi sau những người khắc khác, trở lại cái tên cũ của người Tàu và để là *Kim Vân Kiều truyện*. Sau thì gọi là *Tân Thanh* chứ không nói là *Đoạn Trường Tân Thanh* nữa".

Chúng tôi nhận thấy giáo sư nói đã không đúng hẳn vì các bản nôm xưa đều khắc in là *Kim Vân Kiều tân truyện* để phân biệt với bản *Kim Vân Kiều* của Trung Quốc. Còn *Đoạn Trường Tân Thanh* thì phải viết cả bốn chữ mới có nghĩa là Tiếng đau lòng mới, người ta chỉ dùng *Tân Thanh* để nói tắt trong khi làm thơ mà thôi như Phạm Quý Thích đã viết:

Tân Thanh đáo để vị thùy thương.

Không ai gọi *Truyện Kiều* là *Tân Thanh* cả.

6. Về bản Kim Vân Kiều án của Nguyễn (Văn) Thắng.

Học giả Hoàng Xuân Hãn cho rằng *"Kim Vân Kiều án* là bản khắc in đầu tiên nói về *Truyện Kiều*, trong đó Nguyễn (Văn) Thắng đã gọi cụ Nguyễn Du là *Hầu Đông Các*.

Hoạc giả Hoàng Xuân Hãn còn cho rằng vua Gia Long phong cho Nguyễn Du chức Cần Chánh Học Sĩ để mà đi sứ vì "lúc đi sứ người ta thường cho một cái titre cao hơn titre thường, nhưng ra ngoài người ta chỉ viết chức Hầu Đông Các".

Chúng tôi nhận thấy điều này học giả Hoàng Xuân Hãn đã có sự nhận định sai lầm vì khi Nguyễn Du được thăng làm *Đông Các học sĩ* hoặc *Cần chánh điện học sĩ* ông vẫn chưa được phong chức *Du đức hầu*.

Theo tờ chiếu của vua Gia Long thì mãi đầu năm 1815, sau khi đi sứ nhà Thanh về, Nguyễn Du mới được thăng làm *Hữu tham tri bộ lễ* và mới được phong *tước Du đức hầu.*

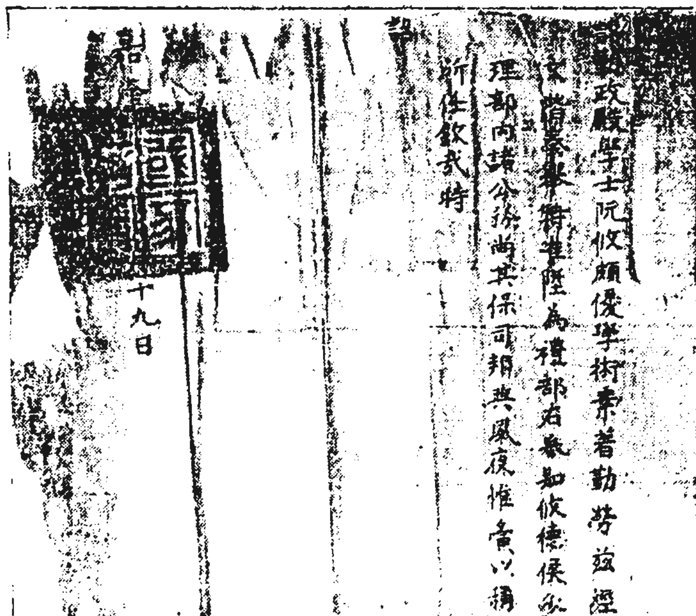
Nguyên văn tờ chiếu như sau:

"Chiếu Cần chánh điện học sĩ Nguyễn Du phả ưu hoa thuật, tố trước cần lao, tư kinh văn giai tấu cử đặc chuẩn thăng vi Lễ bộ hữu tham tri Du Đức Hầu, tham lý bộ nội chư công vụ. Thượng kỳ bảo ty bang điển túc dạ duy di dĩ xứng sở nhiệm. Khâm tai đặc chiếu.

Gia Long thập cửu nhật."

---

(11) In lần thứ nhất. Ernest Leroux, Pari 1884-1885


勤政殿學士阮攸頗優學術素著勤勞茲經
文尚書奏舉特准陞為禮部右參知攸德侯參
理部內諸公務尚其保司朝典夙夜惟寅以稱
所任欽哉特
嘉隆
十九日

(Chiếu Cần chánh điện học sĩ Nguyễn Du học thuật rất ưu tú, công vụ rất chuyên cần, nay qua các quan văn tấu cử, đặc cách chuẩn y cho được thăng chức Hữu tham tri bộ Lễ tước Du Đức hầu và cho phép được dự vào các việc trong bộ.

Mong rằng kẻ bề tôi hãy giữ đúng các điển lệ của triều đình đêm ngày kính cẩn để xứng đáng với nhiệm vụ được giao. Khâm tai đặc chiếu.

Gia Long ngày mười chín.)

Như vậy học giả Hoàng Xuân Hãn đã nhầm lẫn khi gọi Nguyễn Du là *Hầu Đông các.*

Ngoài ra học giả Hoàng Xuân Hãn cũng đã dùng sai chữ của Nguyễn (Văn) Thắng đã viết trong bài *Tựa Kim Vân Kiều án:*

"Mỗ sinh không gặp thời, phải thất học, nhưng từng được nghe *về Kim Vân Kiều quốc ngữ truyện, xưa nhà Ngũ Văn lâu bên Tàu in bản Thực Lục đã lưu hành khắp chỗ, từ trước đến nay. Kịp đến quan Đông Các nước ta phu diễn ra quốc âm, truyền rộng ở đời, nhiều người đã được tai nghe mắt thấy".*

Hoa Bằng *dịch* (12)

(12) Tạp chí Tri Tân, số 85 ngày 4-3-1943

Theo vậy rõ ràng là Nguyễn (Văn) Thắng chỉ gọi Nguyễn Du là *Quan Đông các* chứ đâu có gọi ông là *Hầu Đông các* như học giả Hoàng Xuân Hãn đã gán cho ông.

VII - Về cách sửa các câu Kiều cho đúng và cho hay hơn.

Học giả Hoàng Xuân Hãn đưa ra hai thí dụ:
Thí dụ 1:

Dưới cầu nước chảy trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.

Thí dụ 2:

Một hai *nghiêng nước nghiêng thành,*
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.

và cho rằng việc sửa như vậy làm cho câu thơ hay hơn hoặc đúng hơn nhưng cũng cần ghi lại chữ gốc của chúng:
thướt tha (tha ra)
một hai (một đôi)
Điều này các nhà biên khảo *Truyện Kiều* gần đây đều có ghi trong phần *khảo dị.*
Học giả Hoàng Xuân Hãn đã bỏ qua việc đó của các nhà khảo đính nên đã bảo là "có những chữ đọc sai từ lúc đầu, bây giờ cứ đọc sai như thế, bởi vì không hiểu mà người sau cũng *không biết chữ nôm* hay là cũng *không dám đọc chữ nôm*".
Nhận xét như vậy e rằng quá đáng.

VIII. Về việc phiên âm từ chữ Hán.

Học giả Hoàng Xuân hãn có đưa ra câu:

Mà lòng trọng *nghĩa khinh tài xiết bao*

mà cho rằng câu ấy phải đọc là:

Mà lòng trượng *nghĩa khinh tài xiết bao*

vì theo cụ Nghè Mai "có người chú Nguyễn Du tên là Nguyễn Trọng"

Học giả lại cho biết:

"Bản mà tôi thấy *trượng nghĩa khinh tài* thì chắc là nguyên văn ngay từ lúc đầu cụ Nguyễn Du viết ra.

Chúng tôi nhận thấy bản nôm mà học giả Hoàng Xuân Hãn nói đó vẫn chính là bản miền Nam của Duy Minh thị trùng san, một bản nôm - *theo chính học giả Hoàng Xuân Hãn nhận xét* - đã bị khắc sai rất nhiều.

Nhưở câu 310 chữ 重 đã bị viết sai thành 仗 , vì ở miền Nam chữ 重 có hai âm: *trọng* và *trượng*.

Đại Nam Quốc Âm Tự Vị của Huỳnh Tịnh Của đã ghi: 重 TRỌNG: nặng, cả thể, quí báu, cao sang.

Thí dụ: trọng vọng, sang trọng, quí trọng, trọng kính.

重 TRƯỢNG: trọng, nặng

Thí dụ: sang trượng, bệnh trượng, trượng giá, trượng nghĩa khinh tài.

Như vậy *"trượng"* là đọc theo tiếng miền Nam chứ không không phải là kiên tên chú của Nguyễn Du mà đọc chệch đi. Chứng cớ là ở các câu 609, 1469, 1900, 2451 và 2497 Duy Minh thị vẫn viết chữ 重 (trọng):

Thấy nàng hiếu trọng 重 *tình thâm* *(c. 609)*
Thương vì hạnh, trọng 重 *vì tài* *(c. 1469)*
Rằng tài nên trọng 重 *mà tình nên thương* *(c. 1900)*
Có quan tổng đốc trọng 重 *thần* *(c. 2451)*
Sao bằng lộc trọng 重 *quyền cao* *(c. 2497)*

(trường hợp chữ 重 (*trọng - trượng*) này viết sai thành 仗 (*trượng*) cũng giống như chữ 禪 (*thiền, thuyền*) viết sai thành 船 (*thuyền*) ở câu 1991:

Thiền trà cạn nước hồng mai.)

IX - Về việc phiên âm một số từ chữ Nôm.

Học giả Hoàng Xuân Hãn đã nói về chữ 隊 trong câu:

Sắc đành đòi *một, tài đành họa hai*

và cho biết tiếng *đòi* có nhiều nghĩa lắm.

Học giả Hoàng Xuân Hãn đã tìm hiểu chữ 隊 (*đội, đòi*) trong câu

Mày râu nhẵn 隊 *áo quần bảnh bao*
và cho biết "nhờ chữ nhẵn cho nên ai cũng chắc là *nhẵn nhụi*" nhưng đúng ra - theo học giả Hoàng Xuân Hãn - phải đọc là *nhẵn trụi* mới phải.

Chúng tôi cho rằng *nhẵn nhụi* và *bảnh bao* là hai ai từ láy nên không thể đọc *nhẵn* 隊 là *nhẵn trụi* được. Hơn nữa *nhẵn trụi* nghĩa cũng khác hẳn *nhẵn nhụi* như ta nói vặt lông *nhẵn trụi* và cạo râu *nhẵn nhụi.*

Học giả Hoàng Xuân Hãn khi nói về chữ 豫 đã đề cập đến hai câu: câu 176 và câu 327.

Câu 176: *Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà.*

Học giả Hoàng Xuân Hãn đã chép câu này là:

> *Giọt sương* treo *nặng cành xuân la đà.*

và đã nhận xét như sau:

"Chữ nôm hồi xưa khi nào chữ *treo* thì là *tleo* thì ta phải viết là lờ [-/-], chữ *liêu* (撩) *thủ* xóc là cái tay, bên này là chữ *liêu*, có âm *lờ* đấy, cho nên phải *đọc là tleo tức là treo.*

Gieo thì người ta viết bằng chữ *chiêu* (招), *thủ* xóc rồi bên cạnh là chữ *chiêu*, *chiêu* là *vời,* viết chữ ấy thì nhất định phải đọc là *gieo* chứ không thể nào đọc là *treo* được".

Chúng tôi nhận thấy ghọc giả Hoàng Xuân Hãn đã đưa ra hai chữ *treo* (撩) và *gieo* (招) mà không nói thuộc bản nôm nào.

Theo sự tìm hiểu của chúng tôi thì *bản Kiều Oánh Mậu* đã viết chữ (撩) và *bản Quan Văn Đường (1925)* đã viết chữ (招)

Chính vì có hai bản nôm viết khác nhau như vậy nên các bản quốc ngữ mới có bản phiên âm là:

> *Giọt sương* treo *nặng cành xuân la đà.*

và có bản phiên là:

> *Giọt sương* gieo *nặng cành xuân la đà*

Tản Đà đã theo bản Kiều Oánh Mậu và đã phiên âm chữ 撩 là *chíu.* Ông có chú thích rằng:

"*Chíu* nghĩa là treo bám vào đó mà làm cho ra nặng. Chữ này, nguyên văn nôm là (撩) các bản để là *gieo*, là *đeo,* đều là không sành nghĩa; duy trong bản của ông Hồ Đắc Hàm đề là *chíu* thực tình đúng hơn".

Chúng tôi theo bản Quan Văn đường và phiên âm câu 176 là:

> *Giọt sương* gieo *nặng cành xuân la đà.*

Học giả Hoàng Xuân Hãn cũng phiên âm như vậy và đã giải thích là:

"*Cành xuân* là cái cành non mới đâm ra, thì những sương ban đêm rơi xuống rồi đọng từng hạt từng hạt ở trên cành, như là treo những hạt ngọc ấy ở trên cây, thì lúc ấy cái cành mới cong xuống thế này, nó la đà xuống, chứ mà hạt sương gieo nặng thì chỉ có một hạt sương nó rơi xuống, đúng cái cành ấy, thì cành có nhún xuống rồi nó bật lên chứ không có gì cả. Hình ảnh này không đúng tí nào..."

Chúng tôi nhận thấy cách giải thích trên đã không ổn.

Cành xuân mà giảng là cành non mới đâm ra thì không đúng vì cành non mới đâm ra chỉ có thể gọi là *chồi*, là *nhánh*, phải lâu lắm, chờ khi nó to dần lên mới gọi là *cành* được. *Cành xuân* đây là cành có những chiếc lá non mới mọc ra. Khi những giọt sương đêm đọng lại treo ở đầu mỗi ngọn lá (làm cho ngọn lá trĩu đầu xuống) mà gặp cơn gió thổi qua làm cành cây đưa đi đưa lại thì gieo xuống từng loạt. Hình ảnh này rất đúng nếu chúng ta quan sát các cây cối lúc buổi sáng vào mùa sương khi có cơn gió thổi qua.

Câu 327: *Nằm tròn như cuội trong mây.*

Học giả Hoàng Xuân Hãn cho rằng: "có những câu, lúc viết rồi người ta chép lại sai, người khác lại sai nữa. Cuối cùng không biết đọc thế nào cả.

Thí dụ bản in bây giờ viết:

Nằm tròn như cuội trong mây

có người viết:

Nằm tròn như cuội cung mây.

Học giả Hoàng Xuân Hãn cho biết:

"Tôi mới khám phá ra chữ *nằm* (南卧) chính là chữ *vuông* (方毛)

Nằm đọc sai từ âm gần là *năm*, chữ *năm* có chữ *ngũ* (五), bên chữ *nam* (南), thế chữ *nam* viết tháu ([illegible]) trông giống như chữ *phương* (方) là *vuông*, chữ ngũ nó cũng gần giống như chữ *bông* (毛), bên phải, ghi âm *vuông*.

Còn chữ thứ ba là chữ *như* (如) thì đọc là *nhờ*. Vậy phải đọc là *vuông tròn nhờ*, rồi *gửi* (改) là chữ(忌). Viết gần như nhau, có khi họ thêm chữ *tâm* (忄忌) Có khi không cần".

Học giả Hoàng Xuân Hãn đã suy đoán để tái lập như thế và đã giải thích câu: *Vuông tròn nhờ cậy khung mây* là "Nếu mà cô với tôi thành vợ chồng vuông tròn, cái ấy là nhờ cậy trên trời".

Câu tiếp theo: *"Trần trần một phận ấp cây đã đã liều"*

học giả Hoàng Xuân Hãn đã theo điển ôm cây đợi thỏ mà giảng là: Kim Trọng ý muốn nói: *"Tôi là thằng ngốc đợi cô"*.

Chúng tôi nhận thấy cách tái lập câu 327 như vậy là không ổn vì chữ *nằm* (𦣰) không thể lẫn với chữ *vuông* (𣃱) được và chữ *gửi* (改) không thể lẫn với chữ *cậy* (忌), (忄忌) được.

Nếu cứ suy đoán như vậy thì thiếu hẳn tính khoa học mà nghĩa cũng không thích hợp vì ở đây Kim Trọng chỉ muốn nói rằng *"mình đã từ lâu ngày rồi cố công chờ đợi mãi hôm nay mới được gặp"* chứ không phải *"Nếu cô với tôi thành vợ chồng vuông tròn, cái ấy nhờ cậy trên trời"* và Kim Trọng ý muốn nói: "Tôi là thằng ngốc đợi cô".

Chúng tôi lại nhận thấy, Kim Trọng và Thúy Kiều mới gặp nhau thì chưa thể nói ngay đến việc vợ chồng được và không khi nào Kim Trọng lại bảo mình là *một thằng ngốc đợi Thúy Kiều.*

Theo sự tìm hiểu của chúng tôi thì bản Kiều Oánh Mậu và bản Quan Văn Đường đều chép là:

𣎃 員侖 如 𠳚 宮 𩄲

Tháng tròn như gửi cung mây

và có nghĩa là từ một tháng nay tâm trí của Kim Trọng như gửi ở cung mây (cung Hằng) tức nơi Thúy Kiều ở.

Riêng bản *Kim Vân Kiều quảng tập truyện* của Liễu Văn đường tàng bản khắc in năm Khải Định thứ 9 (1924) đã chép là:

𦣰 臣侖 如 石會 宮 𩄲

Nằm tròn như cuội cung mây

Bản nôm này truyền là của Thiên Khẩu Thủy (tức ông Lang Hoạt) thực ra không có giá trị gì.

Còn bản Duy Minh thị (tức bản miền Nam mà học giả Hoàng Xuân Hãn coi là cổ nhất) thì đã chép là

南五 員侖 如 改 宮 𩄲

Nằm tròn như gửi cung mây

Chép như vậy thì cũng có nghĩa như hai bản Kiều Oánh Mậu và Quan Văn đường, chỉ có đổi chữ *tháng* thành chữ *năm*.

Bản khắc cũng rõ ràng không thể có sự lầm lẫn được.

Nếu xem lại mặt chữ bản Duy Minh thị đã khắc chữ *năm* 𠄼 và bản Quảng tập đã khắc chữ *nằm* 𦣰 chân phương và rõ ràng như vậy, không có bản nào khắc *tháu* chữ 南 (*nam*) là 方 mà học giả Hoàng Xuân Hãn lại bảo rằng "mới *khám phá* ra chữ 南 臥 *nằm*) chính là chữ *vuông* (方乇 '.

Chúng ta không thể suy đoán mà sửa lại câu Kiều như vậy được.

*

Chúng tôi nghĩ rằng phiên âm *Truyện Kiều* từ xưa đến nay các nhà biên khảo, gồm đủ cả những vị thuộc lớp *cổ học* và *tân học* đềuđã thực hiện một cách nghiêm túc. Các vị ấy đều là những người am hiểu chữ nôm và chữ Hán, nhưng sở dĩ các bản *quốc ngữ* có một số dị biệt vì mỗi vị đã dùng *một bản nôm khác nhau* để phiên âm: có vị dùng *bản Liễu Văn đường*, có vị dùng *bản Quả Văn đường* , có vị dùng *bản Kiều Oánh Mậu*, có vị dùng *bản Duy Minh thị*, có vị dùng *bản Phúc Văn đường*... v.v...

Chúng ta không thể bảo *các chữ khác biệt ấy* là *đọc sai* hay *không biết đọc chữ nôm* như học giả Hoàng Xuân Hãn đã nói.

Chúng tôi chỉ tiếc rằng học giả Hoàng Xuân Hãn đã không còn nữa để có thể trao đổi trực tiếp với ông, nhưng đối với những nhận xét chưa được chính xác của ông, chúng tôi cũng xin có mấy ý kiến đóng góp như trên để rộng đường học hỏi, may ra có ích lợi gì cho sự nghiên cứu chung về *Truyện Kiều* chăng?

NGUYỄN QUẢNG TUÂN
Toronto - Mùa tuyết 1996- Hà Nội, 1997



NGUYỄN VĂN HẠNH

NHÀ VĂN VÀ TÁC PHẨM VĂN HỌC



1. Nhà văn - chủ thể sáng tạo

Quan hệ giữa nhà văn và tác phẩm rất hiển nhiên. Trước đây, khi người ta nói "văn chính là người" là đã nhìn rõ mối quan hệ này. Nhưng trong nghiên cứu văn học ở Liên Xô (cũ) cũng như ở ta, có lúc người ta đã bàn, đã nghiên cứu, lật đi lật lại bao nhiêu lần các yếu tố, các quá trình của hiện tượng văn chương, như nguồn gốc, chức năng, đặc điểm của ngôn ngữ, phương pháp sáng tác, thể loại, kết cấu tác phẩm v.v..., nhưng lại rất ít chú ý đến vai trò, cá tính của chính nhà văn trong hoạt động sáng tạo.

Mà nhà văn lại là động lực trực tiếp, là *chủ thể sáng tạo*. Mọi yêu cầu và đặc điểm chung của sự sáng tạo, của phương pháp sáng tác, thi pháp, thể loại đều được từng nhà văn nhận thức, vận dụng, hoàn thiện, đổi mới theo cách riêng của mình, phù hợp với quan niệm, cá tính, sở trường của mình, tùy hoàn cảnh sáng tác cụ thể.

Có nhà nghiên cứu đã phàn nàn một cách chính đáng rằng, theo một cách trình bày, lí giải phổ biến một thời đối với các vấn đề văn học, thì dường như những nhà văn cụ thể chẳng có tác dụng, quyền lực gì trong công việc sáng tạo của mình. Vì, chẳng hạn, chủ nghĩa hiện thực "bắt buộc" thế này, thể loại tiểu thuyết "bắt buộc" thế kia, cuộc sống "bắt buộc" thế nọ, nhà văn không tài nào cưỡng lại được. Thật ra, không có phương pháp nào, thể loại nào, uy tín văn học nào có thể "ra lệnh" được cho nhà văn cả. Nhà văn này là hiện thực mà không phải lãng mạn, nhà văn kia viết tiểu thuyết mà không làm

thơ..., trước hết và chủ yếu là vì anh ta có thiên hướng như vậy, lựa chọn như vậy (chất lượng như thế nào lại là chuyện khác). Chủ nghĩa hiện thực đó, tiểu thuyết đó là *của* anh ta, là khả năng và quyền của anh ta. Trong nghệ thuật, sự lựa chọn các giải pháp, khuynh hướng và chất lượng sáng tạo, cuối cùng lại, bao giờ cũng do chủ quan của người nghệ sĩ quyết định.

Cho nên, trong văn chương không thể chỉ bàn tổng quát về phương pháp sáng tác, về chủ nghĩa hiện thực, về thể loại tiểu thuyết... Phải xem kĩ hơn chủa nghĩa hiện thực hay tiểu thuyết của nhà văn nào, ở tác phẩm nào. Chỉ những nhà văn cụ thể, tác phẩm cụ thể mới mang lại sự sống, khuôn mặt riêng cho những khái niệm chung như phương pháp sáng tác, chủ nghĩa hiện thực, thể loại tiểu thuyết.

Vì vậy, trong lí luận văn học, dần dần chúng ta càng thấy cần thiết phải có chương bàn về nhà văn, về quan hệ nhà văn - tác phẩm, về quá trình sáng tạo. Và trong khi xem xét các phạm trù như phương pháp sáng tác, thi pháp, thể loại, ngôn ngữ văn chương, cần phải chú ý đến "cấp độ" nhà văn, tác phẩm, để thấy được dạng biểu hiện riêng và sự đóng góp trong từng trường hợp cụ thể.

2. Tiềm lực

Muốn sáng tác được, nhà văn phải có tiềm lực, phải luôn tự bồi dưỡng cho mình về tiềm lực. Phần quan trọng nhất trong tiền lực đó là *tài năng thi ca* và các loại "*vốn*" mà nhiều nhà nghiên cứu đã nhấn mạnh.

Hegel phân biệt tài năng (talent) và thiên tài (génie). Ông dành khái niệm thiên tài riêng cho lĩnh vực sáng tạo văn chương nghệ thuật. Nếu như tài năng chỉ là "khả năng đặc biệt" có thể đào tạo, rèn luyện, thì thiên tài là năng lực có tính chất bẩm sinh, "trời cho". Thiên tài thể hiện ở sự nhạy cảm, sự dễ dàng khác thường trong việc nắm bắt các hiện tượng của cuộc sống và trong việc thực hiện các ý đồ nghệ thuật.

Nhà văn đích thực, nhà văn có thể tạo nên những tác phẩm văn chương độc đáo, có giá trị, trước hết phải là một nghệ sĩ, một người có tài năng bẩm sinh, nói như Lev Tolstoi, là phải có *tài năng thi ca*, còn nói theo cách của Hegel, thì phải có *thiên tài*. Trong lĩnh vực sáng tạo văn chương nghệ thuật, nếu không có tài năng thi ca, nếu không có thiên tài thì mọi cố gắng đều sẽ rất nặng nề, vất vả, mà cũng chẳng đem lại được gì nhiều. Thạch Lam, trong tập tùy bút *Theo dòng* đã rất có lí khi khẳng định: "Người ta sinh ra là nghệ sĩ hay không, chứ không thể học tập mà thành được. Muốn cố sức tìm hiểu thế nào cũng không bằng các "trực giác" nhiệm màu của tâm hồn nghệ sĩ. Các nghệ sĩ là những người không có một cái khoa học nhân tạo nào mà có thể gây thành được. Họ là những sản xuất của bao nhiêu thế hệ, theo một cách chung đúc huyền bí và không có luật lệ; họ là những cái sinh sản bất ngờ,

những cái đột nhiên kì dị và ghê gớm, của vũ trụ". (1)

Đúng là người ta không thể đào tạo các tài năng nghệ thuật. Tài năng nghệ thuật chỉ có thể được phát hiện và được bồi dưỡng. Tất nhiên phải phát hiện cho đúng và bồi dưỡng một cách thích hợp. Tài năng bẩm sinh là của "trời cho", rất hiếm, cho nên cần biết trân trọng, giữ gìn. Tài năng bẩm sinh giúp người nghệ sĩ cảm nhận cuộc sống một cách mới mẻ, sâu sắc, tinh tế, không giống thói thường, bằng tất cả sự tồn tại của mình, bằng cả hiểu biết và trực giác, ý thức và vô thức, đồng thời có khả năng định hình, vật chất hóa những cảm nghĩ, những ấn tượng nhiều khi rất mâu thuẫn, mơ hồ, bằng chất liệu ngôn ngữ, cố định chúng lại trong những hình ảnh, nhịp điệu..., để cho mình và người khác lại nghe thấy được, cảm nhận được, rung động được. Tác phẩm văn chương đích thực không bao giờ đồng nghĩa với sự tầm thường, nhàm chán. Nó luôn làm cho con người ngạc nhiên, nói như André Gide, là làm cho con người "bất an", đánh thức ham muốn, khơi dậy hoài bão ở con người, không để con người bằng lòng với cái hiện có mà luôn luôn tìm tòi, sáng tạo, vươn đến các mục tiêu chân, thiện, mĩ.

Không thấy vai trò của năng khiếu, của tài năng bẩm sinh trong sáng tạo nghệ thuật, nhiều người đã đi vào đấy một cách nhầm lẫn, để rồi nửa đường bỏ cuộc, hoặc khổ tâm suốt đời mà chẳng đi đến đâu cả. Tài năng nghệ thuật là gì, cho đến nay, vẫn còn là điều "khó nói", "bí ẩn". Nhưng đối với người tinh nhạy, có kinh nghiệm trong lĩnh vực này, thì một tác phẩm có tài hay không có tài, thường lại rất rõ, ngay từ cảm nhận đầu tiên, từ tiếp xúc với những dòng đầu tiên của tác phẩm. Có thể thấy ngay, biết ngay, khi chưa hiểu vì sao. Và sự lí giải đòi hỏi rất nhiều công phu, mà thường không bao giờ nói hết, nói rõ được.

Nhưng năng khiếu, tài năng bẩm sinh chỉ là yếu tố đầu tiên, yếu tố dù là quan trọng bậc nhất, vẫn là yếu tố *cần* nhưng chưa *đủ* để tạo nên tác phẩm văn chương có giá trị cao. Muốn đạt được thành công, muốn sáng tác lâu dài, ngoài tài năng bẩm sinh, còn phải có trình độ văn hóa, có sự trải nghiệm và vốn sống, phải học nghề và công phu hành nghề, làm việc chu đáo, tỉ mỉ với tác phẩm.

Những điều kiện và sự chuẩn bị này lại càng cần thiết đối với nhà văn là người nghệ sĩ dùng ngôn ngữ làm phương tiện biểu đạt. Trong văn chương thì thơ ca là loại thể gần âm nhạc vì có tính chất trực tiếp nhất, thiên về tự biểu hiện, gắn với "cái tôi" của người nghệ sĩ nhiều hơn, so với truyện, kí, văn xuôi nói chung. Tài năng thơ cũng thể hiện rõ nhất tính chất bẩm sinh. Nhưng những nhà thơ lớn thường là những người sống rất tinh tế và sâu sắc. Có học vấn uyên thâm và làm việc rất kĩ với tác phẩm. Một nhà thơ đầy tài

---

(1) *Tuyển tập Thạch Lam*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1968, Tr.318, 319.

năng, "xuất khẩu thành chương" như Nguyễn Công Trứ mà cũng tự nhắc mình phải chú ý đến "kĩ thuật" làm thơ như thế nào:

Dở duyên với rượu khôn từ chén,
Trót nợ cùng thơ phải chuốt lời.

Tác phẩm văn học có khả năng bao quát hết sức rộng rãi đối tượng phản ánh và miêu tả, đi sâu vào mọi ngõ ngách của cuộc sống, của tâm hồn con người. Nhiều nhà văn lớn cũng đồng thời là những nhà tư tưởng lớn.

Cho nên, hơn bất kì một lĩnh vực nghệ thuật nào khác, văn chương liên hệ mật thiết với hiểu biết, với tư tưởng, với hoạt động của ý thức. Và nghề nghiệp đòi hỏi nhà văn, bên cạnh năng khiếu, tài năng bẩm sinh phải có một trình độ học vấn cần thiết, một nhãn quan văn hóa sâu rộng. Nhiều nhà văn, nhà thơ của chúng ta, đặc biệt là lớp trẻ, không phải là không có năng khiếu, có tài, nhưng thường chỉ viết được một vài tác phẩm gây được tiếng vang, rồi sau đó không viết được nữa. Một nguyên nhân quan trọng là do thiếu vốn văn hóa. Sự chuẩn bị cho thế hệ trẻ của chúng ta ở trường phổ thông và ngay cả ở trường đại học về mặt văn hóa, kiến thức còn nhiều nhược điểm. Về triết học, về sử học, địa lí, và ngay cả về văn học, họ đều được trang bị thiếu cơ bản và hệ thống.

Cách dạy, cách học trong nhà trường, sinh hoạt khoa học, văn học nghệ thuật còn mang tính chất thụ động, một chiều, nặng về thông báo, chấp nhận, ít có tính chất nghiên cứu, tranh luận để làm sáng tỏ vấn đề, thấy cả mặt phải và mặt trái, kích thích tinh thần chủ động, óc phê phán của mọi người.

Song song với vốn văn hóa, văn học, với những hiểu biết tiếp thu từ sách vở, nhà văn phải có vốn sống phong phú, phải có kinh nghiệm về cuộc đời. Tri thức tiếp thu từ sách vở nhiều lúc gợi ý cho nhà văn về chủ đề, về cách xây dựng nhân vật, về sử dụng ngôn ngữ, cung cấp cho nhà văn những tư liệu liên quan đến đề tài đang khai thác, nhất là những đề tài lịch sử. Hiểu biết thực tế, vốn sống, sự trải nghiệm lại tạo cho nhà văn cảm hứng, chất liệu sáng tạo trực tiếp, sự sinh động, sức hấp dẫn của tác phẩm. Thiếu tri thức sách vở, tác phẩm dễ thô kệch, nhưng thiếu tri thức thực tế, thiếu hơi thở của đời sống, tác phẩm dễ rơi vào lối mòn sáo, khó có tính chất độc đáo, mới lạ, vốn là dấu hiệu đáng tin cậy nhất của tài năng nghệ thuật.

Nhà văn vừa phải học, phải đọc không ngừng để tự bồi dưỡng về văn hóa, nghề nghiệp, vừa phải sống sâu sắc cuộc sống hằng ngày của mình, quan sát suy ngẫm về mọi điều đang diễn ra xung quanh và trong chính tâm hồn mình, từ những biến cố trọng đại đến những điều tưởng như vô nghĩa. Tài năng của một nhà văn thường là ở chỗ cảm nghe được, nhìn thấy được ý nghĩa sâu xa trong những việc bình thường, nhỏ nhặt. Có cái gì to tát, điển hình đâu ở một người bị bệnh thần kinh, nhưng qua đấy nhà văn Sekhov đã xây dựng nên tác

phẩm *Phòng số 6* nói lên bi kịch của cả một xã hội và làm cho mọi người đọc không thể sống yên ổn được nữa. Số phận của một tên lưu manh như Chí Phèo có gì đáng phải quan tâm, nhưng đây lại là chất liệu để Nam Cao xây dựng nên một điển hình văn học bất tử, một kiệt tác trong nền văn học Việt Nam hiện đại. Tất nhiên Chí Phèo là sản phẩm của trí tưởng tượng, của tài năng sáng tạo của Nam Cao. Nhưng không có sự gợi ý của chính cuộc sống, Nam Cao không thể tạo nên một giá trị văn học như vậy. Từ cuộc sống, nhà văn đã nghĩ thêm, nghĩ tiếp. Với Nam Cao, Chí Phèo không chỉ là một tên lưu manh chuyên rạch mặt ăn vạ, đâm chém, mê muội, "con quỷ dữ của làng Vũ Đại", mà là một nạn nhân, một nhân chứng của xã hội, hơn thế nữa, một người, tuy rất mơ hồ và đầy bản năng, đã nhận ra thân phận của mình và biết chống lại bọn bóc lột, áp bức mình, do đó "con người mới", như nhà văn Nguyễn Minh Châu có lần nhận xét. Được Thị Nở chăm sóc, yêu thương, phẩm chất người bị đè nén, bị vùi dập ở Chí lại bừng tỉnh. Chí biến thành một con người khác, đúng hơn là Chí trở lại làm người, trở lại với bản chất của mình, một con người cũng biết buồn, biết bâng khuâng, biết ăn năn, biết vui và muốn được hạnh phúc, muốn được làm người lương thiện. Trong truyện, chủ đề xã hội kết hợp chặt chẽ với chủ đề con người. Và chuyện của một tên lưu manh đã trở thành chuyện của xã hội, chuyện con người. Trong văn học ta, có lẽ Nam Cao là người đầu tiên đã đặt vấn đề tha hóa, vấn đề con người mất nhân tính do cùng khổ, do bị đàn áp, vấn đề con người đấu tranh đòi trả lại nhân tính. Nam Cao là nhà văn luôn luôn tìm tòi, phát hiện, "khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có". Tài năng của nhà văn chỉ nảy nở trên sự quan sát, suy ngẫm từ cuộc sống.

Hiểu rõ tầm quan trọng của vốn sống, trước đây chúng ta có chủ trương đưa văn nghệ sĩ đi thực tế. Rõ ràng những chuyến đi thực tế này đã tỏ ra rất bổ ích cho văn nghệ sĩ, nhất là trong hoàn cảnh chiến tranh, đi lại khó khăn, từng người lại càng khó có điều kiện tự tổ chức cho mình những chuyến thâm nhập thực tế vừa tốn kém, vừa phiền phức. Nhưng không thể tìm cảm hứng, tích lũy vốn sống chỉ đơn thuần bằng những chuyến đi thực tế có mục đích và yêu cầu định trước này. Người ta không thể biết gì nhiều và sâu qua những chuyến đi thực tế ngắn ngày. Nếu được các địa phương "chuẩn bị" trước chu đáo thì hiểu biết, ấn tượng, cảm nghĩ của văn nghệ sĩ về thực tế còn có thể có tính chất một chiều, không thật nữa. Và, nói chung, không có chuyến đi thực tế tập trung nào có thể thay thế kinh nghiệm, quan sát, nhận xét, cảm nhận của nghệ sĩ trong cuộc sống hằng ngày, trong môi trường anh ta sinh ra, lớn lên, làm việc thường xuyên và lâu dài. Vốn sống, nguồn sáng tạo của văn nghệ sĩ trước hết là từ cách sống sâu sắc, trung thực, có trách nhiệm hằng ngày đó.

Cùng với cuộc sống và vốn văn hóa nghề nghiệp, nhà văn lại phải trang bị cho mình vốn chính trị tư tưởng. Điều này lại càng cần thiết đối với những nhà văn như những nhà văn ở nước ta. Truyền thống văn học ở nước ta, do

những hoàn cảnh lịch sử xã hội đặc biệt, luôn gắn bó mật thiết với chính trị. Xưa đã thế mà nay cũng vẫn thế. Những nhà văn lớn, những tác phẩm được nhân dân đặc biệt trân trọng là những tác giả, tác phẩm đã quan tâm sâu sắc đến số phận của cộng đồng, của dân tộc, của đất nước, đã đặt được những vấn đề chung lớn lao, nhức nhối của xã hội, của thời đại, bắt mọi người phải suy nghĩ và tìm lời giải đáp. Nhân cách của nhà văn, tài năng, giá trị của nhà văn trước hết là do thái độ chính trị đúng đắn của nhà văn, do lập trường tiến bộ của nhà văn đối với nhân dân, đất nước quyết định.

Văn chương là một hoạt động khó khăn và đầy trách nhiệm. Người làm văn chương phải có tài năng, phải tự bồi dưỡng không ngừng về tư tưởng, tình cảm, về chuyên môn nghề nghiệp, phải chăm lo cả phần gốc và phần ngọn mới có thể đi xa, tạo nên những tác phẩm có giá trị, có ích cho đời. Về việc này, Nhữ Bá Sĩ đã phát biểu khá toàn diện và chính xác: "Nói chung, đức hạnh, học thức là cái gốc của văn chương. Loại văn chương tột bậc của thiên hạ, đúng là không ở trong các giới hạn đóng mở kết cấu, nhưng không đóng mở kết cấu thì cũng không thành văn chương. Thăm dò cái gốc của nó lại phải tưới tắm cái ngọn của nó; mở rộng cái nguồn của nó cũng phải buông lơi cái dòng của nó, kẻ học giả không ngại gì mà không tiến cả về các mặt này". (2)

3. Nhà văn và quá trình sáng tạo

Đối với một nhà văn chuyên nghiệp thì có thể nói suốt cuộc đời là một quá trình chuẩn bị sáng tạo và sáng tạo không ngừng, khi làm những việc liên quan trực tiếp đến nghề nghiệp, cũng như khi nghỉ ngơi, và cả khi ăn, khi ngủ. Đời sống tinh thần của người nghệ sĩ luôn luôn bị ám ảnh, "dày vò" bởi những chi tiết, những hình ảnh thú vị, lạ lùng, bí ẩn của cuộc sống, bởi những dự định sáng tác còn rất mơ hồ nhưng thường rất căng thẳng, nhất là khi nhà văn đang thai nghén một ý đồ sáng tạo cụ thể, đang tập trung năng lực tinh thần để định hình một cảm giác, một ấn tượng, một ý nghĩ ban đầu chợt lóe lên như tia chớp một lúc nào đó trong quá trình tìm tòi, suy nghĩ, phát hiện.

Cái ám ảnh ban đầu đó không nhất thiết là một tư tưởng, - và thường không phải là một tư tưởng, - nhưng lại thể hiện rất trung thành cảm nhận của của nhà văn trong một thời điểm nào đó về cuộc sống, chủ đề mà nhà văn sẽ triển khai trong tác phẩm mà mình đang thai nghén. Nó cũng là chất kết dính mọi yếu tố của công trình nghệ thuật đang hình thành. Khi bắt tay vào xây dựng tiểu thuyết *Bà Bôvary*, nhà văn Flaubert đã kể lại rằng ông chưa hình dung rõ tính cách, số phận nhân vật, cốt truyện sẽ như thế nào, nhưng

---

(2) *Từ trong di sản*, Nxb Tác phẩm mới, 1988, Tr.147.

ông nhất quyết phải thể hiện cho được cái "màu mốc" đang ám ảnh tâm trí ông khi nghĩ về cuộc sống lúc đó.

Nhà thơ Maiakovski cũng có ý kiến rằng nhiều khi trong quá trình sáng tác, ông chưa có những ý nghĩ, những hình ảnh cụ thể, nhưng đã nghe ngân vang một "âm điệu" nào đó. Chưa có gì rõ ràng, nhưng sự sáng tạo đã bắt đầu như vậy. Âm điệu đó, cái giọng chưa thể hiện thành lời đó, cái màu sắc đó, một cái gì còn rất chung chung và mơ hồ, nhưng chính là phản ứng đầu tiên, trinh nguyên, chân thực của tâm hồn nghệ sĩ trước những hiện tượng cụ thể của cuộc sống.

Khi nhà văn thấy lóe lên một tia chớp sáng tạo, thấy mình bỗng nhiên bị cuốn hút vào một cảm giác, một hình ảnh, một âm điệu hay một ý nghĩ nào đó và muốn bắt tay vào sáng tác là nhà văn đang có *cảm hứng*.

Cảm hứng là tình trạng phấn chấn về tinh thần giúp cho người ta thấy rõ, thấy nhanh nhiều vấn đề theo một hướng tập trung, phát hiện được nhiều điều mới, thực hiện được công việc một cách thích thú và có kết quả cao.

Làm việc không có cảm hứng sẽ chật vật hơn nhiều và thường không thu được những thành công độc đáo, bất ngờ. Cảm hứng là chất men sáng tạo.

Nhưng cảm hứng có thể thoáng qua, không lâu bền. Do đó, phải có cách duy trì cảm hứng, tạo ra những cảm hứng mới. Con đường hiệu nghiệm để đạt được cảm hứng là sống sâu sắc, tập trung, tha thiết với vấn đề đang ám ảnh mình, lao động một cách cần mẫn, kiên trì. Không nên chờ cảm hứng đến mới làm việc. Làm việc thường xuyên, tập trung, rồi thì cảm hứng sẽ đến.

Flaubert nói: "Cảm hứng là ngồi vào bàn làm việc đúng giờ quy định". Cảm hứng có thể đến bất ngờ, có khi do những nguyên nhân rất ngẫu nhiên. Nhưng thực tế sáng tác của nhiều nhà văn chứng tỏ rằng cảm hứng thường đến trong quá trình làm việc. Làm việc, suy ngẫm, đi sâu vào tư liệu, rồi sẽ có thích thú, có cảm hứng. Cảm hứng thường có tác dụng đặc biệt quan trọng đối với những tác phẩm có dung lượng nhỏ như bài thơ, truyện ngắn, bài tùy bút. Đối với những tác phẩm dài hơi như trường ca, tiểu thuyết, thì không thể trông chờ nhiều vào cảm hứng. Cảm hứng chỉ kích thích, tạo đà, còn bao nhiêu việc phải làm tỉ mỉ, vất vả mới hoàn thành được tác phẩm. Dostoevski nói: "Chỉ có cảm hứng là đến đột ngột, hẳn một lúc, còn ngoài ra là công việc nhọc nhằn cả".

Nhà thơ Tố Hữu nói rằng mình làm thơ thường không có bố cục rõ ràng, cũng không hình dung trước là bài thơ sẽ kết thúc thế nào, mà viết theo cách "các câu thơ gọi nhau", câu này gọi câu khác, đến khi không gọi nữa là bài thơ kết thúc. Thường thì câu thơ, câu văn mở đầu có ý nghĩa rất quan trọng, quyết định nhiều thứ. "Đầu xuôi đuôi lọt". Có bắt đầu, mới làm tiếp được. Dứt khoát phải bắt đầu một cách nào đó. Bắt đầu rồi mà không triển khai được thì thật ra cũng chưa bắt đầu, hoặc là bắt đầu không đúng. Bắt đầu không đúng sẽ rất lủng củng, vất vả về sau. Nhiều khi buộc lòng vẫn cứ tiếp

tục, rồi sau khi đã có đà, "vào luồng" thì lại quay ra sửa chữa phần đầu cho thích hợp. "Các câu thơ gọi nhau" một phần theo sự tương hợp của âm thanh, - điều này rất quan trọng đối với những nhà thơ đặc biệt chú ý đến nhạc điệu trong thơ, do yêu cầu của luật bằng trắc, nhưng chủ yếu là do nhu cầu triển khai, định hình hóa, vật thể hóa một cảm xúc, một tâm trạng, một thái độ, một tình cảm tư tưởng nào đó.

Tùy theo độ chín của cảm xúc, của tư tưởng, tùy chất lượng chuẩn bị cho tác phẩm, tùy tài năng của mỗi nghệ sĩ, mà tác phẩm làm xong trong dạng đầu tiên được sửa chữa, hoàn thiện về sau như thế nào, trước khi chính thức được xuất bản để ra mắt công chúng. Rất hiếm tác phẩm chỉ viết một lần là hoàn chỉnh. Nhiều nhà văn lớn đã sửa chữa tác phẩm của mình rất công phu, từng chữ, từng câu, từng đoạn, từng chương, có khi viết lại toàn bộ tác phẩm, và không chỉ một lần.

Cho nên *cảm hứng* và *công phu* là hai điều kiện không thể thiếu được trong sáng tạo nghệ thuật. Chúng nâng đỡ nhau, bổ sung cho nhau, làm cho sáng tạo nghệ thuật vừa là hứng thú, niềm vui, sự tự thỏa mãn, vừa là lao động khó khăn và đầy trách nhiệm.

Tư liệu cuộc sống và sách vở đi vào tư duy sáng tạo của nhà văn thông qua một năng lực tinh thần đặc biệt là trí tưởng tượng sáng tạo, hay còn gọi là *fantaisie*, như Sigmund Freud thường nhấn mạnh. Trí tưởng tượng sáng tạo khác với trí tưởng tượng thông thường ở chỗ nó không chỉ nghĩ tiếp, nghĩ bổ sung những chỗ còn thiếu, chưa đầy đủ trong quá trình tư duy, mà còn có thể hư cấu, "bịa đặt" ra những chi tiết, những hình ảnh, những con người, những sự việc không giống, thậm chí không có trong thực tế, những cái không thể chấp nhận trong khoa học, nhưng lại hoàn toàn có thể chấp nhận, có quyền tồn tại trong lĩnh vực nghệ thuật. Vì ở đây những hình thức không giống như những "hình thức của chính cuộc sống", những hình thức ước lệ, tượng trưng, hư cấu, bịa đặt có tác dụng làm cho người đọc phát triển óc tưởng tượng, suy nghĩ sâu hơn, mới lạ hơn về cuộc sống. Tác phẩm nghệ thuật đích thực luôn luôn là một thông điệp mới lạ, độc đáo, khác thường, nó không để cho người đọc thụ động, yên ổn với thói quen, nếp mòn trong suy nghĩ, cảm xúc. Nó buộc con người phải tích cực, quan sát kĩ hơn cuộc sống xung quanh và chính mình, tự đặt mình vào nhiều hoàn cảnh khác nhau để tìm hiểu, cảm thông, suy nghĩ mới về những điều đang có, tưởng tượng ra những điều chưa có, có thể có, nên có trong một hoàn cảnh khác, một thời đại khác, một thế giới khác. Trí tưởng tượng giúp con người bao quát thực tế rộng sâu hơn, vươn lên trên thực tế, phóng suy nghĩ mình ra những tầm xa hơn, khẳng định sức mạnh của tư duy và tư tưởng con người.

Hegel xem cảm hứng là trạng thái của nghệ sĩ khi có hoạt động của tưởng tượng sáng tạo và khả năng thực hiện ý đồ sáng tạo về mặt kĩ thuật. Tưởng tượng sáng tạo với tư cách là hoạt động sáng tạo bộc lộ trước tiên ở khả năng

nắm bắt hiện thực và hình thức biểu hiện của nó, nhờ đó mà nghệ sĩ nhìn và nghe chăm chú hơn, ghi lại được trong tinh thần của mình những hình ảnh rất khác nhau của thế giới. Tưởng tượng nghệ thuật cũng thể hiện ở *trí nhớ* vững chắc, giữ lại được rõ nét và lâu bền hình khối, màu sắc, âm thanh của những biểu hiện đa dạng đã được cảm nhận.

Trong quá trình sáng tác, với những tư liệu, những hiểu biết, những ấn tượng đã tích lũy được, nhà văn ngày càng "vùi" sâu vào thế giới tưởng tượng của mình, thế giới của nghệ thuật.

Trực tiếp bắt tay vào xây dựng tác phẩm, nhà văn phải giải quyết một cách cụ thể các vấn đề then chốt như thể loại, cốt truyện, nhân vật, chủ đề, kết cấu tác phẩm, ngôn ngữ v.v... Tất nhiên các vấn đề này không thể giải quyết theo một trình tự cố định và dứt khoát một lần là xong, mà một cách tổng hợp, trong liên hệ mật thiết của chúng với nhau và thường phải trở đi trở lại nhiều lần, theo gợi ý của cuộc sống và sao cho thế giới nghệ thuật được tạo ra có sức thuyết phục và hấp dẫn đối với người đọc.

Chúng ta biết có những loại thể "thuần túy", nhưng lại có những loại thể tổng hợp. Có những tác phẩm thơ và những tác phẩm truyện. Như thơ của Xuân Diệu và truyện *Sống mòn* của Nam Cao. Lại có những truyện thơ như *Truyện Kiều* của Nguyễn Du và *Evneghi Oneghin* của Puskin. Có kịch thơ như *Le Cid* của Corneille hay *Anh Nga* của Phạm Huy Thông. Những thể loại hỗn hợp như truyện thơ, kịch thơ có những yêu cầu "kép" về tư duy sáng tạo, cũng như về tổ chức tác phẩm. Truyện đòi hỏi phải chú ý đến cốt truyện, nhân vật. Thơ lại đòi hỏi nhạc tính, sự cô đọng về tình cảm, ý tưởng, hình ảnh.

Khi đã chọn loại thể rồi thì mọi yếu tố của tư duy sáng tạo của tác phẩm tương lai sẽ được quy định, lựa chọn, kết hợp trên nét lớn theo yêu cầu của loại thể. Nhưng, trong sáng tác, đặc biệt đối với những nhà văn có tài năng, tuân thủ yêu cầu của loại thể, không có nghĩa là bắt chước, rập khuôn một kiểu mẫu có sẵn. Loại thể bao giờ cũng có phần chung và phần riêng. Bất chấp cái chung vốn có ý nghĩa quy tắc đã được đúc kết qua hàng trăm năm, thậm chí hàng nghìn năm, người viết không những mất đi một chỗ dựa rất quan trọng, mà còn có thể rơi vào tình trạng mò mẫm, "phiêu lưu" lẽ ra có thể tránh được nhờ bài học kinh nghiệm lớn của những người đi trước. Có nắm vững cái chung, nắm vững cái cơ bản, thì mới tự do, phóng khoáng được. Nghệ sĩ ngôn từ cũng có những điểm giống như người làm xiếc. Người làm xiếc thực hiện những động tác có thể làm cho người xem hồi hộp đến đứng tim không phải do liều lĩnh, mà nhờ đã trải qua một sự luyện tập rất công phu những động tác cơ bản, và chỉ trên cơ sở đó mới có thể biến hóa "khôn lường" được. Thơ từ bản chất của nó là cô đọng, kết tinh, thiên về tự biểu hiện. Nếu đem những đòi hỏi đó "áp đặt cho tiểu thuyết thì sẽ dễ mất đi sức mạnh riêng của nó.

Mặt khác, ngay trong phạm vi một loại hay một thể, cũng còn bao nhiêu

"đất trống" cho tài năng tung hoành. Thơ, nhưng thơ tứ tuyệt hay thơ trường thiên? Thơ 5 tiếng, 7 tiếng, 8 tiếng hay thơ lục bát, song thất lục bát? Hay thơ tự do với những câu dài ngắn không cố định, thơ có vần hay không có vần? Nhịp thơ như thế nào? Có bao nhiêu cách lựa chọn, có bao nhiêu điều nhà văn có thể bổ sung, đổi mới trong phạm vi thơ.

Đối với các thể loại văn xuôi, nhất là đối với truyện, tiểu thuyết, thì tư duy sáng tạo của nhà văn tập trung nhiều vào việc xây dựng cốt truyện, nhân vật.

Cốt truyện là cái sườn sự kiện trong đó diễn ra hoạt động và quan hệ của các nhân vật. Sức hấp dẫn của một số truyện, tiểu thuyết một phần quan trọng là do cốt truyện mà ra. Nhà văn Ý Boccaccio trong tập truyện *Mười ngày* (Decameron) đã chứng tỏ biệt tài trong việc lôi cuốn độc giả bằng những cốt truyện hứng thú, bất ngờ. Các bậc thầy về truyện ngắn như Maupassant, Sekhov cũng rất thành công về cốt truyện trong những tác phẩm của mình. Ở ta, điều này cũng thể hiện rõ ở Nguyễn Công Hoan. Những người đọc bình thường rất quan tâm đến cốt truyện khi đọc truyện và tiểu thuyết. Truyện, tiểu thuyết trình bày lại cuộc đời, số phận của con người, làm sao người đọc không hồi hộp theo dõi muốn biết: rồi mọi việc đang diễn ra sẽ đi đến đâu, kết thúc ra sao?

Có nhiều tác phẩm sử dụng lại những cốt truyện cũ. Nhiều bi kịch của Corneill, Racine đã lấy lại cốt truyện trong văn học cổ đại Hi Lạp, La Mã. *Faust* của Goethe cũng dựa vào cốt truyện được truyền tụng từ lâu trong dân gian. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du lấy cốt truyện từ một tác phẩm văn học Trung Quốc. Điều này không hề chứng tỏ là cốt truyện không quan trọng, mà chỉ chứng tỏ rằng cốt truyện giống nhau vẫn có thể làm rung động con người thuộc nhiều dân tộc, nhiều thời đại khác nhau.

Phải nói là trong văn chương hiện đại, vai trò của cốt truyện không còn được đề cao như trong văn chương dân gian hay cổ điển. Nhiều nhà văn và cả một bộ phận không nhỏ người đọc, nhất là người đọc có học vấn cao, thường chú ý nhiều hơn đến tâm lí nhân vật, đến văn phong, ngôn ngữ.

Yếu tố cốt truyện trong nhiều truyện ngắn của Nam Cao từ trước cách mạng tháng Tám 1945 đã không có ý nghĩa gì đáng kể trong việc tạo ra sức hấp dẫn và giá trị của tác phẩm. Chẳng hạn như *Đời thừa, Trăng sáng*. Truyện ngắn *Đôi Mắt* viết sau Cách mạng cũng vậy. Ngay trong truyện ngắn *Chí Phèo*, rõ ràng nhà văn cũng chú ý nhiều đến tính cách nhân vật, chủ đề, hơn là cốt truyện.

Thật ra *cốt truyện* và *nhân vật* luôn gắn bó với nhau. Không thể có cốt truyện mà không có nhân vật. cũng không thể có nhân vật mà không có cốt truyện. Tuy nhiên, nếu trong văn học dân gian và văn học cổ điển, cốt truyện thường giữ vai trò chủ đạo, thì trong văn học hiện đại, vai trò đó thuộc về nhân vật.

Cốt truyện tuy cũng phong phú, biến hóa, nhưng không thể nào phong

phú, biến hóa, có thể nói là vô cùng tận, như nhân vật. Khả năng sáng tạo nhân vật rất dồi dào, và cũng đòi hỏi nhiều công phu. Tên tuổi của nhà văn gắn với tác phẩm chủ yếu là thông qua nhân vật. Sức sống của nhân vật, giá trị điển hình của nhân vật thể hiện rõ tài năng của tác giả.

Tư duy tiểu thuyết chủ yếu là tư duy bằng nhân vật. Những tiểu thuyết lớn từ xưa đến nay, đặc biệt trong thế kỉ XIX mà ta có thể xem là thế kỉ của tiểu thuyết, đã xác nhận điều đó. Suy nghĩ về nhân vật là quan tâm hàng đầu của các nhà văn như Dostoevski, Tolstoi, Balzac, Flaubert, Stendhal, cũng như của những tiểu thuyết gia nổi tiếng khác. Aragon khi khen ngợi Elsa Triolet thật sự là một nhà tiểu thuyết đã nhấn mạnh đặc điểm ở bà là suy nghĩ bằng nhân vật. Nói như vậy, không có nghĩa rằng không có các nhà văn viết tiểu thuyết theo cách khác, chú trọng đến đồ vật, sự kiện, chủ đề, tư tưởng nhiều hơn nhân vật.

Trong văn học, đã có một khuynh hướng "phản tiểu thuyết" loại bỏ con người ra khỏi văn học. Trong trường hợp đó thì có thể "tác phẩm" được xây dựng nên không phải là tiểu thuyết, thậm chí không phải là văn học theo quan niệm thông thường đã được thừa nhận rộng rãi. Thái độ phản ứng đó nói chung có thể hiểu được trong lĩnh vực sáng tạo. Nhưng mọi sự cực đoan, vứt bỏ truyền thống một cách quyết liệt thường không đem lại mấy kết quả, và cuối cùng bao giờ cũng được cuộc sống điều chỉnh, uốn nắn theo "sự khôn ngoan" của nó.

Những nhân vật thành công thường là kết quả một sự hiểu biết sâu sắc về con người, một sự phát hiện độc đáo những vấn đề quan trọng, mới mẻ của cuộc sống, của thời đại. *Nhân vật* và *chủ đề* thường gắn với nhau. Chủ đề được trình bày trực tiếp bằng nhận định, tư tưởng, sẽ khô khan, thiếu sức sống. Ngược lại, nhân vật không mang tính chủ đề sẽ mờ nhạt, thiếu tập trung. Rõ ràng trong nhận thức nghệ thuật của Nguyễn Du, cuộc đời Kiều, số phận Kiều với tất cả những truân chuyên chìm nổi gắn bó mật thiết với chủ đề "tài mệnh tương đố". Có lúc, với quan niệm không chính xác về "văn dĩ tải đạo", một số người đã xem tác phẩm văn học nói chung và số phận của một nhân vật nào đó nói riêng là minh họa đơn thuần cho một tư tưởng định trước. Lại có lúc, với nhận thức cường điệu hoặc máy móc về vấn đề văn học phản ánh cuộc sống, có người lại cho rằng tư tưởng, chủ định không đóng một vai trò gì đáng kể trong sáng tác. Tôi nghĩ, Nguyễn Du đã nhìn thấy rõ hơn động lực sáng tác của mình khi ông khẳng định ở đầu *Truyện Kiều:*

Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.
Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

Đóng góp của Nguyễn Du không chỉ ở những điều trông thấy, ở nỗi đau trước cảnh bể dâu của cuộc đời, mà chính còn ở sự xót xa không cùng về những oan khiên mà tài tình phải chịu, vì chuyện "ghét nhau" muôn đời, không sao tránh khỏi, giữa "tài" và "mệnh". Ở một nhà văn tài năng, chủ đề, tư tưởng không bao giờ chỉ đơn thuần là vấn đề muôn thuở, có tính quy luật, là lí lẽ đương nhiên, mà bao giờ cũng là tình cảm, là rung động, là niềm vui hay nỗi đau, một sự *phát hiện lần đầu*, hay là sự *phát hiện lại* đầy ngạc nhiên và xúc động. Đây là cách Nguyễn Du nói về chuyện "ghét nhau" giữa *tài* và *mệnh:*

Đã cho lấy chữ hồng nhan,
Làm cho cho hại cho tàn cho cân.
Đã đày vào kiếp phong trần,
Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi.

Hoàn toàn không phải là minh họa, là chấp nhận một tư tưởng cũ, mà là cảm xúc, một "tiếng kêu đứt ruột mới". Ở một đoạn khác, nhà thơ lại "đay nghiến" thực tế phũ phàng:

Chém cha cái số hoa đào
Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi!
Nghĩ đời mà ngán cho đời,
Tài tình chi lắm cho trời đất ghen!
Tiếc thay nước đã đánh phèn,
Mà cho bùn lại vẩn lên mấy lần!
Hồng quân với khách hồng quần,
Đã xoay đến thế còn vần chưa tha,
Lỡ từ lạc bước bước ra,
Cái thân liệu những từ nhà liệu đi.
Đầu xanh có tội tình gì?
Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi!

Cũng không thể nào hiểu hết tính chất độc đáo, mới mẻ và sức khái quát rộng rãi của nhân vật Xuân Tóc Đỏ trong tiểu thuyết *Số Đỏ* của Vũ Trọng Phụng, nếu như không chú ý tới chủ đề "số đỏ" được nêu ngay ở nhan đề quyển sách và xuyên suốt tác phẩm trào phúng này. Đây cũng là chuyện "hãnh tiến", nhưng là chuyện hãnh tiến, chuyện "phất" của một tên hạ lưu trong thời buổi Âu hóa, tư sản hóa nhố nhăng ở một nước thuộc địa.

Đóng góp của nhà văn Nam Cao trong tác phẩm *Chí Phèo* thể hiện cả ở mặt xây dựng tính cách và phát hiện một chủ đề mới. Về cách xác định chủ đề này, hiện nay cũng có những ý kiến khác nhau. Có người nói đến chủ đề

"người nông dân bị lưu manh hóa". Có người nói đến "bi kịch con người bị từ chối quyền làm người", "con người bị tha hóa". Hay đây là con người phản kháng, con người bị mất nhân hình và nhân tính đòi quyền được sống, được yêu thương, được làm người lương thiện? Những ý kiến khác nhau chứng tỏ việc xác định chủ đề hoàn toàn không đơn giản. Nhưng không thể coi nhẹ chủ đề mà có thể hiểu đúng, hiểu sâu tính cách nhân vật, cũng như sự đóng góp của nhà văn.

Nếu như trong tác phẩm có thể có nhiều nhân vật thì người ta cũng có thể nói đến *nhiều chủ đề* trong một tác phẩm. Ý nghĩa của các chủ đề này không giống nhau, và giữa chúng có thể có những liên hệ chính phụ khác biệt. Tinh thần yêu nước, quan điểm nhân dân là tư tưởng bao trùm giúp chúng ta hiểu và đánh giá chính xác các sự kiện, các nhân vật được miêu tả trong tác phẩm sử thi đồ sộ của Lev Tolstoi: *Chiến tranh và hòa bình*. Nhưng nhân vật Natasa, cũng như nhân vật Platon Karataev, mỗi người một vẻ, lại gắn bó mật thiết hơn với suy nghĩ của nhà văn về tính cách dân tộc Nga. Andre Bonkonski và Pie Bedukhov lại là loại người "đi tìm chân lí", người này thiên về con đường trí tuệ, cho cung cách một trí thức phương Tây, người kia lại thiên về con đường tình cảm, bộc lộ rõ hơn tính chất Nga, hay nói rộng ra là tính chất Slavơ.

Nhân vật Raskonnikov trong tiểu thuyết *Tội ác và trừng phạt* của Dostoevski là một sinh viên nghèo, thông minh, có những tình cảm chân thật và cao quý, có ý thức về phẩm giá. Nhưng tại sao chàng thanh niên này lại phạm tội ác để bị trừng phạt như vậy? Raskonnikov cũng là loại người bị xúc phạm, bị sỉ nhục, nhưng không chịu cam phận nữa, không chịu làm "sâu bọ" để bị khinh miệt, bị dày xéo; anh muốn thử sức mình, thử làm một kẻ mạnh, một "người hùng" ở thế gian này, như Napoleon hay Mahomet..., một người chỉ biết ra lệnh, muốn làm gì thì làm, tội ác phạm phải không những không bị trừng phạt, mà còn được đề cao. Tính cách của Raskonnikov không tách rời với chủ đề sự nổi loạn đơn độc, đầy ảo tưởng và rất tội nghiệp của những người có năng lực, có phẩm giá, nhưng bị xúc phạm, bị sỉ nhục.

Nhân vật có thể có "nguyên mẫu" trong cuộc sống, do cuộc sống gợi ý cho nhà văn. Nhưng "nguyên mẫu" trong cuộc sống chỉ trở thành nhân vật văn học khi nhà văn nhìn thấy qua đó một tư tưởng, một chủ đề nào đó quan trọng, mới mẻ, một tư tưởng, chủ đề có thể đã ám ảnh nhà văn từ lâu, nay gặp nguyên mẫu bỗng nhiên được định hình, có xương cốt, da thịt. Nhân vật luôn là sự trùng hợp giữa chủ quan và khách quan, giữa cuộc sống và tư tưởng. Hằng ngày, hằng chục, hằng trăm hiện tượng, con người diễn qua trước mắt nghệ sĩ, nhà văn, những nghệ sĩ, nhà văn hầu như không nhìn thấy gì cả. Rồi bỗng nhiên một cảnh tượng với những màu sắc âm thanh không thể nào bỏ qua được, một con người hiện ra với cách nói năng, đi đứng, dáng vẻ đặc biệt thu hút sự chú ý của nghệ sĩ, nhà văn. Chưa rõ ràng vì sao, nhưng nghệ sĩ, nhà

văn thấy tự nhiên phải dừng lại, phải chú mục thêm nữa vào cảnh tượng đó, con người đó. Đây chính là những điều anh ta tìm kiếm bấy lâu nay. Lev Tolstoi có thuật lại ông đã thấy "lóe sáng" như thế nào để viết tiểu thuyết *Anna Karênina*. Ông nói với bạn bè, năm 1877: "Ngày ấy cũng vào giờ này đây, sau bữa cơm trưa, trên chiếc đivăng, tôi nằm thiu thiu đang cố đấu tranh với cơn ngủ trưa, không hiểu sao xuất hiện trước mắt tôi cái khuỷu tay để trần xinh đẹp của một người phụ nữ quý tộc. Bất giác tôi bắt đầu ngắm nhìn. Thế là đôi vai, cái cổ và cuối cùng toàn thân người đàn bà kiều diễm trong bộ quần áo vũ hội hiện ra, hình như cứ nhìn chằm chằm vào tôi, với đôi mắt buồn thảm như van xin. Thế rồi đôi mắt tuy đã biến mất, nhưng tôi không thể nào quên được cái ấn tượng ấy, nó cứ bám chặt lấy tôi suốt ngày đêm, để thoát khỏi cái nhìn ấy tôi phải tìm cách thể hiện nó. Đấy là điểm khởi đầu của Anna Karenina" (3).

Sau đó, vợ nhà văn kể tiếp: "Tối hôm qua anh ấy nói với tôi rằng anh đã hình dung ra một người đàn bà có chồng, thuộc xã hội thượng lưu, nhưng bị sa ngã. Anh nói rằng nhiệm vụ của anh là làm cho người đàn bà ấy chỉ đáng thương mà không đáng tội, và khi anh hình dung được ra như thế thì tất cả những nhân vật và những loại đàn ông mà anh hình dung trước kia đều tìm được vị trí của họ và tập trung quanh người đàn bà ấy" (4).

Qua ví dụ trên đây, ta càng thấy rõ nhân vật, chủ đề luôn luôn là kết quả của sự tích lũy vốn sống, là sự phát hiện thường khi bất chợt từ sự nghiền ngẫm, "thai nghén" lâu dài của nhà văn. Trong quá trình xây dựng tác phẩm, nhà văn được sự gợi ý của cuộc sống về nhân vật, về chủ đề. Nhưng những hiện tượng của cuộc sống chỉ có ý nghĩa văn học khi chúng đồng thời cũng là biểu hiện độc đáo của tư tưởng, của kinh nghiệm sống của nhà văn.

Do gắn bó với cuộc sống, xuất phát từ những hình ảnh, kinh nghiệm cụ thể, mà chủ đề của tác phẩm, tính cách các nhân vật cực kì đa dạng, cũng đa dạng như chính bản thân cuộc sống và tư tưởng của con người. Muốn xác định đúng đắn các vấn đề này, cần phải nghiên cứu kĩ lưỡng nội dung từng tác phẩm, ý đồ sáng tạo cụ thể của nhà văn trong từng trường hợp cụ thể, không thể suy diễn chung chung được.

Thế giới nghệ thuật là hình ảnh của cuộc sống, có quan hệ qua lại với cuộc sống trong quá trình nhà văn xây dựng tác phẩm, cũng như trong quá trình người đọc tiếp nhận tác phẩm. Cuộc sống cung cấp cho nhà văn không chỉ cảm hứng để sáng tạo, mà cả những mẫu người để xây dựng nhân vật, những chi tiết sinh động để bổ sung, hoàn thiện ý đồ và bức tranh nghệ thuật. Người đọc tác phẩm cũng thường đối chiếu những điều được tác giả trình bày trong

---

(3) và (4) Dẫn lại theo Nguyễn Trường Lịch: *L.N. Tolstoi*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1986, Tr. 204 - 205.

tác phẩm với kinh nghiệm sống của mình, với những việc xảy ra ở ngoài đời.

Chính trong quá trình sáng tác của nhà văn, nhất là đối với nhà văn hiện thực vốn rất coi trọng tiêu chuẩn *sự thật*, luôn diễn ra một cuộc đấu tranh giữa các mặt khác nhau trong tư tưởng, tinh thần, năng lực của nhà văn, cũng như giữa nhà văn và cuộc sống. Nhiều nhà nghiên cứu đã nói đến hiện tượng "nhân vật nổi loạn" tức là nhân vật phát triển theo lô gích nội tại của nó, mà không phải theo ý muốn chủ quan của nhà văn. Marx cũng lưu ý "sự chiến thắng của chủ nghĩa hiện thực" ở Balzac, khi nhà văn đã đi ngược lại những quan điểm chính trị bảo thủ của mình, đi ngược lại những thiện cảm và ác cảm sẵn có, do đã *nhìn thấy* sự thật khách quan và đã miêu tả một cách chân thực, đúng đắn những nhà "quý tộc thân yêu" cũng như những đối thủ của mình thuộc phái cộng hòa đúng với giá trị của họ, đúng với số phận mà lịch sử đã dành cho họ.

Nhà văn hiện thực Nga Ivan Turgenev cho rằng hạnh phúc lớn lao đối với nhà văn là được viết đúng sự thật, cho dù sự thật đó không giống với mong muốn của nhà văn. Lev Tolstoi cũng nhiều lần khẳng định rằng nhân vật đã, đang và sẽ luôn luôn đẹp trong tác phẩm của mình là sự thật. Và với một quan điểm sáng tác như vậy, ông bá tước này đã trở thành một nhà văn "hiện thực tỉnh táo", một nhà phê phán vĩ đại đã "giật phăng mọi thứ mặt nạ" của chính quyền Sa hoàng, của tòa án, giáo hội, nhà tù trong chế độ đó.

Tất nhiên, sự nổi loạn đó, sự chiến thắng đó, chủ nghĩa hiện thực tỉnh táo đó chỉ có thể xuất hiện, khi nhà văn chấp nhận và có điều kiện thực hiện chúng một cách tự giác hay không tự giác, có ý thức hay không hoàn toàn có ý thức.

Sáng tạo theo đúng nghĩa của nó không bao giờ chỉ là một sự minh họa đơn thuần những suy nghĩ đã có sẵn của nhà văn, mà là một sự sống sâu sắc, toàn vẹn với thực tại, với nhân vật, với những tư tưởng, tình cảm đang thu hút nhà văn, một sự tìm tòi không ngừng, một quá trình chấp nhận và phản bác, vui sướng và thất vọng liên tục cho đến khi dừng lại ở dạng thể hiện cuối cùng.

Xây dựng tác phẩm, hoàn thành tác phẩm là nhà văn tự nâng mình lên cho ngang tầm những đòi hỏi mới của cuộc sống, những khát vọng thầm kín, những phẩm chất cao quý nhất của mình, là một cơ hội để nhà văn huy động một cách tập trung và cao độ tất cả những khả năng và tiềm lực của mình vào một mục tiêu xác định. Vì vậy, mà có thể vươn tới những kết quả bất ngờ, thường ngày không thể hình dung được. Tác phẩm không chỉ "thanh lọc" người đọc, mà thanh lọc chính tác giả. Trong một chừng mực nào đó, sáng tác là một sự tự thỏa mãn, một biểu hiện của hạnh phúc, một hành động trung thực, chân thành, thậm chí có tính chất thành kính, thiêng liêng. Khẳng định điều này, chúng ta không loại trừ tình hình là có những nhà văn làm việc cẩu thả, bôi bác, viết văn nhằm những mục đích ích kỉ, thực dụng hoàn toàn. Nhưng người đọc thông minh sẽ không nhầm lẫn và biết đặt những tác phẩm

này đúng vị trí của chúng.

Chính do sự uốn nắn, bổ sung, hoàn thiện của quá trình sáng tác, do sự tự thanh lọc của nhà văn trong quá trình sáng tạo, mà có thể nói là nhà văn chỉ đưa vào tác phẩm những gì là quý nhất của mình, những gì mà anh ta tin rằng người đọc cũng sẽ quý trọng, tin cậy.

Lí thuyết phân tâm học đã nhấn mạnh rất có cơ sở rằng vô thức có một tác dụng rất quan trọng đối với sáng tác văn chương nghệ thuật. Vô thức nói đây không chỉ là những ham muốn tình dục bị dồn nén, mà cả những ẩn ức về nhiều mặt, về quyền lực, về lực sống nói chung, cần được giải tỏa, được "thăng hoa" trong những hình thức biểu hiện quan trọng là giấc mơ và nghệ thuật. Do tác động của vô thức cho nên có những điều do chính tay nhà văn viết ra lại bất ngờ đối với bản thân nhà văn, chính nhà văn không ý thức rõ. Thực tế cho thấy là có những nghệ sĩ đã tạo được những giá trị rất độc đáo trong một trạng thái tinh thần không hoàn toàn tỉnh táo. Nói chung, "tỉnh" quá khó sáng tác hay được. Là một công trình nghệ thuật, tác phẩm có những liên hệ bên trong, có lôgích nội tại của nó. Nhà văn phải chú ý sao cho tính cách nhân vật phát triển hợp lí, sao cho trong tác phẩm có sự ăn khớp, sự hài hòa giữa bộ phận này và bộ phận khác, giữa bộ phận và toàn thể, giữa nội dung và hình thức. Tác phẩm phải là một chỉnh thể, một công trình nghệ thuật độc đáo, mới mẻ, đẹp cả về nội dung và hình thức.

4. Nhà văn sử dụng và sáng tạo ngôn ngữ

Nhà văn là nghệ sĩ dùng lời nói để biểu đạt tư tưởng và tình cảm, tạo nên những bức tranh về cuộc sống. Những nhà văn lớn là những bậc thầy về ngôn ngữ. Nhà triết học Martin Heidegger (1889-1975) gọi ngôn ngữ là "nơi trú ẩn của con người", ngôi nhà của con người, và chính các nhà tư tưởng, các nhà thơ canh giữ ngôi nhà thơ.

Nhà thơ, nhà văn, do nghề nghiệp của mình, phải hiểu biết ngôn ngữ đến mức tinh tường, hoàn toàn chủ động trong sử dụng ngôn ngữ. Nắm vững đặc tính và quy luật của ngôn ngữ, nhà văn có thể có những sáng tạo về ngôn ngữ, cả về mặt ngữ âm, từ vựng, cú pháp, ngữ nghĩa. Khi Tú Xương viết:

Bối rối tình duyên cơn gió thoảng,
Nhạt nhèo quang cảnh bóng trăng suông,

thì rõ ràng ông đã sáng tạo ra từ *nhạt nhèo* chưa từng có trong ngôn ngữ trước đó, nhưng hoàn toàn phù hợp với quy luật cấu tạo từ trong tiếng Việt, do đó mà được chấp nhận một cách dễ dàng.

Xuân Diệu thời "thơ mới" có câu thơ: *"Nắng nhỏ bâng khuâng chiều lỡ thì"*. Nắng mà lại bâng khuâng, thời đó, đã là một cách dùng từ mới lạ. Đến

chiều lỡ thì thì quả là táo bạo, đầy sáng tạo.

Dấu hiệu của một tài năng văn học thể hiện rõ ở cách viết, ở khả năng khám phá, khai thác những khía cạnh tiềm ẩn, tinh tế của ngôn ngữ, ở khả năng làm mới, "lạ hóa", khôi phục lại tính chất trinh nguyên, vẻ đẹp ban đầu của từ ngữ, của lời nói. Khi nhà thơ Chế Lan Viên viết:

Mỗi khu rừng đều có ánh dương soi,

thì nhà thơ đã làm sống lại từ *dương* mà ta đã bắt gặp, chẳng hạn, trong bài *Thăng Long thành hoài cổ* của Bà Huyện Thanh Quan (*Nền cũ lâu đài bóng tịch dương*), với sắc thái cổ kính, và nay đã trở thành một từ cổ trong tiếng Việt hiện đại.

Nguyễn Trãi thì lại đi trước thời gian để hiện đại hóa thơ của mình về mặt ý tưởng, hình ảnh, nhịp điệu, cách dùng từ:

Đủng đỉnh chiều hôm dắt tay,
Trông thế giới vút chim bay,
Non cao non thấp mây thuộc,
Cây cứng cây mềm gió hay.

Kì lạ là những câu thơ cách chúng ta cả sáu trăm năm mà lại gần gũi đến như vậy. Thời gian hầu như không để lại dấu vết nào cả.

Quang Dũng trong bài thơ *Tây Tiến* viết:

Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi,

hoặc:

Đường lên thăm thẳm một chia phôi.

Cách kết hợp từ ngữ *nhớ chơi vơi, một chia phôi* khá đặc sắc, lạ lẫm, đầy sáng tạo. Thông thường không ai nói *nhớ chơi vơi*, nhưng trong bài thơ tái hiện lại những cảnh rừng núi trùng điệp, gợi lại những kỉ niệm ấm áp "một đi không trở lại", nỗi nhớ thương bây giờ không biết bám vào đâu, khái niệm *"nhớ chơi vơi"* tự nhiên có cơ sở và sức sống của nó. Và *chia phôi* thì không thể nào đo đếm được. Nhưng đối với Quang Dũng, trong trường hợp này, thì *chia phôi* hiện ra rõ quá, có thể cảm nhận một cách vật chất, chỉ có một nó: *một chia phôi.*

Thừa nhận khả năng lớn lao của các nhà văn có tài đối với việc giữ gìn và phát triển tiếng nói dân tộc, có lúc người ta nói có phần cường điệu rằng họ không viết theo ngữ pháp có sẵn, mà tự mình làm ra ngữ pháp riêng và "bắt"

những người khác thừa nhận và viết theo ngữ pháp của mình. Thật ra, phần sáng tạo của họ chỉ là bộ phận và chỉ được thực hiện một cách có triển vọng trên cơ sở ngữ pháp chung. Không thật sự làm chủ được ngữ pháp và vốn từ vựng chung thì không thể nói gì đến sự sáng tạo. Năng khiếu văn chương, "thiên tài" văn chương thể hiện ở sự nhạy cảm đặc biệt về ngôn từ, ở năng lực khai thác, hiện thực hóa mọi tiềm năng, mọi năng lượng dự trữ của ngôn ngữ dân tộc.

Nhà ngôn ngữ học F. de Saussure phân tách *hoạt động ngôn ngữ* ra làm hai bộ phận: *ngôn ngữ* và *lời nói*. Theo ông, ngôn ngữ là bộ phận xã hội trong hoạt động ngôn ngữ, tồn tại ở bên ngoài cá nhân. Một cá nhân tự mình không thể sáng tạo ra ngôn ngữ hay thay đổi nó đi; nó chỉ tồn tại chiếu theo một thứ khế ước giữa các thành viên của cộng đồng. Cá nhân phải trải qua một thời gian tập dượt mới biết được cách hoạt động của nó. Còn *lời nói*, còn gọi là *tiếng nói* hay *ngôn từ* là bộ phận có tính chất cá nhân trong hoạt động ngôn ngữ. Nó là hành động cá nhân, do ý chí và trí tuệ chi phối. Theo quan niệm này, thì sự sáng tạo chỉ có thể xảy ra trong phạm vi lời nói, phạm vi ngôn từ, của cá nhân. Ngôn ngữ và lời nói gắn bó khăng khít với nhau và giả định lẫn nhau: ngôn ngữ là cần thiết để cho lời nói có thể hiểu được và gây được tất cả những hiệu quả của nó; nhưng lời nói lại cần thiết để cho ngôn ngữ được xác lập.

Cho nên, khi chúng ta nói nhà văn phải làm chủ về mặt ngôn ngữ, thực chất là làm chủ hoạt động ngôn ngữ, tức là phải nắm vững bộ phận ngôn ngữ, để từ đó chủ động và sáng tạo trong lời nói, ngôn từ của mình.

Từ quan niệm của Saussure, người ta cũng có thể nói đến một thứ *ngôn ngữ văn chương* chung cho những nhà văn và cả những người đọc cùng sống trong một thời, có tính chất xã hội, và *lời nói văn chương* riêng của mỗi người, có tính chất cá nhân.

Vấn đề hoàn chỉnh tác phẩm văn chương về mặt ngôn ngữ là khâu không thể thiếu được trong quá trình sáng tạo và được nhà văn đặc biệt quan tâm. Tác phẩm viết xong lần thứ nhất thông thường chỉ mới là "bản nháp". Không loại trừ trường hợp có những đoạn, có khi cả bài thơ, một truyện ngắn, tác giả viết một lần là xong. Nhưng trường hợp này rất hiếm. Còn nói chung, sau khi xong "bản nháp", nhà văn phải xem xét lại rất tỉ mỉ từng đoạn, từng câu, từng từ, thay đổi chi tiết này, bổ sung chi tiết khác, thêm hay bớt một số cảnh hoặc nhân vật, có khi phải dỡ cả cấu trúc tác phẩm để làm lại, viết lại từng phần hoặc toàn bộ tác phẩm. Các nhà nghiên cứu về Tolstoi khẳng định rằng nhà văn vĩ đại này đã viết đi viết lại nhiều lần một số cảnh, một số chương trong nhiều tác phẩm. Có tác phẩm như *Cuộc đời tôi*, ông đã viết đi viết lại đến 105 lần.

5. Nhà văn tạo ra tác phẩm và tác phẩm tạo ra nhà văn

Trong mối quan hệ nhà văn và tác phẩm thật ra có hai chiều: nhà văn tạo ra tác phẩm, và tác phẩm tạo ra nhà văn.

Nghiêm khắc mà nói, khi tác phẩm chưa được hoàn thành, chưa được công nhận là tác phẩm văn học đích thực, thì người viết chưa thể gọi là nhà văn. Đó chỉ mới là người ham thích và đang tiến hành hoạt động văn học. Ngoài hoạt động văn học, ông ta có thể làm thơ, hoạt động tôn giáo, tham gia các công tác xã hội chính trị. Ông ta chỉ thật sự trở thành nhà văn khi ông ta tạo ra được những tác phẩm văn học. Người ta coi Nguyễn Du là nhà thơ lớn, một tác gia lớn trong văn học Việt Nam chính vì ông có *Truyện Kiều, Văn tế thập loại chúng sinh* và nhiều bài thơ tuyệt vời khác. Không có *Truyện Kiều* và những tác phẩm đó, tất nhiên vẫn có Nguyễn Du, nhưng không phải Nguyễn Du - nhà thơ, mà Nguyễn Du với tư cách một nhà nho, một danh sĩ, một vị quan thời cuối Lê đầu Nguyễn. Người ta trân trọng Hồ Xuân Hương vì những tác phẩm bà để lại, vì bà, nói như Xuân Diệu, là "bà chúa thơ Nôm", chứ không phải vì một lí do nào khác. Như vậy, chính tác phẩm tạo nên tên tuổi cho nhà văn, tạo nên tác gia. Một người có thể viết lách, có thể là tác giả của một quyển sách nào đó, nhưng vẫn chưa phải là nhà văn, càng không dễ gì trở thành một *tác gia*, tức là nhà văn đã tạo được những tác phẩm có giá trị. Nhà thơ Đức Heine nói: cuộc đời của nhà thơ, giá trị của nhà thơ không nên tìm ở đâu khác, mà phải chính trong tác phẩm của họ.

Một nền văn học lớn không thể chỉ có những tác phẩm lớn, mà phải có những nhà văn lớn, những tác gia lớn. Các tác gia lớn mới thật sự là trụ cột của một nền văn học. Khi đứng trước một tác gia, một nhà văn tầm cỡ, thì tự nhiên người đọc có nhu cầu hiểu biết kĩ lưỡng về ông trên nhiều mặt, không chỉ trong sáng tác văn chương, mà trong cuộc sống nói chung, trong quan hệ gia đình, quê hương, bè bạn, từ bé cho đến lúc trưởng thành, trong hoạt động văn hóa xã hội. Tìm hiểu như vậy để hiểu sâu thêm tác phẩm. Vả chăng, chuyện văn chương từ trong bản chất của nó bao giờ cũng gắn liền, cũng chính là chuyện con người, chuyện cuộc đời. Bất đắc dĩ lắm, hoặc do những yêu cầu cụ thể của việc nghiên cứu trong một lúc nào đó, người ta mới đành lòng chỉ biết có tác phẩm.

Cũng có khi từ lòng kính trọng, ngưỡng mộ một con người, một vị anh hùng dân tộc, một nhà hoạt động chính trị xã hội có công lớn, một vị tướng lĩnh tài ba..., mà người ta chú ý đến toàn bộ hoạt động của người đó, kể cả hoạt động văn chương. Nhưng trong trường hợp này, xuất phát điểm không phải là sáng tác, là giá trị văn chương. Văn chương chỉ là phụ, là phần được lưu ý thêm để hiểu toàn diện về một con người, một nhân cách lớn.

Như là kết quả của một quá trình sáng tạo, tác phẩm có thể xem là *con đẻ*

tinh thần của nhà văn. Để hiểu hoặc lí giải tác phẩm, người ta truy tìm nguyên nhân ở nhà văn. Khuynh hướng nghiên cứu dựa vào quan hệ *nhân quả* này đã có từ lâu, hiện tại vẫn có vị trí quan trọng. Các phương pháp tâm lí học rất chú trọng hướng này. Phân tâm học cũng vậy, nhưng phân tâm học đặc biệt nhấn mạnh tác động của những ham muốn tình dục, của những biến cố thời kì thơ ấu của con người về phương diện cá nhân, cũng như về phương diện cộng đồng dân tộc, chủng tộc.

Cũng truy tìm nguyên nhân để hiểu kết quả, nhưng những khuynh hướng lịch sử xã hội lại tập trung sự chú ý vào những điều kiện xã hội lịch sử, những yếu tố của thời đại đã làm cơ sở cho tác phẩm xuất hiện.

Các khuynh hướng nghiên cứu trên đây đều có căn cứ, nhưng cũng dễ rơi vào phiến diện và suy diễn. Trong thực tiễn nghiên cứu, càng ngày người ta càng chú ý xem xét *tổng hợp* các nguyên nhân này bao gồm cả các yếu tố xã hội lịch sử và cá nhân, ý thức và vô thức. Mấy thập kỉ trước đây, trong quyển *Tâm lí học nghệ thuật*, nhà nghiên cứu mác xít nổi tiếng L. S. Vưgotski, trong khi bàn về phân tâm học, đã có nhận xét xác đáng: "Việc vận dụng thực tế phương pháp phân tâm học còn phải chờ đợi một sự thực hiện và chúng ta chỉ có thể nói được rằng nó phải thể hiện được trong việc làm và trong thực tiễn những giá trị lí luận to tát được chứa đựng trong bản thân lí thuyết ấy. Những giá trị này nhìn chung được quy vào một điều: sự lôi cuốn của cái vô thức, việc mở rộng phạm vi nghiên cứu, việc chỉ ra trong nghệ thuật cái vô thức trở nên có tính chất xã hội như thế nào...

Và điều cuối cùng: nếu nó có thể đưa lại một cách lí giải tâm lí xã hội đúng đắn cho cả tượng trưng nghệ thuật lẫn sự phát triển lịch sử của nghệ thuật, và hiểu ra được rằng nghệ thuật không bao giờ lại có thể được giải thích tới cùng bằng một phạm vi ít ỏi của đời sống cá nhân, mà nhất thiết đòi hỏi một sự giải thích bằng phạm vi rộng lớn của xã hội" (5).

•

Cũng có khuynh hướng nghiên cứu, như khuynh hướng "phê bình mới" hay "phê bình cấu trúc", tập trung việc nghiên cứu hoàn toàn vào tác phẩm. Theo các khuynh hướng này, chỉ có tác phẩm là cần tìm hiểu, đáng tìm hiểu. Tất cả những gì ở ngoài tác phẩm, trước nó hay sau nó, là những cái ngoài văn học, không đáng quan tâm, không cần quan tâm. Họ xem tác phẩm như một *công trình nghệ thuật* với cấu trúc khép kín, với những liên hệ bên trong, và chỉ nghiên cứu tác phẩm trong dạng tồn tại đó mà thôi.

---

(5) L. S. Vưgotski - *Tâm lý học nghệ thuật* (bản dịch của Hoài Lam), Nxb Khoa học xã hội; Hà Nội, 1981, Tr.132

Lại có khuynh hướng nghiên cứu tập trung vào việc *đọc* tác phẩm, vào việc *tiếp nhận* tác phẩm. Tác phẩm là *đối tượng thẩm mĩ*, mà người đọc là *chủ thể thẩm mĩ*. Đấy cũng là cách nghiên cứu về ý nghĩa, về tác dụng của tác phẩm, về sự vận hành của tác phẩm trong những môi trường xã hội và lịch sử khác nhau.

Đã có không ít những lời tranh cãi, phản bác, phủ định, thậm chí lên án lẫn nhau giữa các khuynh hướng nghiên cứu này. Thật ra, với một thái độ hiểu biết, thực sự cầu thị, hoàn toàn có thể bình tĩnh để phân tích và đánh giá các khuynh hướng này. Có nhiều cách để xác định đối tượng nghiên cứu. Xác định đối tượng nghiên cứu cũng tức là giới hạn sự vật để có thể đi sâu nghiên cứu, như khoa học cho phép và đòi hỏi, và do vậy phải trừu tượng hóa các phương diện khác, các mối liên hệ khác, từng phương pháp khoa học, từng ngành khoa học bao giờ cũng phiến diện, cũng tương đối. Các khoa học, các phương pháp nghiên cứu không loại trừ nhau mà bổ sung cho nhau, góp sức nhau để phát hiện đầy đủ hơn, sâu hơn bản chất và quy luật của sự vật, nếu như đó là những cách tiếp cận thật sự nghiêm túc và có căn cứ. Cần phải từ bỏ thái độ độc đoán cho rằng chỉ có một con đường đi đến chân lí, chỉ có một phương pháp nghiên cứu nào đó là có giá trị, các phương pháp khác là vô giá trị, không có quyền tồn tại. Một quan niệm như vậy là trái với thực tiễn và chỉ đem lại thiệt hại cho những người chủ quan, huênh hoang mà thôi.

Tùy theo mục đích và phương pháp nghiên cứu cụ thể, người nghiên cứu có thể tập trung vào "khâu" này hay "khâu" khác, phạm vi này hay phạm vi khác của hiện tượng văn học, nhưng như đã nói ở trên, về một phương pháp luận nghiên cứu, cần quan tâm đến hiện tượng văn học, đời sống văn học một cách toàn diện, như một hệ thống bao gồm nhà văn - tác phẩm - người đọc.

NGUYỄN VĂN HẠNH



VÕ ĐÌNH

LẠI NÓI CHUYỆN VẼ (II)

(Tiếp theo kỳ trước)



Như đã nói ở phần trước, tôi trân trọng tình yêu dành cho hội họa và sự tha thiết đối với quê hương và nền mỹ thuật nước nhà của hai họa sĩ Trịnh Cung và Khánh Trường. Những điều viết ra sau đây là để làm sáng tỏ thêm một số vấn đề vẫn là mối thao thức của những người trong nghề cũng như tất cả những ai vẫn lưu tâm đến nền mỹ thuật đất nước. Trong mấy chục năm qua, tôi đã sống như một họa sĩ. *Một họa sĩ Việt Nam.* Tôi tin rằng tôi có thể đóng góp có ích nhất bằng cách nói về một vài kinh nghiệm của bản thân. Và vài suy tư của một người cầm cọ.

Cái tôi, không nên, không cần, nói đến nhiều. Trong những trường hợp sau đây, có khi chẳng tránh được, xin bạn đọc thông cảm và lượng thứ cho.

PALAZZO Ý Ở THỦ ĐÔ MỸ

Ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn, góc đại lộ Độc Lập (Independence Avenue) và đường 12, có một tòa dinh thự đồ sộ xây bằng đá hồng nhạt, kiểu *palazzo* Ý, thời Phục Hưng. Khuôn viên nằm giữa có cây cảnh, tượng đá, bao bọc chung quanh bởi những hành lang dài, vòm, cột, lan can chạm trổ cầu kỳ. Mỗi lần từ vùng núi đồi tây bắc Maryland xuống "đồng bằng", ghé thủ đô, tôi thường

thu xếp đến thăm tòa lâu đài này (phải gọi là *lâu đài* mới diễn đạt được hình ảnh nguy nga của nơi chốn mặc dù kiến trúc *palazzo* Ý không có lâu mà cũng chẳng có đài!)

Với người bạn mới, có thể ta chuyện trò rôm rả. Với người bạn thân lâu đời, ta chỉ thường ngồi yên, không cần nói. Tôi quen biết tòa lâu đài đá hồng này từ lâu, chừng phần tư thế kỷ. Trước, tôi thường xông xáo đi thăm phòng này phòng nọ, nhưng về sau tôi chỉ loanh quanh xem cái này cái kia một lúc, rồi kiếm cái ghế đá ngồi chơi. Tòa lâu đài đó là một trong những nơi chất chứa nhiều nhất thế giới các tuyệt phẩm của nghệ thuật tạo hình Á Đông. Một bảo tàng viện thượng thặng, mang tên *The Freer Gallery*.

...

Những năm cuối thế kỷ 19, nhà kinh doanh Hoa Kỳ Charles Freer khai thác thị trường còn tương đối mới mẻ của kỹ nghệ giao thông đường sắt, trở thành triệu phú. Thế kỷ 20 bắt đầu, Freer vượt Thái Bình Dương qua Trung Quốc làm ăn, phát đạt lớn. Ngoài chuyện "hốt" bạc, ông còn "hốt" thêm được một sinh thú có tầm vóc: thưởng ngoạn nghệ thuật hình sắc (visual arts) của "thiên triều". Về lại Hoa Kỳ, Freer bỏ ra 5 triệu Mỹ Kim xây một lâu đài toàn bằng đá hồng (*pink marble*) để chứa toàn bộ những tuyệt phẩm ông đã tậu được bên Tàu. Con người chịu chơi này, khi qua đời, để lại di chúc làm quà toàn bộ tòa lâu đài cùng tất cả tranh tượng cổ ở trong cho nhân dân và nhà nước Hiệp Chủng Quốc. Ông thật chu đáo: Cùng với tặng phẩm trị giá nhiều tỉ mỹ kim, ông còn để lại 1 triệu MK mỗi năm riêng cho việc sơn quét dọn dẹp tòa lâu đài. Đây là chuyện những đồng đôla của gần 100 năm về trước.

...

Ngồi trên ghế đá, một góc khuất lấp trong khuôn viên *palazzo*, đã bao lần tôi trầm ngâm một mình. Trong lâu đài đại đa số các tuyệt phẩm mỹ thuật đến từ Trung Quốc. Đỉnh đồng, búa đá, hốt ngọc đời Thương, đời Châu, tượng Phật, tượng Bồ Tát, thủ bút vua Minh Hoàng đời Đường, tranh thủy mặc và đồ sứ Tống, Minh, Thanh... Có cả gương đồng, và trâm, thoa của những mệnh phụ, công nương đời Hán (làm mình ngẩn ngơ nhớ tới hai câu Chinh Phụ Ngâm: *Thoa cung Hán thuở ngày xuất giá/ Gương lầu Tần dấu đã soi chung...*) Có cả tranh tuấn mã, tranh sử tích đời Nguyên. Những tuyệt phẩm được sáng tác suốt chiều dài lịch sử lịch sử Trung Quốc. Hàng chục thế kỷ đã trôi qua, còn lại đây bảo vật của những đồng bào (cũng là người đồng thời) của vua Trụ, vua Kiệt, của Khổng Tử, của Lưu Bang, của Huyền Trang, của Vương An Thạch... Tôi ngây ngất thả tâm trí bay về nơi mịt mùng ở những thời điểm xa xưa... Và tôi giật mình thấy có một sự chênh lệch lớn lao: người ta ngưỡng mộ một nước Trung Quốc của quá khứ, người ta bái phục những tác phẩm của con người Trung Quốc của những thế kỷ đã qua. Hỏi một vị khách ngày nay viếng thăm *Freer Gallery* vị ấy nghĩ gì về nghệ

thuật đương đại của Trung Quốc, câu trả lời sẽ là: nghệ thuật đương đại nào của Trung Quốc? Trung Quốc của họ Đặng, họ Giang ấy à?

Hội họa đương đại Trung Quốc là gì, như thế nào, không ai biết. Không ai ngoài vài nhà trí thức chuyên trị một lãnh vực học thuật ít người lưu tâm. Không ai biết ngoài một số chuyên gia có trách nhiệm vẽ lục tô hồng cho chế độ. Thế thì thử nhìn vào một số dữ kiện thực tế xem sao. Nếu đem tổng sản lượng quốc gia chia điều cho toàn dân thì người dân ở Mỹ Quốc được hưởng gần 50 lần người dân ở Trung Quốc. Tính đổ đồng cứ hai người ở Mỹ Quốc thì có ba cái máy điện thoại, trong khi ở Trung Quốc cứ 36 người mới có một cái. Những con số này nói lên điều gì? Mức sống vật chất ở Mỹ Quốc cao hơn ở Trung Quốc gấp bội chăng? Hẳn là như vậy. Người dân Mỹ Quốc "hạnh phúc" hơn người dân Trung Quốc chăng? Chưa chắc? Nghệ sĩ Mỹ Quốc tài hoa phong phú hơn nghệ sĩ Trung Quốc ư? Làm sao biết được! Những cơ sở mỹ thuật (chương trình giáo dục, nơi chốn và cơ hội trưng bày tác phẩm, viện bảo tàng, v.v...) ở Trung Quốc nhất định là thua kém ở Mỹ Quốc nhiều. Nhưng cá nhân những nghệ sĩ, lòng tha thiết, đức kiên trì, óc tưởng tượng của họ, chưa chắc đã thua kém những nghệ sĩ, nói riêng, ở Mỹ Quốc, nói chung, ở các nước Tây Phương.

Tại sao nói về nghệ thuật tạo hình Trung Quốc, người ta chỉ nghĩ đến những thời đại đã qua, chỉ thấy những đồ đồng Thương, Châu, tranh thủy mặc cổ và đồ sứ xưa, coi như là nghệ thuật Trung Quốc đến thời kỳ hiện tại đã không còn nữa? Nói gì Trung Quốc, tuy là một nước lớn nhưng nghèo (so với Tây phương), và cai trị bởi một chế độ đảng trị độc tài. Một nước, cũng lớn và nghèo, nhưng từ mấy chục năm nay đã được coi như nước dân chủ đông dân nhất thế giới: Ấn Độ. Nghệ thuật Ấn Độ cũng bị coi như đã dừng lại từ mấy thế kỷ trước. Nói gì hai nước lớn, gốc nguồn của hai nền văn minh Á Châu lớn lao ấy, cứ xem Nhật Bản, một nước tuy diện tích nhỏ nhưng dân số lớn và có thể sánh vai cùng các nước Âu Mỹ phú cường bậc nhất. Phải chăng nền mỹ thuật Nhật Bản đã dừng lại ở những mộc bản Hiroshige, những thanh kiếm *Samurai*, những mặt nạ *No*, những mẫu trang trí *Kabuki?*

Trung Hoa, Ấn Độ, Nhật Bản, ba quốc gia quan trọng hàng đầu ở Á Châu, dưới mắt người dân bình thường ở Âu Mỹ, đều có những nền mỹ thuật huy hoàng, *trong quá khứ*. Nhấn mạnh, *trong quá khứ*. Ngoài Á Châu ra, đây cũng là tình trạng oái oăm của các nước từng là nơi phát xuất những nền văn hóa và mỹ thuật cực kỳ phong phú. Như Ai Cập ở châu Phi. Như Mễ Tây Cơ ở châu Mỹ.

Phải chăng khi nói về nghệ thuật đương đại, chúng ta đồng nhất "nghệ thuật thế giới" với nghệ thuật tại các nước tiên tiến ở Âu Châu và Mỹ Châu? Và trong số các nước đó, Hoa Kỳ, từ những năm 50 trở về sau, đóng vai trò

sáng láng nhất?

ÔNG K. Ở GEORGETOWN

The Freer Gallery chỉ là một trong số hàng chục bảo tàng viện của hệ thống Smithsonian Institution nằm ở trung tâm thành phố Hoa Thịnh Đốn. Xa hơn, về phía Tây thủ đô là một khu vực khá đặc biệt, Georgetown. Nơi cư ngụ của đông đảo nhân vật lừng danh trong các giới chính trị, ngoại giao, truyền thông, báo chí, và nghệ thuật. Từ đường R hay S, xuống đến đường M, phía đại lộ Wisconsin, quán xá giông giống như bên Paris: những cửa hàng xinh xắn, ấm cúng, tiệm ăn, tiệm thực phẩm, quán rượu, quán sách. Và những cửa hàng mỹ thuật phẩm (*art galleries*). Chủ nhân của một trong những *galleries* đó là ông Kurosawa (không phải tên thật của ông; tôi gọi là ông K. cho tiện). Một người Nhật chính gốc, đến từ Đông Kinh, nói tiếng Anh rất lưu loát.

Ngày nọ, cũng đã 20 năm qua, được người giới thiệu, tôi đến gặp ông K. Mới bước qua ngưỡng cửa, tôi thấy ngay, Những họa phẩm treo trên tường chứng tỏ rằng đây là một *gallery* thuộc hạng cao cấp, cao về giá trị cũng như cao về giá cả. Ông K. ngắm nghía mấy bức tranh của tôi mang đến, rồi ngồi trầm ngâm thật lâu. Tôi thấy rõ ông có cảm tình với tác phẩm của tôi. Dáng dấp ông K., một người làm ăn lịch lãm, Đông Kinh, New York, Washington, D.C., nghĩa là có tầm vóc quốc tế, khiến tôi tự nhủ ngay rằng phải giữ vững tư thế của mình. Nhiều năm đã trôi qua, tôi còn nhớ buổi gặp ở Georgetown.

Ông K. nói:

- Ông có thể để tranh lại đây một thời gian, xem sao. Nhưng tôi không bảo đảm là bán được dễ dàng đâu...

- Vâng, tôi hiểu. Ông không phải hứa hẹn gì cả.

- Tranh ông đẹp, lạ. Nhưng vào loại... khó ưa đấy!

Tôi khoát tay lên tường:

- Vâng, tôi biết. Thế còn những tranh này? Có dễ bán không? Tôi thì tôi thấy những tranh này đẹp lắm. Đặc biệt những bức Ikeda. Tôi thích Ikeda từ lâu. Rất mới. Mà vẫn rất Nhật. Lạ.

Nhận xét đó khiến cho ông K. nở một nụ cười thật tươi. Ông làm một cử chỉ rất "Tây": Ông đưa tay, bắt tay tôi, ra cái điều tâm đắc. Từ cái bắt tay đó, chúng tôi nói chuyện thân mật hơn. Sau đây, đại khái lời "tâm sự" của ông K.:

"Có một điều thật lạ lùng, tôi không bao giờ ngờ trước khi qua Hoa Kỳ kinh doanh trong ngành này. Đây là một nước lớn. Mức sống và dân trí thuộc vào bậc nhất thế giới. Nhưng cái tâm lý của người chơi tranh, dù là ở hàng thượng lưu, vẫn còn có tính cách địa phương lắm. Thế này này: Hai họa phẩm

A và B, tương đương về giá trị và giá cả, mang hai chữ ký có tầm cỡ tương đương trên phương diện quốc tế. A là tác phẩm của một nghệ sĩ Hoa Kỳ, và B là tác phẩm của một nghệ sĩ Nhật Bản. Tôi cá với ông rằng người chơi tranh tiêu biểu sẽ mua họa phẩm A.

Tôi hỏi:

- Thế bên Nhật, bên Tokyo các ông, sự tình có như vậy không?

Ông K. cười:

- Bên Tokyo cũng vậy thôi. Các vị chơi tranh bên chúng tôi sẵn sàng bỏ tiền ra thỉnh các tranh Nhật về mặc dù có biết bao tranh Mỹ, tranh Pháp... cũng có giá trị ngang ngửa hay còn cao hơn mà giá cả lại phải chăng hơn. Thời đại này người ta nói nhiều về thế giới thu hẹp. Quả có vậy. Thu hẹp trong nghĩa thông tin, trao đổi, di chuyển, v.v... Cũng thu hẹp trong nghĩa thế giới vẫn còn là một nhúm làng mạc!

Thật ra, tranh Mỹ ở Nhật có cái ưu thế mà tranh Nhật ở Mỹ không có. Nói chung, người Nhật ham chuộng cái mới lạ ở Mỹ hơn. Có bức tranh Mỹ trong nhà, "chic" lắm. Một *collector* Mỹ có thể thừa kiến thức để hiểu biết cái hay cái dở của sự chọn lựa, nhưng trên bình diện *tâm lý*, ông/bà ta vẫn tự nhiên trở về với đất nước của họ. Họ có thể chuộng cây kiếm *samurai*, cái mặt nạ *No*, họ có thể bỏ tiền ra mua về trưng bày trong nhà, nhưng một tác phẩm nghệ thuật thuần túy? Họ dừng lại ở thế kỷ 19, không đi xa hơn.

Tôi hỏi ông K.:

- Có thể chăng vì ở đây có niềm tự ái dân tộc, hay là có sự thiên vị về mặt kinh tế?

- Ấy, không có đâu. Ông K. trả lời dứt khoát. Ở đây không có tự ái dân tộc đâu. Ông cũng thừa biết người Hoa Kỳ rất thực tiễn. Ngoài ra, dân của một nước lớn và giàu mạnh như Hoa Kỳ, không để tự ái dân tộc chen vào những hoàn cảnh này. Còn thiên vị kinh tế? Cũng không đâu. Một người Mỹ, bước vào một *gallery* Nhật, không bận tâm đến cán cân mậu dịch! Ông xem, lý do thật ra lạ lùng hơn nhiều. Tôi đã tìm hiểu và tôi có thể khẳng định rằng đó là một thứ tình cảm khá sướt mướt! Đó là khi giáp mặt với các tác phẩm nghệ thuật phát xuất từ một nền văn hóa bên ngoài, người ta chỉ muốn xúc tiếp với những gì phù hợp với hình ảnh và quan niệm họ đã có sẵn. Như thế người ta cảm thấy *an toàn* hơn. Thành ra, ông xem, ở đây không có vấn đề tự ái dân tộc. Không có vấn đề thiên vị kinh tế. Đây là một vấn đề tâm lý nằm bên trong, bên dưới một sinh hoạt trí thức, văn hóa. Cũng trong chiều hướng đó, một *collector* Nhật Bản sẽ chịu mua một bức tranh Mỹ có hình ảnh đại vực ở Arizona, hay hiện đại hơn, lá cờ sọc đỏ sao trắng, *star-spangled banner*, hơn là một họa phẩm đương đại Hoa Kỳ mang ảnh hưởng Thiền đạo hay thư pháp cổ điển.

Ông K. khoát tay một vòng qua các họa phẩm trên tường *gallery:*

- Ông xem, với người Mỹ, những hình ảnh này không phải là Nhật Bản.

Họ không đủ kiến thức và bén nhạy — về mỹ thuật— để nhận ra được những khác biệt giữa những cái gọi là Mỹ cuối thế kỷ 20 và những cái gọi là Nhật cuối thế kỷ 20. Cũng như họ không chuyển nổi sự yêu chuộng cái lạ lùng của nghệ thuật Nhật thế kỷ 19 qua cho cái lạ lùng của nghệ thuật Nhật thế kỷ 20. Và vì không làm được những việc đó — thưởng ngoạn nghệ thuật đòi hỏi nhiều cố gắng gian nan đó chứ ông—! họ quay lui về với những gì quen thuộc hơn với tâm thức họ ở Mỹ. Chẳng hạn, khoảng cách giữa Warhol và Remington ở Hoa Kỳ cũng lớn như — có thể còn lớn hơn— khoảng cách giữa Ikeda và Hokusai ở Nhật. Nhưng Warhol là Hoa Kỳ. Họ chọn Warhol. Dù chỉ là một tấm thủ ấn họa sản xuất hàng loạt *—mass produced! Gallery* của tôi chỉ trưng bày họa phẩm Nhật Bản đương đại là một ngoại lệ, một việc làm kỳ cục! Từ ngày anh em nhà Goncourt giới thiệu mộc bản cổ điển Nhật Bản với quần chúng Pháp Quốc, và từ đó, với Tây Phương nói chung, nghệ thuật Nhật Bản đã đi thật xa. Ấy vậy mà chúng tôi vẫn còn phải gồng mình vất vả biết bao, cố vượt cho khỏi trùng vây của thời tiền-Minh Trị.

Ông xem, ngày nay bao nhiêu là chữ nghĩa Nhật đã đi vào ngôn ngữ và đời sống Tây phương, đặc biệt Hoa Kỳ. Người ta đã đại chúng hóa, có khi còn "lố bịch hóa" nữa, nào là *shogun, samurai, sumo, karate*, nào là *sushi, sumi-e, geisha, sayonara*... Đó là chưa nói đến những *Honda, Toyota*, những *Sony, Toshiba*, những *Mazda, Mitsubishi*... Nghe qua, có vẻ quen thuộc lắm, thân thiết lắm. Thật ra... Chúng tôi mà còn gian nan như vậy, huống hồ các ông!

"Huống hồ các ông!" Huống hồ chúng ta, những nghệ sĩ gốc Việt lạc loài trong xứ sở mênh mông này. Tôi ra về từ buổi gặp gỡ ông K., lòng chan chứa một nỗi bẽ bàng mỗi bước đi mỗi lớn dần. Tôi nhớ lại thuở còn là một "họa sĩ trẻ", tuổi chưa tới ba mươi...

THANH NIÊN VIỆT Ở NEW YORK

Năm đó, tôi chưa tới ba mươi. Một họa sĩ trẻ, rất trẻ, non tuổi đời, non tuổi nghề, ngơ ngác một mình trong cái gọi là "thế giới nghệ thuật" ở trung tâm thành phố New York. Cần nói rõ rằng "thế giới nghệ thuật" ở đây, *the art world*, bao gồm chẳng những thế giới *của* nghệ thuật mà còn cả ý nghĩa thương trường nghệ phẩm. Như tôi đã viết trong *Lại Nói Chuyện Vẽ: Đã là thương trường thì đương nhiên có những qui luật về cung cầu, có cạnh tranh, có trục lợi, có lừa lọc, có bon chen. Tôi đã lạc lõng trong thế giới đó mấy năm trời. Tôi đã hoang mang, lo âu, đau khổ*" (1) Trong khuôn khổ bài viết này, xin thu gọn câu chuyện ở một khía cạnh đặc biệt: Gốc gác của người nghệ sĩ

---

(1) Võ Đình, *Lại Nói Chuyện Vẽ*, Hợp Lưu số 12, 8&9/1993

ảnh hưởng nặng nề chuyện phổ biến (buôn bán) nghệ phẩm.

Năm 27 tuổi, tôi được một *galerie* (Pháp) tổ chức cho cuộc triển lãm đầu đời ở New York. Cố nhiên, tôi hãnh diện lắm. Tôi không khiêm tốn hão, nhưng xin nói rõ: tôi không hãnh diện cho bản thân tôi. Tôi hãnh diện vì đó là lần đầu tiên những tác phẩm của một *họa sĩ Việt Nam* được trưng bày trong một cuộc triển lãm độc thân (*one-man show*) ở Hoa Kỳ, ở Tân-thế-giới. Tôi thuộc về thế hệ lớn lên trong khoảng thời gian đất nước đấu tranh và dành được quyền tự chủ, thế hệ được nói lên tên nước là Việt Nam, chứ không còn là "An Nam" hay gì gì nữa cả.

Đến khi các thứ giấy tờ in ra xong, tôi mới chưng hửng. Người họa sĩ trẻ cảm thấy lòng tự ái dân tộc bị xúc phạm nặng nề, niềm tình tự quê hương bị tổn thương xót xa. Sự bất bình của tôi đưa đến những đôi co có khi to tiếng. Nguyên do chỉ vì cái gốc gác Việt Nam của tôi không được đề cao theo như ý mình. Trọng tâm của phần giới thiệu nghiêng hẳn về sự kiện tôi được đào tạo nên một họa sĩ tại Paris, Pháp Quốc. Còn những chi tiết về gốc gác của tôi, của dân tộc tôi, thì lờ đi, coi rất nhẹ, coi như không có gì phải lưu ý. Tôi chỉ mặt đích danh thủ phạm: "Quí vị (trong *galerie*) là một bọn thực dân! Bây giờ là thập niên 60 rồi, không còn cái "Đông Pháp" của quí vị nữa đâu!" Thiếu điều tôi hét lên: "*Sales colonialistes*" (Đồ thực dân dơ bẩn!) Mấy "ông Tây bà Đầm" cũng chưng hửng không kém thấy anh họa sĩ trẻ phẫn nộ "lên gân" quá đáng như vậy.

Cuộc triển lãm cũng qua đi, và rồi vài năm sau tôi dứt áo đoạn tuyệt với mấy anh chị "thực dân" đó. Về sau, dần dà, tôi mới biết là tôi đã lầm to. Tôi đã nghĩ lầm rằng động cơ thúc đẩy người ta là "tàn tích" thực dân, đế quốc (ông chủ, ông quản lý, nhân viên đều là người Pháp). Về sau, tôi mới vỡ lẽ: động cơ thúc đẩy họ (lờ tảng gốc gác, quê hương, chủng tộc của tôi; đề cao sự đào tạo của Pháp) không phải là óc thực dân, trong nghĩa tinh thần thuộc địa, hay trong nghĩa kỳ thị chủng tộc. *Động cơ thúc đẩy họ là óc vụ lợi, óc con buôn*. Như thế, nghĩ cho cùng, họ cũng không có gì đáng trách. Đã là con buôn thì phải đặt chuyện lời lãi lên trên hết. Họ có thể rành rọt về nghệ thuật tạo hình, cần thiết cho việc buôn bán của họ. Nhưng sự rành rọt đó cũng giống như sự rành rọt của một chuyên viên địa ốc trong lãnh vực kiến trúc hay xây cất. Việc chánh là bán (hay mua) được nhà, đất. Mọi việc khác là phụ.

Tôi còn nhớ ông F., chủ nhân của *galerie*. Một *Parisien*, gần 40 năm trước đây đã vào khoảng 55, độc thân, ăn mặc sang trọng, cầu kỳ. Một con người sắc sảo, khinh bạc. Nhân vật số 2 là ông quản lý tên E., chừng 40, 45, cũng Pháp nhưng không phải gốc từ Paris, có gia đình, nhà cửa ở ngoại ô New York. Một con người "làm ăn" bình thường, lanh lợi, cần mẫn. Sau một thời gian ngắn, tôi nhận rằng F. và E. cần nhau nhưng không ưa nhau. F. khinh E., và E. ghét F. Nhờ khoảng cách đó giữa hai người mà tôi được E. "bật mí"

cho biết một số chuyện không lấy gì làm đẹp đẽ lắm đằng sau bản mặt sáng láng của một phòng tranh có tầm vóc trong "thế giới nghệ thuật" New York.

Bỏ qua những gì không dính líu tới chuyện đang bàn của chúng ta, tôi chỉ muốn ghi lại đây rằng nhờ E. mà tôi biết được một số họa sĩ tiền bối của chúng ta (thế hệ đợt đầu của trường Mỹ thuật Đông Dương Hà Nội) không được người ta coi trọng như mình vẫn tưởng. Người ta: người bán tranh, giới phê bình tranh, khách mua tranh. Người bán thì lo bán cho nhiều, cho đều, tuy không tha thiết gì đến món hàng mình bán. Giới phê bình thì "kính nhi viễn chi". Khách mua tranh chỉ là hạng khách "thường", giới trung lưu, mua tranh chỉ cốt để trang hoàng nhà cửa, không phải là những tay "sưu tầm" nặng ký.

Galerie phô trương một vài tác phẩm của các bậc "sư tổ" như Picasso, Braque, Modigliani, Chagall, một vài thôi, cốt chỉ để hù dọa thiên hạ. Lại thêm một vài "sư phụ", cỡ Dufy, Bissière, de Ségonzac. Đại đa số tác phẩm lưu trữ và trưng bày tại *galerie* thuộc vào hạng "sư huynh", "sư đệ", cốt lõi của tổng số tồn kho: Những tay cọ đương thời đã vững vàng hay đang lên, những tên tuổi khá quen thuộc như Manessier, Vénard, như Aizpiri, như Buffet. Còn lại là những tác phẩm "ngoại vi": Những cây cọ gốc "Đông Dương". Để đó như một thứ hoa lá trang trí. Dễ ưa. Dễ thương. Sản xuất hàng loạt. Giá cả phải chăng. Đề tài thường giới hạn ở những thứ làm vui lòng người dễ tính: không khí "bản xứ", phảng phất "thi vị" Paris! Mẹ bồng con, mẹ cho con bú, trẻ con học bài, thiếu nữ và hoa, thiếu nữ và *suối* tóc, lọ hoa muôn mầu, cửa sổ mở ra cảnh vườn có cây vàng nắng ngọc, cửa sổ mở ra mặt biển xanh ngắt, cánh buồm trắng xa xa, vân vân.

Đó là về đề tài. Về bút pháp, các cây cọ "Đông Dương" khá thiên vị cái "manière" sơn dầu lùi xùi, phơn phớt kiểu Bonnard, Vuillard, nhất là Bonnard. Còn mầu nước thì nhất định là phảng phất Nhật, Hoa, những "*aplats*" kiểu các chân dung đời Thanh. Và không quên cái triện son *vẽ tay* cho ra vẻ Á Đông. Tuy nhiên, những tác phẩm này không tự xưng, và không được biết đến như những công trình *Việt Nam*.

E. nói với tôi: Tôi thông cảm sự lưu tâm, sự bực bội của bạn. Nhưng tôi phải nói rõ cho bạn biết, dù đó là một sự thật đau lòng. Khách mua tranh là mấy ông mấy bà nhà giàu, họ không cần biết anh là ai. Việt Nam, hay Tàu, hay Nhật cũng vầy vậy thôi. Họ không cần biết anh là Việt Nam, hay Annamite, hay Tonkinois... Nghệ thuật của các anh là thứ màu mè nhiệt đới, phản phất chút hơi hướm "Viễn đông" cho vui mắt vậy thôi chứ căn bản cái vẽ của các anh là Pháp, Pháp lai. Bạn coi, chúng tôi ở *galerie* có bao giờ nhấn mạnh đến gốc gác các anh đâu. Chúng tôi chỉ nói tới việc các anh được đào tạo ở đâu, và bởi ai mà thôi. Không xuất thân trường Mỹ Thuật Đông Dương thì cũng là cà quán xá, cà phê thuốc lá Montmartre, Montparnasse ở "kinh thành ánh sáng"! Chúng tôi chỉ cần đặt tranh như đặt bánh và được cung cấp

liền liền. Các anh đâu có ăn "thịt bò cái điên" (2). Các anh có nhà có cửa ở ngoại ô Paris, ở dưới *Côte d'Azur* kia. Chỉ có bạn là cứng đầu. So với mấy tay kia bạn là kẻ sinh sau đẻ muộn, nhưng bạn lý tưởng hão, bạn không thực tế, bạn mơ tưởng một thứ hội họa Việt Nam như chưa từng có! Bạn nghĩ coi, biết bao giờ bạn mới tống khứ cho hết được bao nhiêu thức ăn tinh thần và nghệ thuật của Pháp Quốc bạn đã lỡ nuốt vào bụng rồi?! Chúng tôi không kỳ thị các anh đâu. Chúng tôi cũng chẳng mắc mớ gì phải chơi cái trò thực dân thuộc địa với các anh. Xưa lắm rồi. Quê lắm rồi. Chúng tôi chỉ muốn bán tranh. Chúng tôi phải làm ra tiền để còn chi cho các anh chứ! Vì vậy, khách hàng muốn gì cứ cho chúng nó cái ấy. Tụi làm ăn Mỹ có câu nói chí lý: *Khách hàng là vua! (The customer is king!)* Chắc bạn đã từng nghe rồi.

Vâng, tôi đã từng nghe rồi. Sau một thời gian nữa, tôi tung hê tất cả và ra đi. Tôi nói với E.: Cha mẹ tôi thắt lưng buộc bụng nuôi tôi ăn học, bây giờ chẳng lẽ cam phận làm nô lệ cho các ông. Thôi, *adieu* bạn hiền...

*

Hôm nọ, ngắm cái mẫu quảng cáo chiếc xe hơi đời mới trình bày rất đẹp trong báo, tôi nhớ tới ông quản lý E. ngày xưa, chẳng biết còn sống hay đã chết. Cả trang giấy lớn chỉ có cái hình nhỏ chiếc xe nằm giữa, chung quanh để trống thật nhiều. Bên dưới hình chiếc xe, có mỗi một chữ, chỉ một chữ thôi, rõ ràng, sắc nét: ĐƠN GIẢN (Thật ra, chữ Anh đó, một động từ, *simplify*, có một ý nghĩa đầy đủ hơn: làm cho giản dị hơn, đơn giản hóa, đơn giản hóa đi thôi.) Dưới xa, gần cuối trang, một dòng chữ, nhỏ hơn: *Tinh tế. Dũng mãnh. Và quí vị có thể chọn lựa* (thế nào) *cho thật hạp với* (cá tính của) *quí vị. Có quyết định nào dễ dàng hơn không?* Chỉ từng ấy chữ để mời gọi mua chiếc xe đời mới.

Hãng quảng cáo nào đó có những tay chuyên gia cực kỳ khôn ngoan mánh lới. Ai cũng biết đời sống thời nay phức tạp, rối rắm lắm. Biết bao người mải mê chạy đua với cái đồng hồ, khoái ăn ngon mặc đẹp, ưa ở nhà sang, chuộng các tiện nghi vật chất. Nhưng cũng biết bao người vẫn ấm ức trong lòng nỗi khát khao được sống một cuộc sống đơn giản, thanh nhàn. Phải chăng vì thế mà lời mời mọc bắt đầu với *simplify*. Đơn giản. Đơn giản hóa đi. Đơn giản hóa đi thôi. Cuộc sống phiền toái đã hành hạ bạn nhiều rồi, còn đợi chờ chi nữa, so sánh chọn lựa chi nữa cho khổ thân! Coi, còn gì đơn giản hơn chiếc xe gọn ghẽ, bóng lộn này. Rẻ, bền, đáng tin cậy! Sự đơn giản hiện thân. Đường nét tinh tế, thanh nhã, sức lực hùng hậu, là chiếc xe này. Như chính bạn vậy.

---

(2) Thành ngữ Pháp, *manger la vache enragée*, ngụ ý chỉ dân nghệ sĩ nghèo khổ một mực đeo đuổi lý tưởng nghệ thuật — như Picasso, Modigliani thuở hàn vi.

Bạn là người vừa tinh tế, vừa mạnh mẽ, bạn lái chiếc xe này, trời, hợp quá sá đi chứ!

Mười bảy chữ (Anh) mà thôi để dụ khị khách hàng mua chiếc xe. Đến tận cuối trang mới có một chữ *Honda*, tên người đã khai sinh ra chiếc xe. Tuyệt đối không có một chữ đá động đến đất nước xưa nay vẫn có tiếng là cương cường, là có tinh thần quốc gia dân tộc cao độ: Nhật Bản!

Mẫu quảng cáo cho một chiếc xe Nhật trên đất Mỹ đáng để cho ta suy gẫm. Tôi nhìn mẫu quảng cáo mà nhớ tới ông quản lý E. ở cái *galerie* nọ trên New York. Ông đã có lý khi ông, và những người khác trong *galerie* có cùng trách nhiệm với ông, lờ tảng đi cái gốc gác Việt Nam của tôi. Tôi cũng đã có lý khi tôi phản đối, phản đối đến độ đoạn tuyệt với nhóm các ông các bà ấy.

"ĐẾ QUỐC VĂN HÓA"

Ông E. ở New York, ông K. ở Washington, DC: Bao nhiêu năm đã trôi qua! Tôi không biết ông E. còn sống không, và ông K. còn bán tranh Nhật cho Mỹ không. Phần tôi, tôi vẫn còn "làm hội họa". Tôi nói "làm hội họa". Tôi không nói "vẽ tranh". Tôi vẫn còn "làm hội họa" với quan niệm như anh bạn tôi chuyên về Toán và Vật lý "làm khảo cứu khoa học". Làm thật. Và đúng. Tôi cũng "làm hội họa" như tôi trồng rau. Không để làm dáng. Không để đem đi dự thí. Không để kinh doanh trong thị trường rau cỏ. Trồng rau để có mà ăn hằng ngày. Cho nên phải trồng cho thật và cho đúng.

Ông E., ông K. đã đánh dấu những chặng đường quan trọng trong đời sống một họa sĩ Việt Nam ở Âu Mỹ. Sau 1975, với sự hiện diện của một số họa sĩ đồng hương ở Pháp, ở Hoa Kỳ, tôi lại có những băn khoăn khác. Một ông bạn đàn anh, một bậc thầy, ngay từ năm 1977, đã thấy ngay cái khổ tâm của người nghệ sĩ gốc Á Đông ở các nước Tây phương. Hai mươi năm về trước, mới tới định cư ở Hoa Kỳ được hai năm, nghĩa là đang còn lạ nước lạ cái lắm, nhà văn Võ Phiến đã có những nhận định sâu sắc và chính xác về người nghệ sĩ gốc Á Đông nói chung ở đây. Ông "*thích nhắc đến người Tàu*":

"*Nhìn vào cái cộng đồng gốc Hoa đông đảo hàng nửa triệu con người ấy, tôi có điều ngạc nhiên là họ chưa có một đóng góp đáng kể vào sinh hoạt văn học nghệ thuật của xứ này.*"

"*Thật vậy, tôi chưa biết có những họa sĩ, nhạc sĩ, văn sĩ lỗi lạc người Mỹ gốc Hoa. Gốc Hoa không có, mà gốc Nhật, gốc Hàn, gốc Phi Luật Tân cũng không". (...) "Bạn có biết một nhà hội họa, điêu khắc nào có thể xem như tiêu biểu cho một khuynh hướng nghệ thuật Hoa Kỳ mà vốn là người gốc Hoa, gốc Nhật, gốc Á Châu nói chung chăng?" (...) "Các văn thi sĩ Á Châu tới đây thoạt tiên ai nấy ái ngại cho họ vì cái trở ngại ngôn ngữ. Các họa sĩ, nhạc sĩ không bị trở ngại ấy, rốt cuộc vẫn đáng ái ngại, lại càng ái ngại hơn. Vì khi thất bại, họ*

không còn biết gán tội vào đâu được" (3).

Võ Phiến viết những dòng trên năm 1977. Có lẽ vì đang còn "lạ nước lạ cái" nên ông không ghi nhận là có những nghệ sĩ gốc Á Đông được người ta biết đến và tuyên dương đấy chứ. Chẳng hạn trong ngành văn có Lâm Ngữ Đường (Hoa) trước kia, Maxine Hong Kingston (Hoa) sau này. Ngành họa có Kuniyoshi (Nhật). Điêu khắc có Noguchi (Nhật). Kiến trúc có Pei (Hoa). Nhạc có Ozawa (Nhật), có Ma (Hoa). Võ Phiến không ghi nhận sự có mặt của những nhân vật này cũng là phải, vì có họ hay không có họ chẳng thay đổi gì cả sự nhậm lẹ, tinh tế, và đúng đắn của những nhận định ông đã có. Con số dăm ba nghệ sĩ gốc Á Đông đó, lơ thơ hiu hắt quá trong số hàng ngàn hàng vạn nghệ sĩ trong toàn nước Mỹ này.

Nhà văn Lâm Ngữ Đường cư trú lâu năm ở Mỹ, viết hàng chục cuốn sách bằng Anh ngữ, nhưng trọng tâm của sự viết lách của ông vẫn là tâm tình và quan điểm của một người Hoa. Ông được đọc nhiều, ông được kính nể, nhưng ông không có được cái vị thế của một I.B. Singer. Điều đó không khó hiểu. Họa sĩ Kuniyoshi cũng cư trú ở Mỹ lâu năm, nhưng cuộc đời sáng tạo của ông có những giai đoạn rất thiết tha với đất nước này. Trên phương diện tâm hồn, Kuniyoshi đã nói được nhiều điều về nước Mỹ hơn chẳng hạn, một de Kooning. Ấy vậy mà, theo tiêu chuẩn truyền thống báo chí hiện đại, de Kooning lại là một tên tuổi rực rỡ hơn. Tại sao? Chắc hẳn phải có lý do nào khác ngoài cái lý do vì người nghệ sĩ gốc Á Đông không *"nói lên cái cảm nghĩ hợp với quần chúng Mỹ" (...) "Nhà khoa học là người của lý trí, không cần "hợp" với ai cả, nhà khoa học Á Châu tha hồ thành công ở Âu Mỹ. Còn các nghệ sĩ đi đến đâu cũng khệ nệ cái tâm hồn theo đến đó" (3).*

Người Mỹ đã không nề hà cái gốc Á Đông của Lâm Ngữ Đường và Kuniyoshi. Họ đã ấn hành nhiều sách của ông gốc Hoa, và ngợi ca họa phẩm của ông gốc Nhật (4). Nhưng họ đã coi hai ông là khách, không phải như người trong nhà như họ coi Singer và de Kooning. Ở đây, không có sự kỳ thị chủng tộc đâu. Nhưng lại có một thành kiến, một sự tự mãn văn hóa. Như thể các vị có thế lực văn hóa ở Mỹ ngồi trong nhà nhìn ra. Còn hai ông (Hoa và Nhật) đứng ở ngoài nhìn vói vào. Chúng ta có thể tưởng tượng ngôi nhà của người gốc Âu châu, da trắng (nói thế này cho tiện chứ thật ra trong nhà này có cả, dĩ nhiên, những người gốc Do Thái, tổ tiên lâu đời đến từ Trung Đông) như một thành trì kiên cố, một thứ lâu đài đồ sộ có tường đá thật dày, thật cao, bao bọc chung quanh. Thành trì đó không có súng bắn đá ra ngoài, không có dầu sôi đổ xuống như thời Trung cổ. Thành trì đó vô hình nhưng

---

(3) Võ Phiến, *Người Mỹ gốc Việt* trong *Lại Thư Gửi Bạn*, Người Việt, 1979, in lại trong *Tạp Luận*, Văn Nghệ, 1987.

(4) Võ Đình, Trường hợp *Kuniyushi*, Hợp Lưu số 19, tháng 10&11 năm 1994.

cực kỳ hiểm trở. Nó là thành trì của đế quốc cuối cùng của thế kỷ 20. Một đế quốc thời mới. Một "đế quốc văn hóa".

Ngày nay, chúng ta không còn những "ông Tây" từ Pháp sang Đông Dương lập đồn điền, trồng cà phê, cao su, khai thác mồ hôi dân bản xứ. Chúng ta không còn những "ông Ăng-lê" sang Tàu, dộng thuốc phiện vô họng con dân của "thiên triều", hay chơi đánh banh dưới cái nắng Ấn Độ trong khi mấy anh "Chà và" lễ mễ bưng mâm thức uống dâng tận tay. Thời kỳ cực thịnh của dân Âu châu da trắng đè đầu cưỡi cổ các dân da màu không còn nữa. Nhưng những cái vòi của con bạch tuộc văn hóa Tây phương vói ra xa, cùng khắp một lãnh thổ rộng lớn hơn cả đế quốc Mông Cổ ngày xưa, hơn cả đế quốc Anh gần đây. "Đế quốc văn hóa" này không dùng đến súng đạn để khống chế hay uy hiếp. Không có tù đày và sát hại. Nhưng mãnh lực của nó, ảnh hưởng của nó, vô cùng và khắp nơi.

Không cần nói gì những chuyện to lớn hơn. Chỉ với mỗi một việc cầm cây bút "máy" nhỏ bé trong tay, tôi đã tự nguyện tham dự vào guồng máy kinh tế, kỹ nghệ, thương mãi của một hệ thống sản xuất và tiêu thụ có gốc nguồn Âu châu, da trắng. Đến khi tôi đặt bút xuống viết, tôi càng lún sâu hơn vào một môi trường khác, một môi trường văn hóa, cũng có cùng một gốc nguồn Âu châu, da trắng. Cái tôi viết — chữ quốc ngữ, với những mẫu tự La-tinh—, cách tôi viết, cách tôi suy luận, phải thành thật mà nói, gần với một người viết Tây phương ngày nay hơn là với các cụ ta ngày xưa. Tôi viết về những thao thức của một *họa sĩ Việt Nam* nhưng đồng thời tôi cũng chấp nhận (tuy trong thâm tâm vẫn le lói ngọn lửa phản kháng!) làm con dân của "đế quốc văn hóa" gốc Âu châu, da trắng nói trên. Tôi không muốn, mà có muốn cũng không làm được, dùng một ngọn bút lông (làm bằng tay) viết lên một tấm giấy dó (làm bằng tay) những chữ Nôm của một thời đã qua thay vì dùng cây Parker "nguyên tử" viết lên giấy trắng có kẽ giòng 500 tờ một xấp mua ở KMart chỉ có 3 đô 95!!

Là một họa sĩ, tôi yêu cầm cọ. Cọ, vải, sơn, gỗ, tất cả những thứ ấy cũng như cây bút, tờ giấy kia. Tôi có thể nghĩ, có thể nói, về nào là tình tự quê hương, nào là tinh thần dân tộc. Nhưng tôi, thật ra, đã bị "chương trình hóa" rồi. Cứ cầm cọ vẽ là tôi nhập ngay vào giòng tâm thức tạo hình Tây phương, da trắng: từ gốc nguồn Phục Hưng cho đến Tả Chân, đến Ấn Tượng, đến những trào lưu của thế kỷ 20. Lập thể ư? Thì đấy, đã có Picasso, có Braque. Tiềm thức, mộng mị ư? Thì đấy, đã có Dali, có Magritte. Trừu tượng, vô hình thể ư? Thì đấy, đã có Kandinsky, có Mondrian. Biểu hiện nội tâm dưới dạng hình tượng thuần túy ư? Thì đấy, có cả một trường phái New York của những năm 50 với hai con chim đầu đàn là Pollock và de Kooning. Ông de Kooning mới chết cách đây mấy tháng, thọ 92 tuổi. Cái chết của ông họa sĩ Mỹ gốc Hòa Lan đã gợi hứng cho tôi viết bài này.

"Đế quốc văn hóa" này là một thực tại. Dù muốn dù không, con người văn

hóa văn nghệ trong tôi đã, đang là một thành phần của nó. Tôi đã từng được nó dạy dỗ, được nó dung dưỡng, rồi bị nó lung lạc. Từ lâu tôi đã muốn bung ra khỏi vòng kiềm tỏa của nó. Nhưng cái "đế quốc văn hóa" nó lớn, nó mạnh lắm. Nó không sợ tôi tuột khỏi tay nó. Nó để mặc tôi tha hồ loay hoay với nào là Đông phương, nào là Á Đông, nào là Việt Nam, nào là cố đô Huế. Nó cho phép tôi tự do sống với những hoài niệm, những mơ mòng của tôi. Loay hoay thỏa thuê, tự do đã đời cho đến khi tôi chỉ gồng mình tí xíu là nó xiết ngay lại vòng tay cứng rắn của nó. Nói cách khác, một cách thật sáo: "đế quốc văn hóa", nó có những bàn tay thép bọc nhung!

MAO VÀ MARILYN

Hôm nay là ngày Anh Quốc trao trả Hương Cảng cho Trung Quốc. Tôi ghi nhận một hình ảnh trong báo: Trên tường cửa hàng lớn nọ ở Hương Cảng, treo một tranh, hình Mao Trạch Đông. Không phải Mao của cuộc trường chinh và Diên An trước kia, hay Mao của cuộc "cách mạng văn hóa" sau này. Họa sĩ nào đó đã thực hiện chân dung Mao theo kiểu Andy Warhol thực hiện chân dung Marilyn Monroe trong thời cực thịnh của Pop, những năm 60. Một hình ảnh *Pop Art Mao!*

Một trăm năm mươi lăm năm sau cuộc Chiến tranh Nha Phiến I, Hương cảng được trả về cho Trung Quốc. Con sư tử Anh Cát Lợi đã chơi trò chính trị, quân sự đúng theo nguyên tắc. Chiếc hạm Britannia chở Thái tử Charles về Anh Quốc, và Hương cảng ở lại với một hình ảnh Mao được sáng tác dựa theo kiểu một nghệ sĩ Mỹ đã thực hiện khuôn mặt Marilyn! Nghệ thuật tạo hình Hương Cảng (Á Đông) đã "hội nhập" vào dòng "nghệ thuật thế giới" (nghệ thuật Âu Mỹ). Sau hơn ngàn nam thủy mặc với những Vương Duy, Tô Đông Pha, Mã Viễn, Thạch Đào, phải chăng đây là, để dùng một từ ngữ của chính họ Mao, một cú "đại nhảy vọt" ngoạn mục?!

...

Lâu nay, từ lâu, chúng ta thường tự nhủ, tự an ủi, rằng Đông Phương chỉ học hỏi, chỉ thu thập kiến thức khoa học kỹ thuật của Tây Phương mà thôi. Chúng ta thấy những người đi trước đã thành công. Cứ xem người Nhật đó, chúng ta bảo nhau. Sự thật không chỉ có thế. Chúng ta cũng học hỏi, cũng thu thập biết bao thứ kiến thức khác: pháp lý, chính trị, kinh tế. Và đặc biệt những ngành học nhân văn, về Triết, về Văn, về Thơ, về Nhạc, về Họa... Chúng ta học hỏi và thu thập nhiều đến nỗi ngày nay thành ngữ "nói có sách" của chúng ta đồng nghĩa với "nói có sách Tây Phương". Chúng ta nói "nghệ thuật thế giới" và chúng ta nghĩ đến những trào lưu nghệ thuật Tây Phương. Cho nên khi chúng ta cố gắng "hội nhập" vào giòng "nghệ thuật thế giới",

thật ra là chúng ta muốn chung vai thích cách với nghệ thuật Tây Phương. Hân hạnh lắm chứ! Tinh hoa nghệ thuật Tây Phương là gì nếu không là những bậc tổ, bậc thầy chúng ta hằng ngưỡng mộ và học hỏi. Tuy nhiên, ngày nào chúng ta còn mơ tưởng "hội nhập" vào giòng "nghệ thuật thế giới" này ngày đó chúng ta còn tự nguyện ở lại cái vị thế của một thứ "thuộc địa" — hay dễ chịu hơn, một thứ "vệ tinh" cho "đế quốc văn hóa" kia. Thì cũng tốt thôi, nói như cách nói thường nghe. Cũng tốt thôi khi chúng ta cắt tóc ngắn, mặc âu phục, sử dụng các máy móc. Thế giới ngày nay, ở đâu mà không vậy. Cũng tốt thôi.

Nói thế, tôi tuyệt nhiên không có ý cổ võ cho một cuộc "trở về nguồn". "Trở về nguồn" là một khát khao, một thao thức, một ý niệm, một ảo tưởng, là gì đi nữa, nhất định không thể là một giải pháp sinh tồn. Cuộc sống của một dân tộc, cũng như của một con người, như dòng sông, luân lưu ngày đêm. Nước có thể chảy nhanh, chảy chậm, ngày đục ngày trong, mực nước có khi cao có khi thấp, nhất quyết nước không thể chảy ngược dòng. Phải chăng vì vậy mà sự tiến hóa được coi như một dòng. Dòng tiến hóa.

Vốn liếng văn hóa Tây phương, cũng như vốn liếng khoa học kỹ thuật Tây phương, chúng ta thu thập quá nhiều rồi. Dù muốn dù không, cách này hay cách khác, vốn liếng đó ở lại với chúng ta thế hệ này đến thế hệ khác. Người ta nói nhiều đến thế kỷ 21 là thế kỷ của Đông Á, của con rồng này con rồng nọ. Là một người cầm bút cầm cọ, tôi thiển nghĩ chỉ khi nào cán cân kinh tế, quân sự, văn hóa nghiêng hẳn về Đông Á (thay vì nghiêng về Âu Mỹ như hiện nay) thế giới mới "biết" đến chúng ta, như ngày nay chúng ta "biết" về Tây Phương.

Ta cứ hãy tưởng tượng đi. Giả thử 50, 100 năm nữa, cán cân thế lực nghiêng hẳn về Đông Á đi. Chuyện gì sẽ xảy ra? Những gì sẽ xẩy ra có thể đại khái giống như bây giờ, nhưng ngược lại, như một cái áo lộn trái. Những cơ quan giáo dục, kinh doanh lớn ở Bắc Kinh, Đông Kinh, Hán Thành (và Sàigòn?) sẽ để dành một số học bổng cho sinh viên Mỹ, Pháp, Anh, Đức... Nghệ sĩ Âu Mỹ sẽ ao ước lọt vào mạng lưới văn hóa nghệ thuật Đông Á... Ngược lại, nghệ sĩ Á Đông lúc ấy sẽ được "biết" đến, được nghiên cứu và học hỏi kỹ lưỡng. Và rồi trí thức nghệ sĩ Âu Mỹ sẽ sung sướng hãnh diện trích dẫn sách vở Đông Á để bảo vệ quan điểm hay chứng minh lập luận của mình... "Nói có sách" lúc ấy sẽ là "nói có sách Đông Á"... Và rồi nếu tình trạng này cứ tiếp tục, một "đế quốc văn hóa" Đông Á sẽ thành hình như "đế quốc văn hóa" Âu Mỹ đã thành hình...

Ai không biết, bản thân tôi, một người cầm bút, bắt chước cách nói ngon lành của đồng bào miền Nam, "hổng có ham"! Bởi chăng vấn đề không nằm ở chỗ Đông Tây ai giàu hơn ai, ai mạnh hơn ai, ai "biết" nhiều hơn ai. Vấn đề, thiển nghĩ, không phải ở đó, mà là ở chỗ việc làm của mỗi người có thật và có đúng không. Tôi nghĩ tới người nghệ sĩ dân gian vô danh nào đó đã làm

nên những mộc bản Hàng Trống ngày xưa, khi đất nước ta còn nằm dưới bàn tay thống trị của thực dân Pháp. Những đường nét tự nhiên mạnh mẽ viền quanh những mảng mầu thô sơ mà rực rỡ, có phải là những nghệ sĩ lớn của Pháp Quốc như Gaughin, Rouault, Matisse sẽ lấy làm thích thú lắm không? Tôi nghĩ tới người nghệ sĩ Hắc Phi vô danh nào đó, ngồi trong cái chòi lá, đẽo gọt một phiến gỗ vùng nhiệt đới, tạo nên cái mặt nạ thô lậu với những nét kỷ hà, cái mặt nạ đã đem lại cho Picasso một cái nhìn mới mẻ, khai đường mở lối cho cả một trường phái lập thể, ảnh hưởng lớn lao và sâu xa còn mãi tận ngày nay...

Tôi "hổng có ham" vì ngay bây giờ đây, thiển nghĩ giấc mơ của người nghệ sĩ Á Đông hay Việt Nam đâu chỉ có phải là, thứ nhất, mày mò bắt cho được một cái chéo áo Tây Phương rồi nhắm mắt nhắm mũi nắm cứng lấy để, thứ hai, lật đà lật đật lọt cho được vào cái gọi là "nghệ thuật thế giới" vốn chỉ là một mạng lưới khổng lồ của hệ thống kinh doanh, truyền thông, và văn hóa Âu Mỹ gốc da trắng.

Thế còn những nghệ sĩ trẻ gốc Việt nhưng mang quốc tịch Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Úc v.v...?

Những nghệ sĩ trẻ gốc Việt, hoặc sinh ở Việt Nam, hoặc sinh ở nước ngoài, dù họ có quyến luyến thiết tha cách mấy đi nữa với cái gốc Việt của họ, họ vừa không có bổn phận, vừa không có khả năng đưa "nghệ thuật Việt Nam" hội nhập vào nền nghệ thuật thế giới đâu. Họ đang và sẽ còn là thành phần của Tây Phương rồi. Cũng như Wilhem de Kooning, tuy sinh trưởng ở Hòa Lan, là một họa sĩ Hoa Kỳ, một kiện tướng của trường phái New York, chứ không dính dấp gì đến hội họa Hòa Lan nữa.

Đã nhắc tới de Kooning, nhớ lại lá thư của Sarah Sears ở phần trước của bài này. Từng sống mười bảy năm như một họa sĩ ở New York, chắc hẳn bà Sears đã khá quen thuộc với cảnh "chợ búa" ở thành phố lớn nhất nước rồi. Tuy Sears không nói rõ ra, đọc thư bà ta cũng thấy rằng ngay cả những họa sĩ bản xứ, nếu đi ngược lại trào lưu đại chúng hóa và thương mại hóa của thị trường mỹ thuật, nói chung ở Tây Phương, nói riêng ở Hoa Kỳ, hiện nay (vì vẫn trung thành với *(nền móng) kỷ luật (chặt chẽ) của những bậc thầy thuở trước* (5) cũng bị "lờ" đi, huống hồ những nghệ sĩ đến từ nơi khác, đặc biệt Á Đông. Hiện đại, chưa đủ. Phải hậu hiện đại kia. Hậu hiện đại chưa đủ. Phải thương mại hóa và đại chúng hóa nữa kia.

*

Năm 1891, họa sĩ Pháp Paul Gauguin rời bỏ cuộc sống bình thường ở Âu Châu, dông tuốt xuống Haiti, thuộc quần đảo Polynesia, dưới biển Nam Thái

---

Lại nop1i chuyện vẽ (II), Hợp Lưu số 36, tháng 8&9, 1997

Bình.

Cả một thập niên trước đây, tôi đã có viết:

"Một trăm năm về trước, Gauguin từ bỏ xã hội Pháp, một xã hội còn dùng xe ngựa kéo. Thế mà Gauguin ra đi vì cho rằng "con người văn minh" hư hỏng quá rồi, lầy lụa quá rồi, không cứu vãn nổi. Gauguin đã viết cho đại kịch tác gia Strindberg: "Văn minh là căn bệnh đang hành hạ bạn đó, đang làm cho bạn điêu đứng đó (...)"

"Bây giờ đây, một trăm năm sau, chúng ta cầm bút cầm cọ trong khi trên trời phi cơ phản lực xé trời mà lao vun vút, trong khi điện thoại viễn liên xuyên lục địa réo gọi đêm ngày. Gauguin chạy theo tiếng gọi của thuở ban sơ, còn chúng ta, chúng ta nghe theo tiếng gọi nào (...)?" (6)

Một thế kỷ về trước, ở một nước Pháp đã kỹ nghệ hóa, đã lên chân "mẫu quốc" cho cả một đế quốc chính trị và quân sự ở Phi Châu và Á Đông, đã chứng kiến sự lớn dậy của trào lưu Ấn Tượng, rồi Hậu Ấn Tượng cực kỳ phong phú, vậy mà Paul Gauguin đã có một hành động, tuy có vẻ như quá cực đoan và lãng mạn đó nhưng chúng ta không thể chối cãi được là cũng vô cùng ngoạn mục. Ngày nay, khi ở cả những con hẻm lầy lụa tối tăm tại Sàigòn, trong những căn nhà vá chùm vá đụp, màn ảnh truyền hình vẫn nhấp nha nhấp nháy ngày đêm, phải chăng chúng ta chỉ còn một nơi để quay về: tâm tình sâu thẳm và đích thực của mình, và chỉ lắng tai nghe một tiếng gọi: tiếng của *"khánh đá, khánh ngọc khẽ được đánh lên một nơi xa vời" (6).*

VÕ ĐÌNH

---

(6) Võ Đình, *Cái Chết của Gauguin*, Làng Văn, 10/1988 in lại trong *Sao Có Tiếng Sóng...*, Văn Nghệ, 1991.



ALBERTO MORAVIA

ĐỨA BÉ



Con trai của một kiến trúc sư người Ý, Alberto Moravia sinh ngày 28-11-1907 tại Rome. Mặc dầu quyển tiểu thuyết đầu tay ông viết vào năm mới 19 tuổi, "Les Indifférents" *đã đánh dấu tài năng của một văn sĩ già dặn. Nhà văn hiện thực và mạnh bạo của thế giới hiện đại, Moravia là một văn sĩ nổi danh nhất trong các văn sĩ Ý đương thời. Các tác phẩm sau đây đã được đưa lên màn ảnh* La Belle Romaine, Le Mépris, La Ciociara, Le Conformiste.

*

Khi người đàn bà trong ban cứu tế thành phố Rome mang tiền tới cho chúng tôi, cả bà ta, cũng hỏi sao chúng tôi sinh chi nhiều con đến thế. Vợ tôi hôm ấy bẵn tính, dấm dẳn nói huỵch toạc : "Nếu có tiền, chiều chiều chúng tôi cũng sẽ đi ci-nê... mà vì không có nên đi ngủ sớm. Vậy là có con".

Nghe những lời đó thì bà ta mím môi, kiểu cách bỏ đi. Tôi trách nhà tôi, bởi sự thật không phải lúc nào nói ra cũng tốt, và còn phải biết mình đang nói chuyện với ai chứ.

Khi còn trẻ và chưa lập gia đình, tôi thường giải trí bằng cách đọc mục tin tức của Rome trong báo, kể đủ loại bất hạnh có thể xảy tới cho con người : trộm cắp, sát nhân, tự tử, tai nạn giao thông, vân vân. Và giữa những tai ương này, điều duy nhất tôi cho là không thể nào chịu để xảy đến cho mình, là trở thành cái mà nhà báo gọi là "trường hợp đáng thương", tức là một người gợi

lên lòng thương hại của kẻ khác không vì một bất hạnh gì đặc biệt, mà chỉ vì sự hiện hữu của mình thôi ! Tôi vừa nói là hồi đó còn trẻ, và chưa hiểu thế nào là nuôi nấng một gia đình đông đúc. Nhưng bây giờ, tôi nhận thấy một cách hãi hùng rằng từ từ, tôi biến thành một trong những "trường hợp đáng thương" đó. Ví dụ tôi đọc thấy : "Họ sống trong sự khốn cùng đen tối nhất..." Vậy mà hiện tại tôi đang sống trong cảnh khốn cùng đen tối nhất. Hay là : "Họ ở trong cái nhà chỉ có tên gọi là nhà". Vậy mà tôi sống ở Tormarancio, với vợ và sáu con, trong một căn phòng chỉ rộng bằng tấm nệm, và khi trời mưa thì nước chảy lên trên như trên bến Ripetto. Tôi còn đọc thấy : "Khi người đàn bà bất hạnh biết mình có bầu, bà ta vội lấy một quyết định tội lỗi là hủy diệt trái cây tình yêu đó đi..." . Vậy mà quyết định này, vợ chồng tôi cùng đồng lòng, khi khám phá ra rằng vợ tôi có bầu lần thứ bảy. Tóm lại, chúng tôi định là khi thời tiết cho phép, sẽ mang đứa bé bỏ trong một nhà thờ, trông nhờ vào lòng hảo tâm của người nào bắt gặp nó đầu tiên.

Luôn luôn là nhờ các bà trong ban cứu tế ấy, vợ tôi đi sinh ở bịnh viện và khi lấy lại sức thì trở về Tormarancio với đứa bé. Bước vào căn phòng của chúng tôi, vợ tôi nói : "Nhà biết không, mặc dầu bịnh viện luôn luôn là bịnh viện, tui sẵn lòng ở lại đó hơn là về đây". Với những lời đó, đứa bé làm như hiểu được, bèn tấn công bằng những tiếng ré thủng màn nhĩ. Một cái phổi tốt, mạnh khỏe, và giọng nó tốt đến nỗi ban đêm thức giấc và bắt đầu mè nheo thì không ai trong chúng tôi ngủ lại được.

Vào tháng năm thời tiết bắt đầu ấm áp có thể ở ngoài mà không cần măng tô, chúng tôi đi Rome. Vợ tôi ôm chặt đứa bé vào ngực, nhích cho nó đầy giẻ rách như thể sắp bỏ nó giữa đống tuyết. Và khi tới thành phố, chắc là để giấu nỗi đau lòng, vợ tôi bắt đầu thao thao bất tuyệt, hổn hển đứt hơi, tóc tai bay trong gió, mắt lộn tròng. Khi thì bả nói về các nhà thờ khác nhau mà chúng tôi có thể bỏ đứa bé lại đó, giải thích rằng phải là một nhà thờ thường có nhiều người giàu có tới lui - bởi vì nếu đứa bé rơi vào tay người nghèo như chúng tôi thì tốt nhất là cứ giữ nó lại. Khi thì bả nói rằng phải là nhà thờ cống hiến cho bà Thánh Madone, bởi vì Thánh Madone cũng từng có một đứa con trai nên có thể hiểu được một số chuyện và sẽ nhận lời cầu xin của bả...

Sự liến thoắng này làm tôi mệt và bị khích động dữ dội. Lại nữa là tôi không hãnh diện gì và không thích việc mình đang phải làm chút nào. Nhưng tôi không nói gì, tự nhủ thầm là phải giữ cái đầu thật lạnh, chứng tỏ mình trầm tĩnh và giúp vợ can đảm.

Tôi đưa ra vài nhận xét, với mục đích chính là cắt đứt cái trò tràng giang đại hải ấy, nói : "Tôi có ý này... nếu mình bỏ nó ở nhà thờ Thánh Pierre ?". Nhà tôi hơi lưỡng lự một chút rồi nói : "Cái nhà thờ đó cứ như một ổ bí mật quân sự... dám mình sẽ không bao giờ thấy lại thằng bé... không, tui muốn thấy cái nhà thờ nhỏ ở Condotti. Ở đó toàn là tiệm hàng đẹp đẽ... biết bao nhiêu người giàu có tới lui... chỗ đó tốt đấy..."

Chúng tôi đi xe buýt, và vì có hành khách khác, nhà tôi im. Thỉnh thoảng bả còn quấn đứa bé trong chăn chặt hơn, hay cẩn trọng giở hé ra để nhìn mặt nó. Thằng bé ngủ, khuôn mặt xinh xắn trắng hồng vùi trong đống tã lót. Quần áo nó tồi tàn như chúng tôi, chỉ có vẻ đàng hoàng ở đôi găng tay len xanh nhạt thò ra ngoài nên cứ thể như nó muốn khoe.

Chúng tôi xuống đại lộ Goldoni và tức thì vợ tôi bắt đầu cà kê dê ngỗng. Bả dừng lại trước một tiệm kim hoàn, chỉ cho tôi xem những món bày trong tủ trên tấm nhung đỏ và nói : "Nhìn mấy món đẹp quá nè ... người ta đến khu này chỉ để mua nữ trang và bao nhiêu thứ sang trọng khác... người nghèo như tụi mình thì đừng có mạo hiểm vào đấy... họ thì giữa tiệm này tiệm kia lại vào nhà thờ cầu nguyện một lát... họ đầy lòng từ thiện... một trong bọn họ sẽ trông thấy thằng bé và đem nó đi". Nhà tôi vừa nói vừa nhìn đồ nữ trang, ép chặt thằng bé vào ngực, mày nhíu lại như thể nói với chính mình, và tôi không dám hó hé gì. Chúng tôi vào nhà thờ : nó nhỏ xíu, tường dát đá hoa giả màu vàng, ngoài bàn thờ lớn ra còn có rất nhiều nhà nguyện. Nhà tôi liền tuyên bố là nó hoàn toàn khác với hình ảnh nhà tôi nghĩ, và rằng bả không hài lòng về nó chút nào. Vậy mà bả cũng chấm tay vào nước phép và làm dấu thánh giá. Rồi, với đứa bé trong tay, nhà tôi đi chầm chậm một vòng quanh nhà thờ với vẻ bất mãn nghi ngại. Từ vòm nóc đổ xuống một luồng ánh sáng lạnh nhưng sống động, xuyên qua lớp kính màu. Vợ tôi đi từ nhà nguyện này đến nhà nguyện khác, thám thính hết mọi cái, ghế, bàn thờ, tranh ảnh, coi thử có tiện bỏ đứa bé lại đây không - và tôi thì lẽo đẽo theo sau cách một quãng, vừa nhìn chừng cửa ra vào. Một cô gái cao lớn ăn vận toàn đỏ, tóc vàng óng bước vô. Hơi vướng vì cái rốp chật bó, cô ta quỳ gối và sau vài giây cầu nguyện, cô làm dấu rồi bỏ đi ra, không thèm nhìn chúng tôi lấy một cái. Theo dõi mọi cử chỉ đó, vợ tôi thình lình nói : "Không, nhất quyết là không... những người tới đây đều như cái cô đó hết, ai cũng vội vã đi chơi và cà kê trong các cửa hàng... mình đi thôi". Và vừa nói, vợ tôi bước ra khỏi nhà thờ.

Chúng tôi ngược lên gần hết Corso, bước rất nhanh, vợ đi trước, tôi theo sau, và ngang tới quãng trường Venise, chúng tôi vào một nhà thờ khác. Nhà thờ này lớn hơn cái trước nhiều, một phần chìm trong bóng râm, đầy màn trướng xếp nếp, đồ mạ vàng và hòm thánh tích đựng những quả tim bằng bạc sáng lấp lánh trong bóng tối. Có rất đông người và chỉ một cái nhìn thoáng qua cũng đủ biết là họ thuộc thành phần khá giả. Các bà đội mũ, các ông ăn bận chỉnh tề. Một ông linh mục đang giảng đạo, vung vẩy hai tay trên giảng đài. Thiên hạ đứng, dán mắt vào ông ta và tôi nghĩ là rất thuận tiện bởi không ai để ý chúng tôi. Tôi nói nhỏ với vợ : "Mình thử bỏ nó ở đây ?". Nhà tôi ra dấu đồng ý. Chúng tôi đi tới nhà nguyện bên cạnh, rất tối. Không có ma nào và có thể nói là không trông thấy gì ở đó hết. Vợ tôi che mặt đứa bé bằng một vạt chăn và đặt nó trên ghế như thể đặt một cái gói cồng kềnh cho rảnh tay. Rồi bả qùy xuống cầu nguyện rất lâu, úp mặt vào lòng bàn tay. Tôi thì không

biết làm gì, nhìn vơ vẩn vào hàng trăm con tim bạc đủ cỡ phủ kín tường. Cuối cùng vợ tôi đứng lên với vẻ căng thẳng, làm dấu rồi từ từ rời nhà nguyện. Tôi theo sau cách một quãng. Lúc đó ông cha đạo kêu to lên : "Và Chúa hỏi *Pierre, con đi đâu đấy*?". Tôi rùng mình với cảm tưởng ông đang hỏi mình. Nhưng khi vợ tôi sắp vén tấm trướng cửa, một giọng nói làm cả hai chúng tôi giật nẩy người : "Này bà, bà bỏ quên cái gói gì trên ghế". Một bà vận toàn đen, một trong những kẻ mê đạo suốt ngày tiêu thì giờ trong các nhà thờ và kho đồ lễ. Vợ tôi nói : "A vâng đúng rồi, cám ơn... tôi quên mất". Chúng tôi lấy lại cục nợ và ra khỏi thánh địa, dở sống dở chết.

Ra tới ngoài, bằng một giọng của người bán hàng muốn tống bôi lôi khứ món hàng đi mà không tìm ra người mua, vợ tôi nói :

"Không ai muốn nó cả, thằng bé tội nghiệp của tôi !". Rồi bả bắt đầu chạy lon ton với những bước chân giật giật từng cơn như không bén đất.

Chúng tôi đổ ra quãng trường Saints-Apôtres. Nhà thờ mở cửa, khi vào thấy nó rộng mênh mông và tối, vợ tôi thầm thì : "Ở đây tốt đấy". Bằng một bước cả quyết, vợ tôi tiến tới nhà nguyện ở bên, đặt đứa bé xuống băng, rồi làm như bị đất nung hai chân, bả không làm dấu, không cầu nguyện, không đặt ngay cả một cái hôn lên trán thằng bé, bước vội ra cửa . Nhưng vừa đi được vài bước thì trong nhà thờ dội lên tiếng khóc tuyệt vọng : đã tới giờ thằng bé đòi bú, nó đói. Với tiếng ré chát chúa đó, vợ tôi mất bình tĩnh. Trước tiên nhà tôi chạy ra cửa, rồi chạy ngược trở lại, rồi không cần biết mình đang ở đâu, bả ngồi xuống ghế bồng đứa bé lên và mở cúc áo ra để cho nó bú. Vợ tôi vừa mới móc vú ra là thằng bé bám riết với cả hai tay như một con sói con, ư hử im lặng. Đúng lúc ấy một giọng giận dữ la to lên : "Những việc đó không bao giờ được làm trong nhà của Chúa... ra ngay... ra ngay... đi ra đường mà làm !". Trời đất, ông giữ nhà thờ, một ông già nhỏ bé với chòm râu cằm trắng và giọng nói to hơn thân hình. Vợ tôi vừa đứng lên vừa nói, hai tay khép vội ngực áo và đầu thằng bé : "Vậy mà bà Thánh Madone trong những bức tranh luôn luôn là cho con bú". Ông ta la lên : "Mày dám so sánh với bà Thánh Madone hả ? Đồ mất dạy !". Chán quá, chúng tôi ra ngồi trong cái vườn nhỏ quãng trường Venise, vợ tôi cho con bú tiếp cho tới khi nó no nê ngủ lại.

Bây giờ đêm xuống rồi, các nhà thờ đều đóng cửa, chúng tôi mệt lữ và đầu óc mê muội không nảy sinh được một điều gì nữa. Với ý nghĩ đã phiền phức nhiều để làm cái việc đáng lẽ không nên làm, tôi cảm thấy tuyệt vọng, bảo : "Này, khuya rồi và tui không chịu nổi nữa... mình phải quyết định đi thôi !". Vợ tôi trả lời với giọng chua chát : "Nhưng là giọt máu của ông !... và ông muốn bỏ nó như vậy đó, trong một góc, như thể để một chéo giấy đựng đồ lòng cho mèo vậy !" - "Dĩ nhiên là không, nhưng có những việc người ta có thể làm tức khắc không đắn đo hay là không bao giờ làm cả ". - "Thực tình là ông sợ tui đổi ý đem nó về nhà trở lại chớ gì... đàn ông các ông, các ông toàn là những thằng hèn !". Tôi hiểu không phải là lúc nói ngược lại nên trả lời

một cách khá ung dung : "Tui hiểu bà. Nhưng nên biết là dù có việc gì không hay xảy ra cho nó đi nữa thì cũng tốt hơn là lớn lên ở Tormarancio, trong một căn phòng không cầu tiêu không nhà bếp, giữa bao vi khuẩn muà đông và ruồi muỗi mùa hè". Và lần này thì vợ tôi không trả lời.

Không biết đi đâu, chúng tôi lấy đường quốc lộ ngược lên hướng tháp Néron. Tôi để ý thấy xa hơn một chút là con đường dốc nhỏ, hoàn toàn vắng vẻ, trừ một chiếc xe hơi xám cửa đóng, đậu trước cổng nhà. Tôi nảy ra một ý, tới thẳng chiếc xe vặn cái nắm tay : cửa mở. Tôi bảo nhà tôi : "Nhanh lên, lúc này được rồi. Đặt nó lên ghế sau". Nhà tôi vâng lời đặt đứa bé lên ghế và tôi đóng cửa lại. Mọi việc xảy ra chớp nhoáng trong vòng vài giây đồng hồ và không ai trông thấy. Rồi tôi nắm cánh tay vợ, chúng tôi chạy tránh xuống quãng trường Quirinal.

Quãng trường vắng vẻ tối om thưa thớt vài ngọn đèn đường chiếu sáng ở cung điện, và vượt khỏi phần trên các lan can là ánh sáng của Rome lấp lánh trong đêm. Vợ tôi bước tới vòi nước, đến gần cột tháp ngồi xuống băng ghế rồi thốt nhiên bật khóc, lưng quay lại tôi như thể bả đang chỉ một mình. Tôi hỏi : "Chuyện gì vậy ?" Nhà tôi trả lời : "Bây giờ bỏ nó rồi thì tui nhớ nó quá... tui thấy thiêu thiếu cái gì ở đây, chỗ ngực mà nó bấu vào đây này". Tôi nói không chủ định : " Ô, thì cũng dễ hiểu thôi... nhưng rồi sẽ qua đi". Vợ tôi nhún vai, cứ khóc. Rồi thình lình mắt nhà tôi ráo hoảnh như gió trời thổi khô nước mưa, bả đứng lên giận dữ chỉ cho tôi một trong những lâu đài : "Bây giờ tui biết phải đi đâu rồi, tui đi gặp ông vua và sẽ kể hết". Tôi nắm tay nhà tôi la lên : "Đứng yên ! bà điên sao chớ... bà biết thừa là không còn vua nữa mà!" - "Tui cóc cần, tui sẽ nói với người thay thế ổng... chắc chắn là phải có ai chớ!" Nhà tôi sắp chạy tới cổng ra vào và chỉ có trời mới biết chuyện khủng khiếp gì sẽ xảy ra, thì đùng một cái, tôi chợt nói ngoài dự định: "Này bà, tui suy nghĩ lại rồi... mình quay tới chiếc xe lấy lại thằng nhỏ... chớ gì nữa, mình sẽ giữ nó... thêm bớt một miệng thì nhằm nhò gì..." Điều đó đương nhiên là ý muốn chính của vợ tôi, nó xoá liền ý nghĩ muốn nói chuyện với vua. "Nhưng liệu nó còn đó không ?" Vừa nói vợ tôi vừa chạy tới con đường có chiếc xe hơi xám. Tôi trả lời : "Dĩ nhiên là còn. Nãy giờ chưa tới năm phút mà".

Chiếc xe còn đó thật. Nhưng đúng lúc vợ tôi mở cửa xe thìmột ông cỡ trung niên béo lùn với vẻ mặt rất hách dịch, xuất hiện ở cổng và la lên : "Dừng lại... dừng lại... bà muốn lấy gì trong xe tôi đấy ?" Nhà tôi đang nhoài người vào xe ôm đứa bé, trả lời mà không quay đầu lại : "Tui muốn lấy cái gì thuộc của tui !" Ông kia nhấn mạnh :"Mà bà lấy cái gì ?... cái xe này là của tôi... bà hiểu không ? nó là của tôi..." Phải nhìn thấy vợ tôi lúc đó : bả đứng thẳng lên và tấn công như vầy : "Coi kià, ai lấy cái gì của ông ? Đừng sợ, khôn ai lấy gì của ông đâu... còn xe của ông đấy hả, coi nè, tui nhổ lên nó đấy, ông thấy chưa ?" Và bả nhổ thật lên cánh cửa. Ông kia ngẩn ra : "Nhưng mà kià, cái gói gì đấy...?" -"Không phải gói gì cả, đây là con trai tui, ông nhìn nè..."



PHẠM MẠNH HIÊN

qua sông vàm cỏ

Đôi bờ mưa cặp dấu bèo
Giạt trôi ngun ngút sóng treo lưng chiều
Đêm tôi ngồi vọc tịch liêu
Thấy em bóng rỡ ràng xiêu xé lòng

hỏi đường

Trăm năm ẩn giữa nắng tà
Bụi tàn phố chợ mù sa hỏi đường
Bước lên vỗ nát mặt buồn
Tóc xanh chạm trắng vô thường chui ra

qua cầu gió bay

ngàn dặm còn đứng ngu ngơ
Qua cầu gió giật rền bờ nước lên
Hỏi từ cổ độ buồn tênh
Thực hư trời đất xin quên mọi điều

PHẠM MẠNH HIÊN

Vừa nói nhà tôi vừa dở lòi mặt thằng bé ra chìa tới trước mặt ông ta, nói tiếp: "Một thằng con trai xinh xắn như vầy, nếu ông tin là ông có khả năng sinh ra một đứa như vậy với vợ ông... và tui báo trước là không được đụng tới tui, nếu không tui sẽ la lên gọi cảnh sát và nói là ông muốn bắt cóc con tui..." Tóm lại, nhà tôi nói đủ điều, tới nỗi mà tội nghiệp ông ta, ông ta trở nên đỏ tía và há hốc mồm ra như thể bị xuất huyết não.

Cuối cùng nhà tôi thong thả bỏ đi, con trong tay, trở lại chỗ tôi đang chờ ở cuối con đường.

MIÊNG *dịch*
theo bản Pháp văn "Le Bébé" của bà Claude PONCET



NGU YÊN

lời của người

Bài này trình diễn bằng nhiều giọng đọc khác nhau, giọng chính đọc chữ nghiêng, giọng phụ có khi đọc riêng có khi đọc chung chữ thẳng, xen lẫn xa xa lúc lớn lúc nhỏ là tiếng rầm rì đọc kinh lạy cha.

lạy cha
xin cha làm phép giải tội cho con
vì con là kẻ bỏ đạo
thưa cha
con xin xưng tội hơn 30 năm...

tôi là người đi tu bỏ đạo
về quì lại giáo đường
như gặp lại người thân
kể nghe những chặng đàng thương khó
như ghé vào hỏi chúa
những câu thật thà chẳng ai dám trả lời

không
không phải như vậy
tôi quì rất lâu
với những vấn nạn đã bình-thường không cần giải thích
làm ướt mắt mẹ maria
xin hãy khóc hỏi tôi: - có phải con là người bỏ đạo?

thưa cha
con không hiếp dâm không trộm cắp không lường gạt không giả hình không dối trá không ngạo mạn không bất lương con chỉ có một tội tầm thường là không tin lời chúa dạy qua miệng người ta...

tôi với thượng đế có tình phụ tử
có cha dạy con sợ hãi đọc kinh

có sung sướng vì biết mình lên trời khi chết
có đau điếng hồn khi biết sống không có linh trời
chắc quí vị muốn biết vì sao tôi bỏ đạo?
vì những kẻ thuộc trời không ai giống tôi

có phải tôi là người bỏ đạo?
hay đạo bỏ tôi?
như bỏ đọc kinh như bỏ xem lễ?
như bỏ tham lam như bỏ ghét người?
như bỏ lương tâm như bỏ ngay thật?
như bỏ tội đồ và phép giải tội sau lưng?
ai trong chúng ta là người bỏ đạo?

lạy cha xin cha làm phép giải tội cho con - *không phải để yên tâm về đến thiên đàng* xin tha nợ chúng con như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con - *không phải để yên tâm về đến thiên đàng* xin nhắc nhở chúng con hằng ngày sống thật - *không phải để yên tâm về đến thiên đàng* xin cha hãy phán một lời cho thiên đàng biến mất thì kẻ bất lương sẽ hiện nguyên hình...

vì không phải yên tâm về đến thiên đàng
tôi là người đi tu bỏ đạo
30 năm về quì lại giáo đường
tất cả chuyện thế gian không còn mục đích
chuyện đời sau không còn cứu rỗi
biết làm gì nghĩ gì cho đến lúc lâm chung?
xin hỏi nơi nào vĩnh viễn gửi linh hồn?
xin hãy cứu lấy tôi
hãy cứu tất cả chúng tôi
dù đã hiểu không liên can gì thượng đế

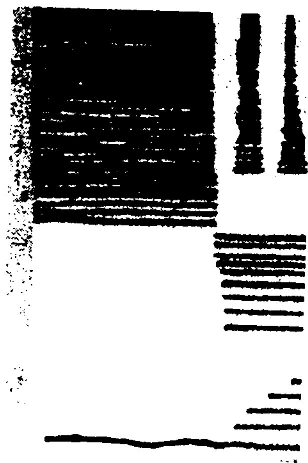
lạy cha chúng tôi ở trên trời chúng tôi nguyện danh cha cả sáng nước cha trị đến vâng ý cha dưới đất bằng trên trời vậy xin cha cho chúng tôi hằng ngày dùng đủ và tha nợ chúng tôi như chúng tôi cũng tha kẻ có nợ chúng tôi lạy cha chớ để chúng tôi sa chước cám dỗ hằng chữa chúng tôi cho khỏi mọi sự dữ amen *(đọc nhỏ dần rồi chấm dứt)*.

NGU YÊN
(Houston, 25/02/97)



PHẠM TRỌNG LUẬT

BÀI HÁT



Chưa bao giờ trời mưa lớn như thế ở xứ Quảng này. Những hạt mưa to nặng nề nện xuống mái tưởng chừng xuyên qua ngói. Bỗng dưng Thắng lại thấy yêu những trận mưa nhỏ lạ lùng. *Hạt mưa, mưa rơi tí tách, yêu đôi sát nách, mưa ngừng không đành.* Ô, các bài hát thời ấy sao mà dễ thương... Anh không giận gì con Loan. Con nít chín mười tuổi đâu đã biết gì. Mà con bé hát có giọng thật đấy chứ. Có điều anh đâu ngu đến nỗi không đoán được. Anh chỉ thấy thương vợ vô cùng và khổ tâm vì sự bất lực của mình. Thúy mỗi ngày càng nhợt nhạt như một đoá hoa đang phai dần hương sắc. Từ buổi trưa trông nàng còn ủ rũ hơn nữa, và thỉnh thoảng lại chùi nước mắt. Hay là Thúy cũng đã đoán biết được mọi việc như anh? ...

Trời vẫn mưa. Mặt hố nhày nhụa bùn, cứ mỗi lần đại bác nổ, bùn lại bắn lên tung tóe. Đám lính rúc vào nhau, cố nằm sát xuống mặt đất sũng nước, ho sặc sụa. Một thằng bỗng vùng dậy. Đụ mẹ, nằm đây chắc chết quá bây. Nó vọt lên mặt hố. Một tiếng nổ long trời. Thân nó văng lên cao rồi đổ xuống đám bạn như một thân cây bị bứng gốc. Cả đám kinh hoàng cùng nhảy lên cắm đầu chạy. Một tràng liên thanh. Những tiếng rú. Lại một tiếng nổ rung chuyển mặt đất. Thắng lảo đảo ngã về phía sau, kéo theo xác thằng bạn bê bết máu. Anh chưa bao giờ thấy đau đớn như bị xé đôi như thế. Trước mặt anh chỉ còn một

khoảng trống đen ngòm. Chết ! Anh hét lên thất thanh.

Thắng chống tay cố ngồi dậy, mồ hôi ướt đẫm trán và áo. Không biết bao đêm rồi cơn ác mộng này hành hạ anh, tàn nhẫn như một câu hỏi trong đầu mà anh chịu không tìm ra lời giải đáp. Tại sao lại về đây ? Mưa vẫn ru đều. Anh vật vã trằn trọc ... Chập chờn những khuôn mặt mờ tỏ như tiếng hạt mưa mạnh nhẹ đập vào tai anh. *Bà Tâm cau có anh về chi đây làm khổ con gái tôi. Lão bác sĩ già cười nửa miệng đểu giả chừng nào ông về quê ở chi đây cô đơn buồn chết tôi cũng sắp về hưu trí. Anh thợ hớt tóc giả bộ vô tình bỏ nhỏ nhà bà Tâm coi ngon lành vậy chớ không giàu có chi đâu nghe nói cậu hai làm ăn lỗ lã. Thúy không nói năng gì nhưng cách nàng nhìn thơ thẩn lại hùng biện gấp trăm lần lời nói. Thằng Mẫn anh em kết nghĩa đâu từ thời cô nhi viện thiếu sinh quân cười khì khì dân cỏ dại như mình đâu mà chẳng là quê quán...*

Đây là đâu ? Thắng ngước mắt nhìn người lạ, tóc trắng y phục trắng tinh, chói chang như những sợi nắng đập vào cặp mắt đờ đẫn, mệt mỏi của anh. Đâu là đây ? Người lạ nhìn anh thương cảm, rồi đến mở cửa tủ, ông lấy ra một đôi cánh to cũng trắng tinh. Trao cặp cánh cho anh ông cười hiền từ và dịu dàng bảo đôi cánh con hằng ao ước đây lắp vào mà bay về kẻo Thúy đợi lâu quá hóa đá mất. Ông chưa dứt lời, đã có hai người vạm vỡ đến đè anh xuống lắp cánh vào tay. Ông tiên gắn lên ngực anh một cái huy chương đỏ chói, rồi cả ba người đẩy anh ra cửa. Anh tần ngần nhìn hai cánh cửa nặng nề đang từ từ khép lại.

Thắng cố sức đập cánh khó nhọc bay lên. Song cứ hết nghiêng sang phải lại ngả qua trái. Phạch, phạch, phạch ... Ngất ngưởng vượt khỏi mặt đất độ vài thước thì mọi sự trở nên dễ dàng hơn đôi chút. Rồi lạ chưa anh bay thật. Cặp cánh quạt nhanh mỗi lúc một đều giữa bầu trời đầy mây xám không một bóng chim. Toàn thân con én lạc bầy mát lạnh với một cảm giác thích thú lạ lùng. Nhà đây rồi, Thúy kia rồi. Anh sà xuống lượn quanh. Thúy ơi, Thúy. Nhưng sao nàng vẫn ngồi yên. Thúy, Thúy, Thúy. Pho tượng úp mặt vào lòng bàn tay nức nở. Dưới sân, hai bóng người bỗng từ đâu túa ra. Bà Tâm nhặt đá vừa ném lên không vừa chửi rủa. Đi ! Đi ! Oan gia. Con bé Loan nhà bên cũng bắt chước lượm sỏi ném hùa. Oan gia ! Trúng đạn ngay thái dương, Thắng loạng choạng đổ xuống như trái rụng. Anh lại hét lên.

Tiếng gà gáy đâu đây nghe thật rõ. Rõ như quyết định mà anh đã lấy từ mấy ngày nay. Tất cả khó khăn là làm sao nói với Thúy. Những mẩu can đảm tích tụ từ cõi vắng lặng của bao đêm dài thức trắng dần dà phát huy được hết tác dụng khuyên lơn. Đi là hơn. Ai cũng muốn thế. Trở lại cô nhi viện thời

trước may ra có việc cho mình làm. Ơ lại chỉ khốn nạn thêm cho đời em Thúy ơi !

*

Quan khách đã đến đông đủ. Hoa và quà cưới chất đầy bốn góc phòng. Tiếng mở rượu, tiếng cười nói kêu lốp bốp, ầm ĩ. Ngài tỉnh trưởng tấm tắc khen với các ông lớn khác chưa bao giờ có đám cưới nào sang và to như thế ở xứ này. Bà Tâm hớn hở dẫn cô dâu chú rể đi biểu diễn từ cỗ trên cho đến mâm dưới. Thúy tươi như hoa hồng buổi mai, lộng lẫy trong bộ áo cưới trắng tuyết. Chú rể bệ vệ trong bộ com lê màu xám sáng, cổ thắt nơ đỏ thẫm, bước đi chắc nịch. Đúng là ông bác sĩ mới của thành phố mà mỗi người có thể gởi gấm vào tay cả cuộc đời, mà bà vừa gặp đã chấm ngay. Ai cũng thơ thới, hân hoan. Bỗng tiếng ai đó kêu to có người xỉu có người xỉu. Bà Tâm chạy đến thì ra Thắng. Mặt anh tái mét, mắt nhắm nghiền, tay buông thõng. Chú rể chậm rãi bước tới, quỳ một gối xuống bắt mạch, áp tai vào ngực nghe, rồi nhíu mày lắc đầu trịnh trọng. Chết rồi ! Ai vậy ?

Chết ! Tiếng thét của Thắng làm bà Tâm tỉnh mộng. Bà lẩm bẩm lại mớ nữa rồi giá mà chết thật thì đỡ khổ cho bao người khác. Mô Phật con đâu có độc ác thế con ghét nó thật nhưng chỉ cầu cho nó đi thôi nằm mơ cũng chẳng yên với nó. Bà tin ở chuyện mộng mị và bực dọc vì bị đánh thức nửa chừng, mặc dù đã làm đám cưới cho Thúy không biết bao nhiêu lần rồi. Có lúc chú rể mang khuôn mặt của anh Thân bố con Loan hàng xóm. Nhưng nhất định không thể là anh Thân. Bà chỉ hứa thế với con Loan để nó hăng hái giúp bà. Đời nào con rể tương lai của bà lại có thể là anh chàng vô tài bất tướng bị vợ bỏ ấy ! Mô Phật con thương con Loan thật nhưng cưu mang thêm nó làm chi cho bận bịu cái thân già mà có chắc gì Thúy đã chịu nuôi lường gạt con nít có tội không hỉ?

•

Bà Tâm an lòng vì quan tòa lại chính là ông bác sĩ già thỉnh thoảng vẫn nhân danh tình bạn với ông chồng quá cố của bà để mượn tiền trả nợ đánh bạc cho vợ. Bên nguyên là Thắng, anh con rể xấu số kiện bà đã đầu độc anh với sự đồng lõa của con Loan. Thúy ngồi im lặng bối rối trong một góc phòng với bộ áo cưới mới trắng tinh. Con Loan đang khóc thút thít trên ghế nhân chứng. Ông biện lý hỏi bà đã xui con làm những gì. Con có làm gì đâu chỉ hát thôi hà. Đến lượt anh thợ hớt tóc luật sư của bà chất vấn Thắng. Bà làm đủ mọi chuyện để tôi không tài nào quên chiến tranh quên hoàn cảnh. Bà xem truyền hình cảnh chiến trường mỗi đêm, bà nghe truyền thanh nói láo phe ta vô sự mỗi ngày, bà đổ tràn nước cà chua vào cơm cho tôi sợ bà làm trứng chiên dưới cháy trên sống để tôi phải nghĩ đến chất vàng vàng chảy ra từ thương tích đồng đội,

bà còn xui con Loan... Quan tòa mất cả bình tĩnh. Anh mới là đồ vô ơn, bạc nghĩa. Không có chứng cớ gì là đầu độc cả. Trắng án.

Bà Tâm lịm sâu vào giấc ngủ an lành. Tiếng ngáy to đều đều không tố cáo một tâm hồn tội lỗi mà chỉ phơi bày một thân xác mệt nhọc cùng cực. Cả tiếng thét sau của Thắng cũng không đủ mạnh để làm bà mất giấc. Từ ba tháng nay, ánh sáng bình minh vẫn đều đặn tái tạo trong cơ thể già nua của người mẹ hoàn toàn những nghị lực cần thiết mới, để bà bày lại không thương xót, mỗi ngày, từng thế trận để bảo vệ cô con gái yêu của mình trước các tai hoạ của cuộc đời và loại tình cảm nông nổi điên khùng của con người.

*

Mưa vẫn quất lộp độp không ngừng. Đôi khi chỉ như tạm nương tay chốc lát cho đỡ mỏi rồi lại rào rào trút nỗi giận xuống. Thúy mở mắt nhìn trân trân lên trần nhà từ khi vào giường. Nàng không còn đủ sức để khóc. Buồn tủi, oán hận, tức tối, hổ thẹn, tuyệt vọng. Bao nhiêu tình cảm dữ dội luân phiên dày vò người đàn bà mỏng manh từ buổi trưa. Liệu Thắng có biết không mà sao lúc nào anh cũng nín thinh ? Thúy nhắm mắt ôn lại mọi chuyện từ sau buổi cơm. Cô giáo Thúy đến trường dạy học. *Thấy người tàn tật thì thương, thấy người khốn khổ lại càng thương hơn*. Những hàng chữ vô tình bắt gặp trong sách tập đọc làm cô tức tưởi khóc. Lấy cớ đau thình lình, cô giao lớp cho bạn rồi bỏ về.

Con Loan đang nấp sau thân cây phượng trước ngõ. Nó nhìn lên cửa sổ phòng Thắng mà hát. Vừa trông thấy Thúy, nó cắm đầu chạy vụt về nhà. Nàng đuổi theo đến tận chân tường. Không kịp chui vào gầm giường, con bé cuống cuồng khai to ngoại biểu con hát, ngoại biểu con hát mà. Thúy nhớ lại lần đầu tiên nghe nó hát, nàng đã định xuống bảo nó im. Bà Tâm can con nít nay hát bài này mai đã quên ca bài khác hơi đâu mà dặn với dò. Đừng có nói láo ! Đâu có, ngoại cho con búp bê ngoại biểu con hát thiệt mà. Nó trỏ tay vào đống đồ chơi nằm ngổn ngang trước tủ, những thứ mà bố nó chẳng đời nào chịu phí tiền mua. Thúy rụng rời chợt hiểu. Về phòng nàng rấm rứt khóc một mình, kêu nhức đầu bỏ ăn rồi đi ngủ sớm. Từ hai tuần nay, lấy cớ Thắng hay mộng mị la hét, nàng đã ngủ riêng.

Trần nhà cao và trắng như trời hôm đám cưới. Thúy yêu Thắng ngay khi mới gặp. Anh hiền lành và có tài làm nàng nhìn thấy đủ thứ kỷ niệm, tình cảm tuy đơn sơ nhưng chân chất của một đứa bé sớm côi cút trong những sự vật vô nghĩa nhất đối với bất cứ ai khác. Rồi hai đứa lén cưới nhau ở Sài Gòn trước khi Thắng mãn phép trở về đơn vị. Giấu mẹ, giấu luôn cả người anh

làm giám đốc hai cơ sở xuất nhập cảng mà ông bố quá cố để lại cho gia đình ở thủ đô. *Lấy chồng thời chiến chinh, bao người đi trở lại ?* Đôi lúc Thúy nép đầu vào nách anh thủ thỉ thà đui mù què cụt mà sống bên nhau vẫn hơn. Trời ơi nếu vì câu nói gở ấy mà anh đã về đây để gánh chịu bao điều đau tủi hổ nhục ! Nàng chợt nhớ lại câu nói bóng gió bữa trước là anh sắp lấy một quyết định quan trọng. Bỏ đi chăng ? Làm gì có nơi nào khác mà đi ! Hay là hay là anh tự sát ? Thúy thấy tim mình đau quặn. Nếu anh đi em sẽ đi tìm anh chết em cũng chết theo. Lồng ngực Thúy dường như nhẹ hơn đôi chút, và nàng bỗng thấy đầu mình cũng nhẹ nhõm trong sáng lạ kỳ.

Những giọt mưa nặng và lạnh tàn nhẫn đuổi theo đôi uyên ương áp sát vào nhau. Thúy vừa che đầu vừa đỡ cho Thắng đi nhanh hơn. Bỗng Thắng nhìn ra đường, anh vừa nghe tiếng chiếc xe đò chạy tới. Thắng ngoảnh đầu lại rồi khệnh khạng lết nhanh đôi nạng gỗ về phía chiếc xe. Anh bứt đi khá xa thì Thúy chợt hiểu. Nàng vội vã đuổi bắt. Nàng đã níu kịp Thắng. Anh muốn hất tay vợ ra. Bất chợt, Thúy không ngừng mà chạy tiếp. Thắng trố mắt nhìn theo. Toàn thân nàng đổ vào bánh xe. Tiếng phanh rít lên rợn người. Mặt đường lác đác ổ gà loang loáng một màu đỏ xẫm ...

Bà Tâm lại được dịp giật bắn mình phen nữa. Bà ngờ ngợ vì lần này tiếng rú không phát ra từ phòng Thắng.

*

Con Loan sợ nhất những đêm giông bão như thế này, nhất là khi bố nó lại say sưa ngủ vùi. Thèm làm sao một vòng tay mẹ bao bọc che chở. Con bé chổng mông đút đầu vào chăn, nửa sợ mái nhà sụp xuống đầu, nửa sợ ma quỷ bắt vì thất hứa với bà Tâm, chưa bị đòn mà đã bật mí mọi chuyện ra với Thúy. Thật ra, nó cũng hy vọng là lần này ma quỷ tha cho nó vì đâu nó đã khai hết! Nó còn nhớ mồn một khuôn mặt hiền từ của bà khi lần đầu tiên trong đời bà vuốt tóc khen nó hát hay. Bà hỏi con có yêu má Thúy muốn má Thúy thay mẹ không ? Dạ có. Con có thương bà không muốn bà làm ngoại không ? Nó trố mắt nhìn, nín ngọng. Nó vẫn quen gọi má Thuý từ hồi má hay tới chơi với mẹ. Nhưng gọi bà Tâm là ngoại thì mới nghe lần đầu. Khi nào dượng Thắng đi bà gả má Thúy cho ba con nghe rồi hai cha con lên nhà bà ở. Con chịu dượng Thắng đi không ? Nó ngần ngừ đi Mỹ như mẹ con hả bà ? Bà Tâm hớn hở đúng rồi đi Mỹ. Nó se sẽ gật đầu và tự nhủ nước Mỹ chắc là thiên đường sao mà ai cũng ưng đi Mỹ.

Hôm sau bà lại đến. Từ giờ gọi bà là ngoại nghe. Bà đưa cho nó một bài hát rồi vặn băng cho nó nghe người ta ca để nó tập. Bà cho nó một con búp

bê và dặn con dượt bài này đi con hát cho thiệt hay rồi ngoại dẫn vô Sài Gòn dự thi mầm non ca sĩ trên tivi con chịu không ? Nó mừng rơn trước cả một thế giới thần tiên ấy. Ráng hát thiệt tự nhiên thiệt hay cho ngoại nghe cho dượng Thắng nghe hễ dượng mà hỏi ai ca hay quá vậy là ngoại thưởng liền. Thưởng búp bê nghe ngoại. Ư tới chừng dượng đi Mỹ ngoại dẫn con vô Sài Gòn. Mà con phải giữ bí mật nghe đừng để dượng Thắng thấy đừng để má Thuý nghe. Má không chịu để ngoại dẫn con vô Sài Gòn đâu má không ưng dượng Thắng đi Mỹ đâu. Điều này thì nó hiểu ngay. Bố nó thường khóc ban đêm hồi mẹ nó mới đi. Cuộc đời mầm non ca sĩ lén lút của nó bắt đầu từ đấy.

Mưa như nhẹ hơn. Cô bé nằm lại trong tư thế bình thường. Nó nhìn lên trần nhà lo sợ vẩn vơ. Má Thúy sẽ làm gì nó đây? Ngoại sẽ làm gì nó đây ? Nó nhìn vào góc phòng, nơi nó thỉnh thoảng vẫn ngờ ngợ trông thấy mẹ hiện về nhìn quanh quẩn buồn bã rồi lại im lặng bỏ đi, như bà bỗng dưng biến mất cách đây mấy năm. Người ta nói mẹ đi làm vũ nữ gì đó ở Đà Nẵng rồi bỏ chồng con theo lính Mỹ về nước. Nó hỏi hoài mà bố không trả lời, má Thúy cũng không trả lời chỉ ôm nó hôn lên trán. Từ đó nỗi bất hạnh của nó được đền bù bằng vòng tay ấm áp của một người mẹ hờ. Nó không hỏi nữa mà tự nhủ lớn lên sẽ làm siêu sao như người ta thường nói, tới khi có thật nhiều tiền rồi sẽ đi Mỹ tìm thăm mẹ.

Rạp hát chật ních những người là người. Kẻ đứng, người ngồi, có cả người té xỉu, ban trật tự phải khiêng ra. Cô xướng ngôn viên nhí nhảnh trong bộ quần áo lòe loẹt. Cô hót gì chẳng ai nghe rõ với sự ồn ào chung quanh, ngoài những chữ quen thuộc Thúy Loan, ngôi sao, tân nhạc. Rồi Thuý Loan xuất hiện trong tiếng vỗ tay inh ỏi. Bố nó, ngoại, má Thúy và cả ai như mẹ nó ngồi ở hàng ghế đầu cũng đứng dậy vỗ tay hoan hô rầm rộ. Mọi người nín thở, lắng nghe bản nhạc đầu tay của Thúy Loan, bài ca đã đưa cô lên đài danh vọng. Giọng cô cất cao trầm bổng, truyền cảm đến nỗi nhiều người che mặt lau nước mắt.

*

Có lẽ người dân thành phố này sẽ khó lòng quên cái tuần lễ giông bão không ngừng suốt cả mười ngày ấy. Nhất là khi nó lại trùng hợp với sự đổ vỡ của một gia đình lâu đời và danh giá vào bậc nhất ở đây. Cô Thúy chết trong một tai nạn xe hơi gần quốc lộ số một, khi cô chạy đuổi theo người chồng phế binh định bỏ nhà ra đi. Anh tài xế chiếc xe nhà binh gây ra tai nạn xác nhận có hẹn với Thắng trên cầu Trà Khúc để chở anh vào Nam, song quả quyết rằng Thúy đã tự ý lao đầu vào xe. Thắng không nói gì, mắt vô hồn nhìn vào khoảng trống. Như điềm báo mộng, một trong bốn giấc mơ của một đêm mưa bão đã trở thành hiện thực, hầu như với đầy đủ mọi chi tiết.

Đám tang lớn nhưng cực kỳ khó khăn trong hoàn cảnh bắt đầu lụt lội. Phải chôn ở một chỗ khá cao trên triền núi Thiên Ấn. Bà Tâm lẩm nhẩm tự thuyết phục là Thúy không chết mà chỉ đi xa. Mỗi ngày bà dắt con Loan ra ga ngồi chờ đứa con gái về. Cho đến một ngày kia, không biết có xảy ra chuyện gì giữa hai bà cháu không mà cả con Loan cũng bỏ đi đâu biệt tích. It lâu sau, có người nói gặp nó đi xin ăn ở chợ bến Thành. Anh Thân bán nhà vô Sài Gòn kiếm con, rồi cũng bặt tin luôn. Thắng xin vào tu ở chùa Thọ Sơn. Khi bà Tâm đã kiệt lực, bất kể xa xôi cực nhọc, nhà sư đến mỗi ngày đưa bà đi thăm mả Thúy ở chân núi cho đến khi bà chết độ một tháng sau.

•

Cô gái từ ga bước ra ngơ ngác. Gọi là cô cho xứng với khuôn mặt của một đứa con gái mười lăm mười sáu, chứ thân thể nó teo tép như con nít tuổi mười một mười hai. Nó đi vào thị xã, bẩn thỉu, rách rưới, kéo theo sau một đám con nít nhớn nháo tò mò. Có người nói lần đầu thấy nó ngủ trong một xó ga cách đây mấy ngày. Công an thành phố đuổi nó đi : từ hồi cách mạng đổi đời hơn một năm nay, chánh quyền nhân dân cấm tụi bụi đời lây lất chỗ công cộng làm mất thanh danh thành phố. Đuổi hai ba lần mà nó cứ về lại đây như muốn kiếm ai. Thét rồi người ta cũng thây kệ. Nó cũng đâu phá phách gì, chỉ ngồi đó xin ăn rồi thỉnh thoảng thánh thót ca nghe cũng điệu nghệ lắm. Nó cứ thường đang hát rồi bỗng dưng giật bắn người im bặt, nhìn trước ngó sau như sợ có ai nghe.

Đến trước căn nhà bề thế nhất tỉnh, nó ngừng lại sau thân cây phượng nhìn vô trong. Căn nhà do nhà nước quản lý bây giờ có đến hai ba gia đình cùng ở. Người ta khó chịu ra đuổi con nhỏ. Nó đi sâu vô trong thành phố. Đám trẻ vẫn đeo theo sau cười giỡn la hét *"bụi đời Sài gòn bụi đời Sài gòn"*. Một đứa chu mỏ cố nhái giọng nam kỳ hát chọc *"em hổi anh em hổi anh bao giờ chở lợi, xinh chả lời xinh chả lời mơi mốt anh dìa"*. Một đứa khác ôm cổ bạn, co một chân lên nhảy cà nhắc. *"Anh chở dìa chên đôi nạng gỗ. Anh chở dìa bại tướng cục chưng"*. Thằng thứ ba ngồi bệt xuống đất lê lết giữa tiếng cười la inh ỏi. *"Anh chở dìa xót xa đời em. Ta nhình nhau ánh mắc không guen"*. Cô bé bụi đời cúi mặt, bậm môi căm hờn, hai giòng nước mắt chảy dài xuống má.

Nhà sư cụt chân đứng ở ngã tư tần ngần nhìn cảnh tượng ấy từ nãy giờ bỗng chống nạng đi tới, ông mở bọc cho nó mấy trái chuối khô. Con bé ngốn ngáo ăn. Nhà sư đã đi khá xa. Nó nhìn theo một lúc rồi chợt vụt chạy theo ông về chùa. Tối hôm đó, ăn xong chén bo bo, nhà sư lết vào trước bàn Phật cố ngồi thật ngay ngắn. Người ta nghe tiếng ông thành khẩn đọc đủ thứ kinh sang sảng suốt đêm.



LUÂN HOÁN

thanh xuân

trong thân tôi, máu ba màu
máu xanh, máu đỏ: lọc sầu nuôi tim
máu tinh khiết: sữa nuôi em
nõn, thơm, ấm, ngọt, hồng, mềm... quanh năm
ba màu máu, một cội tâm
đủ sân si, đủ tà dâm, đậm đà
phát cho em, chia cho ta
thơ, đời, trộn một, đâm ra trẻ hoài

hứa

vài ba năm nữa đi tu
tụng kinh sám hối cho con cu vàng
dù em vén cõi thiên đàng
cũng xin liếc mắt mơ màng chút thôi

LUÂN HOÁN

Sáng hôm sau, công an đến vây chùa, nói có người tố cáo bọn sư hổ mang đêm qua dắt gái tơ về hành lạc, làm ô uế cửa Phật. Họ lại đuổi cô gái đi và đòi nhốt cả chùa. Nhà sư cụt chân đứng ra nhận tội một mình, giọng khinh bạc của ông làm công an nổi giận, họ còng ông lại rồi chở đi đâu không ai biết. Nghe nói sau đó ông chết trong một trại cải tạo ở ngoài Bắc. Riêng về cô gái thì chẳng còn ai nghe gì thêm nữa, dù chỉ là một tin đồn. Cuộc đời làm gì có chỗ trong ký ức cho những bụi bặm mà nó quét đi ?

PHẠM TRỌNG LUẬT



NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

tôi vẫn luôn luôn

(gửi Phan Nì Tấn)

Từ khi biết mình đã hết tuổi ô mai
buông tóc sầu
Tôi không mặc váy ngắn
Tôi thích cắt tóc ngắn
Mỗi khi gội đầu
Tôi không phải cất công
                                        ngửa lên
                                                cúi xuống
(cách đàn bà ngửa cổ ra sau
khêu gợi biết bao)
Tôi đứng thẳng
vòi nước mạnh
Xà bông cay xé chảy   toạc mi mắt
Tiếng nước rù rùng
(Cũng có thể tưởng tượng là
Tôi đang khóc...)

Đã bao lần   gội đầu
Bao lần   nước mắt chảy
                                                qua cầu
Thệ giả như tư phù
Vòi nước
Bọt xà bông cay   cửa mắt
Lên cổ lên đầu

Càng khi biết mình luống tuổi
buông lơi tóc sầu
Tôi vẫn luôn luôn đề cao cắt tóc ngắn
Phòng khi vấy bẩn
                                        Phải gội đầu

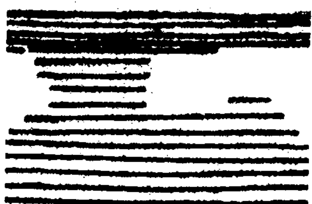
NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC



PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

THỦY TINH Ở NEWPORT BEACH





Có tiếng gõ cửa nhẹ. Ngôn lách mình vào, đến ngồi lên mép giường. Nhi tắt nhạc, ngạc nhiên trước vẻ mặt nghiêm trang khác thường của anh. Chưa kịp hỏi thì Ngôn chợt nói thật nhanh, giọng đắm đuối, bất ngờ:

- Em biết tháng mười này có gì đặc biệt?

Tháng mười ư? Ngày tháng nào chẳng đặc biệt, không cho người này thì cho kẻ nọ. Ngoài cửa sổ, trời đen trong vắt, nếu không có vòm đèn vùng L.A, Nhi có thể thấy cả ống kính của Hubble. Hiếm khi đêm vừa sạch vừa đẹp mà ông trăng lại đi vắng. Không có cả sương mù thứ thiệt! Nhưng Ngôn đang đầy vẻ lãng mạn quay về, bất cần không khí và ngoại cảnh. Nhi giả giọng Xuân Sơn hát *tình ca mùa thu**:

- *Đêm nay* (không) *sương mờ bao phủ / như lòng thương nư / nhớ mấy cung đàn / Thương đường tơ / mơ hiền hòa...*

Ngôn nghiêng người hôn Nhi. Anh khiến Nhi xấu hổ vì trái tim cứng rắn của mình, Nhi nhỏ nhẹ hỏi lại:

- Chẳng phải sinh nhật của ai trong nhà, hay là đám giỗ ông, bà? Chẳng nghe mẹ em hay mẹ anh nhắc. Nợ nần ai réo gọi? Bạn bè nào tái giá, gả cưới con cái?. Thôi, em biết rồi, kỷ niệm ngày anh lên đường về Phú Quốc làm ngư ông bất đắc dĩ. Để bắt đầu một cuộc đời mới.

Ngôn vẫn cố nghiêm, nhưng giọng nói càng lúc càng nhanh, hơi thở gấp,

---

* Ngô Thụy Miên

xúc động:

- Suýt đúng thôi, gần hơn nữa. Phải, một cuộc đời mới. Em không nhớ sao? Tháng mười...

- ... là lúc cách mạng xã hội chủ nghĩa Staline vĩ đại thắng lợi vẻ vang! là lúc nó được các bậc lãnh tụ kháng chiến anh hùng đem áp dụng trên đất nước hình chữ S. Và thay vì *lùa cả nước vào học tập yêu thương***

Ngôn vốn ghét những nhắc nhở về thời kỳ anh đi học tập cải tạo nhưng lần này anh vẫn không tỏ vẻ khó chịu, nét mặt hiền hòa, nụ cười rạng rỡ. Những vết thương lòng là thứ vết thương dường như chẳng bao giờ lành nổi, không để yên thì thôi, chớ nên cầm dao ngoáy vào, tội lỗi ghê lắm.

Tháng mười có gì lạ đâu anh. Nơi này bớt nóng một chút, nắng dịu hơn khi gió biển thổi luồn qua những hàng cây phong lá vàng. Nước biển vẫn lạnh, bãi cát vẫn đầy người cười nói, vui sống, dù không thể không biết rằng ở một nơi khác, có chiến tranh, có nơi dân chúng ốm o vì đói, có nơi dân (nhất là quan) có thể ăn (bằng mọi cách) nhưng hễ ai nói hay nghĩ trái/khác những líder maximo, guide du peuple, những nhà-lãnh-đạo-muôn-năm) họ sẽ bị công an bắt giam liên miên để đảng uốn nắn/dạy dỗ. Dạy mãi vẫn không kết quả? Nhà nước sẽ cho tông xe vận tải hoặc... xe đạp, nếu may mắn sống sót, bị can được vu tội mưu toan đảo chính, diễn biến hòa bình, chiếm đoạt tài sản/tiết lộ bí mật nhà nước v...v.. và nhận án một năm, hai năm, hai mươi năm tù và... năm năm mất quyền công dân!

Nhi nói dịu dàng để kềm hãm cái nóng nảy của ý nghĩ:

- Biển vẫn lạnh và người ta...

Ngôn sung sướng kêu lên:

- Ở biển. Đúng rồi! Nhưng không có người ta.

Và hai con mắt to đen bỗng như mờ đi:

- Chỉ mình em với anh. Nhớ không em, ngày đó trên bãi biển Newport...

Nhi cảm động. Nhớ chứ! Tháng mười năm đó, Nhi một mình thất thểu đi dọc bãi biển. Xa tít sau lưng là Southcoast highway, trong tiếng xe mơ hồ vọng tới, nhạt nhoà hình dáng những cần bơm giếng dầu, chậm chạp ngẩng lên, cúi xuống như những chiếc cổ gà sắt kiên nhẫn mổ những hạt thóc vô hình.

Chiều xuống, mặt trời nhuộm đỏ những đám mây bềnh bồng, tất cả sắp sửa chìm rơi. Gió thổi tung tóc và làm cay mắt, khô mặt. Bãi cát vắng lặng đầy nát những dấu chân người, những con hải âu thỉnh thoảng vụt đáp xuống tranh nhau đớp, rỉa miếng mồi nào đó rồi chợt bay đi, ném lại những tiếng kêu sắc lạnh, bàng hoàng. Sóng rạt rào, miên man, thầm thì, thỉnh thoảng đưa một nhánh rong trơn buốt lạnh níu kéo chân Nhi.

** Thơ Cao Tần

Đã quá xa rồi dãy nhà xinh xắn với những hàng cửa kính lấp lánh ánh mặt trời như được thếp vàng nhưng Nhi cứ muốn đi nữa, đi mãi. Như thể đến tận chân trời thì gặp điều mơ ước. Trước đó một chút, Quỳnh năn nỉ:

- Mình trở lên, vào quán ăn kem ba mươi mốt!. Lâu rồi mình chưa ăn kem, phải không anh?

Quỳnh lay lay chéo áo Hòa, Hoà nhìn Nhi cười hiền lành, biểu đồng tình yếu ớt:

- Lâu rồi, chị ạ! Dễ đến hơn một... tuần rưỡi!

Thức vỗ tay:

- Ăn cua trước, ăn kem sau và kết thúc bằng đi tìm casino kéo máy, phải gỡ vốn chứ, vận hên tới thì thành triệu phú luôn!

Nhi lắc đầu:

- Chẳng cua kiếc, kem cóc, cờ kéo gì hết. Đi hết đi, chúng mày đi thôi! Mỗi tháng đi hành hương Las Vegas một lần, cúng bao nhiêu là tiền giấy lẫn tiền cắc mà máu mê vẫn sôi sục, chúng mày mắc bệnh ghiền rồi. Thôi, xin cho tôi yên thân!

Ngọc hăm he:

- Chị cứ van xin "leave me alone" thì tụi em vâng lời, nhưng bãi vắng, du đãng có attack thì nhớ kêu làm sao cho tiếng hét "ét" tiếng bom, à không, tiếng hát át tiếng sóng để bọn em đến tiếp cứu.

Thức năn nỉ:

- Làm ăn lương thiện lâu giàu quá chị ơi! Em lại thiếu gan đi cướp nhà băng!

Ngọc phụ họa:

- Em bán hamburger cho nhà họ Mắc ta mấy năm nay vẫn cứ bốn đồng một giờ. Nếu thần tài chiếu cố, chị tưởng tượng xem: một tích tắc bấm nút, năm ba đô la thành năm ba trăm đồng. Chỉ cần ba trái cherry! Hay bốn trái táo. Bốn hạt kim cương. Mê tơi.

Nhi bĩu môi:

- Ba trái, bốn quả ... đã đủ đâu em nhỏ! Chúng nó phải dàn hàng ngang. Tao toàn thấy chúng nó so le một hoặc nửa hàng! Lo chí thú làm ăn thì hơn, ba má vẫn dạy rửa.

Ngọc lẩu bầu:

- Cho nên em vẫn phải mơ trúng số.

Dao chép miệng:

- Em nhớ kem quá! Kem va ni này nhá, có đủ thứ nuts hạt dòn hạt béo, có cả sô cô la hạt nhỏ hạt to humm... nhiam.. nhiăm. Ai là người sáng tạo ra món kem?

- Gió lạnh ghê, ăn kem không bằng... ăn cua!

Tuy rụt rè đưa ý kiến trái cựa nên được Dao ngoe nguẩy lườm cho một cái. Nhi bênh Tuy:

- Chứ không phải sao? Giờ này, gió lạnh. Với lại ăn kem no bụng bỏ cơm chiều má sẽ rầy cả đám.

Tuần nào cũng thế, đi chưa được nửa giờ là chúng nó giở giọng thở than, nào mệt nào đói và rủ rê vào các trò chơi cờ bạc.

Vào sòng vài lần Nhi tuyên bố chịu thua. Vui sướng gì mà ngồi đờ trước cái máy nuốt tiền hay nhả tiền, tùy theo mức độ hên xui rất luân hồi của đương sự. Tay bỏ tiền, tay kéo, mắt dán vào khung cửa hẹp, mồm há hốc hay thản nhiên giả bộ. Nhìn lại xung quanh ai cũng như vậy, thật là kinh khủng, đến trò giải trí, con người, sapiens, sinh sôi chật đất, nhưng vẫn mãi mãi là homo... côđộc?.

Ngọc cười mím chi:

- Bà không tưởng tượng được nỗi sung sướng khi tai nghe những khoanh tiền (giả, to và nặng, nhất là loại một đô la) rơi loảng xoảng, tiếng rơi càng lâu thì... càng dài cơn khoái chí. Và những cái nhìn thèm thuồng của người. Tất cả trong ánh đèn chớp tắt và chuông réo liên hồi. Chị phải thử thời vận, kiên nhẫn thử. Nhưng thôi vô ích, phải còn chút đam mê với đời mới biết mê cờ bạc! Có bạc không, cho em mượn năm đồng!

Dao ngoe nguẩy đuôi tóc:

- Trúng jack-pot... ôi thôi, chỉ nghĩ đã thấy mê: chúng mình sắm một cái chợ to bằng ba cái siêu thị Xách Xách, đặt lên là chợ Bến Nghé.

Tuy phụ họa:

- Và thay vì chưng ra ba ông già Tàu, chúng ta làm một chiếc tàu gỗ với một đám thuyền nhân, những cánh tay giơ lên chào mừng đất mới, đất lành, đất tiền, đất dầu.

Quỳnh lắc đầu:

- Chị chẳng thèm mở chợ hay nhà hàng, Chị sẽ mua một cái đảo nhỏ trong vùng Thái Bình dương, rước ba má ra đó dưỡng già.

Hoà thêm:

- Và sắm luôn một hãng máy bay.

Nhi cười:

- Để mọi người có thể tới lui, trở về thăm những vườn xưa, xóm cũ?

Quỳnh tỉnh khô :

- Chứ mua thế nào nổi những thứ đó! Đất đai Việt Nam vẫn thuộc quyền sở hữu của đảng ta!

- Đi chị ba ơi...

- Đi nhé chị! Nhìn sóng biển hoài tụi em chóng mặt quá: cứ nhớ tới ác mộng vượt biên!

- Đam mê của em nằm trong những con số.

- Nghen.. Mình đi nghen chị.

- Những lần trước không trúng vì chị không chịu kéo số dùm tụi em.

- Lần này mình chơi xì dách hay poker.

- Chỉ cần chị đứng bên cạnh đọc thầm thần chú.

Quỳnh chìa tay:

- Cho em mười đồng!

Hoà phụ họa:

- Mười đồng cho hai đứa.

Thức cũng xoè năm ngón, cù cưa:

-Hùn vốn với em đi, thua thì "chai hia", ăn to thì em chuồn sang Mexico!

-Đi với tụi em lần cuối cùng. Tuần sau hứa với chị, em sẽ bắt Thức chép một trăm lần câu cửa nhà bán hết tra chân vào cùm!

Nhi cười cười, chỉ ngón tay vào trán Thức:

- Chưa cửa nhà bán hết mà chị đã thấy em: chân bị cùm và mũi bị xỏ.

Ngọc vừa ngoe nguẩy nguýt vừa xô mạnh vai Nhi. Bị điểm trúng huyệt rồi!

Nhi cười lớn, xua tay:

- Thôi thôi, cút đi, tiền đây, cầm đi dâng hiến, một cách đam mê nhé, cho bọn ma cà rồng. Phải để tao sống sót mà đưa chúng mày về nhà chứ. Tuy với Dao không được đùa dai nha, gặp đứa hung ác và kỳ thị nó bắn chết chẳng kịp trối trăng.

Dặn cũng bằng thừa, hai đứa út thích chơi trò cút bắt với lính tráng. Và khi chàng cảnh sát hí hửng hân hoan tóm được cổ hai tên nhóc nhanh như sóc này, chúng sung sướng (nhưng vờ vịt) sợ sệt trình giấy tờ căn cước. Mặt mũi ngây thơ, búng ra sữa nhưng đứa nào cũng có một dĩ vảng không vị thành niên tí nào!

- Trúng jackpot bọn em sẽ đem trực thăng đến đón chị.

- Đi dạo vui nghe, ráng vui nghe, ráng đi nghe, ráng...

-Đến gành đá kia chị sẽ gặp con trai Thủy thần.

- Nói với ông ấy chịu khó lên bờ chứ chị cả nhà cháu không bằng lòng xuống thủy cung đâu.

- My sister belongs to us but we share.

Cả bọn vừa cười vừa rượt đuổi nhau, thoắt một cái đã xa tít. Ôi một lũ con nít, chưa bao giờ có tới một lần trong đời phải quyết định... trút bỏ đam mê. Lý với luận! Cứ y như kẻ dốt mê nói chữ, đam mê với chẳng đam mê, tại sao cứ đòi những kẻ thất tình phải thử thời vận nơi sòng bạc? Đam mê cũng năm bảy mối. Một lũ trẻ con! Hừ, cứ yêu nhau đi, cãi nhau đi nhá, ít lâu sau sẽ... biết!

Đôi tay tê cứng, Nhi nhận ra mình ôm vác, đeo xách như mấy anh chàng bán dạo. Du đãng thì đáng sợ thật, nhưng du đãng có khùng mới làm ăn ở chỗ này. Có ngán là ngán các của nợ đang chĩu nặng hai tay. Hay là cứ vứt ra đấy, lát nữa quay lại?

Nhi dừng lai ngắm mình lỉnh kỉnh với áo ấm, xắc tay, máy ảnh, báo chí, bánh ngọt, bánh mặn, nước ngọt. Chỉ còn thiếu bàn ghế, chăn màn là có thể

cắm dùi ở đây luôn. Đi chứ, phải đi, hoàng hôn trên bờ biển Thái bình dương, đẹp như mơ mà không biết ngắm thì thôi đành cứ lo ăn hamburger uống coca và cờ bạc. Cho hết một đời... di tản buồn!

Ngọc có lẽ nói đúng, thích hoàng hôn chắc là bi quan lắm? Hay là đam mê đã cạn kiệt?

Ôi, hơi đâu mà để bọn oắt con áp đảo tinh thần! Đam mê là gì?

Nhi đi chậm rãi, nghe cát lún nhẹ ở từng bước, nghe hơi nước mặn thấm qua mặt mũi... Bãi cát hồng mênh mông, bất tận, những mõm đá ven bờ vươn mình miên man đùa với những đợt nước bạc đầu. Ngoài biển còn vài nét chấm phá dáng người trượt nước. Lẻ loi và kiên nhẫn. Can đảm và say mê. Tất cả đang tận hưởng hiện tại. Nước, sóng loang loáng giữa những đường trũng màu xanh tím. Bao la, lồng lộng.

Lúc nào, bãi biển, cát ấm với sóng nước, rong biển cũng đem đến cho Nhi một cảm giác lạ lùng, vừa đe dọa vừa an toàn, hạnh phúc. Biển như món ma túy, như chiếu bài cho bác cháu nhà họ Bần. Lâu lắm Nhi mới hiểu đượ)c.

Thuở ấy, cuộc sống gia đình ba má Nhi có một khoảng trời bình yên. Ông bà chưa tất bật với một bầy con nít gồm năm sáu đứa con ruột, con nuôi, một đàn cháu, cháu kêu bằng dì, dượng, cháu gọi bằng cô, bằng bác.... Tất cả, trừ bọn Nhi, đều là những trẻ đồng xanh, bị chằng tinh, bom đạn, nghèo đói... rượt đuổi, lưu lạc đến nhà Nhi vào đầu những năm bảy mươi. Phải rồi, trước đó, giữa hai dấu ngoặc quí giá, lũ Nhi hai đứa, bảy tám tuổi chi đó, cả nhà đi tắm biển Cấp hay Long Hải mỗi tháng một lần. Bằng xe mô tô của ba; sáng tinh mơ thứ bảy, trưa chúa nhật về. Khi bụng má quá to và rồi em bé còn quá bé, hai anh em đi với một mình ba.

Hơn một lần, trên bãi biển, sau khi rượt đuổi chán những con dã tràng, Nhi rảo mắt tìm, không thấy ba đâu cả. Anh Thiện bỏ dở những hang động, lâu đài cát, chạy ào xuống biển, và mất tích trong đám đầu đen lên xuống theo sóng nước. Nhi ngồi ngẩn ngơ với cái xuổng và chiếc ca nhựa xanh đỏ. Xung quanh chỉ là những người lạ cười nói thản nhiên, không nhìn đến Nhi hay chỉ chăm chú theo dõi những đứa con của họ. Nhi mếu máo ba ơi, ba ơi. Tiếng kêu lùng bùng trong miệng không thoát nổi ra ngoài.

Nhi đứng lên, chỉ dám đi vài bước, nghe cát ướt ngoạm lấy đôi bàn chân, nghe tim đập loạn trong lồng ngực, cồ nghẹn đến nghẹt thở. Nhi sắp sửa là đứa bé *vô gia đình*, Nhi sắp sửa bị mẹ mìn bắt cóc, hai chị em là con nhà Petit Poucet bị bố đem vào rừng bỏ. Nhi muốn chết đi, biến mất đi. Và rồi lần nào cũng vậy, khi cát sắp sửa nuốt chửng Nhi thì ba chợt hiện ra, vừa cười dòn dã vừa cúi xuống xốc Nhi lên vai, chạy ào xuống nước. Con đập chân thế này, con quạt tay như thế nọ, úp mặt xuống nước như thế kia, xoay đầu ra sao, hít không khí vào lúc nào, thở ra...

Hơn ba mươi năm sau, Nhi vẫn còn nghe được cái cảm giác an ủi, êm đềm, an toàn lạ lùng thấm dần đến tận cùng xương tủy, phủ ngập đôi mắt cay xè

và chiếc mũi phập phồng mặn đắng nước biển và nước mắt. Bây giờ, mỗi lần anh Thiện bay về Cali thăm gia đình, Nhi dành ra một buổi cùng anh đi dạo biển. Hai anh em lặng lẽ đi bên nhau; chỉ một buổi nhưng đủ để Nhi tạm quên anh cho đến lần sau. Và gần như mỗi cuối tuần, Nhi phải năn nỉ hay lôi kéo lũ em ra biển. Nhi quên rằng Biển Đông không thể giống biển Thái bình dương, nên chi có màn đòi lên bờ ăn kem với đánh bạc. Má ngây thơ, cứ soạn đủ các thức ăn, thức uống, bắt mang theo. Nhi mang đi rồi mang về đày đủ, lần nào má cũng than sao con cái đứa nào cũng kén ăn

*

Chợt có tiếng chân bước nhanh ở phía sau, Nhi chưa kịp hét, người ta đã trấn tĩnh Nhi bằng lời chào trầm ấm. Và tiếp luôn:

- Cô đánh rơi. Tôi nghĩ là giày của cô. Trên bãi nảy... giờ... chẳng... chẳng... có ai khác. Đúng không?

Một anh chàng /Ngôn đấy mà/, kính cận dày như kính lúp, nhưng không quáng gà vì dám nói với Nhi bằng tiếng... Việt Nam, như thể vào giờ này, chẳng giống dân nào khác biết đi dạo biển, ngắm hoàng hôn. Anh giơ lên một chiếc giày cao gót (của Nhi).

Chết chưa! *Bỏ quên chiếc áo trên cành hoa sen.* Thế nào rồi con khỉ Ngọc sẽ trêu bà vô tình (đánh rơi) một cách cố ý. Vì thiếu kiên nhẫn nên toan đốt giai đoạn!

Tuy cãi nhau chan chát như kèn đồng với chập chõa, hai chị em hoàn toàn đồng ý về một điều quái đản nhưng phổ thông trên thế giới: con gái luôn luôn phải bị đày ải cực khổ rồi (may ra, có khi) mới được hưởng tình yêu hay hạnh phúc (và sống lâu hơn những chủ mưu, thủ phạm). Tuyệt đại đa số truyện - cổ tích và không cổ tích - đông tây nam bắc, bà Tùng Long, ông Slaughter, các bà B. Cartland, D. Steel... đều đồng lòng nói thế!. Còn con trai, chỉ cần làm hoàng tử, làm hiệp sĩ, bác sĩ, thi sĩ, văn sĩ, biết võ nghệ và (đôi khi không cần) đẹp trai!

Cô Tấm ơi, phải vậy không? Muốn bà tiên cho đôi giày đẹp, phải chờ mẹ ghẻ ăn hết con cá bống mú (và chừa cho mấy cái xương), muốn hoàng tử ghé mắt tới, phải bị mẹ ghẻ bắt ra đồng chăn trâu, phải đợi chú quạ bay qua xớt chiếc giày!? Còn phải trèo cây cau để rồi ở dưới gốc, hai mẹ con bà ấy hè nhau cưa đốn. Còn phải hoá ra chim, ra quả thị, còn phải biết, bổ (củi / cau), têm (thuốc / trầu), gói (nem công) nướng (chả phượng) nữa... Mệt đến mấy kiếp chứ chẳng chơi. Mệt chứ! Nhi thuở nhỏ mê làm lọ lem nhưng lười chuyện quét nhà, sàng đậu và coi bộ thiếu sức chịu đựng bất công hay đối đầu với thử thách.

Buông giỏ, Nhi chộp lấy chiếc giày:

- Cám ơn anh.

Này, Lọ Lem cần chạy nhanh trước khi quả bí biến thành con chuột! Phải không? Ơ, hoàng tử? lọ lem? Nghi lắm....

Lạ chưa, anh không chịu buông giày, hai con mắt đen cứ nhìn Nhi đăm đăm vừa như ngạc nhiên vừa như thích thú. Cái miệng cười được lắm, có vẻ quen quen (ô, quen nhiều đi chứ) nhưng anh... toàn bộ thì Nhi mới gặp lần đầu. Trời đất mênh mông hoàng hôn rực rỡ, biển tím nghìn trùng, cát vàng hằng hà, hai người nhỏ bé giằng co một chiếc giày tí hon. Muốn Nhi làm lọ lem? Dễ ợt. Thành đao phủ thủ khó hơn nhiều.

Nhi thả nốt đồ đạc còn lại xuống cát, đẩy trả lại chiếc giầy, giơ hai bàn tay mỏi ra phân trần:

- Ôkê.. ôkê.. anh để chiếc giày xuống, Tôi ướm chân cho anh xem, đúng là con nhỏ Cinderella... Chưa nửa đêm bỏ giày chạy lấy người. Giày tôi thật mà... Đây, chiếc còn lại xin lấy ra so...

Thấy anh càng lúc càng nhìn Nhi đăm đăm, Nhi bỗng hoảng. Nhi cúi xuống lục lọi tìm chiếc giày thứ hai và kinh hãi nhận ra rằng hình như Nhi vui đùa và rất ý thức về chuyện mình làm. Nhi đang mời người làm hoàng tử.

Thật là vô duyên. Chán chưa, một mặt Nhi (tuyên bố) hết yêu đời, một mặt Nhi vẫn tự ái, vẫn muốn ai kia thấy rằng mình chưa có "has been"? Khi tự ái lên cơn thì mọi tội lỗi có được giảm khinh? Nhất là khi nạn nhân đầy vẻ thành khẩn và không hề nghĩ rằng mình có thể là nạn nhân? Nhưng cái nhìn kỳ lạ của Ngôn khiến Nhi nhột nhạt, đừng đùa với lửa mi ơi, tránh xa mặt trời, cháy cánh lần nữa là tiêu đời nghe em!

Nhi bèn ngừng tay, lầm bầm lời cám ơn rồi lắc đầu khoát tay ra dấu cho anh đi. Ngôn có nghe thấy gì nữa đâu, sấm sét đã giáng xuống một cái rầm, cận hoá mù và tai thành ù!

- Tôi... Tôi... biết chắc là... là... giày của cô... Tôi... Tôi thấy.... nó rơi.... Tôi tin... Không ... không, không cần thử đâu.

Nhi cố nín cười. Khi Ngôn bối rối, mặt anh trẻ thơ. Và, Nhi đang vẽ đường cho hươu chạy... Sau đó thì sao nhỉ? Hươu cứ chạy không cần đường xá. Nhi không dám cười nhạo Ngôn nữa, anh đã định thần, đã lấy lại phong độ (?), nói năng ngọt ngào, xuất thần chẳng cần bài bản.

Anh cầm chiếc giày của Nhi, xoay xoay, ngắm nghía:

- Lâu lắm, thật lâu rồi, tôi cầm một chiếc giày trong tay mà trong lòng nghe vẫn yên tĩnh! .. Hùm! Giày Anh với Ý là nhất thế giới! Đúng không?

- ? !

- Trong lần vượt biên thứ ba, gần hai năm trời, ở Cần Thơ, tôi là thợ đóng giầy chuyên môn. Cắt da, se chỉ. May giày, chế kiểu. Nhờ học được từ trong trại cải tạo và sau đó làm chuyên viên giày dép trong hợp tác xã Đội Trời Đạp Đất ở trong quận Y., chuyên trị lá tranh với vỏ ruột xe hơi phế thải.

- Tên nghe hay nhỉ.

- Chỉ là công ty đóng giày dép thôi, nghe không oai, có người đề nghị "công ty phục vụ lao động đầu hiên ngang đội mưa nắng và chân dũng cường chà đạp sỏi đá".

Nhi mỉm cười:

- Bảng hiệu nào chứa đủ tên công ty? Anh đùa trên đà vui chiến thắng của những người muốn phát huy sự trong sáng của tiếng Việt?

- Cô không nhớ các nhà hàng lúc bấy giờ phải có định nghĩa chức năng trên bảng hiệu: nhà hàng phục vụ ăn uống. Dĩ nhiên, bây giờ, nhà hàng có thể có những chức năng khác với ăn uống... Trở lại chuyện đạp đất. Khi kinh tế cá thể được khuyến khích, nghĩa là công ty quốc doanh lổ lả, phải giải thể, chủ cũ, yêu nghề, lại gặp vận, nhảy từ dép Bình Trị Thiên, dép Nhật (tái sinh) sang dép da, giầy da. Người ta khám phá ra rằng giày, ngoài chức năng đạp đất, có thể, nên, phải.... êm chân, đẹp, bền, thời trang... Chủ nhân lo làm giàu, tôi chỉ mong đủcây để lại ra khơi! Tôi đếm từng ngày, ông chủ nhà đếm từng trăm giày. Nỗi vui của chúng tôi tăng theo số người bỏ mối. Ông ấy khen tôi khéo tay, nhanh nhẹn, có óc thẩm mỹ, có sáng kiến: tôi giúp ông chế một cái máy cắt da. Lúc tôi sắp sửa nổi khùng như anh chàng Charlot, hai tay cứ dần da, đo, cắt, gọt, ráp, bào, may... nghĩa là thấy miếng da là bắt đầu xoay, trở, đo, cắt, gọt. Phải đạt chỉ tiêu. Nghĩa là đêm khuya, thân thể nhừ ra, những lóng xương rơi rụng trên chiếc chiếu trải vội trên những mảnh da vụn, mẩu chỉ, tôi cũng nghe mọi thứ rời rả; phải vận dụng thiền, đọc kinh, nghĩ đến cha mẹ, đàn em, phải hồi tưởng tất cả những cảnh oan trái, nghiệt ngả từng sống qua hay đã từng chịu đựng để có can đảm tiếp tục. Dùng tình thương, dùng hận thù, con tim, lý trí... để nuôi dưỡng đời sống hằng ngày.

Nhi ngạc nhiên:

- May giày lẽ ra phải dễ chịu hơn đi vác nửa chứ?

Ngôn cười:

- Dễ chịu hơn nhiều! Và chủ tiệm giày không phải đại trí thức cũng chẳng tam đại bần cố nông, có với tôi mối dây liên lạc sòng phẳng và giản dị, trái ngược hẳn so với những cựu cai tù của tôi. Nhưng có lẽ số tôi không được làm tỉ phú giày. Tôi cứ muốn ra đi tìm đường... cứu nước.

Tiếng Nhi cười phá lên khiến mấy con hải âu giật mình bay vụt đi. Ngôn chỉ hơi tủm tỉm. Bỗng nhiên, Nhi mất đi chút ngần ngại sau cùng:

- Nghĩ cũng lạ, các bậc tiền bối của chúng ta ra nước ngoài làm cách mạng chống Pháp, chống Nhật, chống Mỹ có vẻ ít gian nan hơn các con cháu họ trong cuối thế kỉ này.

Ngôn nhìn ra ngoài khơi:

- Ông cụ nào cũng được chính đế quốc đưa đi, bằng tàu thủy, tàu bay... Dường như ngày nay, người ta không còn cách xử sự mà chúng ta hay mỉa nhẹ là quân tử Tàu nữa.

- Nghĩa là...

- Khi dối trá trở thành điều tự nhiên như hít thở khí trời và mọi phương tiện là cứu cánh.

- Trước đó anh đã toan tính vượt biên mấy lần? Gặp những nguy hiểm nào?

- Từ trại cải tạo về, tôi tìm mọi cách vượt biên. Những thất bại ban đầu như những liều thuốc kích thích...

Ngôn bỗng trầm ngâm. Nhi chợt nghe hối hận:

- Có lẽ tôi khiến anh nhớ tới những kỷ niệm xấu... Xin lỗi anh, tôi đi trước năm 75 nên không tưởng tượng được...

Ngôn lắc đầu, ánh mắt bỗng tươi trở lại:

- Đánh đấm, tuyên truyền hai mươi năm không bằng mười năm sống chung. Kinh nghiệm xương máukhông thua gì kinh nghiệm của nước mắt và đói kém, bây giờ) nhìn lại, đôi khi tôi thấy nó cần thiết, đời sống trọn vẹn ý nghĩa hơn. Đúng không? Mặc dù khi về với đời sống bình thường, tôi phải qua một thời gian mới quen, với những đổi thay, dù những đổi thay nhỏ nhặt nhất, Lúc đầu, tôi cũng trải qua những giao động, chán ngán, có lúc sắp sửa buông xuôi, có lúc muốn đập phá, giết người. Đó là những cảm giác rất khó chịu, những ấm ức trong lòng, những dư vị chua cay vương vất. Như tôi nói khi nãy, lúc tôi sắp đầu hàng số mệnh thì nhà nước mưu toan biến cái hãng giày đang phất lên của ông thành tài sản quốc gia. Cả gia đình ông vượt biên... với tôi... Và giờ đây, những chiếc giày, mùi da.... bỗng trở thành những kỷ niệm êm ái.

Nhi cảm động, tưởng tượng. Nhi hỏi han. Ngôn hân hoan kể lể. Dường như họ nói chuyện hoàng hôn, bình minh, mưa nắng và... biển cả. Nơi này và nơi kia. Biển xanh, xanh lục, xanh vàng. Biển không hề là biển êm đềm tuổi nhỏ riêng Nhi. Đại dương trong đêm bão là một vũ trụ kinh thiên động địa.

- Anh có nghĩ đến cái chết?

- Chiếc ghe lớn bằng một gian nhà, nằm chật cả một lòng rạch, nhưng ở ngoài khơi như chiếc lá con, bị quỷ thần vô hình tung hứng giữa những núi nước, tường nước. Nghĩ gì lúc đó? Rằng những gian khổ đã qua chỉ là bọt bèo vô nghĩa lý, rằng giây phút này mới là giây phút của sự thật tuyệt đối, của phán xét sau cùng, của mình đối diện với chính mình...

Ngôn nói về những bãi cát ở đảo, ở trại tị nạn... như kể một chuyện cổ tích, một chuyện phiêu lưu mạo hiểm không một kết cục có hậu. Nhi bỗng như ra khỏi cơn mộng dài, bỗng như được đưa ra khỏi cõi bình yên nhỏ bé nhưng vô vị. Trời đất, bãi biển của Nhi, Petit Poucet với mẹ mìn, chẳng là cái cóc khô gì cả! Đam mê với thất tình...Trời đất, cứ như con nhà giàu đổ ruột!

*

Rắn rỏi, thăng bằng, không một chút cay đắng hay kiêu ngạo. Giọng nói

anh ấm áp. Buổi chiều bỗng dễ chịu. Những tiếng chim vui vẻ. Những đợt sóng hồn nhiên, mơn trớn. Nắng gió dịu dàng, thông cảm. Dường như bọn nhỏ cháy túi nên rủ nhau về đúng lúc. Rồi hỏi thăm, làm quen, ghi số điện thoại, hẹn nhau cuối tuần đi cờ bạc và ngắm chiều tàn trên đại dương. Ngọc huých nhẹ lưng Nhi, hỏi nhỏ:

- Thủy Tinh phải không? Anh ấy ở dưới nước bò lên ở khoảng nào, để em đánh dấu chứ, rủi điện thoai ghi nhầm còn có chỗ để dò. Thấy em nói hay như thánh chưa?

Rồi trên đường về, và dài dài về sau nữa, chúng đua nhau thêu dệt, bàn ra tán vào, dự đoán ồn ào như những buổi tuyển lựa hoa hậu áo dài Long Beach giờ entr'acte, hò reo cổ võ (lúc) đội banh chuyền L.A Lakers đấu với thiên hạ. Đứa nào cũng sẵn sàng làm binh tôm, tướng cá cho con trai Thủy thần mà Nhi thì biết rằng Sơn tinh đà có vợ con và đã tuyên bố "phọt phe".

Những lần sau, người khuân vác đồ đạc là anh, rất sung sướng hân hoan, hỏi chuyện huyên thuyên, chẳng hề mỏi tay, mỏi miệng. Người đâu mà chịu thương, chịu khó!

Mấy đứa em tha hồ thử thời vận, thứ bảy nào cũng cháy túi mà trông chúng đầy vẻ hớn hở.

Đám em kì cục với những người yêu kì cục đồng lõa. Kì cục lắm, bởi chẳng lúc nào chúng cũng lo ngại rằng Nhi sẽ lẳng lặng đi thẳng xuống biển vào một buổi hoàng hôn đặc biệt mời gọi nào đó sao?.

Ngôn quyết không cho Nhi trở về với quả bí rợ và mấy con chuột. Cải chánh hoài nghe ra như đang nhận tội nên Nhi đành im. Những đứa em sốt ruột như những bà ngoại mong cháu bế. Nhi bực dọc nói với Ngọc:

- Chúng mày cứ làm đám cưới trước đã.

Nó ôm miệng cười:

- Chị lớn phải làm gương cho em út chứ! Với lại em mê tổ chức đám cưới ghê lắ. Phải tập dượt, để đến lượt em thì khỏi lo, mọi chuyện tuần tự diễn tiến huy hoàng như một buổi phát giải Oscar!

Ba má Nhi, ba má Ngôn chắc cũng sốt ruột không kém, cứ mời nhau đến nhà dùng cơm, trao đổi kỉ niệm. Làm như hễ ngày xưa, hai cụ ông chưa kịp làm quen nhau ở khu năm thuở kháng chiến chống Pháp, hai cụ bà đi chợ Bến Thành ngày một vào thời Hội đồng tướng lãnh của Việt Nam cộng hòa mà chưa một lần liếc nhau, thì bây giờ ở đất Cali này, Nhi và Ngôn phải đuổi kịp những trễ hẹn, hàn gắn những phân chia, nhân đôi nhân ba, bình phương, thậm chí lũy thừa những dây nhợ, rễ cái, rễ con. Tới một lúc, trong khi mọi người đứng hoan hô; nhìn lại, Nhi thấy mình đang ở bờ vực với Ngôn, Nhi năn nỉ đòi xuống:

- Em bất xứng với anh. Tim em đã khô queo, em đã hết làm thơ từ mấy năm nay.

Ngôn sôi nổi:

- Càng hay, vì anh không đủ khả năng thưởng thức. Và nếu em hết yêu anh, nếu ai đến đòi lại em, anh sẽ giao trả... em cho họ!.

Ai (hơi đâu) mà (dám) đến đòi!

*

Hôm chọn nhà hàng với Ngôn xong, viết giấy báo hỉ đến mọi người, Ngôn đóng bao thư, dán tem với má Nhi ở dưới nhà. Trong phòng, Ngọc nghiêng đầu, ngoẹo cổ thử nón trước gương, Nhi ngồi xuống giường, đè lên một góc áo cưới, rít với Ngọc:

- Sau này, có gì thì chúng mày chịu trách nhiệm!

Ngọc phì cười, vừa lườm vừa lôi Nhi đứng lên, với tay cứu bồ cái áo sa ten trắng váy xoè đầy những hoa chìm nổi với những hàng ngọc trai kết vòng hai bên ngực. Nhi ngồi phịch xuống giường, lập lại câu nói bằng giọng chán nản. Ngọc quay lại trước gương, ướm áo, giơ tay gỡ chiếc nón phù dâu, cúi đầu chào bóng mình, ép nón vào sát ngực:

- Áo đẹp như áo của lady Diana ngày cưới ông hoàng Charles. Chỉ thiếu cái chổi voan quét đường dài mười mét rộng năm mét và nặng năm gờ ram. Em xin chịu hết mọi trách nhiệm.

Rồi vứt nón xuống cạnh Nhi, tay chống ngang hông, Ngọc quắc mắt nhìn Nhi trong gương:

- Bà điên vừa thôi chứ. Có gì là có gì? Chị cắt đứt với anh Dân, chị nhận lời anh Ngôn. Quyết định nào cũng rõ ràng, kẻ trong cuộc cũng như người ngoài, là em, đều nhận rõ năm trên năm. Chị hối tiếc hay chị không rõ mình muốn gì? Em sắp chán chị đến cổ rồi, còn muốn làm khổ anh Ngôn nữa sao? Anh ấy dễ thương, anh ấy hoàn toàn. Anh Ngôn...

- Ngọc hỏi anh chuyện gì?

Có tiếng gõ nhẹ lên cánh cửa đang mở hé rồi Ngôn bước vào phòng. Ngọc bối rối, khựng lại một giây rồi ấn chiếc áo vào tay Ngôn:

- Áo đẹp mà bà lười ấy không chịu thử lần chót, anh ra oai đi, để còn xem có phải sửa sang, thay đổi cái gì...

Thế là xong, Ngôn sốt sắng làm hoàng tử. Nhi vô cùng bối rối, xao động trước tình yêu bồng bột mà cực kì chân thành kia. Nhưng Nhi ngập ngừng. Ngại ngùng. Vì Nhi chưa đủ đam mê hay vì có cảm tưởng đã phản bội một thề nguyền? Vì muốn thoát khỏi cái cảm giác ấm áp, dễ chịu mỗi lần ở bên anh, vì muốn cưỡng lại cái ý nghĩ mơ hồ là anh cứ muốn che chở, bảo vệ Nhi?

*

Họ sống hạnh phúc và có thật nhiều (hai đứa) con. Hôm nay hoàng tử, không, thái thượng hoàng, chợt nhớ đến kỷ niệm xưa. Thì ra thế, đến lượt Nhi



TRỊNH GIA MỸ

chiều phi trường

Những giọt nước mắt
Những giọt nước mắt
Những môi hôn
Những tay ôm
Những lòng lưu luyến
Những lời chưa nói
Không cùng

Tôi không tiễn người
Tôi tiễn tôi
Không nước mắt
Không tay chào
Không lời chia ly
Không câu hò hẹn
Tôi đi về đâu. Tôi đi đâu

Tôi đi về đâu lòng trống không
Chung quanh xôn xao bao tiếng chào
Sao lạ lùng, những người quen biết
Tôi đứng đây mà ngỡ trong chiêm bao.

TRỊNH GIA MỸ

cảm động:

- Em nhớ ra rồi, đến tháng mười này là đủ "mười năm tình cũ ".

Ngôn sung sướng giơ ra một phong bì dày cộm:

- Hai vé máy bay L.A-Paris khứ hồi. Quà cho em. Hai tuần Âu du. Em nghĩ sao? Chúng ta có mười ngày đi thăm Paris, London, Amsterdam, Roma, Berlin...

PHAN THI TRỌNG TUYẾN



NGUYỄN ĐỨC SƠN

cho hỏi chút chơi

Hỡi dòi bọ viết văn, làm thơ lúc nhúc
sao vừa châm chích tôi
vừa hút rỉa, rúc quá lôi thôi vậy?

chớ sao bây giờ

Thầy tu cũng thường nuôi một con cu
nên nói cái chi cũng đều bù rù rù, mịt mù
chúng con bèn êm ru

thật thà

Khuya lạnh ôm con ngủ
ôm đất trời quá cũ
một kiếp mộng bao nhiêu
trước sau gạo một hũ

thưa với các đấng giáo chủ kim cổ

Dù đạo của các Ngươi
Thành hay không thành
Cỏ mộ
Vẫn cứ xanh

thoát

Sáng mênh mông
Ta đi thơ thẩn trong vườn hồng
ồ bông, ồ mộng, ồ không

kinh nghiệm riêng
Mần thơ ôi giống hệt bửa củi
nhưng nói ra nhiều người sẽ tủi
nên mặc quần đùi đứng khom lưng
có gì rớt vô ta dễ phủi

•

làm thơ

Mắc đái là mắc đái
Làm thơ cũng cùng hình thái
Không còn chi để phải nói lại
Trừ cái sự vụ hai trứng dái
Săn cón lên báo giờ quan ngại
Trong khi thơ rụng như cây chín trái
Khôn ngoan ta đưa tay hái

hồn ta

Hồn ta là một cái bệnh viện
Rộng vô biên
Nằm không xa
Một bãi tha ma
Tưng bừng
Bóng quạ

Có gì đâu

Giữa ban ngày
Nhiều tên thấy tôi bắt trộm gà quá giỏi
Bèn ưa máu hỏi
Vậy chớ mồm mép thiết tha xã hội công bình của tôi
nằm ở chỗ nào.
Xin ân cần đáp, ở chỗ chúng chẳng cào trúng tôi.

NGUYỄN ĐỨC SƠN



NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG

CÓ PHẢI LÀ TÌNH YÊU?



Tôi thích đến nhà Robyn, thị trấn Silverado, với con đường ngoằn ngoèo vài khúc quành gắt gao. Nhà Robyn dựa sườn đá đối diện khúc suối cạn nước rỉ rả chảy mùa hè. Khi tuyết trên núi tan hoặc khi mưa lớn, nước tuôn chảy tung bọt trắng xóa. Phía bên suối có một bờ đất vừa đủ cho vài ba xe đậu nghiêng. Mỗi lần tôi đến, chưa xuống xe, Robyn đã chạy qua đường lại gần dặn dò.

-Coi chừng cây độc.

Tôi không bao giờ nhớ lá cây trường xuân độc làm ngứa ra thế nào dù đã được chỉ nhiều lần dăm cây bên dòng nước nhỏ ấy. Nhà Robyn có một nhà xe và khúc sân dài chuồi lên dốc cao đậu được hai xe. Đậu nơi sân chỉ phiền khi lui ra tận đường lộ khá nguy hiểm nhất là khi con đường ở vào đoạn cong không đủ xa để người trên đường kịp nhìn thấy. Vì vậy tôi hay đi quá nhà Robyn một khoảng tìm chỗ trống quay xe lại đậu nơi bờ đất đối diện nhà.

Biết tôi thích nhà, Robyn vẫn đùa.

-Thích thì dọn vào đây ở với tao. Nhường cho mày cái phòng dưới hốc đá.

Nhà Robyn cất theo sườn đá lồi lõm nên mấy phòng ăn phòng ngủ lên xuống cách nhau vài nấc thang ngộ nghĩnh. Bên dưới khối đá lớn làm nền cho phòng khách có một chỗ lõm lớn biến thành phòng riêng cách biệt với ngôi nhà bên trên, Robyn dùng làm phòng làm việc với sách vở giấy tờ quăng ném bừa bãi. Cửa sổ phòng này cũng như cửa sổ phòng khách bên trên, nhìn qua con suối bên kia đường với chiều nghiêng độ dốc của dộc đạo dẫn ngang thị

trấn. Ban đêm, tối mù trừ vài chỗ có đèn đường vàng mờ mịt, mấy căn nhà nằm cạnh nhau, ánh đèn xe như vụt hiện ra ở khúc cong, quét ánh sáng loé lên rồi tắt ngóm khi vượt khỏi nhà. Tôi thích nhất căn phòng nơi hốc đá. Mấy lần ở lại ngủ đêm, Robyn vẫn ném cho tôi miếng nệm xếp, chăn nhồi lông, dăm ba cái gối và nói.

-Nhà có phòng với giường ngủ lại không chịu, cứ đòi xuống cái hốc đá lạnh lẽo. Trước khi ngủ nhớ cầu nguyện đừng xảy ra động đất.

Đôi khi Robyn ngồi nói chuyện với tôi đến ba bốn giờ sáng, ngọn nến nhỏ nơi cửa sổ, lưng dựa tủ sách hai đứa ngồi bệt trên sàn, chai Cognac cạn nửa. Có đêm giật mình thức giấc nhìn qua cửa sổ màn vén cao, thấy trời ngập đầy sao lấp lánh, tôi nhớ một lần về quê, bốn năm giờ sáng, đang ngủ trong lòng bà ngoại, chợt mở mắt nhìn qua cửa xe, ngạc nhiên thấy sao ngập trời lóng lánh sáng. Từ đó về sau, tôi vẫn xúc động mạnh mỗi khi một mình lặng lẽ nhìn thấy trời đêm đầy sao.

Tôi quen với Robyn tính ra cũng đã mười ba mười bốn năm. Robyn chuyên viết cẩm nang kỹ thuật và tôi ở bên khu nghiên cứu phát triển nhu liệu. Tầng thứ hai với nhóm kỹ sư trù hoạch và khu nghiên cứu phát triển nhu liệu, chỉ có bốn người đàn bà. Tôi, Jackie, bà thư ký già Helen, và Robyn.

Robyn hay rủ tôi đi ăn trưa mấy tiệm nhỏ quanh hãng hoặc lang thang thương xá nhìn quần áo giày dép. Robyn nhận xét.

-Đàn bà phải thân nhau mới có thể đi mua sắm với nhau. Hễ không hợp gu, không bàn được tiếng nào, không nhìn thấy cái áo đôi giày vừa ý lẫn nhau, họ khó có thể chơi thân với nhau về lâu về dài.

Tôi không đồng ý và cũng không biết điều đó đúng bao nhiêu phần trăm, chỉ biết Robyn có mắt nhìn ra những thứ áo quần hợp tôi nhiều hơn là tôi nhìn ra thứ nào hợp với Robyn. Bước vào tiệm là Robyn lo đi lùng mấy giá treo có chữ hạ giá hai, ba mươi phần trăm trong khi tôi thơ thẩn ngó đi nhìn lại một lát không thấy món mình thích, hợp gu bèn đâm chán chỉ muốn đi nơi khác. Robyn bảo tôi.

-Mày thiếu kiên nhẫn. Mua gì cũng chỉ muốn bước vào mua ngay rồi bước ra. Không được. Mày chỉ có phân nửa là đàn bà, không hiểu nửa kia của mày là gì?

Có lẽ tôi thân hơn với Robyn từ hôm lên nhà Robyn tiệc nhỏ mừng Jackie lấy chồng. Bữa tiệc từ giã độc thân của Jackie chỉ có bạn đàn bà con gái. Người nào cũng bạo mồm kể chuyện tục và bàn về những truyền thuyết không có thật về đàn ông. Tôi ngồi nghe nhiều hơn là góp chuyện. Robyn ngồi bên tôi, thỉnh thoảng hỏi.

-Mày hiểu nó nói gì không?

Có khi tôi gật, có khi tôi lắc. Robyn vừa giải thích vừa cười. Đến lúc cả bọn vừa cười rú vừa hét lên ở cuốn phim X Robyn mướn lúc chiều, tôi ngồi một lát rồi cầm ly ra bậc tam cấp nơi cửa trước, đứng nhìn xuống con đường ngoằn ngoèo nhòe lẫn dưới ánh trăng không sáng mấy và dòng nước lấp lánh nhẹ chảy bên kia đường. Một chập sau Robyn ra đứng cạnh cầm theo chai rượu chát trắng rót vào ly tôi, hỏi nhỏ.

-Chán hả?

-Ừ, phải chi nó có đôi chút tình tiết tôi còn rán ngồi thêm tí nữa...

-Ba thứ nhảm nhí này làm gì có đầu có đuôi.

-Bởi vậy mới ra đứng đây. Tôi thích nhà chị. Thích nhất cái phòng bên dưới phòng khách.

Robyn nhìn tôi.

-Tao cũng thích phòng đó nhất. Mày là đứa đầu tiên có ý giống tao. Mọi người ai cũng sợ động đất nên thấy cái phòng là lắc đầu chê người cất nhà cắc cớ chơi dại. Nhà này đã hơn bốn mươi tuổi, nhiều thứ cần tu bổ đều đặn, nhất là nền móng cột chống, nhưng đã thích đã mua thì phải chịu thôi.

Giữa tôi và Robyn, chữ I và you khi Robyn nói, được tôi hiểu ra là tao với mày, trong khi cũng hai chữ đó, nhưng từ tôi, thì sẽ là tôi với chị, khi nói với Robyn. Không biết có phải vì Robyn lớn hơn tôi năm sáu tuổi nên bất giác tôi hiểu ra như thế, trong tiếng Việt của riêng tôi. Tất nhiên với Robyn, hai chữ you và I, không tạo nên vấn đề xưng hô rắc rối trong ngôn ngữ mẹ đẻ. Tôi nói.

-Tôi thích đêm nơi này. Vắng vẻ một cách an lành thư thái chứ không phải vắng vẻ đe dọa.

-Thích thì cuối tuần gọi tao một tiếng vào đây chơi. Ngủ lại cũng được. Có lẽ nên ngủ lại hơn là về. Con đường ngoằn ngoèo này lắm tai nạn về khuya. Tao mua nhà ở đây vì thích cái im vắng vô cùng của nó. Gần như lên núi ở nhưng không cần phải đi thật xa. Một thói nuông chiều lười biếng rất tiêu biểu của bọn California mình. Còn thích hơn nữa thì bán quách nhà mày mua cái đàng kia kìa. Nó bán cả năm rồi chưa được. Nhà trong này mua thì dễ nhưng bán lại không dễ. Chỉ có những đứa điên như tao mới ở đây. Thị trấn này ít người và gần như đứa nào cũng có chân trong nhóm thiện nguyện cứu hỏa. Mùa hè sợ nhất là cháy cỏ, cây dại khô, và tai nạn xe cộ. Bọn trẻ thích đi đường này vào sâu bên trong chạy băng đồng băng suối. Chỉ phiền tụi nó uống đến say mèm rồi lái xe về đường đêm, mấy chỗ cong gắt nó chạy giữa đường, có khi lấn cả qua bên kia để khỏi bớt tốc độ hoặc vì quá gắt không bẻ lái kịp, tránh người ngược chiều không được, chết hoài. Dân trong này ra vào thường xuyên biết chỗ quành nào gắt, chỗ nào có thể chạy nhanh chứ còn người ngoài sơ ý là có tai nạn ngay. Bởi vậy nếu mày vào chơi đêm, tao chỉ muốn mày ngủ lại là thế.

-Tôi thích nhà, thích chỗ nhưng lại sợ con đường ngoằn ngoèo ấy. Tôi có

tật xấu, cứ lái đường quen thuộc đi về lắm lần thế nào cũng có lúc vừa lái vừa nghĩ vẩn vơ.

Tôi nhìn Robyn và nghĩ rằng Robyn đẹp dù bọn đàn ông đồng nghiệp bên khu tôi làm khi vui miệng vẫn chê lén Robyn người dẹp lép, đi đứng như một thằng đàn ông và mồm lúc nào cũng sẵn sàng đôi co đốp chát. Robyn cụng nhẹ chai rượu vào ly tôi đang cầm cười lớn.

-Một vấn nạn cho mọi người mỗi khi mày lái xe!

•

Tôi chưa có dịp vào chơi thì Robyn mời party nhỏ Giáng Sinh. Tôi đến với Huân. Robyn bận nơi bếp, vừa sắp xếp vừa trông chừng thức ăn trong lò nướng, trên bếp. Tôi đứng dựa cửa sau mở lên khu vườn nhỏ nhiều tam cấp lên xuống theo bậc đá. Hơi lạnh bên ngoài uà qua cửa âm ẩm tinh khiết. Robyn đưa tôi cái nĩa ghim miếng thịt nướng, vừa nói vừa hất hàm chỉ.

-Ăn thử. Thấy tụi nó xứng đôi không?

Tôi nhìn ra vườn sau. Cô gái tóc vàng chấm vai ngồi nơi băng gỗ nói chuyện với người đàn ông rám nắng hồng hào cao lớn, tay đút túi quần, tay kia cầm chai bia, râu mép nâu sậm, tóc cắt ngắn, quần jeans, áo da nâu. Dăm ba người đàn ông khác đứng quanh chuyện trò ồn ào cuối vườn.

-Ừ, trông cũng xứng.

Robyn nháy mắt.

-Bọn tao đang làm mai hai đứa nó. Tim làm sở cứu hỏa. Larissa dạy mẫu giáo.

Tôi đùa.

-Tôi tưởng Mỹ không có chuyện mai mối. Hơn nữa, cứu hỏa thì khối người mê. Mang hình ảnh anh hùng, lắm chị đâm đầu vào đâu cần mai mối.

Robyn hứ một tiếng.

-Bày trò cho tụi nó gặp nhau. Chết chóc gì ai. Cả hai đều độc thân. Sau đó chuyện gì xảy ra là chuyện của tụi nó, bạn bè nào có trách nhiệm gì.

Tôi nằn Huân ở lại chơi đến quá nửa đêm mới về. Robyn giữ tôi nơi cửa, hỏi nhỏ.

-Huân có vui không?

-Có.

-Chắc không đấy?

-Tôi biết tánh Huân, không thích là Huân đòi về ngay.

-Nó chiều mày nên ngồi lại chứ trông mặt nó chán thấy rõ. Lát nữa nó than phiền thì chỉ có mày nghe. Rán chịu nhé.

Tôi cười mặc áo khoác lên xe. Huân lái về không nói gì suốt đoạn đường dài. Robyn gặp Huân lần nữa ở tiệc Giáng Sinh hãng đãi nơi khách sạn Hil-

ton. Dặn trước nên Robyn giữ cho tôi hai chỗ cùng bàn. Như thường lệ, Huân và tôi đến trễ. Thấy tôi từ xa, Robyn vẫy tay ra hiệu. Tôi vừa ngồi xuống, Robyn ghé tai đùa.

-Mày mặc satin đen vừa sang vừa khiêu dâm. Cố tình hay vô ý? Đừng quên đây là tiệc hãng, mấy thằng xếp già đạo đức giả khó chịu lắm nghe.

Tôi lắc đầu cười giơ ngón tay suỵt nhẹ. Bên trái tôi là Huân, bên phải là Robyn rồi đến vợ chồng bà Helen, vợ chồng Jackie và vài người tôi quen mặt không nhớ tên. Robyn mặc tuxedo đen rất hợp với dáng cao. Tôi thành thật.

-Tôi thích bộ đồ chị mặc. Mua đâu đấy? Tôi đang tìm một bộ như thế để thay đổi.

Robyn cười.

-Dáng của mày hợp với đồ đầm hơn. Tin tao đi. Ngược lại, cho tiền tao cũng không mặc cái áo satin hở lưng của mày.

Tôi thấy Robyn đổi chỗ sang ngồi gần Huân khi David mời tôi ra sàn nhảy sau khi lịch sự hỏi Huân trước. David là trưởng phòng thị mãi lầu ba. Lúc cần, David vẫn hỏi tôi khi có vấn đề với nhu liệu, và đôi lúc ký được công tra lớn, David tặng tôi vài nhánh hồng hoặc hộp kẹo sô cô la với dăm chữ cảm ơn. Robyn thường chắc lưỡi khi thấy bó hoa trong phòng tôi.

-Của David phải không? Cái thằng dại gái. Nó chỉ tìm cớ để theo mày.

-Đừng nói bậy.

-Chỉ có mày không biết chứ cả hãng đứa nào cũng biết nó mê mày.

-Toàn thị phi chết người. Chẳng lẽ nó hỏi, tôi làm thinh?

Robyn nguýt tôi như thể tôi là con bé vô cùng ngây thơ.

-Tụi nó luôn luôn có đám kỹ sư phụ mãi đi theo, gặp vấn đề thì phải hỏi tụi đó trước chứ sao lại hỏi mày? Hệ thống qui củ của hãng để làm gì?

Tôi cố cãi.

-Ở trong nhóm phát triển tôi hiểu rõ nhu liệu hơn đám đó. Hà tiện chi một câu trả lời không mất thì giờ.

Robyn lại cười.

-Coi chừng. Mày lẳng lơ một cách khéo léo. Vô tình hay cố ý? Những con đàn bà biết mình quyến rũ thường lửng lơ như thế để trêu ghẹo đàn ông. Có không? Thú tội đi.

Tôi đỏ mặt.

-Tôi nghĩ rằng tôi nghiêm trang đến độ lạnh lùng khi cần.

-Bởi vậy tao nghĩ mày vô tình hơn cố ý. Mày không biết sức quyến rũ của mày đến đâu.

Tôi lắc đầu không tin.

-Quyến rũ? Tôi là một người đàn bà nhiều mặc cảm.

-Mặc cảm? Người nào cũng có, không ít thì nhiều. Có ai hoàn toàn đâu. Chuyện thường .

- Nhưng tôi nghĩ tôi có nhiều mặc cảm hơn người khác.

-Vì mày nhìn từ trong ra nên thấy tất cả những gì mày cho là xấu, là không hay, là dở. Mặc cảm gì? Ai khen mày đẹp, khen mày thông minh, khen gì cũng được cả, cứ vui vẻ nhận lời. Khen thật hay giả không cần biết, cứ khen thì nhận. Thiệt hại gì? Có khi lại là một điều tốt, giúp mày thêm tự tin.

-Người ta có khi chỉ lịch sự đãi bôi, không thật.

-Nghĩa là cũng có khi người ta nói thật, phải không? Mày là người đàn bà đa nghi thiếu tự tin.

David giữ tôi nhảy thêm bài thứ hai. Huân có vẻ không hài lòng khi David trả tôi về bàn và tự nhiên kéo ghế ngồi lại góp chuyện. Lúc Huân đòi về, tôi biết Huân có điều không vừa ý. Trên đường về Huân hỏi . - David không biết em có chồng à?

-Biết chứ.

Huân nhăn mặt.

-Biết sao còn theo?

Tôi nhún vai.

-Theo với đuổi gì? Chỉ là quan hệ chung sở. Qua lại nhiều lần việc hãng thành ra thân, nhưng chỉ là tình thân giữa người làm chung, và hắn không phải là người duy nhất trong hãng cho em thân. Em cố gắng có thái độ thân thiện với mọi người. Nghĩ cho cùng chẳng thiệt gì mình và khi cần nhờ điều gì, ai cũng sẵn sàng không câu nệ. Mỗi ngày ra vào nhìn nhau tám chín giờ đồng hồ, nói với nhau có khi nhiều hơn nói chuyện với vợ chồng con cái, người ta dễ có tình thân. Nhưng không phải lúc nào tình thân ấy cũng dễ dàng biến thành tình bạn sâu đậm. Có nói gì chăng nữa cũng vẫn liên quan đến việc hãng nhiều hơn đời tư cá nhân. Anh thừa biết em quan niệm như thế nào về quan hệ đồng nghiệp. Thân lắm cũng chỉ nằm ở phạm vi bạn bè. Nếu David thích em thì đó là vấn đề của hắn không can dự gì đến em.

-Biết đâu điều đó thoả mãn tự ái đàn bà của em?

Tôi nhìn Huân không trả lời. Đôi khi tôi tự hỏi Huân nghĩ gì khi gán cho tôi những điều Huân thừa biết là không đúng. Im lặng một chập Huân bỗng phê bình.

-Sao em có thể chơi thân với Robyn được? Đàn bà gì cứ như đàn ông, đi đứng mạnh bạo chẳng dịu dàng, lúc nào cũng tìm cách kê tủ đứng vào mặt người ta.

Tôi phì cười.

-Anh làm như chỉ có đàn ông mới có quyền đi đứng nghênh ngang và được phép kê tủ đứng người khác.

Huân làu nhàu.

-Em thừa hiểu điều anh muốn nói.

Tôi im lặng dù trong lòng rất muốn bênh vực Robyn. Tôi biết Robyn có người tình, Alma, và điều đó không hề thay đổi tình bạn giữa tôi và Robyn. Tình bạn trong tôi không hề bị phái tính hoặc dục tính chi phối. Phần lớn

những người tôi gọi là bạn đều là đàn ông. Con người xấu tốt, không bởi phái tính hay dục tính, nói gì đến sắc tộc hay trình độ giáo dục. Vả lại, người như Robyn không phải là người đàn bà thứ nhất tôi quen trong đời. Tôi thừa biết Huân có tật xấu luôn soi mói tìm lỗi ở những người hợp tính tình tôi chơi thân, những người tôi ngưỡng mộ và kính trọng. Huân ghen hay Huân tự ái, tôi không rõ. Có lẽ lỗi ở tôi đã không ngưỡng mộ thần phục chồng, nhưng tôi không thể khen hoặc ngưỡng mộ những gì không hiện hữu, không có thật.

Robyn vẫn ăn trưa với tôi mỗi tuần vài lần cho đến một hôm, đang ngồi đợi mì ở tiệm Nhật, nhân lúc vui chuyện Robyn bỗng nói.

-Nói cái này đừng giận. Mày có thằng chồng ba hoa khoác lác.

Tôi giật mình vì Robyn không phải là người thứ nhất phê bình Huân như thế. Robyn nửa đùa nửa thật nói tiếp.

-Bỏ nó đi. Mày với Huân là hai người có quá nhiều điểm xung khắc. Khác một cách đối chọi chứ không phải khác kiểu bổ sung. Và tao có cảm tưởng nó muốn cô lập mày. Mày không thật sự hạnh phúc và yên lành như bề mặt mày vẫn chìa cho mọi người xem. Nghĩ cho cùng, đó là chuyện của mày, tao không có quyền có ý kiến nhưng với cái đầu thông minh của mày, tao chắc chắn mày biết, có nhận thức. Tại sao mày ù lì chấp nhận một điều không thể chấp nhận được?

Tôi không trả lời thẳng.

-Chỉ giỏi xúi dại.

Robyn xé bao giấy bứt rời hai chiếc đũa nhìn tôi.

-Lại giả dối với mình. Để tao tìm thí dụ. Mày khi nào cũng cố chữa thẹn giùm chồng khi Huân nói những điều quá đáng không thật. Tao nói đúng không? Coi kìa. Thử công tâm một lần xem sao? Với tao, và vì mày.

Tôi nhìn tô mì vừa được để trước mặt, nhích ghế gần bàn, đùa cợt.

-Chữa thẹn cho chồng nên bị gia đình chồng mắng là xấu tính chỉ thích sửa lưng chồng. Im lặng cười trừ thì bạn bè, người nhà mắng là có chồng ba hoa khoác lác coi chừng lây bệnh. Nói với chồng thì sinh ra đôi co cấn đắng. Không nói thì bực bội ủ ê cả người. Sống thế nào cũng không được. Sao mà khổ thế.

Robyn kẹp đũa nơi ngón giữa và ngón trỏ không đúng cách, lóng ngóng, gắp miếng thịt cho vào miệng nhai, một chập chậm rãi nói.

-Tao chỉ muốn biết một điều, từ đó suy ra những chuyện khác, không cần phải hỏi hết. Huân chưa bao giờ ở trong quân đội, phải không?

Đó là điều vẫn làm phiền tôi rất nhiều, về Huân. Với những người bạn ngoại quốc, Huân thích ba hoa về một tiểu sử không có thật, những ngày lính trong một chiến tranh Huân có may mắn đứng thật xa bên ngoài. Tôi nhìn Robyn lắc đầu. Robyn gật gù.

-Tao cũng đoán được nó không nói thật... Đấy là lý do tại sao tao khinh nó. Xin lỗi, Huân là chồng mày. Có khi tao tự hỏi chẳng lẽ mày không biết

mày đã có một lựa chọn sai lầm rất lớn trong đời?

-Biết, không có nghĩa sẽ có được một quyết định đúng. Cái dở bây giờ của tôi, dở nhất, là cứ loay hoay suy nghĩ mãi về một quyết định không dám làm.

-Ở mày gì cũng được trừ điều đó. Cái dùng dằng lưỡng lự khiến tao khó chịu. Điều mâu thuẫn là tao thương mày cũng vì thế, có cảm tưởng mày cần được bảo vệ... Một thứ bảo vệ tình cảm.

Robyn ngước lên liếc nhẹ tôi rồi cúi xuống tô mì của mình, nói tiếp.

- Trong tình cảm, mày nhu nhược yếu đuối và không dám có quyết định. Người thiếu kiên nhẫn với mày dễ hiểu lầm, hiểu sai ý mày. Tại sao?

Tôi trầm ngâm.

-Tôi có thể ngụy biện cho cái do dự lưỡng lự của mình. Có thể vì đã có một lựa chọn sai lầm quá lớn nên mọi quyết định khác đều bị ảnh hưởng. Cái dở thứ hai của tôi là nhẹ dạ dễ tin. Khi tin, tôi tin hết lòng nên cảm thấy đau đớn hơn bình thường khi lòng tin bị va chạm, lợi dụng. Tôi mất lòng tin nơi Huân đã lâu lắm rồi nhưng tôi cho rằng tôi chưa cố gắng hết sức mình trong quan hệ vợ chồng. Đó là phần tôi, phần Huân chắc cũng có cố gắng. Đuối sức, có lẽ do nơi tôi không còn kiên nhẫn. Với tôi, nỗi đau tình cảm là nỗi đau không bao giờ chấm dứt nên tôi sợ.

-Mày lúc nào cũng thành thật, đến độ ngây thơ, có lẽ vì sống với Huân quá lâu, mày chỉ muốn làm ngược lại tất cả những gì mày không bằng lòng nơi Huân. Phải không?

-Cũng có thể. Nhưng dường như trăm phần đều là lỗi Huân? Tôi hiểu mọi người thương tôi nên thiên vị nhưng tôi không thích đổ lỗi phần Huân. Hơn ai hết, tôi biết rõ lỗi Huân ở đâu và lỗi tôi chỗ nào.

-Vậy là mày còn thương nó.

-Sai hoàn toàn. Mỗi khi tôi muốn công bằng thì mọi người lại nghĩ rằng tôi còn tình cảm với Huân. Không, trong tôi không còn gì cho Huân cả. Chính tôi đã từng ngạc nhiên về điều đó. Đã có lúc tôi nghĩ, mình vẫn còn có thể có tình bạn, tình nghĩa, những thứ khác bù đắp lại cho một tình cảm không còn. Nhưng khó lắm khi hai người xây nhà không dùng chung một họa đồ thiết kế. Tôi thích ví dụ như thế bởi vì cho rằng ví von một người làm một người phá là một ví von không công bằng. Tôi cố công bằng dù biết rằng công bằng chỉ là một điều tương đối.

Robyn cười.

-Thông thường người ta chỉ bênh người mình thương...

-Tôi có cảm tưởng càng sống tôi càng dở. Dở trên mọi phương diện. Càng sống càng có cảm tưởng thụt lùi, không biết áp dụng kinh nghiệm sống vào đâu, và cũng không dám chắc mình có kinh nghiệm. Ngay cả nhiệt tâm, tôi cũng kém hơn mọi người. Chung quanh tôi, ai cũng có nhiệt tâm theo đuổi những gì họ thích làm. Từ âm nhạc cho đến hội họa, làm thơ, chạy đường dài như chị, tập thể dục, trồng kiểng, hát vì thích hát chứ không để trình diễn...

thấy nhiệt tâm của người tôi đâm ra hoang mang suy nghĩ. Tại sao tôi thích nhiều thứ nhưng lại không biết dành riêng thì giờ cho thứ nào đáng nhất? Ôm đồm nhiều thứ nên chẳng làm được gì cho ra hồn, đến nơi đến chốn.

-Nói chuyện với mày chán vô cùng. Mày có mặc cảm tự ti. Tại sao? Xét trên những phương diện bình thường, mày không có gì thua kém ai sao lại nhìn mình bằng cặp mắt khắt khe? Thế là thế nào? Mày là con bé có nhiều vấn đề không cần thiết. Nghe rõ chưa? Không cần thiết. Thôi ăn đi kẻo hết giờ.

Sau bữa ăn trưa đó vài tháng, Robyn từ chức đi làm nơi khác. Tôi và Robyn vẫn gọi cho nhau nhưng ít gặp mặt. Những cuối tuần hẹn hò đi xem phim mới hoặc ăn trưa hay bị tôi bỏ vào giờ chót, vì chiều ý Huân. Đâu được hai năm thì hãng tôi có quyết định dọn về Oregon và sa thải những người không thể dọn theo. Ed giàn xếp trước với tôi việc dọn máy. Ed đã có việc ở Chicago và sẽ đi trước đó cả tháng. Tôi bằng lòng ở lại vì biết mình tìm việc không khó.

Robyn gọi hẹn ăn trưa ở tiệm Marguerite's khi biết tôi thất nghiệp nằm nhà đã được mấy ngày. Robyn nói.

-Từ nhà mày ra đấy gần hơn tao. Hẹn mày một giờ. Nhớ đúng hẹn nghe. Giờ Mỹ, không phải giờ Việt Nam của mày.

Marguerite's là một nhà hàng Mễ có phần sân lộ thiên khá lớn, giữa là cây Du nhiều tàng mát. Mùa hè trời nóng, khách ngồi nơi sân nhiều hơn ngồi trong tiệm. Robyn đang uống Margarita, bàn sát gốc cây Du giữa sân đợi tôi. Nhìn đồng hồ, Robyn đùa.

-Lần đầu tiên mày đúng hẹn.

Tôi kéo ghế.

-Nhờ thất nghiệp đấy. Bỗng nhận ra một ngày thật sự có hai mươi bốn giờ và không biết dùng vào đâu cho hết. Không gì sướng bằng có thì giờ để phí phạm.

Robyn cười, vẫy anh bồi vừa đi ngang.

-Mày uống gì? Tao đãi. Mày là đứa thất nghiệp.

-Không có nghĩa không có tiền.

-Nhưng vẫn là đứa thất nghiệp. Uống gì?

-Cho ly Zinfandel.

Robyn trề môi.

-Đâu phải trở lại làm sau giờ ăn trưa mà lo thái quá. Kêu cái gì nặng hơn đi. Hôm nay tao cho mày cả buổi chiều lẫn buổi tối nếu cần.

Tôi cười lắc đầu.

-Thói quen.

-Uống mãi Zinfandel không nhàm à?

-Tôi thích Zinfandel vì nó nhẹ. Thôi chị muốn kêu gì cũng được, tôi dễ tính.

Robyn cười day sang anh bồi.

-Đùa mày thôi. Cho cô ấy một ly Zinfandel.

Rồi chỉ thực đơn trước mặt tôi.

-Lựa đi. Tao biết tao muốn ăn gì, chỉ có mày lâu lắc mất thì giờ.

Tôi đọc lướt tên những món ăn không biết nên gọi món gì. Nói đến ăn, tôi thường bối rối không biết muốn ăn gì. Tôi hỏi Robyn.

-Ở đây món gì ngon?

-Ủa, chưa ăn tiệm này bao giờ à?

-Chắc tại nó gần nhà quá nên chê không thèm đến. Nghĩ cũng buồn cười. Cứ đi đâu đâu trong khi tiệm cạnh nhà có khi ngon hơn lại không nhìn đến.

Robyn cười.

-Nhiều người như thế lắm không riêng gì mày. Muốn tao gọi cho mày không?

Robyn biết tôi vẫn thích có người gọi thức ăn cho mình. Robyn đã chê.

-Mày không có lập trường. Thích dựa vào quyết định của người khác. Sống như thế nguy hiểm, một khi mất chỗ dựa...

Robyn cụng ly Margarita.

-Mừng mày thất nghiệp, sẽ tìm được việc khác nhiều tiền hơn, và...

Robyn ngừng lại nháy mắt.

-... mạnh dạn bỏ Huân!

Tôi cười nhẹ, uống một ngụm nhỏ. Robyn và Huân vẫn không thích nhau. Robyn mở ví lục tìm rồi đưa tôi.

-Quà thất nghiệp của mày.

Tôi mở hộp. Đôi bông tai nhỏ bằng bạc. Robyn cầm miếng bánh xúc xốt cà có ớt cay nói trước khi cho vào miệng.

-Được cái mày không thích nữ trang đắt tiền. Mua quà cho mày chẳng tốn bao nhiêu.

Tôi cảm ơn Robyn rồi tháo bông tai, mang đôi mới vào, mở ví tìm gương soi. Tất nhiên Robyn biết tôi. Hiểu từ những ý thích nhỏ nhặt cho đến suy tư gút mắt. Robyn đã đề nghị trên điện thoại hôm rủ ăn trưa.

-Đi chơi vài ngày với tao đừng tìm việc vội. Ít khi có dịp nghỉ dài hạn. Đi Mazatlan với tao không? Bỏ Huân vài ngày. Đi với tao, bảo đảm còn nguyên cho đến lúc về. Đi để suy cho ra những điều rối rắm trong mày.

Tôi đã nói với Huân.

-Cuối tuần này em đi Mazatlan với Robyn.

-Vô duyên. Hai con đàn bà đi với nhau là nghĩa làm sao? Không lo tìm

việc trước, thời buổi khó khăn.

Phải chi Huân nói một câu dịu dàng, tôi còn áy náy đã nhận lời đi chơi trước khi hỏi qua ý Huân. Robyn đưa tôi tờ giấy in rõ ngày giờ.

-Tao giữ vé. Mày lơ đãng nặng. Giữ tờ này thôi, giờ đi giờ về này. Nhớ chưa. Tao đến đón mày. Mình bỏ xe ngoài phi trường, lúc về không cần ai đón. Huân có nói gì không?

Tôi bĩu môi nhún nhẹ vai. Huân có nói gì vẫn không là vấn đề. Tôi lúc nào cũng có tự do riêng mình, không làm là tự ở tôi chứ Huân chưa bao giờ cấm được tôi điều gì.

Mấy con bồ câu dạn dĩ lại gần bàn kiếm ăn, vừa đi vừa kêu gù gù lẩm đẩm. Tôi ném vài mảnh vụn bánh gần chúng. Cả bọn ùa lại tranh nhau. Tính tôi ăn chậm. Robyn đã xong phần của mình và gọi ly Margarita khác. Tôi từ chối ly thứ hai phần mình. Robyn nói.

-Lại thói quen. Không uống rượu ban ngày. Không đói thì không ăn. Không bộc lộ tâm tình nỗi niềm với ai. Làm gì cũng một mình lặng lẽ. Làm không xuể cũng cố làm cho bằng được. Sẽ có ngày mày chết vì những thói quen vô lý của mày.

-Có bạn như chị, chết thế nào được.

Robyn cười khanh khách.

-Mày nịnh dở lắm.

Đến Mazatlan buổi chiều, ra phố tìm tiệm ăn xong trở lại khách sạn, đã tối, Robyn rủ tôi ra ngồi bàn nhỏ dọc theo bãi biển cạnh quán Oyster Bar cũng nằm trong phạm vi khách sạn. Robyn chạy sang mua hai ly Margarita mang trở về ngồi với tôi trong bóng tối chập choạng. Trăng lẹm trên cao. Robyn hỏi.

-Mệt không? Muốn lên phòng ngủ sớm thì nói nghe. Ngồi đây coi chừng muỗi.

-Có gió biển không sao đâu. À. Nhìn kìa.

Dăm ba người cỡi ngựa hàng một đi chậm trên bãi sát mé nước.

-Mày không biết cỡi ngựa mà gặp ngựa là thích mê ra đấy.

Tôi nói.

-Trông lãng mạn lắm.

-Muốn cỡi không? Tụi nó mướn đàng kia. Không biết cỡi như mày thì phải cỡi chung với người của nó.

Tôi nhăn mặt.

Cỡi chung với người mình thích chứ cỡi chung với người của nó thì cỡi

làm gì?

Robyn cười lớn đùa.

-Cỡi ngựa trong bóng tối không biết đã đạp lên mấy người nằm trên bãi rồi?

Quanh tôi nhiều người nói chuyện nhỏ giọng. Nhạc kích động từ Oyster Bar vẳng lại làm nền cho đám người ngồi yên lặng dưới những cây dù bằng rơm trong mù tối trái ngược với không khí ồn ào của quán rượu.

Một thằng bé kèo nài điều gì với cặp ngồi bàn bên cạnh. Nó giơ cao tay. Tôi nhìn thấy con Iguana đuôi dài màu xanh lá cây bám nơi cánh tay thằng bé. Ngồi thẳng lên, tôi nghiêng đầu nhìn kỹ. Robyn đứng dậy lại gần đưa tay đỡ lấy con vật từ nơi thằng bé. Nó ra giá.

-Một trăm đô la.

Robyn vuốt ve đầu con Iguana. Tôi nhìn một lát rồi đưa tay định sờ lưng con vật. Robyn nghiêng người tránh, nói.

-Nó dơ lắm mày đừng sờ.

Rồi day sang thằng bé.

-Hai mươi đô la.

Day sang tôi nháy mắt.

-Nó không bán đâu. Quay lại thằng bé.

-Mày bắt nó trong rừng phải không?

-Ừ. Tám chục đô la. Mua đi.

Tôi hỏi.

-Làm sao đem về Mỹ?

Thằng bé nói từng câu ngắn.

-Được. Tao bảo đảm. Mua đi. Bảy chục đô la. Rẻ chán. Nó chỉ ăn trái cây. Bảy chục chắc giá.

Robyn trêu ghẹo thằng bé.

-Hai mươi lăm. Chịu thì tao mua. Bắt nó trong rừng đâu tốn gì. Chịu không, tao lấy luôn con trong túi xách.

Thằng bé lắc đầu, giọng quả quyết.

-Không nơi nào có con này. Bảo đảm. Bảy chục một con.

Robyn quả tinh mắt. Con trong túi to hơn con Robyn đang cầm trên tay nhiều, đuôi dài hơn thước. Tôi trông con nào cũng không thích. Robyn biết tôi không thích những con bò sát, thằn lằn rắn rít, nhưng vẫn hỏi đùa.

-Mày thích con nào, tao mua cho.

Tôi lắc đầu.

-Thôi. Trông sợ lắm.

-Iguana hiền, không cắn bậy.

-Trông vẫn sợ.

Robyn trả con Iguana lại cho thằng bé. Nó nhét con lớn vào túi xách, xếp đuôi cong dài ló ra ngoài, để con bé bám nơi cánh tay, vừa đi vừa chìa ra với

những người ngồi bàn quanh đấy. Robyn gõ nhẹ tay tôi.

-Nhìn kìa.

Tôi nhìn theo hướng Robyn chỉ nhưng không thấy gì cả vì tối quá. Bên dưới là bãi cát chỉ còn những túp lều che, bàn ghế đã dọn cất, nhưng vẫn có người ngồi rải rác trên cát uống bia. Nơi Robyn chỉ, sát mé tường cao. Robyn đẩy nhẹ vai tôi.

-Mắt cận thị có khác. Đây này. Chỗ này. Thấy gì không?

Tôi chỉ thấy cái mền quấn lại có dạng người nằm. Robyn ngồi dựa lưng ghế, gát hai chân lên bàn, giọng nói thản nhiên.

-Tụi nó đang làm tình trong khi bên kia con nít nhảy đầm trên bàn. Bên Oyster Bar, thỉnh thoảng tiếng ồn rộ lên từng hồi, đám trẻ đang hò reo với hai cô đang nhảy õng ẹo trên bàn tròn. Tiếng hò hét khiến đám người ngồi yên lặng bên này cũng chú ý day nhìn. Có tiếng cười khẽ đâu đó. Robyn lại hỏi.

-Buồn ngủ chưa hay muốn ngồi thêm lát nữa?

Tôi bắt chước Robyn gát chân lên bàn, hai ly rượu chồng chành muốn ngã.

-Ngồi thêm tí nữa. Có gì vội đâu.

-Sợ mày buồn ngủ.

-Chưa.

-Tao tưởng Huân sẽ không cho mày đi. Tao biết nó ghét tao .

Tôi thành thật.

-Ừ, Huân ghét chị, nhưng tôi đi thì chắc Huân mừng. Không phải kiếm cớ để đi với người khác.

Giọng Robyn dịu xuống.

-Mày nói thể như đấy là một chuyện rất bình thường.

Tôi nhún vai không nói tiếp. Hình như có tiếng muỗi vo ve nhưng tôi không chắc nghe rõ giữa tiếng nhạc và tiếng nói chuyện khẽ giọng chung quanh. Robyn day nhìn tôi.

-Có thể tao không hiểu Á châu nện thấy nó hết sức vô lý, cái chịu đựng, cái phân vân của mày. Mày trung thành với chồng nhưng hắn thì chẳng ra gì, không xứng với cái chung tình của mày, là nghĩa làm sao?

-Chị không cần phải là Á châu mới hiểu. Người trong nhà tôi cũng đã từng thắc mắc nhưng tôi cho rằng tôi không cần giải thích với bất cứ ai. Theo quan niệm cổ điển không hợp thời nữa của xứ tôi thì tôi đáng được tiếng vợ giỏi, vợ ngoan. Lầm. Tôi không cần tiếng khen. Theo quan niệm bây giờ thì tôi là một người đàn bà ngốc nghếch. Nghĩ thế cũng sai. Tôi có một cái nghĩa tôi đặt ra cho tôi. Cái nghĩa đó không có ý nghĩa gì hết với mọi người, kể cả Huân. Nhưng nó có ý nghĩa đối với riêng tôi. Nên tôi giữ, cho đến khi nào tôi cho rằng đã đủ. Tôi chưa bao giờ ràng buộc Huân bằng cái nghĩa đó. Tôi tự ràng buộc tôi. Huân muốn đi đâu làm gì cũng được, tôi không hề phàn nàn

và tôi cũng không ăn miếng trả miếng. Nếu tôi có cái tự nguyện sống còn với một quan hệ trong đời, tôi hy vọng Huân có được cái tự nguyện giống như thế. Tôi cho rằng điều gì chính mình không muốn làm, sẽ không có thứ gì, người nào có thể buộc được mình làm điều đó trừ chính mình ra. Tôi cố gắng cho đến khi nào không còn cố được nữa. Khi ấy, ít ra tôi có cái hài lòng với chính tôi rằng tôi đã cố hết sức mình. Đã bảo mọi việc tự nơi mình mà ra. Có trách, phải trách mình trước đã. Hiểu không?

Robyn đứng dậy vơ lấy hai ly cạn.

-Không. Tao vẫn không hiểu được điều đó. Tao đi rửa tay. Thêm ly nữa nghe?

-Ừ.

Phía bên trái, dọc theo biển, ánh sáng lòe loẹt chớp tắt, tôi nhớ lúc chiều nhìn thấy dăm ba tòa nhà ngộ nghĩnh nổi bật màu trắng. Lúc nãy hỏi người nơi khách sạn mới biết đấy là vũ trường lớn của Mazatlan. Buổi tối, nơi đó có ánh đèn sáng chiếu thẳng lên không, quẹt qua quẹt lại, thỉnh thoảng ánh sáng quẹt ngang trên mặt biển lấp lánh những làn sóng nhỏ. Tôi nhắm mắt yên lành bỗng nghe ra giữa tiếng sóng vỗ từng chập đều đặn xen lẫn giọng người rù rì một bài hát của R.E.M, "Everybody cries sometimes" vẳng từ Oyster Bar, và muốn ứa nước mắt.

Robyn trở lại lay nhẹ, tôi giật mình mở mắt.

- Bên kia tụi nó om xòm quá. Tụi trật tự khách sạn dọa kêu cảnh sát và bắt tạm ngưng bán rượu. Với đám con nít này, không bán rượu thì tụi nó dọt sang quán khác, chỉ tổ mất khách chẳng ích lợi gì.

-Hèn chi đang nhạc ồn ào bỗng đổi sang một bài buồn thiu. Tụi nó làm gì vậy?

-Con nào cởi áo phơi vú nên lũ con trai điên lên. Ối dào, chuyện xưa như trái đất. Vạ lây cho mình, đang lúc muốn uống rượu lại không được như ý.

-Làm như chị thích uống rượu lắm vậy.

Robyn cười.

-Tao chỉ uống với mày, thỉnh thoảng, sao gọi là nhiều được?

Mỗi ngày Robyn vẫn chạy năm sáu dặm đường trước khi đi làm. Chạy đường dài là môn thể thao Robyn mê thích, vẫn chạy mỗi ngày để giữ sức. Khi ghi tên chạy Marathon, Robyn sẽ tăng khoảng cách chạy mỗi ngày và ăn uống tính toán cẩn thận ba bốn tháng trước đó. Trong đám bạn chơi thân với Robyn, chỉ có tôi là người không chạy đường dài đường ngắn nào cả. Lúc còn làm chung khi cuộc đua L.A. Marathon gần đến ngày, chiều về, Robyn thay áo quần mang giày chạy với những người bạn cùng ghi danh tham dự cuộc đua. Có khi Robyn dặn đùa với tôi.

-Mày nhớ xem truyền hình ngày mai. Có trực tiếp. Ngang máy nào có ba chữ, NBC, ABC hay vớ vẩn gì đó, tao sẽ gọi tên mày thay vì chào mẹ tao, chịu không?

Đùa vậy nhưng không bao giờ tôi nhớ đến xem truyền hình dù cũng có lúc loáng thoáng thấy bản tin trên tivi hoặc hình chụp nơi trang nhất của báo. Robyn than phiền.

-Mỗi năm mỗi già mỗi chậm. So với giờ của những năm trước, tao trên đà chậm mười cho đến mười lăm phần trăm. Kinh chưa.

Tôi hỏi Robyn một câu ngớ ngẩn.

-Chị thích gì khi chạy? Chân phồng sứt thịt chảy máu, bắp thịt chuột rút, thở không ra hơi, mất nước, kiệt sức, da bày ngoài nắng đến phỏng, thích gì trong đó? Không riêng chị, cả cái đám đông già trẻ bé lớn vài chục ngàn người rủ nhau chạy, họ mê gì?

-Người thông minh như mày mà cũng có những câu hỏi tối nghĩa không chịu được. Tao chỉ có thể trả lời bằng một chữ. Đam mê. Thích thì làm. Làm cho hết mình. Không có chuyện dở dở ương ương. Tao thích chạy đường dài. Hồi học Trung học vẫn thường chạy cho trường, vào được chung kết của Quận đấy nhé. Kỷ lục cao nhất của tao chạy L.A. Marathon là hạng thứ bảy trăm mười sáu, cách đây bảy tám năm, rồi tuột dốc từ đấy xuống đến một hai ngàn gì đó. Tao chạy vì tao thích cái không khí cuộc đua nhiều người tham dự và vì thích chạy. Cái hào hứng nhộn nhịp trước và sau cuộc đua là bệnh dịch, truyền nhiễm, một loại thuốc khiến mình say, đạt tới khoái cảm hơn cả làm tình. Mày phải đam mê một cái gì mới hiểu được nỗi đam mê của người khác. Ừ, chạy trên đường phố, biết những cái sốc dồn lên đầu gối mắt cá, nghe bước chân nện, nghe tim đập thình thịch, nghe máu chảy dồn, nghe bắp thịt mỏi, nghe mình dỗ dành chính mình đừng bỏ cuộc, mồ hôi chảy dài trên lưng bệt tóc, thấy hàng người đứng bên lề hò hét nhòe lẫn với phố xá, từng ly nước đổ trên đầu, chảy dài mang theo cảm giác khoan khoái trong khoảnh khắc khiến sự chờ đợi ly kế tiếp mang tính cách khẩn khoản, không tính toán khoảng cách còn lại dù biết rằng đến ngã tư đó, tòa nhà đó, còn bao xa là mực đến, và lựa chọn một lối chạy, theo những vệt trắng sơn trên đường, hay ngay giữa đường nhựa, sát lề, đeo sát người chạy đàng trước, một trận đánh tâm lý với mình hơn là cuộc đua có người thắng kẻ bại. Mày không thấy có người cố về đến mức dù cách người về đầu cả mười, mười hai giờ đồng hồ? Tao cho rằng họ mới là người thắng cuộc đua, chứ không phải người về đầu với thành tích vẻ vang, một giờ mười mấy phút dăm ba giây... Ngay cả lúc sửa soạn, như mày bắt đầu vào cuộc chơi, hào hứng chỉ có tăng, và tăng gấp đôi gấp trăm với tốc độ lôi cuốn khiến mày không có giây nào dừng lại để nghĩ đến việc khác. Những lựa chọn, giày, vớ, nhiều ngày trước đó, những sáng chạy, những chiều chạy, bàn tính về tốc độ chạy, khoảng cách, đều là những tính toán tạo nên cảm giác đê mê rạo rực. Những cơn đau thể xác, cũng là một phần của khoái cảm, tao nghĩ mày hiểu.

Tôi không biết tôi có hiểu nổi cái đam mê chạy đường dài của Robyn không nhưng đã có lần gặp Robyn sau cuộc đua. Sức lực thể chất đã cạn

nhưng sức lực tâm trí thì vẫn còn ở cao độ nên Robyn hành động như người say. Lửa chưa tàn tôi nhìn thấy trong mắt Robyn. Cho đến vài ngày sau, Robyn mới hoàn trở lại là người chuyên viết cẩm nang kỹ thuật cho một hãng bán nhu liệu. Robyn chưa bao giờ rủ tôi theo vì biết tôi ghét dậy sớm và lười đi bộ xa.

Robyn cao lớn và nhờ thường xuyên luyện tập chạy đường dài nên có bắp thịt săn cứng, da rám nắng nhiều tàn nhang, dáng đi nghêng ngang khệng khạng với bước dài soải chân, tóc nâu vàng cắt thật ngắn, mắt trong. Ba Robyn người Phi lai Tàu. Mẹ Robyn người Đức có máu Ý và Tây Ban Nha. Sanh và lớn ở California , Robyn cho mình là người Mỹ. Dứt khoát. Không suy nghĩ giằng co về lai lịch tâm lý. Một lần Robyn hỏi.

-Mày có nhớ nhà?

Tôi im lặng chập lâu mới trả lời.]

-Ừ nhớ.

-Mày không định về?

Tôi trầm ngâm.

-Tôi sợ những cú sốc. Cái đau của nó, kéo dài cả đời...

-Tao vẫn giận ba mẹ tao, bán cái nhà ở San Bruno, nơi tao sống đến năm mười bốn. Ba tao dọn về San José trong khi mẹ tao bứng lũ con về San Diego rồi Fullerton. Lần nào về San José thăm chị tao, tao phải đi ngang nhà cũ nhìn vào ít nhất một lần. Tao thương tuổi thơ nơi vườn sau nhà, sân trước, đám bạn tuổi nhỏ đứa còn đứa tản lạc. Nhớ mỗi lần ba mẹ tao dẫn đi Santa Cruz, tao hồi hộp không ngủ cả đêm. Những trò chơi với tốc độ chóng mặt, ánh đèn nhấp nháy, trái bắp thoa bơ, hot dog với xốt đậu dính răng... Dọn nhà nhiều lần, tao chẳng bao giờ để tâm tình gắn liền với nơi chốn. Để làm gì? Cho đến lúc tìm ra nơi tao đang ở hiện giờ, sực thấy mình lúc nào cũng muốn gắn liền tâm tình với nơi chốn. Không muốn, là vì chưa tìm ra đúng chỗ đấy thôi. Vì vậy, tao nghĩ đến mày. Tao ở nơi an lành, thứ gì cũng có, nên có lúc xem thường, xem như chuyện tự nhiên. Mày xa xứ vài mươi năm, không biết nỗi buồn trong mày lớn đến chừng nào khi tao suy từ tao ra mày. Đôi khi tao thử tưởng tượng nếu tao phải bỏ xứ mà đi nơi khác, ví dụ như Nam Mỹ đâu đó, Ba Tây hay Á căn Đình, cách gì học được ngôn ngữ xứ người và sống như dân địa phương? Càng nghĩ tao càng phục dân xứ mày . Hai ngày còn lại ở Mazatlan, Robyn không đả động gì đến Huân. Tôi có mấy ngày nằm dài lười biếng trên bãi nghe tiếng sóng, hoặc đi lang thang dẫm chân trong nước, nói chuyện đầu cua tai nheo, chiều tối gọi tắc xi đi tìm quán ăn, đêm về ngồi trong bóng tối nghe nhạc vẳng từ Oyster Bar, uống Margarita mềm môi rồi lên phòng ngủ yên lành không mộng mị.

Hôm về, đợi Robyn xem lại giấy tờ thanh toán tiền bạc với khách sạn, tôi ngồi ghế mây nơi lobby không cửa không tường chắn chỉ có mái cao lộng gió biển, yêu cầu người đàn bà mặc áo đỏ đàn dương cầm dăm bài tôi vẫn thích

nghe. Chỉ có tôi và người đàn. Thứ hai, không còn mấy du khách, mọi người có lẽ đã về hôm qua, chủ nhật. Lobby vắng, không ai ra vào và tiếng đàn quyện với tiếng sóng vỗ nhẹ, lòng tôi bâng khuâng tư lự. Tất nhiên đời sống không phải lúc nào cũng là những ngày hè không suy nghĩ vướng bận. Tôi có một quyết định quan trọng lúc đó.

Trên phi cơ, Robyn đưa tôi tạp chí bên trong có quảng cáo nhu liệu hãng cũ.

-David vẫn còn làm ở đấy. Chuyện lạ.

Trên quảng cáo, nơi số điện thoại liên lạc là tên của David. Tôi xếp tạp chí nói với Robyn.

-David dọn theo hãng chị không biết à? Tôi tưởng có kể chị nghe.

-Không. Mày không nói gì về David cả. Chỉ kể Ed dọn đi Chicago và mày ở lại đến ngày đóng cửa.

-Ừ, Ed.

Tôi sực nhớ những khuôn mặt tôi cố tình quên, phải quên. Robyn vô tình.

-Cái hãng có lắm người thích mày trong khi mày lạnh như nước đá.

Tôi nhăn mặt.

-Lại nói bậy.

-Mày đâu còn làm ở đó nữa mà sợ gì không nói đến. Muốn kể không, tao kể cho nghe. À quên, chuyện đồn vớ vẩn ai lại đem nói với mày là nhân vật của lời đồn. Để tao kể cho nghe. David thì rõ ràng quá rồi không kể. Ed này, ông Jim trưởng phòng kỹ sư trù hoạch là hai, ba là Phil, thằng làm chung dự án với mày.

Tôi nạt đùa Robyn.

-Vớ vẩn!

Robyn cười.

-Nhìn mặt biết ngay mày vờ.

Tôi nhẹ nhàng.

-Ngày xưa, năm lớp Mười, tôi về chơi quê ngoại một hè. Gọi là về quê nhưng tôi chỉ về đến tỉnh chợ vì ngoại tôi đã mất, đất vườn bỏ hoang và không an ninh. Tôi về chợ loanh quanh nhà mấy người bà con. Một người anh họ xa, vẫn ở Sàigòn học Quốc Gia Hành Chánh, có thời gian ở tạm nhà tôi, cũng về nhà hè đó, đưa tôi đi loanh quanh phố chợ cho đến khuya. Chị phải hiểu, xứ chiến tranh, giới nghiêm sớm nên đi lòng vòng trên đường vắng chỉ có mình mình rất thú vị. Lúc trở lại nhà anh, khoảng một hai giờ sáng gì đó, bây giờ tôi không còn nhớ tại sao lại quay về nhà anh thay vì đưa tôi về nhà người dì tôi ở tạm. Có thể vì cuộc nói chuyện chưa tàn? Nhà anh là một biệt thự lớn quanh nhà trồng nhiều cây ăn trái đường vào nhà có lính gác vì ba anh giữ một chức vụ lớn ở tỉnh. Tôi cũng không còn nhớ đã nói chuyện gì với anh. Chỉ nhớ tôi đứng dựa cây chùm ruột. Cây có trái bé bằng đầu ngón tay và rất chua. Anh hỏi tôi có muốn ăn trái để anh hái. Tôi gật. Anh vin mấy cành thấp

kéo xuống hái cho tôi đầy một bụm tay. Tôi đòi chấm muối vì chùm ruột chua. Anh chiều tôi, đi trong tối về phía nhà bếp. Tôi đứng dựa cây, bất giác nhìn lên, đêm trăng đầy sao lấp lánh cả trời. Anh bước ra lúc nào không biết, đứng im nhìn tôi một lát rồi đưa cái chén đựng muối trắng, nói nhanh "Cho anh nói cái này. Một lần thôi. Không bao giờ có lần thứ hai. Đời anh có một mối tình, anh cho là lớn. Tình đứng ngó. Và em là mối tình đó" Cho đến bây giờ, tôi chỉ nhớ có thế, trời đêm đầy sao, trái chùm ruột, lời nói khiến tôi giật mình xúc động mạnh. Tất cả mọi thứ khác tôi đều quên, ngay cả khuôn mặt anh giờ này tôi không sao hình dung nổi.

Tôi sờ nhẹ tay Robyn, nói tiếp.

-Tôi muốn nói, Ed là mối tình đứng ngó của tôi.

Robyn trợn tròn, tròng mắt nâu trong suốt nhìn tôi kinh ngạc.

-Ed?

Tôi gật đầu.

-Ừ, Ed chứ không phải David, không phải gì gì đó chị vừa kể tên. Tôi cũng là người ta vậy. Nhưng gọi là tình đứng ngó thì nó chỉ có nghĩa thế, đứng ngó mà thôi. Chị biết tôi nhớ gì nhất về Ed không? Ngày chót Ed làm ở hãng, lúc về, Ed bỗng nhờ tôi đưa về. Chị nhớ, Ed ở gần hãng và thích đi bộ dù có xe. Tôi có cảm tưởng Ed muốn nói gì với mình nhưng tôi đã không cho Ed cái cơ hội đó.

Chớp mắt, tôi vẫn thấy rõ Ed ngồi bên mặt, do dự, xe tôi đã ngừng trước nhà. Tôi nhìn Ed qua đuôi mắt trước khi day nhìn chìa tay, giọng nói cố tình lạnh lùng cứng ngắc để kềm giữ cảm xúc của mình.

-Chúc anh gặp nhiều may mắn.

Ed nắm tay tôi chưa đầy mấy giây, tôi đã buông nên Ed phải bỏ tay tôi ra. Tôi cười mỉm thật nhẹ với Ed rồi nhìn thẳng trước mặt biết rằng nếu tôi nhìn Ed thêm chút nữa, không biết việc gì sẽ xảy khi tôi mềm lòng. Tuy nhìn thẳng nhưng tôi vẫn chú ý đến những gì xảy ra bên phải mình. Im lặng một chập, có lẽ Ed đang nhìn tôi, như đã từng nhìn trong mười năm làm với nhau, rồi Ed thở dài, mở cửa xuống xe, trước khi đóng, khom người nhìn vào nói .

- Hy vọng có ngày mình gặp lại.

Tôi đáp, giọng vui vẻ quá lố.

-Tôi cũng hy vọng vậy.

Rồi lái xe lên xa lộ 57, hướng Nam, chiều xuống, mặt trời lặn đỏ hồng rực rỡ ngang qua cột cao bảng quảng cáo vận động trường Anaheim, nước mắt tuôn đầy má. Tôi là người đàn bà chung tình cho dù quan hệ chẳng ra gì.

Robyn xoay trở lấy gối đệm lưng, nghiêng người sát bên tôi.

-Tao nghĩ mày vẫn có thể tìm ra Ed nếu muốn.

-Để làm gì?

-Biến mối tình đứng ngó thành tình thật.

-Tình đứng ngó có khi đẹp hơn tình thật.

-Nhưng nó tội nghiệp một cách vô lý.

-Hợp lý hợp tình lúc đó.

-Mày lỡ cơ hội.

-Có thể. Nhưng một khi tôi và Huân chưa dứt khoát, tôi cho tôi không có quyền nhìn đến bất cứ ai dù thế nào đi chăng nữa.

-Đó là cái vô lý tao muốn nói đến. Bao lâu mới gọi là đủ cho mày trả nghĩa với một người không xứng đáng như Huân?

Tôi không trả lời câu hỏi của Robyn, đã lâu, gần năm năm sau lần đi Mazatlan. Những tiệc nhỏ Robyn rủ vào, tôi đến một mình. Robyn thôi không hỏi tại sao. Dăm ba khuya tôi gọi Robyn rồi lái xe đường đêm vào ngủ nơi căn phòng hốc đá. Robyn là chỗ dựa sau cùng khi tôi có cảm tưởng bất lực trước mọi sóng gió đời mình.

-Bỏ Huân chưa?

Câu đùa đã lâu không nghe Robyn hỏi. Tôi trả lời.

-Rồi.

-Đừng đùa. Mày là con bé chết nhát.

-Ừ thì chết nhát nhưng nếu nó không biết tin vào cái tài bơi rất dở của nó khi cần, thế nào nó cũng chết đuối. Bản năng sinh tồn. Nó chưa muốn chết. Nghĩ cho cùng. Nó yêu đời sống này nhiều hơn nó tưởng.

-Đã có lúc tao nghĩ mày không bao giờ làm điều đó.

Rồi nháy mắt trêu ghẹo.

-Mày là người đàn bà chung tình.

-Chung tình với một quan hệ tình cảm. Ừ, tôi vẫn thế. Buồn cười. Ngày xưa tôi có một ý nghĩ con nít. Tôi tưởng tôi chỉ có thể yêu được một người và chỉ một người mà thôi.

-Cho đến lúc gặp Ed?

Tôi thành thật không nghĩ ra Robyn đang mỉa mai đùa cợt.

-Ừ, cho đến lúc gặp Ed.

-Mới khám phá ra mình vẫn còn sống...

Tôi hiểu ra cười xòa. Robyn nghiêm giọng hơn.

-Muốn tìm Ed không?

-Không.

- Thật?

-Ừ, thật, không muốn tìm Ed đâu cả.

-Tao vẫn liên lạc với Gil. Nhớ Gil không? Bên khu họa kỹ nghệ. Gil chơi thân với Ed. Mày chỉ gật là tao đem Ed lại cho mày.

Tôi lắc đầu.

-Chuyện cũ rồi, xưa rồi, không còn giá trị thời gian.

-Nghĩa là không còn yêu Ed?

Tôi không nhận cũng không chối.

-Không phải. Tại sao chị cứ lo cho một con nhỏ lộn xộn như tôi? Phần chị ai lo?

-Phần tao? Tao biết rất rõ tao muốn gì. Chỗ đứng. Tầm với. Và quyết định đi đôi với những gì tao có trong tay. Mày không làm được điều đó, tao biết, nên tao sợ cho mày.

Tôi nhìn bên ngoài cửa sổ. Trời đêm Silverado như đầy sao hơn trời đêm nơi khác. Chợt thấy sao băng xẹt nhanh đường dài. Tôi gọi thảng thốt.] - Robyn. Sao băng.

Im lặng không nghe Robyn nói gì, tôi quay lại. Robyn đang nhìn tôi đăm đăm.

-Mày biết tao với Alma đã hơn mười mấy năm?

Tôi gật. Robyn nói nhanh.

-Theo định nghĩa của mày, tao cũng có một mối tình đứng ngó. Mày là mối tình đó.

NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG
7/97



KHOA HỮU

tháng giêng xanh

tặng Nguyễn Văn Sâm

Trời xanh, bầy chim én
tha về mảnh hồng nhan
mùa xuân em, đã đến
những tiếng gọi thời gian.

Chiếc nôi vàng trái đất
có lời ru tỏ tình
giữa hoàng hôn hủy diệt
còn hơi thở bình minh.

Vết thương loài đá ấy
đã lành lớp rêu non
trên những cành khô dậy
nở một đóa hồng đơn.

Bóng trăng chìm, trăng khuyết
như điểm dấu son môi
dòng sông khúc tứ tuyệt
mấy vần thơ không lời.

Ta mở vòng tay rộng
mời em cùng ghé vai
ta đi dòng nước lớn
xin em chung đường dài.

Tháng giêng xanh mầm hạt
là hồn hoa trái này
mùa xuân trong giọt nước
lăn trên cánh đào say.

Bông cúc gầy mấy cánh
mang tình yêu đến đâu
giấc mơ vùi cỏ hạnh
nhớ lên, đầy mắt sâu.

Gốc mai, giờ thêm tuổi
chén rượu uống cạn tình
môi say lời hoa dối
buồn ta mềm lá xanh.

KHOA HỮU
(Sàigòn, VN)



PANOS IOANNIDES

KẺ TỬ TỘI



Bàn tay cầm súng của tôi đẫm mồ hôi. Cái lẫy cò nghiến đau điếng trên ngón tay.

Đối mặt với tôi, Gregory run rẩy.

Cả người hắn như van lơn "Xin đừng!".

Chỉ có điều là miệng hắn không thốt được ra lời. Môi hắn mím chặt. Nếu là tôi, chắc tôi đã la hét, chưởi rủa.

Cả đám lính đứng nhìn...

Ngày trước đó, trong một cuộc họp ngắn, tất cả họ đều nói: "Thật là việc đáng tiếc, nhưng mệnh lệnh phải được tuân hành. Chúng ta không có lựa chọn nào khác hơn."

Mệnh lệnh từ Trung Ương rất rõ ràng: "Ngay khi tin hành quyết của tướng Rafel được ban hành, thì con tin Gregory phải bị xử bắn và đem xác hắn treo lên cột dây thép ngoài phố để làm gương".

Trong cuộc chiến tranh này, đây không phải lần đầu tôi xử bắn một con tin. Tôi đã được tôi luyện vì Trung Ương đã tin tưởng ủy thác tôi với trách vụ này. Tới Gregory, đúng là chuyến "phi hành" thứ sáu của tôi.

Lần đầu tiên, tôi nhớ, tôi đã nôn mửa. Lần thứ hai tôi phát bịnh và nhức đầu mấy ngày liền. Lần thứ ba, tôi đã nốc cả một chai rượu rum. Lần thứ tư, chỉ hai ly bia. Lần thứ năm, tôi đã bông đùa sau đó "Cái thằng quắt queo, mắt lồi đó, có thành ma cũng không ra dáng!"

Nhưng tại sao, quái quỉ thật, lần này khi cái ngày phải làm phận sự đến tôi lại bắt đầu nghĩ là có lẽ tôi không lì lợm đến thế. Nghĩ như thế này thật không đúng lúc, nó làm tôi không cam đảm thi hành nhiệm vụ.

Các bạn nghĩ xem, cái gã Gregory nầy thật đáng tội nghiệp, hắn thật nhỏ nhoi, tầm thường, hắn chẳng là gì cả, khốn nạn thân hắn.

Ngay buổi sáng đó, khi hắn nghe qua máy phóng thanh tin tướng Rafel

đã bị hành quyết, hắn vẫn nghĩ là chúng tôi sẽ tha hắn vì hắn và chúng tôi đã sống bên nhau quá lâu.

"Những người anh em đã ăn cùng mâm, uống cùng chén", hắn nói, "dù có thế nào, sẽ mãi mãi là bạn bè".

Và nhiều nữa, đại loại những điều nhảm nhí như thế.

Hắn đúng là thằng khùng - chúng tôi đã cảm nhận được điều đó ngay ngày đầu tiên Trung Ương giải hắn xuống. Gã lính canh hắn say khướt, ngủ khò. Và đám chúng tôi có giấy xuất trại đều không có mặt ở đồn. Khi chúng tôi trở về, Gregory ngồi chình ình ngay cạnh gã lính canh say ngủ, đọc báo.

Mấy ngày sau đó, chúng tôi hỏi, diễu cợt hắn: "Gregory, hôm đó sao anh không bỏ trốn?"

Và hắn trả lời "Tôi đi đâu bây giờ trong cái thời tiết cóng lạnh đó? Ở đây tôi cũng bình thường mà".

Chúng tôi bắt đầu trêu chọc.

"Đúng chết được. Tiện nghi ở đây tuyệt quá chứ..."

"Ở đây thật không tệ", hắn trả lời. "Những chỗ đóng quân của tôi giống như cái lược dừa. Gió luồn xuyên khắp các phía..."

Chúng tôi hỏi hắn có đào chưa. Hắn mỉm cười.

"Maria là một cô gái tuyệt vời" hắn kể với chúng tôi. "Trước khi tôi gặp cô ấy, Maria đụng phải một gã chẳng ra gì, một gã heo. Rồi hắn bỏ cô để chạy theo một ả đàn bà khác. Sau đó không có ai trong làng còn muốn dính líu đến Maria. Nhưng tôi, tôi không bỏ lỡ cơ hội đó. Nhằm nhò gì nếu cô ta không còn tân. Nhảm nhí. Đầu óc nông dân mới hẹp hòi thế phải không các bạn. Cô ấy đẹp và tốt bụng. Tôi còn đòi hỏi gì hơn nữa chứ? Và mỗi bận tôi đi ngang vườn, cô đều cho tôi nào dưa hấu, nào dưa chuột. Ối, rồi một ngày, tôi đi hái trộm ít dưa hấu, dưa chuột và dưa gang đem đến cho nàng. "Maria", tôi nói "từ bây giờ tôi sẽ lo lắng cho em". Liền đó cô òa khóc, làm tôi phải khóc theo. Nhưng cũng từ đó cô làm khổ tôi với tánh ghen của mình. Cô không cho tôi đi đâu cả dù là đến thăm mẹ tôi. Cho tới ngày tôi phải đi nhập ngũ, cô không để tôi rời cô nửa bước. Tôi càng khoái chứ sao..."

Hắn thường kể đi kể lại chuyện này, không thay đổi lời nào, không thay đổi cách diễn tả. Kết thúc lúc nào hắn cũng cười phá lên, và vồ bình nước tu ồng ộc.

Lưỡi của hắn ít khi nào nằm yên! Và một khi hắn đã mở miệng thì không có gì ngăn chặn hắn dừng lại. Chúng tôi thường chỉ nghe hay gục gặc đầu chứ ít khi góp lời. Chỉ những khi hắn kể lể về mẹ hắn và những vấn đề trong gia đình hắn, chúng tôi mới phải buông lời: "Ấy dà, ở xứ họ cũng có những vấn đề đau đầu hệt như ở đây".

Lạ quá, có phải không?

Trừ cái tánh bẻm mép, Gregory không phải loại tồi. Hắn nấu ăn rất khéo. Một lần hắn làm bánh táo, ngon đến độ chúng tôi liếm dĩa sạch luôn. Hắn

còn biết may vá. Hắn đính cúc áo, vá quần áo, mạng vớ, ủi cà-vạt, giặt quần áo cho chúng tôi...

Làm sao ta có thể giết một người bạn như thế?

Dầu tên hắn là Gregory, dầu đồng đội của hắn đã giết đồng đội của tôi, dầu chúng tôi đã phải từ giã vợ con để ra chiến trường chống lại những người như hắn hay đồng đội của hắn - nhưng tôi biết phải giải thích làm sao đây? Hắn đã là bạn của chúng tôi. Hắn thực lòng yêu mến chúng tôi! Chỉ vài ngày trước đây thôi, không phải chính hắn đã dùng tay không vật chết con bồ cạp đang bò trên chân tôi? Hắn có thể để yên cho con bồ cạp cắn chết tôi.

"Cảm ơn Gregory", tôi đã nói "Đội ơn Thượng Đế đã tạo ra anh..."

Mệnh lệnh ban xuống như tiếng sấm nổ. Phải xử bắn Gregory và treo cổ nó lên cột dây thép để làm gương.

Đám lính chúng tôi tụ vào trong đồn. Chúng tôi kiếm cớ bảo Gregory đi giặt đồ cho chúng tôi.

"Như vậy là không đúng."

"Chứ cái gì đúng?"

"Bổn Phận của chúng ta."

"Khốn nạn."

"Nếu mày dám, thì cãi lịnh đi! Họ sẽ lôi cổ mày ra tòa án quân sự và rồi bang-bang..."

Ôi, dĩ nhiên rồi. Cái đúng ở đây là phải lo thân mình đã. Điều đó cũng hợp lý thôi. Một là mạng của hắn hai là đầu của tôi. Mạng hắn, dĩ nhiên rồi, dầu cho hắn là Gregory, người đã ăn cùng chén, đã chia nhau từng miếng ăn, và người ngay giờ phút này đây đang giặt quần áo cho ta.

Tôi làm được gì chứ? Chiến tranh mà. Còn nhiều điều tệ hại hơn thế nữa kia.

Chúng tôi định giờ hành quyết.

Chúng tôi không nói gì đến hắn khi hắn giặt đồ về. Hắn bình thản đi ngủ. Những tiếng ngáy cuối cùng. Sáng ra, hắn nghe được tin từ mấy cái loa, và nhận ra vẻ mặt trầm trọng của chúng tôi, hắn bắt đầu nghi ngờ. Hắn tìm cách hỏi han, bắt chuyện, chúng tôi lặng thinh rồi cuối cùng hắn cũng ngừng nói.

Hắn chỉ đứng đó, nhìn chúng tôi, bàng hoàng, lạc lõng...

Giờ tôi sắp bóp cò. Viên đạn nhỏ sẽ xuyên qua lồng ngực hắn. Có thể tôi mất ngủ đêm nay, nhưng sáng mai tôi còn được thức dậy, sống sót.

Gregory đọc được ý tưởng của tôi. hắn dang tay ra hỏi: "Bạn đùa? Bạn đang đùa phải không?"

Dở hơi! Hắn đáng bị băm thây lắm phải không? Hỏi những điều như thế ở những lúc thế này. Trái tim tôi đang sắp nổ tung ra còn hắn thì hỏi coi tôi có đang đùa hay không? Ngốc nghếch! Đây không phải lúc để đùa. Còn hắn, nếu là người bạn tốt, sao lại làm cho tôi phải khó xử thế? Hãy để tôi thi hành phận sự một cách nhẹ nhàng. Nếu có tức giận - hãy nguyền rủa Thượng đế -

Nếu hắn bỏ chạy có phải là dễ xử hơn cho tôi và hắn không.

Bây giờ đã đến lúc.

Bây giờ, Gregory ơi, anh phải trả giá cho sự dại khờ của mình. Vì anh đã không bỏ trốn cái ngày người lính canh anh say ngủ; vì anh đã không bỏ trốn hôm qua khi chúng tôi lịnh cho anh đi giặt đồ một mình - chúng tôi cố ý làm vậy, anh ngu ơi! Sao anh không để con bò cạp cắn chết tôi đi?

Bây giờ đừng có nhiều lời. Lỗi của anh tất cả, anh khờ ạ.

Hả? Hắn lại dở trò gì đây?

Gregory khóc. Nước mắt ngập tràn mắt hắn, và rơi lả chả xuống đôi gò má nhẵn nhụi. Hắn quay mặt và dựa trán vào bức tường trước mặt. Hai vai hắn run lên. Hai tay hắn bấu víu, cứng đờ, tuyệt vọng trên mặt tường.

Bây giờ đến phiên tôi, một dịp tốt đây, hắn biết không thể cứu vãn được và đã quay lưng lại với chúng tôi.

Tôi bóp cò.

Gregory nẩy mình. Hai vai không còn run động.

Tôi nghĩ tôi đã giết hắn rồi! Thật dễ dàng... Nhưng bỗng nhiên hắn kêu gào, hai tay cào mặt tường như thể muốn phá vỡ nó ra. Hắn gào lên: "Không, không..."

Tôi quay ra đám lính. Tôi chờ đợi họ gật đầu nói: "Thôi đủ rồi."

Họ gục gặt: "Mày còn chần chờ gì nữa?"

Tôi bóp cò lần nữa.

Đạn cày xuyên cổ hắn. Một dòng máu đậm đặc phún ra ngoài. Gregory quay lại. Hai mắt hắn đỏ ngầu. Hắn lăn xả vào tôi, đánh đấm tôi.

"Tao thù hận mày, thù hận mày..." hắn gào lên.

Tôi nhả hết băng đạn trong súng. Hắn ngã xuống, tay còn nắm lấy cẳng chân tôi như cố níu kéo.

Hắn đã chết một cách thảm khốc. Máu ộc ra miệng, tắm đẫm giày vớ tôi.

Chúng tôi đứng chết lặng, nhìn hắn.

Khi chợt tỉnh, chúng tôi cúi xuống khiêng xác hắn lên. Hai tay hắn nắm cứng ngắt như không muốn buông chân tôi ra.

Trên chân tôi, những dấu bám đỏ, hằn sâu như thể ai đó đã dí sắt đỏ vào.

"Tối nay chúng ta sẽ treo cổ hắn", đám lính nói.

"Tối nay hay ngay bây giờ?" họ nói.

Tôi quay lại và nhìn từng người một.

"Có phải tất cả các người đều muốn thế?", tôi hỏi.

Không ai trả lời tôi.

"Đào huyệt chôn hắn đi", tôi ra lịnh.

Ngày hôm sau, và nhiều ngày sau đó nữa, Trung Ương không đòi báo cáo gì về chuyện đó. Những người đầu sỏ chắc tin là chúng tôi đã tuyên theo lịnh của họ và đã để xác tên tử tội lủng lẳng trên cột dây thép.

Họ không cần biết chuyện gì đã xảy ra cho gã Gregory đó, dầu hắn sống



ĐẶNG HIỀN

thăm bệnh

Vì sao bên kia song
ở đêm trời rưng sáng
phía xa chờ mất ngủ
một ngày về mang mang

Phải chi hồn lá rụng
có một lần thật xanh
rồi chợt vàng quá đỗi
Ừ thì đời mong manh

Người thật xa hơn lòng
người thật gần bàn tay
mấy chục năm có lẽ
một đường vẽ chân mày

vào tuổi nào khó ngủ
ta xáo trộn đời nhau
chẳng đều như hơi thở
chẳng còn gì qua mau

Vì sao bên kia sông
ở đêm nào không ngủ
nhân sinh buồn như mếu
thiên thu về thiên thu.

ĐẶNG HIỀN

hay chết.

L. T. L.
(Dịch từ bản tiếng Anh "Gregory", Sudden Fiction)

Cyprus là một trong ba đảo lớn nhất ở Đại Tây Dương, nằm ở phía Tây của Syria, Nam của Thổ Nhĩ Kỳ. Bao gồm hai giống dân: Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ. Họ thường có nhiều xung đột với nhau).



HỒ MINH DŨNG

độn thổ

lưng em rộng chứa rất nhiều gió chướng
lòng thảo nguyên cây cỏ mọc quanh hồ
thân vạn đại chôn một ngày dưới núi
khi đào lên chỉ còn nấm mốc khô.

bụng em hẹp như ao đầm nước ngọt
cả trần gian cơn gió xoáy một chiều
tâm độn thổ xác chưa sình dưới chái
chái tình em ta đụt đã bao đời.

ngựa hí

trăng rất méo dụ lòng ta xuống núi
mò kim xưa đáy chén nguyệt Trương Chi
Em Mỵ Nương xé rách rèm thủ thỉ
xé trăm phương ráp đủ mảnh tình si.

khi trăng bạc dụ đời ta lên dốc
lời nguyền phơi cũng bạc trắng như vôi
vì thương nhau gắn mái chèo tẩu mã
trăng không em ngựa hí lộng bên trời.

HỒ MINH DŨNG



NGUYỄN THỊ HỒNG NGÁT
gặp con

Cho các con Bình Thủy

Mẹ đi nửa quả địa cầu
Gặp con được nhổ tóc sâu mấy ngày
Thời gian như cánh chim bay
Vài năm trước vẫn thơ ngây nhất nhà
Bây giờ con lấy chồng xa
Một mình thân gái cánh hoa yếu mềm
Một năm xa thấy lớn lên
Tự xây tổ - tự học thêm được nhiều
Yêu người để được người yêu
Biết lường trước cả những điều khó khăn
Một đời dài những trăm năm
Vợ chồng đầy tựa trăng rằm đó con
Thương người để được thương hơn
Ở đâu cũng có ngọn nguồn đầy vơi
Bạn bè ríu rít tiếng cười
Mẹ mừng như thấy đất trời ở bên
(sydney 10.7.97)

thành phố đầy tiếng chim hót

Ở đâu bay về đây
đầy một trời chim hót
làm rung cả rừng cây
thành phố bừng náo nhiệt

Chiều nào tôi cũng gặp .
tiếng chim hót lạ lùng
ríu ran cả một vùng
thành phố đầy chim hót

Người ở xa kinh ngạc
Người nơi này đã quen
Một ngày vắng chim hót
Là một ngày chẳng yên

NGUYỄN THỊ HỒNG NGÁT
Towsvill - Úc 7.97



TRẦN DOÃN NHO

BỮA ĂN



Chiếc đồng hồ bên nhà ông Bá phát ra điệu nhạc thường lệ chuẩn bị điểm giờ. Ông Tám Toàn lắng nghe. Một, hai, ba...mười một. Mới mười một giờ, ông nghĩ. Ông ngoái nhìn ra phía cửa, lấy tay che ánh sáng ngọn đèn. Không có tiếng động. Chưa đứa nào về giờ này cả. Ông quay đầu lại lẩm bẩm:

- Có đứa về thì chắc chó xóm ngoài đã sủa. Mình rõ lẩm cẩm.

Ông vặn ngọn đèn lu lại. Trong góc phía đầu kia của căn nhà, bà Tám Toàn ngồi bất động, trông như một cái bóng mờ. Bà vẫn ngồi như thế hàng đêm, im lặng trong góc tối. Bà ưa bóng tối. Riêng ông, ông thích ánh sáng. Càng sáng càng tốt, để ông nhìn quanh, nhìn hoài nhìn mãi những vật quen thuộc trong căn nhà, dường như để có chất liệu mà nghĩ quanh nghĩ quẩn. Ông thích suy nghĩ. Thường chỉ nghĩ vẩn vơ, chẳng đâu vào đâu. Suy nghĩ làm người ta đỡ buồn. Một cách tập thể dục nội tâm, như một tờ tạp chí nào đó có đề cập. Vả lại, ông đâu có việc gì làm ngoài chuyện ngồi một chỗ và suy nghĩ. Ban ngày, ông ngồi phía bên kia, nhìn ra con hẻm nhỏ phía trước nhà, nơi diễn ra đủ thứ sinh hoạt hàng ngày. Ban đêm, ông đổi hướng, ngồi bên này, nhìn ra phía sau nhà , nơi tiếp giáp với chiếc hồ sen khá rộng. Khung cảnh hoang vu. Quanh hồ, các lùm tre, cây dại, lau sậy rũ xuống. Toàn cây và cây. Những đêm sáng trăng, khung cảnh sau nhà hiện ra mơ mơ hồ hồ như trong các chuyện liêu trai, ma quái. Ông ngất ngây nhìn ngắm, tưởng tượng. Ông yêu thích cái hoang vắng, cô liêu, tịch mịch này.

Không có người. Không có ai. Ông nhìn chúng, tự do, thoải mái, không băn khoăn, thắc mắc.

Đêm nay, trời không trăng. Cả vùng hồ đen thẩm hẳn. Mặt hồ chao động, lấp loáng phản chiếu những mảng sáng nhờ nhờ từ bầu trời sao. Ông Tám Toàn vẫn ngồi nhìn ra. Như mọi đêm. Luôn luôn như vậy. Bao năm, bao tháng đã trôi qua, ông cũng chẳng cần để ý. Y như công việc của ông là phải ngồi như thế. Chiếc bàn vuông, thấp, dựa vào tường, kế cửa sổ. Một bóng điện. Chiếc đèn dầu nhỏ. Một chồng sách cũ nhầu nát gồm có bộ Đông Châu Liệt Quốc, vài tập Tiếu Ngạo Giang Hồ, một cuốn Nhập Môn Triết Học , vài ba tờ báo Tuổi Trẻ, Công An Nhân Dân cũ. Hầu hết sách đều do Loan, đứa con gái đầu tìm mua đâu trong các chợ sách cũ ở Sài Gòn. Ông đọc đi, đọc lại, nghiền ngẫm và tự thưởng thức một mình. Thỉnh thoảng, ông đem vài mẩu chuyện ra kể cho cả nhà nghe như một đóng góp nghĩa vụ nhỏ nhoi cho gia đình, lấp đi một khoảng trống vắng vô tích sự mà một người cha như ông để lại. Có ai hiểu ông nói gì không, không cần thiết. Khi ông nói, bà Tám Toàn nhìn ông, chỉ nghe những chữ mà nghe nghĩa, hoặc cũng chẳng buồn hiểu nghĩa để làm gì. Trong mấy đứa con, chỉ có Loan chia xẻ với ông một đôi điều. Ba đứa kia lơ đãng lắng nghe, đợi ông dứt câu để bàn tiếp câu chuyện của chúng.

Chó sủa xóm ngoài. Tất phải có một đứa về. Ông vặn ngọn đèn sáng lên một chút, đứng dậy, đi ra phía cửa lớn. Vài con chó nữa sủa phụ họa. Tiếng động lớn dần. Ông nghe tiếng xe đạp lẻng kẻng. Cả xóm tối om. Mọi người ngủ kỹ. Một người đạp xe đi vào. Đi xe đạp thì không phải là con ông. Qua chút ánh sáng dọi từ nhà ra, ông nhận ra đó là một thanh niên. Lại là khách. Thấy ông, anh ta lên tiếng, giọng cụt ngủn:

-Nhà Loan ?

Ông Tám Toàn dè dặt:

-Vâng. Chú hỏi có chuyện gì?

-Ờ, thì ...hỏi cô Loan. Mà cô Loan có nhà không ?

-Tôi nói rồi. Không. Chú quen ?.

Giọng ngập ngừng:

-Không. Một người quen chỉ đến. Thế còn Lài, Dục ?

-Đi vắng hết. Nếu cần thì mai trở lại.

Trong bóng tối, không nhìn rõ khuôn mặt, nhưng ông cũng đoán được anh ta thất vọng như thế nào. Anh ta chần chừ một lát rồi quay xe, đạp đi. Ông trở vào. Tụi nó về sớm hơn thì có thêm một mối, ông nghĩ. Ông đụng bà Tám ngay cửa khi bước vào. Bà hỏi, giọng như hơi thở:

-Khách ?

-Có lẽ.

-Biết đâu, ai khác ?

Giọng ông gắt một cách hờ hững:

-Ai khác thì sao nào ?

-Tôi ngại...

-Ừ, thì ngại...

Cuộc đối thoại chấm dứt lặng lẽ. Bà Tám bước như cái bóng về lại góc nhà, ngồi xuống. Ông đóng cửa, gài chốt cẩn thận rồi cũng trở lại chỗ của ông, tiếp tục nhìn mông lung ra phía sau nhà. Lần này, đột nhiên trong trí tưởng ông bỗng hiện ra vô số những khuôn mặt người lạ xuất hiện trong căn nhà này. Tất cả đều lạ, hay nói cho đúng, ông đều cố tình cho là lạ, cho dù đôi khi , ông thấy có ai đó trông quen quen. Thỉnh thoảng đụng phải nhau, khách cũng như ông đều cố tình làm lơ. Chào hỏi nhau thôi đã thấy không tiện, phương chi lại phải nói chuyện với nhau. Khách đủ hạng đủ loại. Người đi xe đạp, người honda, người xe con Liên Xô, người đi bộ. Tuổi bằng ông hay có khi già hơn ông. Trẻ hơn con ông cũng không thiếu. Thỉnh thoảng có cả Tây, Tây Liên Xô, tây Ba Lan, tây Tiệp. Rộn ràng vào đầu hôm, hoặc ngày cuối tuần. Có kẻ đến lúc tảng sáng. Cũng có kẻ gõ cửa vào giữa khuya, như anh chàng vừa rồi. Khách đông. Con ít. Đôi khi, ông tự nhủ: "Biết thế này, đẻ thêm chục a để đáp ứng nhu cầu". Ông đem ý nghĩ này nói với bà Tám. Bà chua chát: "Ừ, cỡ chục đứa con gái nữa" . Ông cười phá lên: "Mẹ kiếp ! Nếu có thêm chục đứa nữa thì chắc bà và tôi sẽ có nhà lầu, chứ không đến nỗi ở nhà gỗ như thế này".

Chó lại sủa. Lần này, ông ngồi yên một chỗ, chờ đợi.

Vụ về. Bà Tám Toàn mở cửa xong, hắn lướt nhẹ vào như gió, vứt cái xách đâu đó rồi đi tắm. Tắm xong, trở ra, hắn bưng đèn đến góc nhà soạn đồ đạc. Bà Tám ngồi yên nhìn. Đủ thứ đồ lỉnh kỉnh: vải, đồng hồ, bút, thuốc, tiền lẽ...Hắn đưa một xấp vải bông cho bà Tám:

-Mẹ may áo.

Hắn mang tới cho ông cái hộp quẹt:

-Ba thích cái này không ? Bộ đội thích lắm.

Ông cầm cái hộp quẹt ga vuông, kẹt thử. Tiếng ga kêu xè xè. Ngọn lửa xanh phựt lên:

-Hộp quẹt Zippo. Đồ này trước thiếu gì. Vứt lăn vứt lóc.

Ông đậy hộp quẹt lại, đọc giòng chữ khắc, sơn đỏ ngay giữa: "Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu thân tặng".

-Bộ đội khoái hàng chữ đó, Vụ nói.

-Ừ, tao cũng khoái. Tao lấy cái này.

Ông lấy thuốc lá , bật quẹt, châm lửa hút, rồi cầm hộp quẹt xoay qua xoay lại, ngắm nghía.

Đồng hồ nhà bên điểm mười hai tiếng.

Sau Vụ, lần lượt ba cô con gái về. Trước hết là Dục, cô giữa. Dục về lúc

gần một giờ. Kế đến là Loan, chừng nửa giờ sau. Và cuối cùng là Lài, hơn hai giờ một chút. Không kể những dịch vụ qua đêm, đêm nay thế là mọi người về có hơi trễ. Thường thì khoảng sau một giờ là cả nhà sum họp. Trong ba cô thì Dục có Honda riêng, chiếc cúp đời 81, loại xe bãi do một tay thủy thủ đi tàu viễn dương Hải Phòng bán rẻ lại, sau một xuất bao đêm. Hai cô kia có người rước. Riêng Vụ, hắn chuyên đi bộ. Lý do: đi bộ thì có được nhiều cơ hội hơn, và gặp chuyện gì dễ xoay sở.

Bà Tám xuống bếp lo sửa soạn bữa ăn, trong lúc mấy cô con gái, kẻ trước người sau lần lượt tắm gội rửa ráy. Mỗi người lo phần việc của mình, chẳng ai nói gì với ai. Đêm khuya, xóm vắng, nhà nhà đều ngủ kỹ. Dù căn nhà nằm ngang cuối xóm, tách riêng hẳn khỏi khu xóm, nhưng như thói quen, chẳng ai trong nhà muốn ồn ào. Mọi người yêu thích sự yên lặng. Mọi trò chuyện cần thiết thường để dành vào bữa ăn.

Tiếng nước dội, tiếng thay áo quần sột soạt khiến ông Tám Toàn liên tưởng đến những nhọc nhằn mà mấy cô con gái của ông đang tìm cách rủ bỏ. Nhọc nhằn ! Ừ, thì tất là phải nhọc nhằn. Cuộc mưu sinh nào chẳng đổi lấy bằng những nhọc nhằn, cách này hay cách khác. Đôi khi, ông vẫn có cảm giác chúng nó trở về từ những nhà máy hay hãng xưởng nào đó. Ca hai, ca ba chẳng hạn. Hoặc ông quên, cố quên. Những cắn đắn, đau khổ lúc đầu, chịu riết rồi cũng nguôi ngoai. Mọi cái trước mắt, chung quanh, ông đã quen mắt. Từ chuyện ăn, chuyện uống, chuyện căn nhà, chuyện hàng xóm, xóm trước xóm sau. Ông quan sát mọi sự như coi một vở kịch hay coi một buổi trình diễn đại nhạc hội. Phù du. Chúng không có thật. Không hề có thật. Tất cả chỉ là một hoạt cảnh, một màn hóa trang. Vợ ông đó, ngày hai buổi đi vô đi ra, đi lên đi xuống, thỉnh thoảng ngồi nơi chiếc máy may, đạp lịch kịch. Bà không đi đâu xa, kể cả đi chợ. Bà rất ngại phải đi ngang qua cả một cái xóm dài với một rừng mắt vây bà. Người ta nhìn, ngắm, chỉ trỏ. Đồ ăn, thương mấy đùa con bà mua về từ những chợ xa. Bà ít nói, hay không muốn nói. Thường thì bà chỉ gật đầu, lắc đầu, thở dài rất nhẹ. Bà ẩn nhẩn , nhịn nhục. Vụ, thằng con trai, thì tảng sáng là dậy đi. Với đôi dép nhựa cáu bẩn, đứt quai, bộ đồ lính bạc màu, chiếc mũ lưỡi trai, hắn lang thang đâu đó suốt ngày trên các chợ, bến xe, con đường, khi thì giả què, khi thì giả bệnh để xin xỏ, và tìm mọi sơ hở của người ta để chụp giựt, chôm chỉa. Ba cô con gái thì chờ đợi, phấn son, lụa là, tỉa lông mày, nhổ lông nách, thay hết bộ áo quần này này sang bộ khác. Khi áo dài, khi áo đầm, khi đồ bộ. Đủ dạng, đủ loại. Khách vào, khách ra. Những ỏng ẹo, gạ gẫm, trả giá, vỗ mông, sờ ngực, cười cợt...Từ chiếc bàn của ông, ông yên lặng lắng nghe, quan sát. Sáng thì trà, trưa thì nước chanh, tối thì xị rượu. Người cựu giáo viên ấp tân sinh cứ thế, nhìn mọi sự diễn ra trong nhà mình hàng ngày như xem những màn biểu diễn trên sân khấu. Tất cả chỉ là tuồng ảo hóa, chỉ là những hóa trang, theo như triết lý sống của ông bây giờ .

Với ông, từ lâu rồi, cái có thật nằm trong quá khứ. Hồi đó, từ một anh nông dân, ông trở thành ông giáo làng, nhà trí thức duy nhất trong làng. Vợ ông lại đẻ cho ông được ba cô con gái sắc nước hương trời. Trong cái làng nhỏ heo hút cận chân đồi, gia đình ông trở thành một thứ danh gia vọng tộc. Vợ hiền (bà Tám Toàn hiền nhất xóm), con càng lớn càng xinh. Ông sung sướng, hạnh phúc. Mọi sự chỉ trở thành kịch khi gia đình ông dời lên thành phố. Thằng con trai bỏ học vì theo hắn, "đi học mệt hơn đi chơi". Còn ba cô con gái thì không chịu lấy chồng vì chúng đều cho rằng "mình đẹp như thế này , tội gì chỉ cho một đứa hưởng". Các cô thích có nhiều người yêu để phân chia cái đẹp cho nhiều người hưởng. Và cứ thế, kịch bản viết tiếp, hết cảnh này đến cảnh khác. Từ chỗ có một người yêu, rồi hai, rồi ba, rồi bốn, đến chỗ ai cũng có thể là người yêu cả. Đi chơi với người yêu trở thành đi khách. Hết cô chị đầu, đến cô kế. Một thời gian sau, cô thứ ba cũng nối gót. Được một cả bốn đứa con đều có hiếu với cha mẹ. Chúng nuôi ông như nuôi chim cu. Chúng xây nhà dựng cửa, sắm sửa đồ đạc không thiếu thứ gì. Ông thường đùa với bà : "Cũng là phúc nhà đấy chứ, phải không bà ?". " Ừ, thì phúc, quá phúc. Phúc hay nghiệp ?", bà thường lẩm bẩm.

Bà Tám dọn cơm tươm tất lên cái bàn, gọi mọi người ra ăn. Loan bỏ ra một bịch trứng lộn còn nóng, hỏi:

-Ba còn xị rượu nào không ?

-Còn.

Ông Tám Toàn sờ soạng dưới chân bàn, lôi lên một chai rượu. Loan rót hai cốc, cốc đầy đưa bố, còn cốc ít cô nhấp một hớp, rồi để xuống:

-Chắc phải lấy chồng quá !

Dục bĩu môi:

-Lại kể chuyện đời xưa rồi.

Loan lảng sang chuyện khác:

-Định nói thằng xe thồ ghé quán mua bịch gà bóp mà thấy khuya quá nên thôi. Gà bóp mà nhậu rượu thì đã lắm, phải không ba ?

Lài đưa cho bố một điếu thuốc đót, lầm bầm:

-Cái thằng cha kiết gì mà kiết hết chê ! Hỏi thuốc, hắn rút ra một điếu rồi bỏ lại vào túi.

Ông Tám bĩu môi:

-Xì ! cái thứ đó mà thèm lấy làm gì cho nó khinh. Ba hút thuốc nặng quen rồi. Loại thuốc đót này hút cứ như hỏng hỏng trong cổ, chẳng có cảm giác gì. Không đã chút nào.

Loan nói:

-Hút thuốc đót ít hại, nó lọc khói bớt chất độc.

Ông Tám vui. Mấy cô con gái, trong hoàn cảnh nào cũng quan tâm tới ông. Ông gọi:

-Mẹ nó đâu ? Thằng Vụ đâu ? Vào bữa cho rồi.

Đồng hồ hàng xóm điểm ba tiếng. Bà Tám bưng cây đèn lớn đặt giữa bàn. Cả nhà quây quần trong bữa ăn khuya. Bà Tám chép miệng:

-Bữa nay ăn trễ quá.

Dục cười:

-Ăn sớm quá, chứ mẹ. Mới ba giờ sáng đã ăn.

Như mọi ngày, cuộc sum họp gia đình diễn ra vào giữa lúc vạn vật đang trong cơn say ngủ. Xóm nghèo im lìm mê mệt. Cả những tiếng chó sủa cũng ngu ngơ ngái ngủ. Chỉ có gia đình ông Tám Toàn thức. Căn nhà dựng ngay bên mé hồ, cách xa hẳn khu xóm. Bốn bề không gian trống. Căn nhà như một hòn đảo . Không ai muốn liên hệ với xóm. Người trong xóm cũng chẳng muốn liên hệ với gia đình này. Thỉnh thoảng có vài ba đứa bé tò mò vớ vẩn, cố tìm cách tiếp cận ngôi nhà để xem thử bên trong có cái gì khác lạ, nhưng cha mẹ, anh chị chúng canh phòng rất kỹ, nên hễ thấy chúng lãng vãng ở đâu đó là lên tiếng kêu về. Còn người lớn thì tuyệt nhiên không hề bén mảng. Từ ngày căn nhà nằm chận ngay lối di quen thuộc xuống hồ, họ mở một lối đi khác, tránh phải đi ngang căn nhà.

Thực ra, chẳng có gì lạ bên trong. Một bà già làm nội trợ. Một ông già lỡ thời, chẳng biết làm việc gì ngoài chuyện ngồi trầm ngâm thế sự thăng trầm. Và bốn người con lao động kiếm sống. Ừ, thì việc gì cũng là lao động, ông Tám cố nghĩ vậy. Cứ thế, hàng ngày, ông chờ đợi bữa ăn. Ban ngày, mỗi đứa một ngả. Vụ lang thang ngoài đường, chẳng mấy khi về. Còn mấy cô con gái, đứa ngủ, đứa bận tiếp khách. Ngày nào cũng như ngày nào, chúng thấp thỏm đợi chờ. Chúng chưng diện, trang điểm, vô ra, đứng ngồi, đi về. Lúc đó, ông nhìn chúng như nhìn những người khách lạ. Dù vậy, không có khách thì thôi, hễ có khách mang đi một cô, lòng ông lại nhói lên một chút. Ông cảm thấy đau tê tê ở một nơi nào đó trong người: khi ở bụng, khi ở ngực, khi ở trong đầu.

Chỉ còn đêm khuya là lúc gia đình tụ hội.

Dục hỏi Vụ:

-Hôm nay, sao chú mày bần thần vậy ?

Vụ vẫn chăm chú gắp đồ ăn, đáp:

-Bị công an rượt ở khách sạn Chuyên gia.

-Sao ?

-Gỡ đèn xe cúp.

Lài chặc lưỡi:

-Cái nghề mày thấy ớn quá. Không khỏi có lúc đi trại cải tạo.

-Càng tốt. Vụ nói cụt ngủn.

Bà Tám nhìn lướt hết mọi người, giọng lo lắng:

-Sáng nay, Thị, công an khu vực có đến.

-Lại đến tháng đóng hụi chết. Loan chép miệng.

Bà Tám tiếp:

-Cậu ta bảo tỉnh sắp sửa phát động phong trào bài trừ văn hóa đồi trụy, và mê tín dị đoan.

Nghe nhắc đến mê tín dị đoan, Loan nhìn bàn thờ ông địa đặt dưới đất, sát cửa ra vào:

-Mẹ mua gì cúng thần tài với ông địa chưa ? Bữa nay con quên mất.

Ông Tám Toàn chợt nghĩ tới lời chúc mua may bán đắt dành cho những người đi buôn. Thì con ông cũng buôn, buôn phấn bán hương, như người ta thường nói.

Lài mỉa:

-Thần tài mà cứ giúp tận tình thì cái thân em bẹp dí, có ngày.

Dục nói:

-Hôm nay tao chịu đựng hai thằng nhóc. Mệt muốn bở hơi tai. Xong rồi như thoát ngục. Được cái, chúng chẳng tiếc tiền. Đúng là dân buôn trầm trúng mánh, chơi như giặc. À, mà chẳng biết cái bóp tiền đâu rồi.

Dục hớt hãi chạy đi tìm. Lát sau , cô trở lại bàn , cầm cái bóp mở ra, đếm tiền. Ông Tám tránh nhìn. Ông có cảm giác ngột ngạt khi thấy mấy cô con gái đếm tiền mỗi lần đi khách về. Nó thường đẩy trí tưởng ông đi xa, quá xa. Nó gợi cho ông tưởng tượng đến những căn phòng, giường chiếu, cái khăn, chậu nước và những số phận tồi tàn mà ông thường lui tới khi còn trai trẻ. Và những tờ giấy bạc ông đưa. Giờ này, đến phiên con ông nhận những tờ giấy bạc.

Dục vẫn kiên nhẫn đếm tiền. Nhiều tiền. Khác với mọi lần, lần này, trông bộ cô ta đếm khá cẩn thận. Cô rút từng tờ, vuốt cho thẳng. Ngay cả những nếp gấp nhỏ nơi mép tờ bạc, cô cũng lấy móng tay gãy ra, bẻ ngược lại . Ông nhìn và chợt hiểu. Hôm nay, cô quý những đồng tiền có lẽ vì để có được chúng, cô phải trải qua vô số nhọc nhằn . Ông chẳng lạ gì cái cảnh đám đực rựa, trước khi vung những đồng tiền ra, họ phải làm đủ thứ trò trên thân thể người đàn bà. Ông rùng mình khi chợt liên tưởng đến những thằng bạn lính của ông ngày xưa. Mỗi lần hành quân xong, được về thành phố, bọn họ bao luôn một, hai em. Họ sáng tạo đủ cách chơi, từ những cái có trong sách vở cho đến những cái không hề được ghi ở đâu, để hành hạ mấy em cho xứng đồng tiền bát gạo. Họ làm như thế, ngoài việc để thỏa mãn nhu cầu tính dục bình thường, dường như bao gồm cả việc muốn trút những giận hờn, tức tối và trả thù cho những điều bất ưng trong cuộc đời. Họ như muốn banh cả thân xác người đàn bà ra lục lọi, tìm tòi một cái gì đó không bao giờ tìm thấy. Ông không quên hình ảnh một cô gái đã lạy lục cúc bái họ, cho cô được trả hết tiền lui và ra về , vì không còn có thể chịu đựng nổi trò hành hạ của nhiều người như thế.

Ông nhấp một hơi rượu, rùng mình. Ông nhìn quanh. Ôi, những rượu, những trà, những đồ ăn, thức uống, những cột kèo, cửa sổ, cửa lớn, bàn ghế, áo quần, và chính cả thân xác ông, tâm hồn ông bây giờ đều xuất phát từ thân

xác mấy đứa con gái ông. Ông cảm thấy lợm giọng, buồn mửa. Hai mắt mờ đi. Trong thoáng chốc, ông bỗng nhìn thấy đồ đạc trong nhà, hết thảy đều uốn éo, quằn quại, lăn lộn. Bộ xa lông biến thành con Loan, cái tủ lạnh biến thành Dục, tủ áo quần biến thành Lài. Chúng trần truồng, hoang hóa, chịu đựng và thảm thương vô cùng tận. Chúng giương mắt nhìn ông ngơ ngác, bất lực.

Dục đếm xong tiền, nhìn ông, ngạc nhiên:

-Này, ba, ba nhìn cái gì vậy ? Xem mặt ba kìa. Trông như lên cơn đồng bóng vậy. Ba, ba.

Ông Tám Toàn sực tỉnh, nhìn Dục cười:

-Không có gì. Ba đang nhớ một đoạn truyện Tàu, chuyện thằng Phạm Chuy, tể tướng nước Tần, bỗng không đem dâng ngôi tể tướng cho một thằng lang thang đầu đường xó chợ chỉ vì hắn ta nói trúng cái mà ông ta đang lo lắng. Chuyện thế này, thằng Thái Trạch...

Ông kể một mạch xong, dừng lại, uống tiếp một cốc rượu, lòng dịu đi. Thấy ông chấm dứt, Dục quay sang Loan hỏi:

-Còn chị, hôm nay thế nào mà trông bộ lơ lửng thế ?

Loan thở dài, cúi xuống gắp thức ăn. Bà Tám nhìn cô gái đầu, phân vân. Thường cô rất liếng thoắng, lúc nào cũng kể chuyện để mua vui trong bữa ăn, đồng thời cũng tìm cách hãm đà kể chuyện đi khách của hai cô em. Cô lúc nào cũng muốn bữa ăn diễn ra bình thường như những gia đình bình thường. Đêm nay, cô trầm ngâm bất thường. Và sạch xong chén cơm, đặt xuống bàn, Loan nói dửng dưng:

-Chắc phải lấy chồng.

Hai chữ lấy chồng như có một sức mạnh đẩy bật bà Tám đứng dậy:

-Lấy chồng ? Ai lấy ? Lấy ai?

Loan đứng dậy, rủ áo:

-Con!

Dục nhìn Lài cười khẩy. Lài nói:

-Cũng tốt. Tui cũng mong có thằng anh rể để thỉnh thoảng sai hắn chở đi.

Ông Tám vẫn khề khà nhấp rượu. Bà Tám nhìn theo Loan đi xuống nhà dưới, mặt mày bần thần. Hai chữ lấy chồng Loan thốt ra đánh thức trong bà bao nhiêu thứ ao ước dồn nén, bao nhiêu giấc mơ khốn khổ. Ngày xưa, trong chiếc lều tranh, nhìn ba cô con gái kháu khỉnh, bà nuôi ý tưởng gã chúng cho kỹ sư, bác sĩ. Nhưng rồi mọi sự tàn theo mây khói. Bây giờ, bà mong được thấy chúng có chồng, kiểu gì cũng được. Đui, què, sức, mẻ hay gì gì đó cũng được, miễn chúng có chồng.

Loan trở lên. Cô lầm bầm:

-Cái thằng cha già mắc dịch. Ông ta theo riết, đòi phải về làm vợ.

Bà Tám làm như không quan tâm lắm, hỏi lơ lửng:

-Người ta ra sao ?

-Dân tập kết. Vợ hy sinh trong chiến tranh. Trưởng phòng Thương nghiệp Huyện.

-Thì cũng được. Bà lẩm bẩm.

Dục hỏi:

-Chị gật đầu chưa ?

Loan nói:

-Đâu dễ thế !

Lài mím môi:

-Thì gật đại đi. Em cũng trông có tay nào đó, già trẻ chi cũng được, hỏi lấy em, em ừ cú một. Ở đó mà ỏng với ẻo. Cái thứ chị em mình...

Dục tát nhẹ miệng em:

-Vả cái miệng một cái. Miệng khi nào cũng leo lẻo. Khôn hồn thì bớt nói đi.

-Tui chẳng khéo che như mấy bà. Đi khách thì cứ bảo đi khách, còn làm bộ con gái nhà lành để mồi chài, em chẳng sính.

Dục nói:

-Tao nghe ông bà nói, tao chừ a một phương tao lấy chồng. Được không?

Loan dọa:

-Này, ồn ào chỉ tổ cho xóm người ta dòm ngó. Khuya rồi ! Còn hai đứa bây, ai có thân nấy lo.

Dục kéo Loan xuống:

-Trông cũng được đấy. Chị trước cho em theo sau. Đầu lọt thì đuôi cơ may mới lọt.

Loan hỏi:

-Mi cũng muốn lấy chồng ?

Dục cười:

-Mắc chi mà cũng muốn. Nói thế, chứ em chưa có cảm giác.

Loan nói:

-Còn tao, tao vẫn muốn tự do.

Bà Tám thở dài, lo dọn dẹp đồ ăn.

Chó lại sủa xóm ngoài. Nhiều con khác phụ họa. Tiếng sủa truyền lần vào.

-Lại khách ! Ông Tám bỏ cốc rượu xuống, lẩm bẩm. Và ông vặn đèn lu lại.

Đúng là khách. Loan mở cửa, la lên:

-Trời ! lại ông. Ông dám lại đây à ? Ai chỉ ông lại ?

Người đàn ông dậm dự ở ngưỡng cửa muốn bước vào. Loan đứng chặn lại:

-Chưa chịu về sao còn quanh quẩn ở đây, ông Trưởng phòng ?

Người đàn ông vòng tay ôm eo Loan, muốn kéo cô lại phía mình. Loan tránh ra:

-Nhà đông người.

Giọng người đàn ông nghe nhừa nhựa:

-Bày chuyện nữa. Nhớ em quá ! Sao, trả lời dứt khoát với anh đi. Anh đợi

một tiếng thôi là lo hết mọi chuyện. Em muốn có nhà ở ngay Sài Gòn này, anh cũng lo được. Em gật đầu thì anh đi, còn không thì anh cứ ở lì đây.

Thấy cứ đứng ở ngoài bất tiện, Loan đành để cho ông khách bước vào. Cô nhìn quanh phía ngoài, rồi vào khép cửa lại. Chó vẫn sủa rân. Thấy ông Tám ngồi ở bàn, người đàn ông chào:

-Dạ thưa bác ...à...à...

-Ba tôi. Loan nói vắn tắt.

Người đàn ông bỗng dưng đâm ngượng, vì chợt nhận ra người mà Loan gọi bằng ba, suýt soát bằng tuổi mình. Ông Tám cũng lúng túng. Người đàn ông hỏi nhỏ Loan:

-Nhà còn thức ?

-Mới ăn cơm xong. Sửa soạn đi ngủ.

Người đàn ông nói nhỏ:

-Bậy quá ! Nhưng đến giờ phải trở về lại huyện rồi. Tài xế đang đợi. Thôi, anh về. Nhớ tranh thủ trả lời gấp. Chuyến sau anh lên là phải dứt khoát. Không thì, không thì coi chừng...

Ông ta đưa bàn tay dí dí lên trán Loan, quay lại nhìn ông Tám:

-Tôi...tôi...xin lỗi bác...tưởng nhà không ...có ai...

Ông Támmỉm cười, không nói gì, rót tiếp cốc rượu khác, nhìn theo người đàn ông đi nhanh ra cửa. Loan đóng cửa, gài then, im lặng. Bà Tám bước nhẹ từ dưới bếp lên, hỏi nhỏ:

-Về rồi à ?

Loan lẳng lặng đi, không nói gì. Ông Tám Toàn uống cạn cốc rượu, tự hỏi: vở kịch nào sẽ được viết tiếp nữa đây ? Và ông ngâm khe khẽ:

Hí trường tiểu thiên địa
Thiên địa đại hí trường

TRẦN DOÃN NHO
Cuối tháng 6-1997



HUY TƯỞNG

những ứng cảm blues

51.
giấc mơ tĩnh vật

Nàng cười
im như ngói
chúm hoa cau, ngập
gió đắng khúc hoài nhớ
trĩu bóng
nàng ngồi
sững ngói
đêm xé lụa chia ly.
lấp!

52.
khúc táng ca

Tử thi lá tử thi chiều
đừng can ngăn niềm tự sát
bài ca
oằn oại chốn mai về...
tử thi lá
tử thi rừng
nằm sấp mặt lời gió úng.

53.
sự thất tán đương nhiên của những...

Gió liêu
Bầy sói xám ngẹn trăng
Chạy xiết khu rừng
Chẳng tìm thấy tờ kinh lạc
Thất thần xanh
Gió liêu.

54.
cảnh tượng còn lại

Nắng trĩu
ghi chép tầng đá xám
im
thất ngặt gió
ùa vang không lời...
nắng trĩu
vai
cô hồn...

55.
lời giải của rừng

Về
nghiêm nhặt sóng
cớ sao trào liễu xanh
rợp khuya
ư ử tím, đầu sông...

56.
sự toàn hảo của cái đẹp

• *Gửi Lê Đạt*
Phùng Quáng

Đêm liêm kính
môi trầm mầu Phật
rực âm
đàn thắm tượng Lăng Nghiêm!

57.
thư báo mùa

Dựa lưng vào mùa thu
đồng thiếp
chết liên hồi chiếc lá
vàng...

tháng 12/1996

Gióng chuông nâu
ngủ thiếp lá ven chiều
rừng rực gió đắng
mãi tìm nhau khốn nạn
tình bằng...

gió kim

Sự phân rã của kiềm
quạ đen đớp bóng
gió câm gỉ
tôi đứng xiêu kim loại
sự phân rã của kiềm, ám khí,

60.
đêm đắm mộc

Những hoàng hôn rỗ mặt
say bầm
chuông
úp mê sấm cuồng
đắm mộc.

cơn mơ thổ

Ngày gió thậm
giấc mơ kim
chóa lòa mặt nạ
cười
lũ ruồi đắc chí vo ve xám
ngặt nghẽo cơn mơ thổ.

62.
và, trưa hóa

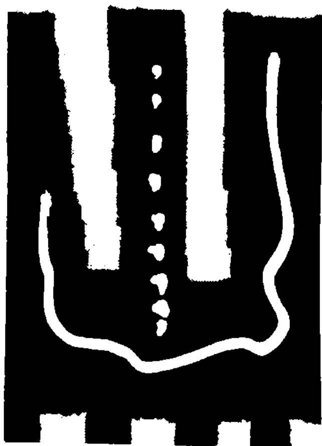
Nụ cười cháy nám
nỗi buồn bỏng rợp sớm mai
chạnh đáy bóng
không nhảy qua huyệt ngọ
giữa ban ngày.

HUY TƯỞNG
5/4/1997
kính tưởng niệm Allen Ginsberg



NGUYỄN THỊ THU HUỆ

CẬU TÔI



Tôi nghe người ta bảo: Người lớn là tấm gương cho trẻ con soi. Rồi lại bảo: Trẻ con là tờ giấy trắng, người lớn vẽ hoa thành hoa, vạch bẩn là bị bẩn, nếu đổ mực thì đen sì.

Tôi qua tuổi thiếu niên chưa lâu, chân ngập ngừng bước vào tuổi trưởng thành thì nhìn thấy trước mình nhiều gương quá. Gương to, gương bé, gương trong gương đục làm tôi choáng ngợp.

Tôi soi vào đâu bây giờ, để thành người và để trang giấy cuộc đời mình nở hoa?

*

Nhà tôi đông người. Có mỗi cậu là trai, lại út nên được cưng chiều. Cậu làm gì tùy ý, chẳng ai can ngăn và bao giờ, cậu cũng đúng.

Cậu đang đi học thì xung phong nghĩa vụ quân sự. Ngày ấy, ra trận là cục nam châm hút mọi người, mọi tầng lớp. Độc lập cao hơn mọi thứ trên đời. Bà tôi khóc: Tao có mỗi nó là con, lại đi thế này, bao giờ có đứa cầm ảnh, chống gậy? Mẹ tôi ôm lấy bà: Đẻ ơi, đẻ còn chúng con, cháu nào chẳng là cháu. Chú út đi đem vinh quang cho cả họ nhà mình. Mai kia, chú ấy mang hòa bình về, con gái làng mình chẳng xếp hàng theo, lúc ấy, đẻ tha hồ chọn.

Bà tôi cười, mặt mũi xuệch xoạc: Ừ, nếu nó mang hòa bình về thì để cho nó đi. Có hòa bình là có hết. Nhà mình thật may.

Rồi cậu đi: Đi mãi. Bao lần lúa xanh, lúa chín. Bà tôi từ lúc đi lại nhanh nhẹn, đến lúc phải chống gậy, mắt nhòa sương phủ, cậu vẫn chưa về. Ngày cuối của bà, bà lào phào với mẹ: Đẻ có chỉ vàng ngày cưới cha con cho, với

vài mảnh lụa, để dành cho thằng út, con lấy vợ cho em.

Rồi bà đi. Bà chờ mãi mà hòa bình chẳng đến, cậu không về. Thời gian, có đợi ai đâu?

*

Một năm hai tháng rưỡi sau. Cậu về. Cậu về cùng hòa bình. Cậu bảo, nhiều người về và người ở lại cũng lắm. Cậu khác quá, tôi chẳng nhận ra. Cậu bị mất một chân, một tay, và khi cậu cười, nửa bên mặt cậu giật giật. Ánh mắt của cậu hình như sáng hơn xưa nhiều, nó giống như luồng điện. Mẹ tôi xuýt xoa: Nhà mình may thật. Cậu về là may quá rồi. Nhà tôi, lúc nào cũng chật người. Ban ngày cậu cười. Ban đêm, cậu đứng bên bàn thờ bà tôi, bàn tay lần lần tấm lụa bà dành cho cậu, giữa mù mịt khói hương.

Ba tuần sau, Ủy ban xã đến và quyết định cho cậu làm bảo vệ trường học. Đúng trường tôi đang học. Tôi sung sướng, tự hào vô cùng. Hàng ngày, cậu mở, đóng cửa trường. Cậu đánh trống đầu giờ, trống ra chơi và trống tan học. Cậu yêu công việc ấy lắm. Cậu bảo: Số cậu may mắn lắm.

*

Cậu tàn phế nên chỉ ở một mình. Thú vui của cậu là nhìn chúng tôi đi học, rồi chơi và phá phách, nghịch ngợm. Cậu hay mua xổ số. Mãi mãi, ngày tôi chuẩn bị ra trường, cậu trúng độc đắc. Mẹ tôi khóc khi nhìn thấy đống tiền ở trên bàn, trong ngày trao giải. Ở hiền gặp lành. May phúc quá. Cả nhà mình đổi đời rồi. Số tiền lớn thật đến nằm mơ, chúng tôi cũng không dám, 60 triệu.

Cậu đưa cho các anh chị 20 triệu. Rồi góp xây nhà thờ tổ, tu sửa cống làng hết 5 triệu. Tặng trường tôi 5 triệu. Vài ngày sau, cậu đưa tôi một tập thư, dán tem sẵn bảo tôi ra bưu điện bỏ. Hôm sau, lại một tập nữa. Cậu gửi liền sáu ngày thì xong. Tôi hỏi cậu, cậu gửi gì nhiều thế, cậu bảo, cậu gửi tiền cho những người cùng ở chiến trường với cậu, mời họ đến mừng cùng cậu. Khoảng hơn chục ngày sau. Có dăm bẩy người đến hỏi cậu, chẳng ai lành lặn bình thường cả. Họ gặp cậu, họ và cậu ôm nhau khóc, người này tranh người kia nói như thể anh em lâu ngày gặp lại. Cậu mời họ ăn, cho họ tiền tiêu, người năm trăm, người ba trăm nghìn.

Hôm sau, vài chục người tìm đến. Lại khóc, lại kể, cậu lại cho họ tiền và họ đi. Cậu bảo: Sống chết có nhau, lộc bất tận hưởng. Mình may mắn, mình phải giúp họ.

Những hôm sau, người kéo đến từng đoàn, đông gấp vài lần những hôm trước. Có những người cậu mời đến, họ dắt theo những người cậu không quen, nhưng cậu vẫn cho tiền hết. Mỗi người được ít dần đi.

Hôm sau. Hôm sau nữa... Cái sân trường tôi xếp hàng mọi ngày giống sân ga ngày cậu ra chiến trận, chỉ khác, những người mặc áo lính hiếm người



JIRI KOLAR*

công thức hóa học

thật tình cờ hãy xin một đứa trẻ
hát cho nghe
bài ca ưa thích nhất của nó
Hãy chào một thùng rác
đổ một ly nước hoa xuống ống cống
mua một vé số
không nhìn hàng số
rồi đem tặng
cho một bà già không quen hay một ông nào đó
và viết mười ba công thức hóa học của thơ
theo mẫu sau đây:
C 51 H6/Mé-1/2/F j4-Ba/7/e/2 a K éY/3/RD5/21

DIỄM CHÂU dịch

---

* Họa sĩ, nhà thơ Tiệp Khắc

lành lặn lắm. Họ đứng ngồi la liệt. Họ nói chuyện, kể lể, và chờ cậu tôi như chờ đấng cứu thế. Cậu thất thần, run rẩy trốn vào góc phòng. Cậu hết tiền rồi, mà người đến ngày một đông. Ban giám hiệu phải cử người ra giải tán. Không ai nghe cả, họ hò hét đòi cậu phải ra cho họ gặp. Đến chiều, người đứng trong sân đã chật, đoàn người chờ ở cổng trường. Giao thông tắc nghẽn, học sinh không có chỗ học, ai ở đâu, mắc luôn ở đó. Nhà trường phải mời công an đến, nhưng cũng không giải tỏa được.

Tôi ở bên cậu. Một bên mặt cậu giật đùng đùng. Các cô giáo khóc thương cậu, và lo ngôi trường bị phá. Họ bàn cách tẩu thoát cho cậu. Tôi ra canh trước canh sau, và giữ một cánh cửa gần khu vệ sinh, chờ cậu ở đó.

Chẳng ai gặp cậu nữa. Về sau này, khi lớn lên, mỗi lần nghĩ về cậu, trước mắt tôi, chỉ còn một hình ảnh cuối cùng của cậu. Cậu - trong bộ quần áo rách tướp, đội chiếc nón rách, tay chống gậy, run rẩy, sợ hãi men theo dãy nhà vệ sinh hôi hám, lần ra phía chợ, và biến sau bức tường đổ.

Có vậy thôi. Cậu đi như thế, là rủi hay may?

NGUYỄN THỊ THU HUỆ



NGUYỄN THỊ NGỌC LAN

gái quê

tặng trai làng Nguyễn Hữu Liêm

Trước sân anh thơ thẩn
Đăm đăm trông nhạn về
Mây chiều còn phiêu bạt
Lang thang trên đồi quê. (1)

Gái quê bao giờ cũng có
nhiều điều không hiểu
Picasso, Van Gogh, Khánh Trường, Trịnh Cung
Đỗ Kh., Khế Iêm
Lê Đạt, Trần Dần...
Lê Thứ, Lê Bi và Allen Ginsberg
càng không hiểu

Say mê gái quê
là nhạc sến
là Bích Câu Kỳ Ngộ, Cô Gái Đồ Long
Hò Lả Quan Họ, Căn Nhà Ngoại Ô
và tranh ViVi
lẫn thơ Hà Quốc Huy

Nhưng
Bao nhiêu trai làng theo nàng
Đi theo xin nàng tim vàng
Nàng vẫn không màng...(2)

Trai thị thành mai mỉa
Em nhỏ tấm nhiều vào
Cho bớt mùi phèn chua
Thôi thì đành,
ngậm cành hoa che răng khểnh làm duyên

Gái quê thích thanh
không thích nói tục
tuy có làm tục
mà vẫn nói thanh.

Trai tỉnh lẻ đôi lần làm gái quê khóc
Em ơi nếu mộng không thành thì sao(3)
Rồi họ
cứ bỏ đi biền biệt
Quê nhà xa xôi
mà ở đây
mấy ai hiểu
có người em bé bỏng chiều quê (4)

Đừng khóc cho em Việt Nam ơi.

NGUYỄN THỊ NGỌC LAN
(Cook's corner, Trabuco Cyn 7.97)

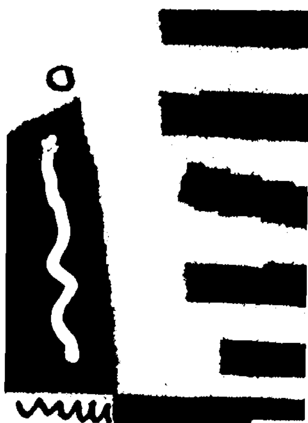
---

1) Thơ Hàn Mặc Tử
2) Nhạc Hoàng Thi Thơ
3)Nhạc Lam Phương
4) Thơ Quang Dũng



SÔNG PHỐ

MỘT CHÍN SÁU CHÍN



Sáng mai tôi đi Mỹ rồi.

Mấy tuần nay, trong gia đình ai cũng đối xử gượng nhẹ, tử tế với tôi. Kiểu tử tế dành cho người, họ chưa chắc sẽ còn gặp lại.

- Kệ nó. Vài hôm nữa nó đi rồi. Má tôi luôn miệng nhắc nhở khi bà muốn dành cho tôi khứa cá lóc to nhất, nhưng sợ buồn lòng mấy đứa con khác trong gia đình. Chị Tư của tôi cũng bảo kệ nó, khi chị cố trổ tài nấu những món tôi ưa thích nhất. Hôm qua bánh canh. Bữa nay hủ tiếu bò kho. Bữa nọ vừa đổ bánh xèo. Anh Hai bảo kệ nó khi dúi vào tay tôi một ít tiền, để nó mua sắm mấy ngày trước khi đi.

Ai cũng cố làm tôi vui. Bằng cách nầy hay cách khác.

Tôi thì như trái mít ướt, ai đụng vào cũng dây mủ. Hỏi đi bao lâu cũng khóc. Đi qua đó làm gì, ở với ai, cũng đỏ hoe mắt. Tôi thấy mình sao dở chịu đựng quá. Không thể giấu được nỗi đau khổ sắp phải xa Minh - người tôi yêu. Nỗi đau, như miếng xương sắc nằm nghẽn ở cổ trái tim. Mỗi nhịp đập. Mỗi lần đau. Mỗi hơi thở. Mỗi rát buốt. Nỗi đau như tảng băng buốt giá, đông cứng hết mọi cảm giác, mọi tri thức. Như con rối, tôi múa may quay cuồng theo mệnh lệnh của những người cầm dây kéo. Chủ yếu là má tôi.

- Đi với má lên chùa Ông lễ tạ nha con.

- Con nhớ ghé qua cô Hai xin Mẹ phù hộ trước khi đi nha.

Tôi lạy xì xụp trước những pho tượng cao lớn. Mặt đỏ gấc. Râu đen. Lưỡi đỏ, dài ngoằn. Dữ dằn như cuồng nộ cũng đang vần vũ trong lòng họ.

Tôi ngước nhìn họ oán giận. Các đấng thần linh ơi! Tại sao các ngài im

lặng trước những van xin của tôi. Tôi đã dập đầu trước bệ, quỳ đến run chân, để cầu cho giấy tờ xin đi du học của tôi trục trặc. Cầu xin được ở bên Minh mãi mãi cũng thành kính như má tôi cầu cho tôi được xa anh. Vậy tại sao các ngài lặng thinh trước nước mắt của tôi. Tôi ước giá mà cây gươm họ đang cầm trong tay sẽ hoa lên, vung vào cổ tôi để tôi chẳng còn phải ra đi, phải xa Minh nữa. Chẳng bao giờ tôi lại phải xa anh...

Tôi oán giận mọi người chung quanh. Oán nhất lão thầy bói Năm Vàng.

Sáu tháng trước, một buổi trưa má tôi gọi riêng tôi vào phòng, khép cửa lại. Bà nói:

- Con phải đi xa ngay. Má đã quyết định. Chị Ba sẽ lo giấy tờ đem con qua đó. Chuyện của con với thằng Minh... - Má tôi nói khó khăn như đang nuốt vật gì xuống cổ - chuyện xấu xa, nhục nhã đó, má không chịu nổi nữa. Má nói ít, con hiểu nhiều.

Tôi hiểu. Buổi chiều đó, tôi với con Hồng, bạn hàng xóm, xách xe đạp lên nhà thầy Năm. Hồng nói:

- Mầy đừng có lo. Ông nầy nói trúng phong phóc như ở trong ruột người ta. Bữa kia tao buồn anh Năm. Vừa bước vô cửa, ổng phán "Thất tình phải không. Bị ruồng bỏ phải không?" Tài chưa. Tao bảo đảm mầy không thất vọng đâu.

- Nhưng rủi ổng nói tao phải đi xa thì sao?

- Tao chưa nói hết mầy đã lo. Thầy Năm còn biết vẽ bùa. Mầy đeo vô muốn gì được nấy. Tin tao đi. Giọng con Hồng chắc nịch. Mặt nó kênh lên. Hai con mắt long lanh như một người bán hàng đang quảng cáo cho sản phẩm độc đáo của mình.

- Thiệt hả? Tôi hỏi nhưng không cần đợi nó trả lời đã đạp rướn xe về phía trước. Chiếc xe lăn bánh nhẹ nhàng. Gió thổi phần phật mát rượi ở hai bên gò má. Tôi thấy mình nhẹ tênh như có ai vừa nhấc bổng tôi lên. Tôi sung sướng muốn được thả hai tay ra, cho lao xuống dốc, như người ta vẫn lao đầu đi tìm hạnh phúc. Bài toán hóc búa đã có lời giải. Thầy Năm Vàng là lời giải đó. Thầy là chiếc phao cho tôi, kẻ sắp buông tay bỏ cuộc trước dòng sóng cuộc đời nghiệt ngã. Minh ơi, em sẽ không phải xa anh. Không bao giờ xa anh.

Nhà thầy Năm nằm xa quốc lộ cả cây số. Quanh nhà mấy thửa ruộng xanh mượt mà. Khi chúng tôi đến, cánh cửa gỗ khép. Hai con chó đen đổ ra sủa những tràng dọa dẫm.

- Thầy không có ở nhà rồi mầy ơi. Hồng đứng nhón gót, kêu "Thầy Năm ơi! Thầy Năm!" như thể nếu cô đứng cao hơn thì tiếng gọi cũng lớn hơn. Tôi nhìn con Hồng cảm động. Nó sốt sắng hết mình như thể chính nó là người bị mắc cạn. Có lẽ nó không muốn tôi rơi vào hoàn cảnh của nó: không lấy được người mình yêu.

Giữa lúc tôi và Hồng trở đầu xe, định quay ra thì thầy Năm Vàng đẩy hai

cánh cửa gỗ như thể thầy đã đứng đó tự bao giờ mà không lên tiếng. Ông lừ lừ nhìn chúng tôi. Đôi mắt dừng lâu hơn trên người con Hồng, làm nó bẽn lẽn đẩy tôi vào trước. Thầy Năm chỉ hai cái ghế cây cạnh chiếc bàn vuông trải tấm nylong có hình những trái vải đỏ. Thầy rót nước trà vào hai cái tách để sẵn trên bàn:

- Uống đi bây. Trời nắng quá bây đi đâu giờ nầy? Thất tình chi đây phải không? Thầy nói, rồi ngồi xuống chiếc ghế đối diện, lôi trong ngăn kéo ra những quyển sách không có bìa. Mấy trang giấy đen, lổ chổ rách. Tôi rón rén ngồi xuống chiếc ghế trước mặt. Cảm thấy mặt nóng bừng. Hồi nào tới giờ tôi chưa từng đi coi bói bao giờ, nên thấy hơi quê quê. Không lẽ cái ông già áo nâu, quần đen có vẻ nghèo nàn, nhà quê ấy có thể biết được những điều tôi không biết. Rồi tôi phải nói với ông tất cả những thầm kín tôi chưa nói cả với chính những người thân của mình. Tôi muốn đứng dậy ra về. Nhưng vẫn ngồi như đóng đá.

- Đứa nào coi trước đây. Thầy uể oải hỏi.

- Dạ nó. Hồng và tôi cùng trả lời một lượt, làm thầy bật cười.

Thầy nhìn qua hai đứa, và con mắt lém lỉnh, tinh anh của thầy đã đoán biết ai là con "bịnh". Thầy quay qua tôi, hỏi ngày sinh, tháng đẻ của tôi, rồi dở những trang sách đen ngòm, chi chít chữ. Tôi không dè tất cả những nỗi đau khổ, bâng khuâng của tôi về cuộc đời mình đã có sẵn hết trên những trang sách đó. Tôi hồi hộp nhìn thầy Năm như một tội phạm chờ lời tuyên án của ông tòa:

- Cô này số gian truân lắm biết chưa? Tình duyên không có được như ý muốn đâu biết không? Coi bề ngoài vui vẻ vậy chứ khóc thầm hoài, có đúng không?... Đúng thì nói đúng, thầy mới coi tiếp... Thầy nhìn tôi thách thức, vẻ tự tin, thỏa mãn của gã thợ săn nhìn con mồi đang đi lần vào cái bẫy của mình. Nhưng tôi còn thấy gì nữa đâu... Chỉ mấy câu giáo đầu của thầy đã làm nước mắt tôi lã chã thú nhận. Có lẽ thầy cũng tội nghiệp, thầy hạ giọng xuống nói như an ủi tôi, nói như chỉ có tôi và thầy trong căn phòng nầy:

-... Thôi con đừng có khóc. Cái số cả. Nhưng còn chuyện đi đứng thì đừng có lo... Cô không có số xuất ngoại đâu. Ở nhà lấy chồng, đẻ con tới nơi rồi. Đi đâu nữa? Không biết thầy Năm còn nói gì nữa không, và sau đó thầy Năm đã nói gì về con Hồng, tôi chỉ biết mấy lời: Không có đi. Không xuất ngoại, từ cửa miệng thầy Năm cứ vẳng lên như những tiếng chuông đồng thánh thót vang lên trong lòng tôi. Tôi còn ngồi đó, những sự vui mừng đã nâng tôi bay bổng lên những tầng mây hạnh phúc. Tôi tưởng tượng đến lúc có thể chạy về nhà viết thư báo tin mừng cho Minh, như thể đó là một việc cụ thể, chắc chắn.

Dĩ nhiên là tôi giấu kín má tôi về những dự đoán của thầy Năm. Má và tôi bây giờ như hai người lính ở hai trận tuyến khác nhau. Rình rập. Giữ kẻ với nhau từng chút một. Tôi đâu dại gì báo cho má cái tin "thắng lợi" về phe ta như thế.

Những sự việc sau đó đã xảy ra đúng như dự đoán của thầy Năm. Giấy tờ xin đi du học tự túc của tôi vì lý do gì đó bị tòa đại sứ Mỹ bác. Nhận được tin đó, má tôi nói xuôi ịt: "Người tính chứ trời định con ạ...". Rồi thôi bà không đả động đến chuyện đi đứng nữa. Nhìn má, tô cũng hơi ăn năn, ngượng ngập. Nhưng đó chỉ là cảm giác thoáng qua, còn lại tôi vui vẻ hẳn lên. Minh đã hứa "Lần về phép tới, anh sẽ thú thật với má...". Tôi hoàn toàn không cảnh giác, coi như cuộc chiến tranh lạnh giữa hai mẹ con đã chấm dứt...

Và tôi là kẻ đắc thắng, cho đến khi...

Hai tuần trước đây, ông phát thư ghé qua, trịnh trọng bảo tôi ký vào tờ giấy nhận thư bảo đảm, vé máy bay chị tôi gửi về. Tôi choáng váng như người bị đánh lén. Chúi ngã. Bàng hoàng. Đau đớn nhận ra rằng đàng sau sự im lìm trá hình, má đã nhờ chị Ba viết thư khiếu nại, giải thích và trường hợp của tôi được xét để đi theo diện đoàn tụ. Một giấc mơ đối với kẻ khác. Một bản án chung thân đối với tôi. Chị tôi viết: "...Em có thể ở luôn không về như chị...". Nước mắt tôi rơi nhòa hết mấy dòng chữ đó. Tôi là người bại trận. Tôi oán thầy Năm Vàng không siết kể, tôi ước mình có phép để làm biến mất hết ba quyển sách nhà nghề dỏm của thầy.

Tôi hờn má tôi...

Hôm qua tôi đi từ giã một số bạn bè dưới Sàigòn. Minh đang đóng ngoài Phú Quốc. Một địa danh xa lạ, tôi chưa đến bao giờ. Anh sẽ không thể về đưa tôi đi. Đêm qua Minh điện thoại về hỏi han. Tôi chỉ nói được: Quên tôi đi rồi khóc. Tôi biết là chúng tôi sẽ chẳng bao giờ gặp nhau nữa. Tôi biết là tôi sẽ xa anh mãi mãi.

Cả buổi sáng tôi dành cho Nga, cô bạn gái thân thiết từ những năm học nội trú. Cô bạn gái mà tôi đã thường nói:

- Mình mà là con trai, mình sẽ yêu bạn.

Nhưng bữa nay tôi gặp nó không phải để nói yêu. Tôi nói:

- Mai mình đi rồi Nga!

Nga nhìn tôi như nó mới gặp tôi lần đầu. Hai con mắt mở to. Môi mím lại bất bình. Trái tim tôi thắt lại như có ai vừa bóp mạnh nó. Tôi hiểu tâm trạng của Nga. Nó cảm thấy hụt hẫng khi không có tôi bên cạnh. Sau khi đậu xong tú tài, đám bè bạn ở Gia Long cũ như đàn chim đã đủ lông cánh bay tủa về mọi phương trời. Tuyến đi du học. Phụng vào Y, Như qua Dược, Hoàng đi lấy chồng, Bá bắt đầu đi kiếm sống bằng nghề gõ đầu trẻ. Những buổi chiều tụ năm, tụ bảy học tổ, đi nhà sách, bát phố, xem ciné đã qua rồi. Cuộc sống hồn nhiên của tuổi học trò đã vuột khỏi tầm tay chúng tôi không lời cảnh báo. Chúng tôi đã hứa hẹn vẫn gặp nhau, nhưng cuộc sống mới đã không cho phép chúng tôi nhởn nhơ như bướm nữa. Chỉ còn Nga và tôi, tương đối còn chịu khó tìm gặp nhau. Những buổi không có giờ bên Văn khoa, tôi vẫn lặn lội qua Khoa học tìm Nga bên những ống nghiệm trắng mỏng manh. Nga thì lại hay bất chợt ghé qua chỗ trọ của tôi để lôi tôi đi ăn chè ở Hiển Khánh hay

vào Vĩnh Lợi xem phim hay chỉ ngồi nhà tán gẫu... Nga bắt đầu yêu. Nó đã tâm sự với tôi về hai người con trai đang đeo đuổi nó. Một Nam, một Bắc. Nó đang không biết phải chọn lựa ai. Còn tôi dĩ nhiên là không thể hé môi với nó về tâm sự ngổn ngang của mình. Nó hay trách: Liên kín quá. Không tâm sự gì với bạn bè hết. Rồi nhìn tôi bằng cặp mắt tinh nghịch, môi cười chúm chím nó nói: "Coi chừng đó, tẩm ngẩm, tầm ngầm mà đánh chết voi đó nha". Tôi cười gượng, tưởng như bạn vừa khám phá ra được sự bí mật "tội lỗi" của mình.

- Sao tự nhiên đi vậy? Có nghe Liên bảo đi du học hồi nào đâu. Tự nhiên cái đùng đùng đi...

- Thôi Nga ơi, đừng có trách móc. Nếu mình đã có lựa chọn... Bà già bảo qua đó cho có bạn với chị mình. Thôi đừng nói nữa. Chuyện đã không còn có thể sửa đổi gì nữa. Đi chơi đi! Coi như một lần cuối "cho nhau". Tôi cố đùa, sợ phải khóc trước mặt cô bạn thông minh nầy thì không tài nào giấu được gì nữa với nó.

Nga chở tôi đi qua trường Gia Long. Chỗ bờ tường chúng tôi hay đeo trên đó chờ những gánh hàng quà ưa thích đi qua. Cây hoa sứ trong trường chìa những bông hoa trắng mịn lên khoảng trời xanh bao la... Hai chúng tôi bé nhỏ, vụt thoáng qua khoảng không gian quen thuộc, cũ kỹ, đậm đặc những kỷ niệm tuổi học trò, tuổi thiếu nữ mộng mơ. Nga chở tôi đi qua Nhà Thờ Đức Bà, chỗ có một tiệm sách nhỏ của các soeur. Chỗ có những quyển sách ngoại in trên giấy trắng bóng, mà tôi vẫn thường lén hôn lên đó. Bà soeur già vẫn chào chúng tôi bằng nụ cười hiền lành thường lệ. Đi ngang qua Soeur, tôi nhìn lâu trên khuôn mặt da trắng lấm tấm những đốm đồi mồi. Tôi đã đi lướt qua soeur biết bao nhiêu lần mà chưa bao giờ thật sự nhìn bà. Nhưng hôm nay tôi muốn ghi lại tất cả, tất cả vào đôi mắt ký ức để tôi không thể nào quên những con người ở đây. Bao nhiêu người xa lạ hôm nay đều sẽ trở thành thân thuộc. Bao con đường, góc phố hôm nay sẽ mãi mãi không phai nhòa trong trí nhớ của tôi. Tôi nói thầm với mọi người, mọi nơi chốn lời giã biệt của một người sắp lìa quê hương thân thiết.

Buổi chiều từ giã Nga, tôi lấy xích lô vào nhà Minh. Má anh, mợ tôi, ngồi ở bộ ván gõ, chỗ nằm của tôi thời còn ở trọ nhà bà, vừa nhai trầu chóp chép vừa nói:

- Con đi rồi, thằng Minh chắc buồn lắm.

- Buồn gì mợ ơi! Anh ấy có bao nhiêu cô khác thay con.

- Mợ biết mà. Ngó coi vậy, chứ nó chỉ thương có con. Mợ tôi nói như năn nỉ. Hai con mắt bà hấp háy sau làn kiếng. Tôi lo sợ nhìn mợ. Hình như trong một lúc mợ quên hết những ràng buộc của xã hội. Mợ quên là Minh và tôi không có quyền yêu nhau. Hai đứa con cô, con cậu không được quyền yêu nhau. Không biết ai đã đặt ra những luật lệ đó. Tôi và Minh yêu nhau cũng như mọi người con trai, con gái khác yêu nhau. Tại sao tôi phải thấy ray rứt

mỗi lần anh đến bên tôi. Tại sao má tôi phải hốt hoảng, sợ hãi như tôi đã phạm phải tội lỗi tày trời. Bà chưa bao giờ dám hỏi tôi "Con đã thương thằng Minh sao?". Mấy lời nói đơn giản đó má tôi không bao giờ có thể đem hết sức lực còn lại trong cơ thể của mình để thốt ra. Bà chỉ có thể buồn bã, thều thào nói như sợ chính mình phải nghe cái sự thật ghê rợn đó: "Má thấy cái 'chuyện' đó không được đâu. Xóm giềng người ta nhìn vào. Má còn mặt mũi nào ngó ai...". Và để cái 'chuyện' đó không thể kéo dài lâu hơn, má tôi đã lo gửi tôi đi học xa.

"Nó thương con...". Mợ tôi lặp lại như sợ tôi không nghe. Tôi nhìn lảng ra ngoài sân. Trốn lánh cái nhìn dò hỏi của mợ. Con cũng thương nó. Tại sao con bỏ đi? Thì ra mợ vẫn biết tôi và Minh yêu nhau. Vậy mà chúng tôi vẫn ngỡ là có thể che dấu được bà với những màn kịch của mình. Chắc là bà đã nhiều phen cười thầm sự vờ vĩnh vụng về của chúng tôi. Tôi nhớ lại có lần Minh và tôi giận nhau vì một chuyện gì đó. Minh đắp mền nằm thù lu trên bộ ván giữa nhà như người bịnh. Lúc đó tôi đang trọ học ở nhà anh. Tôi vờ quét nhà để đến bên anh nói nhỏ: "Dậy đi! Dậy! Nằm hoài mợ để ý bây giờ". Anh dậy lấy xe đi cả buổi. Tôi ở nhà, như ngồi trên đống than, nhưng không dám để lộ ra mặt, vờ mở quyển sách mà hồn để đâu đâu.

- Thằng Minh nó giận gì đó hả con. Mợ hỏi khi tôi không chịu được nữa ra ngồi ở xích đu ngóng Minh về.

- Dạ... Dạ chắc anh bị cô đào nào đá chắc. Tôi làm bộ vui vẻ trả lời.

- Vậy thì hổng sao... Chút nó hết. Mợ chỉ sợ anh nó làm gì con buồn. Mợ nói rồi thong thả đi vào phòng. Lần đó tôi mơ hồ như mợ hiểu được tình cảm của tôi dành cho Minh. Nhưng sau đó, mợ tôi chẳng bao giờ nói lời gì, hay đối xử với tôi khác hơn những đứa cháu khác. Nhưng bây giờ thì tôi chắc chắn. Mợ vẫn biết được mối tình của chúng tôi. Và trong lòng người mẹ đó chắc là sự khổ đau cũng không thua sút nỗi đau của chúng tôi. Chỉ có điều tôi và Minh còn có đôi vai của nhau để nương tựa. Mợ chỉ có một mình. Mợ cũng chẳng hề trách móc ngăn cấm chúng tôi. Tình thương con đã làm mợ tôi mù quáng chăng? Mợ không sợ dư luận bằng má tôi chăng? Người đàn bà không dám tục huyền sau khi chồng bỏ đi, ở vậy nuôi con vì sợ dư luận, người đàn bà đó có thể chấp nhận mối tình tội lỗi của chúng tôi sao? Hay như Minh nói, vì mợ là người Tàu. Phong tục của người Tàu không cấm đoán những tình yêu như của tôi và Minh. Tôi nhìn mợ ngờ ngợ. Sự chấp nhận âm thầm của mợ làm tôi sợ hãi. Tôi hoang mang. Tôi phải đi khỏi nơi đây, trước khi tôi gục xuống dưới chân bà cầu xin một sự che chở, giúp đỡ. Tôi đang nghĩ đến một người đàn bà đau khổ khác. Đó là mẹ tôi. Tôi không có quyền cãi lại mẹ. Tôi không có quyền làm mẹ đau khổ.

Trước khi về, tôi nhét vào hộc tủ bàn học của anh lá thư vĩnh biệt tôi đã viết đêm hôm trước. Lá thư có mấy dòng chữ: "...Quên em đi và hãy lo cho cuộc đời anh!..."

Sáng mai, tôi đi Mỹ rồi.

Buổi tối, tôi ngồi soạn lại lần cuối cái valise đã bao lần tháo mở. Má đi qua, đi lại nhồi nhét cho tôi những bài học đạo đức cuối cùng như ông thầy thiếu tự tin cố rao giảng lại mấy bài học cũ trước giờ học trò mình bước vào trường thi... Ráng học nha con. Đừng đua đòi chúng bạn... Phải biết nghe lời chị con. Chị là người đi trước mà... Đời sống ở xứ người phức tạp lắm... Con ráng giữ mình. Tôi vừa nghe, vừa khóc. Trong đó, không biết có bao nhiêu giọt nước mắt oán hờn mẹ. Bao nhiêu giọt thương mẹ... Bao nhiêu giọt thương mình.

Tôi ngồi lại chỗ ngồi bên bàn học, cạnh cửa sổ, trên căn gác nhỏ: thế giới riêng của tôi. Má chưa bao giờ đặt chân chân lên đó. Mấy anh chị tôi nhiều lắm cũng chỉ bước lên dăm ba bậc thang, ngó bâng quơ, không thể khám phá ra cái bí mật gì thu hút tôi chui rúc trên đó trong cái nóng hầm hập của những buổi trưa hè... trong đám muỗi đói khát những buổi tối cúp điện.

Bầu trời từ cửa sổ tôi nhìn lúc nào cũng xanh. Nơi tôi đặt những bài thơ tình đầu tiên, nơi tôi ghi chép những trang nhật ký thầm kín của đời mình... Nơi Minh kèm tôi học những bài học Pháp văn, và anh hay cúi sát mặt tôi hỏi: Em hiểu không? Em hiểu không. Tôi nhớ lần đầu môi anh run rẩy hôn tôi, hình như anh cũng hỏi: Em hiểu không? Em hiểu không?

Tôi soạn từng quyển vở cũ. Dở lại những trang có các lời phê của các thầy, các cô: Học giỏi. Hạnh kiểm tốt. Kém chính tả... Vuốt tay lên những nét chữ thân yêu, hình dung đến nét mặt của mỗi người thầy, tôi nói thầm với họ lời từ giã cuối cùng.

Tôi dở lại từng trang lưu bút của tuổi học trò. Hình con Phụng mặc áo lông cừu, đứng cạnh khóm trúc. Sen đội mũ, mặc áo nữ cứu thương ngồi tư lự trên phi cơ... giấy... Đứa nào cũng viết đừng quên nhau... Tôi bó chúng lại, xếp lên nóc tủ. Chị Tư ít bữa nữa chắc sẽ lôi xuống nhóm lửa. Thư từ của Minh tôi không bỏ lại cái nào. Sợ sự tọc mạch tình cờ sẽ phanh phui bí mật của tôi. Dầu sao cũng chỉ có má và chị Tư tôi biết. Tôi muốn mang theo sự bí mật nầy.

Buổi sáng thứ năm đó, nhà tôi rộn rịp như có giỗ. Chị Tư dậy từ tờ mờ sáng. Nấu bánh canh cho nó ăn lần chót, chị nói. Tôi nằm lắng nghe. Cố thu hết mọi thứ tiếng động, mọi cảm giác của một người sắp đánh mất tất cả. Tiếng đứa cháu tôi khóc đòi mẹ... Tiếng xoong chảo va chạm... Tiếng dao, tiếng thớt. Gà gáy... Động cơ xe máy nổ... Tiếng móng ngựa gõ trên mặt đường vắng chở bạn hàng ra chợ bán sớm. Tôi run lên. Cảm thấy không thể chịu đựng nổi sự mất mát đang di chuyển bằng những bước chân chậm chạp nhưng chắc chắn về phía trước. Tôi giống như kẻ tử tội nhát gan, sắp tới giờ lên đoạn đầu đài. Trì kéo. Chống cự một cách điên cuồng tuyệt vọng trước bàn tay sắt cứng của định mệnh nghiệt ngã. Tôi muốn chạy xuống thang lầu, ôm chầm lấy má tôi, lạy lục bà cho tôi ở lại. Tôi giận mình đã không có can



ĐỖ KH.

những câu hỏi khó trả lời*

Thiếu phụ đội thúng
Có thể rất đẹp
Thiếu phụ cõng con
Có thể rất đẹp

•

Có thể rất đẹp
Thiếu phụ lả người
Thiếu phụ đói

185.000 người lánh nạn Châu Phi
Mất tích ở trong rừng chung quanh Kisangani
Bao nhiêu đàn bà đẹp?

ĐỖ KH.
(05/05/97)

---

* Tựa mượn Nguyễn Khắc Thạch

đảm bỏ nhà ra đi. Tôi giận Minh đã chỉ biết có khóc khi tôi đề nghị anh đem tôi theo với anh lần về phép cuối.

Tôi khóc, nhét một góc gối ôm vào miệng để ngăn những tiếng khóc tức tưởi, nghẹn ngào. Minh ơi, sao giờ nầy anh không ở bên em? Em cô độc làm sao!

Tôi khóc cho đến khi đã leo lên máy bay. Chiếc cầu thang lên máy bay đã được rút lên. Những cánh cửa sắt đã nặng nề đóng... Mấy chú lính Đại Hàn thấy tôi khóc như mưa bấc bấm nhau cười lém lỉnh... Bà già Tàu ở hàng ghế bên nhoài người, nhì tôi tọc mạch. Mặc họ, tôi không còn biết xấu hổ nữa. Tôi không còn biết đến ai nữa ngoài nỗi đau khổ như một tấm chăn khổng lồ chụp lên tôi. Tôi dãy dụa, ngột thở trước sự đau đớn tưởng như quá sức chịu đựng của mình... Tôi khóc cho đến khi mệt mỏi quá tôi thiếp đi. Trong giấc ngủ, tôi vẫn cảm thấy lồng ngực mình nức lên những tiếng kêu tuyệt vọng. Việt Nam ơi, chào mi. Minh ơi... thôi chào nha.

SÔNG PHỐ



THƯỜNG QUÁN

sân khấu

Bảy cặp chân cà khêu tháp thép lớn chạy nhanh qua
rồi im lặng
chạy nhanh qua
rồi im lặng
                    lập đi lập lại, vòng xoáy
rồi đến loài thân mềm
xoay
bắn mảnh
xoay nhỏ tít tròn
                    trên mặt sàn sáng (màu cam, nếu có thể được)
xoay
cho tới tột điểm, dựng dọc
đồng một kiểu dạng
ngã
                    (bình thường, không biến cố)
sâu hoắm
khuyết
bóng

mỗi một, dập một thanh
                    giàn mộc

Ở chân trời mấy kẻ há O tròn
ngồi khum huơ tròn
                    (chậm như không thực chuyển động)
mấy vòng nia
                    (đen, nếu có thể được)

trong dự tính một đứa trẻ chạy trần
về phiá trước
tay cầm một cành hoa nhựa ni-lông
tất nhiên phải là
hoa Hồng

Nhưng màn hạ dở sự cố là
đứa trẻ bận đi rà đồng vụn lặn biến đâu không về kịp

tôi sờ mù mấy con gà màu vàng thổ mồng đỏ sứt
mang ra từ một làng cùi
những người đàn bà càng lúc càng méo lệch
những con gà đất có lổ hổng
gió mỗi thổi qua mỗi rít khe khẽ

THƯỜNG QUÁN



NGÔ THẾ VINH

SÔNG THIÊNG MÀ TÁT CẠN



• gửi Nhóm Bạn Cửu long

Từ Ngọn Núi Thiêng 15 ngàn bộ trên cao nguyên Tây tạng, từ đâu đó trong vùng trắng mênh mông của triền núi tuyết, con sông Mekong bắt đầu chảy róc rách khởi nguồn cho một con sông lớn của châu Á, nhưng từ đây còn phải mất bao lâu nữa, trải qua bao nhiêu ghềnh thác, ngang qua bao nhiêu vùng khí hậu và dân cư để con sông xanh cuồng nộ ấy tới được Việt nam ôm ấp vùng đất thiêng tỏa thành chín con rồng sáng trải dài ra tới bờ biển Nam hải.

*

Khung cảnh nhân vật chỉ là hư cấu của tiểu thuyết.

Nói tới đồng bằng sông Cửu long quê Điền, người ta nghĩ ngay tới lúa và lụt. Chung sống với lũ lụt thì có gì mới lạ đâu với những ai đã từng ở hai bên bờ con sông ấy với chằng chịt những kinh và rạch. Rồi cứ hàng năm cùng với cơn lũ là tầng tầng lớp lớp phù sa tô bồi thì ruộng đồng nào mà chẳng thêm phì nhiêu, lại thêm bao nhiêu là tôm cá. Chưa kể thêm cái lợi con lũ rửa phèn cho đất, rửa bớt chất độc Da cam còn nằm sâu lắng đâu đó trong *các khu rừng chết* từ sau cuộc chiến tranh Việt nam.

Không biết đã bao lâu rồi nhưng Điền thì không bao giờ quên trận lụt lớn nhất năm đó khi Điền mới mười tuổi. Bấy giờ là khoảng giữa tháng Năm, nước quay kỳ nhất từ thượng nguồn đổ về thật đậm một màu đỏ như son (Màu đỏ không phải chỉ có phù sa, có năm còn trộn lẫn máu người ta nữa. Cha Điền nói vậy không giải thích gì thêm và chỉ sau này lớn lên Điền mới thật sự hiểu).

Với con nước ấy ai cũng biết sắp tới mùa lũ - mà có lẽ lũ lụt lớn bởi thêm cái điềm bày kiến vàng thì bỏ tổ tha trứng lên các ngọn cây cao và cả bầy ong muỗi từ núi bay về cũng làm tổ trên cao hơn mọi năm. Rất khác với con sông Hồng dữ dằn, sông Tiền sông Hậu như từ bao giờ, do một phần lũ chảy ngược về biển hồ nên cho dù có lụt lớn thì con nước vẫn ổn định dâng lên từ từ tràn bờ rồi chảy ra chan hòa.

Nhưng riêng năm ấy sao vẫn bất ngờ quá, trận lũ không những đã lớn hơn, dâng lên nhanh hơn lại còn sớm hơn mọi năm tới một tuần trăng khiến không có nhà nông nào trở tay cho kịp. Con nước cứ thế chảy phăng phăng về suôi kéo theo những cành khô những giê lục bình man mác trổ bông tím. Và cứ thế mỗi ngày mực nước dâng cao thêm hai ba tấc, ngay cả ruộng sạ với lúa mù lúa nổi cũng không cách nào phóng ống kịp và đành chịu ngộp. Nước ngập hết cả kinh rạch ruộng đồng, nước chảy mạnh tràn qua các lộ xe, không sao phân biệt được đâu là sông đâu là đồng. Con nước năm ấy sao lên cao quá, ở vào khu trũng nước dâng gần ngập tới nóc nhà, lại thêm cây lá bị sóng đánh te tua. Trên mái nhà lá hay tôn, ngoi ngóp người và chó, cả thêm mấy con gà đứng cú rủ, chỉ có mấy con vịt chịu nước thì lông cánh vẫn mượt mà. Điền và hai em cùng cúm rúm ngồi trên đó, trừ Bé Tư là con gái mắc cở thì mẹ cho mặc quần, còn hai thằng con trai thì ở chuồng luôn cho khỏi bị quần áo ướt. Bầu trời thấp xuống, lúc nào cũng s âm sẩm như sũng nước, mãi tới giữa trưa mới thêm được chút nắng ấm, nhưng phía dưới vẫn là con nước dâng cao lạnh lẽo bao la, chẳng còn bóng dáng đâu là ruộng lúa vàng, chỉ còn lấm tấm trên mặt nước là những bông điên điển mới trổ một màu vàng tươi nhấp nhô trên những gợn sóng. Điền theo cha từ sáng sớm xuống xuồng đi hái bông điên điển rồi đi vớt mớ cá mè cá linh. Quên hết cả mưa lụt và gió lạnh, Điền thích thú với những con cá trắng nhỏ ánh bạc vùng vẫy trong lưới. *Mùa mưa ăn cá trắng, mùa nắng ăn cá đen.* Chỉ mới hơn nửa buổi mà cha con đã vớt được cả mấy thùng thiếc cá; giữ chút để ăn và phần làm nước mắm còn bao nhiêu đem ra chợ bán. Gọi là chợ chứ chỉ có lơ thơ mấy cái sạp gỗ tre tạm rời sát ra khúc lộ cao chưa ngập nước để phục vụ kiểu dã chiến.

Có mấy giạ lúa đen do cha Điền hụp lặn dưới nước cắt mót được trước đây ít hôm thì cha con ôm vác ra con lộ phơi. Cực thì có cực nhưng không than thở mà vẫn cứ kiên trì chịu đựng - đã cứ như vậy từ hơn 300 năm nối tiếp các thế hệ những người lưu dân Thuận Quảng theo chân chúa Nguyễn vào khai phá những vùng đồng lầy hoang vu với *trên rừng muỗi kêu như sáo thổi,*

dưới nước đìa lội như bánh canh và hai bên bờ là đầy những thần linh ma quỷ, lẫn cả rắn độc và cọp sấu. *Tới đây thì ở lại đây, bao giờ bèn rễ xanh dây thì về.* Vụ lúa hè thu kỳ ấy kể như mất trắng tay, chưa kể tổn thất về nhân mạng mà đa số là con nít trong đó có thằng Sanh bạn học từ lớp năm kể như chí thân của Điền. Mất mát đau thương, gì thì gì - ai cũng lăm lăm chỉ chờ cho con nước giựt là sửa sang dọn sạch nhà cửa, đem chút lúa giống còn sót gieo xuống và kể như làm lại từ đầu. Mà có bao giờ trễ đâu để mà làm lại từ đầu.

Nói gì thì nói, kỷ niệm về tuổi nhỏ nơi quê Điền nhiều điều vui hơn buồn. Thiên nhiên giàu có và cả vô tình, đôi khi khắc nghiệt nhưng cũng rất chiều đãi con người. Không có lũ lụt thì lúa gạo lại thừa thãi, vườn cây ăn trái trĩu nặng sum suê, tôm cá ếch thì đầy đồng. *Chiều chiều quạ nói với diều, cù lao ông Chưởng có nhiều cá tôm*. Không những nhiều mà còn đầy hương vị đặc sản thơm ngon của đồng nội cây vườn.

Điền nhớ mỗi lần hè sang thăm bà nội ở Bến tre là kể như đã nư, tha hồ ăn me dốp, uống nước dừa xiêm, ăn kẹo dừa, bánh phồng dừa, ăn tôm rang nước dừa, món đuông dừa chiên, lại còn món cá kho tộ, canh chua cá bông lau nội nấu cho ăn thì khỏi chê. Mãi những năm sau này sống ở nước ngoài, chưa bao giờ Điền được ăn lại những "món lạ miền Nam" ngon như vậy, uống một ly nước dừa xiêm có hương vị quê hương như vậy. Cùng với Bồng sơn Tam quan ở ngoài Trung, thì Bến tre quê nội Điền là xứ dừa trong Nam - thứ cây mà theo Điền thì từ rễ tới ngọn đều có ích cho con người. Có phải vì vậy mà đồ án tốt nghiệp của Điền ở trường Kiến trúc nổi tiếng San Luis Obispo không phải là một *thương xá hiện đại - big mall* ở Hà nội hay Sài gòn mà lại là ***một căn nhà ánh sáng*** toàn làm bằng chất liệu từ cây dừa cho người nông dân đồng bằng sông Cửu long. Giai thoại ruộng đồng với cò bay thẳng cánh sau này chỉ còn trong trí nhớ của Điền bằng những lần đi săn chuột đồng hay đi bắt cò. Điền đã từng theo thằng Hộ ra đồng, hai đứa lấy sình non trét đầy mình chỉ chừa có hai con mắt, xong rồi nằm xuống giữa ruộng chờ cho bầy cò bay tới, thôi thì đủ thứ cò trâu cò ma lò lửa... chỉ chờ con cò nào gần tầm tay nhất là chồm bắt ngay lập tức. Thằng Hộ thì lì, không sợ bị cò mổ đui mắt nên nằm chờ bao lâu cũng không hề nhúc nhích nên chỉ có nó là bắt được cò, riêng Điền thì không nhưng bù lại cùng với Bé Tư hai anh em bắt được bao nhiêu là còng đem về cho bà nội làm mắm hay nấu bún riêu. Bắt cò thì vui nhưng nghe nói thịt cò trâu thì tanh, thịt cò ma có ngọt hơn nhưng cái khoản cháo cò hay ăn thịt chuột đồng thì Điền vẫn thấy nhợn và không ham.

Gặp lại Hộ sau này, bây giờ đã có bằng tiến sĩ rồi chứ ít sao, nhắc chuyeän săn chuột bắt cò khi xưa thì nó chỉ cười. Nó vẫn cứ gắn bó với ruộng vườn nhưng lại thêm đam mê khác. Nếu không bận dạy học nghiên cứu thì cũng thấy nó suốt ngày với đám sinh viên nông lâm bất kể nắng mưa, loay hoay ngoài các thửa ruộng, thăm nom mấy đám mạ mới cấy. Hộ đang thử

nghiêảm kỹ thuật trồng lúa thâm canh bốn mùa rưỡi mỗi năm bằng cách luân phiên cấy và gặt hàng tuần các lô được chia đều trên những thửa ruộng, với hy vọng nâng mức thu hoạch mỗi mẫu từ 15 tấn tới 30 tấn bảo đảm nâng mức xuất khẩu và tiêu thụ cho Việt nam trong suốt thế kỷ tới. Chính Hộ đã có công đầu đưa giống lúa Thần nông vào đồng bằng sông Cửu long, cái công của nó chính là thuyết phục được bà con cô bác nông dân bỏ được thói quen canh tác cũ bỏ lúa giống cũ mà chấp nhận thay bằng thứ giống lúa lùn xấu xí nhưng lại là thứ lúa cao sản; để rồi sau này bà con đặt thêm cho cái tên là "lúa Honda" bởi vì giống lúa ấy đã giúp bà con làm ăn sung túc có tiền mua xe gắn máy Honda, máy phát điện Honda để có điện buổi tối bắt coi các kênh đài truyền hình và chương trình được ưa chuộng nhất vẫn là tuồng cải lương tối thứ Bảy thứ đến là tiết mục "thày Hộ" lên đài giải đáp thắc mắc cho bà con nông dân... Cái thành tích đưa Việt nam lên hàng thứ hai thế giới về xuất cảng lúa gạo phải kể tới công của Hộ với phân khoa Khoa học Canh nông đại học Cửu long - Điền thì nghĩ vậy nhưng Hộ bảo đó trước hết là công lao của bà con, rồi tới công của Liên hiệp quốc và viện Lúa gạo Quốc tế...

Nói gốc gác thì Hộ là trí thức cũ của miền Nam người Bến tre - quê hương của Đồng khởi, xuất thân từ gia đình nông dân vạm vỡ khỏe mạnh, nhà nghèo nhưng là học trò giỏi của trường trung học Mỹ Tho, đậu tú tài hạng ưu được học bổng Colombo du học Úc châu. Tốt nghiệp kỹ sư canh nông nhưng lại còn đậu thêm bằng Tiến sĩ với một luận án đồ sộ về *"Hệ Sinh Thái Vùng Hạ Lưu Sông Mekong - The Ecosystem of the Lower Mekong Basin"*. Được mời ở lại giảng dạy nhưng chưa bao giờ Hộ có ý nghĩ sẽ chọn sống ở nước ngoài. Con đường trải qua của Hộ như một trí thức dấn thân có thể nói là lắm chông gai nếu không muốn nói là gian khổ, để bám ruộng bám đất sống chan hòa với cây cỏ và cô bác bà con. Sau 75, rất ít quan tâm tới tình trạng một trí thức bị *"lưu dung"*(chứ không phải "lưu dụng" - khác nhau lắm chỉ một cái dấu nặng - một bác sĩ cũ ở bệnh viện Phủ Doãn ở lại Hà nội sau 54 đã cay đắng nói với Hộ như vậy, cho dù đã 25 năm sau). Hộ vẫn làm việc 14 tới 16 tiếng mỗi ngày, năng nổ hơn cả đám được bìn h bầu chiến sĩ thi đua. Ngoài ra Hộ còn trực tiếp trông coi tờ báo nhằm phổ biến những kiến thức khoa học phổ thông tới bà con. Từ chuyện gần như viết bài về cây mù u cây so đũa sau sân nhà tới chuyện xa như phi thuyền con thoi bên xứ người ta. Chuyện phi thuyền con thoi thì có chi là lạ, người ta đi đi về về như cơm bữa vậy mà Hộ cũng vẫn phải trả giá: tên Năm Lộc trình độ văn hóa lớp bảy, đảng viên tuyên huấn thì lúc nào cũng lên lớp về sự tất yếu của tính đảng trong khoa học và bắt Hộ phải thêm vào cái tin ấy một lời bình rằng, cho dù Mỹ có phi thuyền con thoi nhưng tiến bộ không gian của Liên xô thì vẫn hơn xa Mỹ tới nửa thế kỷ. Trong cuộc họp tòa soạn Hộ thẳng thắn nói ra là chuyện đó không đúng, bằng cách dẫn chứng với những hình ảnh và tài liệu. Kết quả là tin phi thuyền con thoi không được xuất hiện trên tờ báo. Hộ bảo rằng chẳng thà như vậy

chứ không thể có *"thông tin sai lạc - disinformation"* trong lãnh vực khoa học. Hộ cho rằng đây không phải chuyện đấu tranh giữa mới và cũ, giữa tư bản và xã hội chủ nghĩa mà là giữa sự thật và gian dối. Cho dù chỉ một bước chấp nhận sự gian dối, chính Hộ cũng sẽ mau chóng tuột dốc tha hóa như một số các bạn đồng sự ở ngoài bắc. Theo cách suy nghĩ của Hộ thì cho dù ở đâu và bao giờ thì mỗi người dân cũng phải chịu một phần trách nhiệm về cái tốt cái xấu của cái chế độ mà mình đang sống. Vụ cải cách ruộng đất đấu tố như ở ngoài Bắc khó mà thực hiện được với đồng bào ở trong Nam, nếu có đi chăng nữa thì cũng không tệ hại tới mức như vậy. Hộ người Nam giao thiệp rộng, có nhiều bạn Bắc kỳ lẫn bạn ở ngoại quốc. Kể cả những người bạn Nhóm Cửu long chưa hề giáp mặt chỉ biết qua mạng lưới Internet với mẫu số chung là mối quan tâm về tương lai con sông Mekong và môi sinh của đồng bằng Cửu long.

Trong số những người bạn ấy phải kể tới bác sĩ Duy đang sống ở Mỹ, hiện là giáo sư về Sinh học Phân tử và Di truyền thuộc đại học Stanford. Duy sinh đẻ ở Bắc, lớn lên trong Nam, tốt nghiệp ở Mỹ. Gốc Bắc chay nhưng Duy có cái nhìn rất quá khích về nền văn minh sông nước của đồng bằng Cửu long. Theo Duy thì bước vào thiên niên kỷ tới, trung tâm nền văn minh Việt nam không còn là châu thổ sông Hồng hay sông Mã mà là vùng châu thổ sông Cửu long. Có những nền văn minh một thời huy hoàng nhưng cũng không tránh được quá trình già cỗi qua thời gian và cả không gian với ảnh hưởng môi trường mà chính con người đã tác động lên đó. Dùng thuật ngữ di truyền học thì bảo rằng *"gene"* của nền văn minh ấy đã bị suy kiệt và biến thể - *"defective gene"*.

Chỉ trong vòng 50 năm trở lại đây, cuộc chiến tranh kéo dài và đất nước phân chia, con người và ngôn ngữ bị tận dụng cho những mục tiêu chính trị phân hóa và dối trá nên đã làm cho nó bị kiệt quệ. Chữ không còn mang nghĩa thật của nó nữa, tâm và thân đã không còn là một. Đến cả những con người tử tế bình thường cũng đã trở thành một hình tượng văn học hiếm hoi. So với chiều dài của lịch sử thì khoảng thời gian đó không nghĩa lý gì nhưng lại có một tác dụng *"đột biến hủy hoại - detri mental mutation"* trên cội rễ của nền văn minh ấy. Vẫn theo Duy, thì cái *"gene"* trẻ trung khỏe mạnh của nền văn minh sông nước châu thổ sông Cửu long sẽ chinh phục thay thế và có cả tiềm năng phục hồi cái di sản khánh kiệt của cả nước... Không chia xẻ quan điểm phủ nhận triệt để của Duy nhưng cái nhìn quá mới mẻ ấy cũng khiến Hộ phải suy nghĩ. Riêng Hộ thì vẫn cả tin về về một nền văn minh lúa gạo - *civilisation du riz* hay nói rộng hơn là nền văn minh miệt vườn, cái nôi của những thế hệ tiên phong khai phá, với những con người chất phác thẳng thắn nhưng hào sảng chưa bị khô cứng méo mó đi vì những hủ tục hình thức lễ nghi ràng buộc.

Cả đất nước muốn phục sinh đang cần một thứ trật tự đơn giản và hồn nhiên như vậy.

Vào mùa lụt, nhiều khúc đường ngập nước không di chuyển được bằng đường bộ nên phải dùng thuyền. Vẫn là khí hậu nhiệt đới với những cơn mưa rào chợt tới cũng như chợt tạnh. Không thiếu những cơn gió mát thổi vào mặt mang theo những hạt bụi nước từ các con sóng bạc đánh tung tóe vào mạn thuyền. Không phải là lần đầu tiên Giang - tên ở trường của Bé Tư về thăm quê, nàng đã nhiều lần về thăm các Tràm Chim mà bấy lâu nàng đã dốc công vận động từ các *Nhóm Bảo Tồn Hoa kỳ ACG, Quỹ Môi sinh Thế giới WWF, Hiệp hội Hạc Thế giới ICF*... để có tài chánh hỗ trợ. Say mê khảo sát đời sống chim muông, tốt nghiệp Đại học Colorado, Giang trở thành nhà nghiên cứu rất trẻ và uy tín về ngành Điểu học - *ornithologist*, và bảo tồn môi sinh. Tràm chim Tam Nông với Giang là hình ảnh một thiên đường trong trí tưởng, gần gũi ngay trên quê hương nhưng cũng lại là một Shangri-La rất xa xôi kỳ ảo còn vương sót lại trên hành tinh này. Giang cũng sớm nhận ra Tam Nông không chỉ là sinh cảnh của những rừng tràm mênh m ông với đủ loại cây cỏ nhiệt đới trên một vùng đầm lầy, nhưng đó còn là cái nôi của chu kỳ sinh sản của hàng trăm loài nhuyễn thể - invertebrates, cộng thêm với bao nhiêu loài tôm cá được con lũ sông Mekong hàng năm đổ thêm vào - như một nguồn thức ăn vô tận cho các loại chim muông. Giang cũng không tránh được ngạc nhiên khi thấy những con sếu non đã tăng gấp đôi sức nặng chỉ trong vòng ít tuần lễ về sống ở tràm chim. Đã từ mấy năm rồi, cứ vào khoảng mùa khô từ tháng mười tới tháng năm, Giang thu xếp về đây như chuyến hành hương để chiêm ngưỡng các đoàn di điểu từ những phương trời xa, rất xa lũ lượt hội tụ về đây. Mỗi lần về thăm để thấy vui thêm khi thấy các đoàn di điểu về ngày một đông hơn...

Đây là lần đầu tiên Điền theo chân Giang trở lại Việt nam nhưng thời tiết bây giờ thì đã bước qua mùa mưa. Tâm cảnh Điền khác xa với em, đã từng khổ sở về những năm lính tráng, rồi trầy trật với những chuyến đi vượt biên đổ bể bị bắt vào tù, từng bị công an xả súng bắn vào ghe, bị tra tấn dã man còn để lại những vết sẹo hằn phải khâu trên má trên trán. Biết khác chánh kiến, hai anh em dứt khoát không bàn sang chuyện thời thế. Chuyến đi của Điền có chủ đích rõ rệt và cũng theo lời yêu cầu của Hộ là khảo sát tính khả thi của dự án căn nhà ánh sáng làm toàn bằng chất liệu cây dừa trong đồng bằng sông Cửu long. Điền đã hoàn tất bước đầu nghiên cứu xử dụng sơ dừa trộn đất sét với trữ lượng gần như vô tận từ mỏ sét Bến cát, đều là những nguyên liệu tại chỗ, cộng thêm với các hóa chất tạo ra một loại vách tiền chế - *drywall*, chịu đựng được khí hậu khô-ẩm và cả không thấm nước trong mùa lũ lụt.

Điền hoàn toàn chia xẻ quan điểm môi sinh của Hộ. Chống lại quan điểm Nhóm Thủy lợi trung ương qua kinh nghiệm sông Hồng với kế hoạch dự chi hàng tỉ đô la để làm đê chống lũ: tức là cắt đứt nguồn sống từ ngàn năm của vùng đồng bằng châu thổ. Hộ chủ trương thích nghi chung sống an toàn và

hạnh phúc với lũ, tận dụng các nguồn lợi vô tận của lũ về phù sa, thủy sản cũng như mượn lũ làm vệ sinh đồng ruộng. Hộ còn đi xa hơn khi say mê nói về cảnh quan đẹp hùng vĩ của Đất phương Nam vào mùa lũ như một tiềm năng phát triển ngành du lịch trong tương lai. Theo Hộ thì đồng bằng sông Cửu long kể cả hai mùa mưa nắng đều có những nét chấm phá độc đáo không giống với bất cứ khúc sông nào trên thượng nguồn và cảnh quan tràn đầy sức sống ấy sẽ là những hình ảnh hấp dẫn ống kính của du khách: những khu nhà vườn quanh năm xanh rợp bóng cây trái, những chợ nổi ở Vàm rạch Cái bè, chợ nổi Phụng hiệp nơi hội tụ của bảy con sông tỏa ra như một ngôi sao nước sáng, những làng nổi nuôi cá hiện đại nơi ngã ba sông Châu đốc, vùng Thất sơn với các ông Đạo huyền bí một thời, rồi di chỉ Ốc Eo của nền văn minh vương quốc Phù Nam, tới tràm chim Tam nông với vũ điệu sếu và những đoàn di điểu... Hộ cả quyết đó không chỉ là mơ ước mà đã là hiện thực trong kế hoạch của Tổ chức Du lịch Thế giới WTO khi quyết định chọn sông Mekong như một trong 10 địa điểm du lịch nổi tiếng thế giới năm 2000... Khó mà ngưng được khi Hộ bắt đầu nói về tương lai đồng bằng sông Cửu long như một chân trời xanh mở ra bát ngát.

Điền dự định sẽ dựng một căn nhà mẫu đầu tiên trên nền nhà cũ của người cậu, vốn nằm trong vùng thấp lại là vách đất nền đất và mái gồi nên siêu vẹo đến tiêu điều qua mấy trận lụt. Ông cậu là giáo viên hồi hưu, nguyên là thày dạy của Hộ và Điền trước kia, bao năm vẫn sống thanh bạch trong căn nhà ấy. "Thời này sống như một người lương thiện cũng khó lắm con ạ." Như một lời răn, ông chỉ nói xa xôi như vậy, không than thở và chưa hề trách cứ ai. Điền có tâm nguyện căn nhà mẫu đầu tiên, công trình tim óc của Điền bấy lâu sẽ đặc biệt dành cho một con người tử tế. Điền tưởng tượng là sẽ hạnh phúc biết bao nhiêu nếu như căn nhà mẫu đầu tiên ấy (cũng với cái sườn ba gian hai chái không phá vỡ sự hài hòa của thiên nhiên nhưng hiện đại hơn) được bà con nông dân chấp nhận và ưa chuộng để trong một tương lai gần có thể đưa vào quy hoạch và phát triển cho toàn vùng.

Trước khi đi Tràm Chim, Hộ đưa hai anh em Điền đi thăm khu chợ nổi ở Vàm rạch Cái Bè trên sông Tiền, như một tụ điểm du lịch hấp dẫn trong tương lai. Buổi sáng sớm vào một ngày họp chợ trên sông quy tụ hàng trăm ghe tàu lớn nhỏ. Khung cảnh náo nhiệt cứ như một ngày trẩy hội. Những chiếc xuồng tam bản chở đủ loại trái cây thổ sản rực rỡ màu sắc: cam vàng quýt đỏ chuối dừa tươi rói như vừa mới hái từ trên cây còn dính theo cả lá xanh, có cả trẻ thơ nữa theo mẹ ra chợ ngồi tụt thỏm giữa lòng ghe ... Trên mỗi chiếc ghe nhỏ thường do một người đàn bà trên đầu cuốn khăn rằn hay khuôn mặt khuất sau chiếc nón lá đứng phía đuôi vừa chèo vừa lái hướng về những con thuyền buôn lớn đang thu mua đủ các loại nông phẩm cây trái để đem về bán cho các vựa chợ Cầu Ông Lãnh ở Sài gòn hay các chợ bên Cambốt lên tận thủ đô Nam vang. Nhìn từ xa cứ giống như một đàn heo con đông đảo

quấn quýt bám lấy vú mẹ. Con thuyền của chúng tôi phải lách tới lách lui để khỏi phải đụng vào những chiếc ghe khác. Bác tài công dẫn chúng tôi bước lên một chiếc ghe lớn lót ván đủ rộng để làm quán cà phê, hủ tiếu, rượu và thuốc lá kể cả thuốc lá ngoại ba số 5. Sau bao nhiêu năm Điền mới lại được thấy ly cà phê đen bít tất đổ ra đĩa húp và ăn điểm tâm bằng một chiếc bánh bao vừa lấy từ quả hấp ra nóng hổi. Cảnh tượng tươi mát và bừng bừng sức sống ấy như một phát hiện quá mới mẻ và hấp dẫn đối với Giang sau bao năm xa quê nhà: chỗ này ghe máy đang bơm bán săng dầu cho mấy chiếc thuyền đuôi tôm, nơi kia là ghe có dấu chữ thập đỏ của y tá hành nghề chích thuốc dạo, lại còn cả những chiếc ghe hàng trên sông bày đủ thứ đồ giống như tiệm tạp hóa lưu động, có cả ghe xay lúa phục vụ dã chiến ngay tại chợ cho bà con. Nền văn minh sông nước là thế đấy, Hộ nghĩ phải tạo cơ hội cho Duy một lần về thăm, thăm cả Khoa Y của Đại học Cửu long đang cần thêm trang bị và cả nhiều chất xám. Thế rồi buổi chiều tan chợ thì cả cái thị trấn nổi ấy như biến mất chỉ còn lại là một khúc sông dàn trải mênh mông và vắng lặng, với thỉ nh thoảng mới dội lên tiếng máy nổ của chiếc "vỏ lãi" tốc hành chở đầy hành khách vun vút ngang qua để lại phía sau là những đợt sóng lớn vỗ vào bờ làm chòng chành cả chiếc ghe tam bản .

Sau một ngày ở Cái Bè, chúng tôi vẫn chọn đường sông như một thứ xa lộ xanh êm mát và trữ tình để di chuyển. Cảnh đẹp bình minh rồi lại hoàng hôn trên sông. Đêm xuống con thuyền đi ngược dòng vào khúc sông hẹp chỉ thấy đèn dầu leo lét thưa thớt dọc hai bờ kinh, mảnh trăng non mới hé lên cao, văng vẳng đâu đó tiếng hát hò như xa như gần, như âm vang từ đất từ một quá khứ hoang sơ theo từng cơn gió thoảng. *Xứ đâu có xứ lạ lùng, con chim kêu cũng sợ con cá vùng cũng kinh.* Con thuyền phải len lách giữa những dấu đèn để tránh những lưới cá trên sông và rồi cũng tới được Tràm Chim trên một vùng đầm lầy lúc trời tảng sáng. Có người dẫn đường, chiếc ghe vẫn phải luồn lách giữa một rừng tràm và lau sậy rậm rạp và cả gây động khiến đám vịt trời hoảng sợ rào rào cất cánh tung bay và kêu lên quàng quạc. Cảnh quan kỳ lạ của một vùng sinh thái nhiệt đới phong phú phồn tạp nhưng cũng đầy vẻ mong manh. Trong rừng cây là cả một rừng chim và tổ chim với bao nhiêu ngàn tiếng chim lảnh lót xa gần. Như âm vang từ vùng ký ức tuổi thơ, Điền còn nhận ra tiếng con chim bói cá và tiếng chim cu ghì đâu đó trong lùm cây đằng xa. Rồi một cảnh tượng tuyệt diệu với trước mắt là từng đàn hàng trăm những con sếu đầu đỏ với đôi chân cao hàng thước được bảo vệ sống thanh bình trong tràm chim ngày ngày nhẩn nha đi kiếm cá ăn rồi từng đôi múa lượn khoe sắc rộn rã. Giang kể cho Điền nghe tên những giống chim quý như loài sếu cổ đen - *Black Neck Stork*, loài vạc Á châu cổ đỏ - *Greater Adjutant Stork*.. chỉ có ở Việt nam mà trước đây ít năm tưởng có nguy cơ bị tiêu diệt, thì nay đang dần được phục hồi. Lần đầu tiên chỉ mới những năm rồi người ta lại thấy xuất hiện những cánh hạc Đông phương - *Eastern Sarus Cranes,*

đẹp mĩ miều với chiếc cổ dài trắng muốt đầu đỏ có điểm trắng thân mình thon thả trên đôi chân hồng thanh cao và dáng đi sang cả. Con số không phải chỉ hàng trăm mà là hàng ngàn cánh hạc như những đàn di điểu cuối cùng còn sót lại của vùng Đông Nam Á bay từ hướng đông về sống trong các t ràm chim... như một tin mừng không chỉ cho Việt nam mà với cả thế giới nữa. Các ông già bà cả ở vùng Đồng Tháp thì cho đây là một điềm lành - không chỉ là đất lành chim đậu mà hơn thế nữa với quý điểu như loài hạc chỉ chọn tới ở vùng đất được coi là linh địa bên bờ những con sông thiêng.

Điền miên man nghĩ tới thế hệ như Giang, sinh giữa những năm cao điểm của cuộc chiến tranh Việt nam, Giang sinh vào ngày tết Mậu Thân, cuộc chiến ấy kết thúc khi nó mới vừa bảy tuổi, nên cũng khó mà bảo rằng chiến tranh Việt nam là cuộc chiến của thế hệ chúng nó. Và cũng dễ hiểu nếu như chúng không phải mang trên lưng cái quá khứ u buồn nặng chĩu và cứ thênh thang đi tới. Bất chợt Giang quay sang hỏi anh: "Tiếng Việt, tuổi hạc có nghĩa chi hả anh Hai?" "Là tuổi thọ đó Bé Tư." Điền vẫn muốn thân thương gọi tên em như hồi còn sống với cha mẹ ở quê nhà. Giang bây giờ đang học thêm khóa tiếng Việt ở trường đại học Tổng hợp trong các kỳ hè với mơ ước được trở thành cô giáo - không phải chỉ ở trường Đại học Cửu long theo lời mời của Hộ mà cả nơi ngôi trường quê từ bao năm Giang và các bạn từ thời còn sinh viên đã dốc công yểm trợ.

Hai anh em về tới Sài gòn, đường đâu đã xa chi mấy mà cũng đã rất ít ai biết tới chuyện lũ lụt, kể xa chi tới đồng bào tận hải ngoại, hoặc giả nếu có nghe nói thì cũng dửng dưng và xa xôi ở tận trời Âu hay Bắc Mỹ nếu có ai động lòng bạo miệng bàn tới chuyện cứu lụt thì cũng sẵn có người bảo một đồng cũng không giúp - phải để cho chế độ ấy nó lộ hết bộ mặt xấu của nó ra...

Giang thì có những nỗi bận tâm riêng của cô, không phải chỉ có các tràm chim, cô còn sôi nổi bàn với anh về dự án dựng lại ngôi trường làng sao cho thầy cô vẫn có thể tới trường và trẻ con không phải bỏ học trong suốt mùa lũ lụt. Xúc cảm trước sự hồn nhiên trong trắng của em, Điền hiểu rằng bản thân anh rồi ra cũng như mọi người, rồi cũng phải cố quên đi những thù hận, những ngày đen tối của chiến tranh bom đạn, vũ khí hóa học với chất độc Da cam, những cánh đồng chết, cảnh đầy máu me chết chóc của những chiếc ghe vượt biên bị B 40 bắn tan trên các ngả sông lạch... để trở về với con nước ấy tắm gội và rũ sạch bụi trần, để sống hạnh phúc với những con lũ đổ xuống mỗi năm với hai mùa mưa nắng bên bờ con sông thiêng không bao giờ bị tát cạn.

NGÔ THẾ VINH

Hoover Damp 08/97



ĐỖ QUYÊN

lòng hải lý

(*trích trường ca*)

tưởng tặng Trần Dần

sáu

Cái chết rình ta -
thợ săn rình hổ thọt
Biết vậy vẫn ra rìa rừng
Ta cất lời ca
hòa nhịp nỗi đau lòng
Ta kinh viện mang trên thi thể quan tài mở nắp
An thần niềm đau
Ta cách tân diễu cợt tử thần
Nhẹ như đá tảng dưới chân tráng sĩ
Chết phi lâm sàng với bác sĩ
là chết lâm sàng của kẻ làm thơ và của kẻ độc hành
Đường hẹp lại khi bộ hành nằm mãi
Những con thuyền thêm một chỗ bơ vơ
Tiếng gọi đò lỗi nhịp
Hải cảng buồn hơn mưa
Đảo với biển để tang bằng cách khác
Mặt đất liền đã khóc cạn đường
Sống bên đảo và cùng biển thao thức
thì chết là giấc mộng cuối cùng
Mây, gió sẽ còn theo mãi
Nắng còn đi thẳng tới hồn
Mặt trời không đổi dạng

Em
và những người đàn bà của tôi
thì sao?

Mỗi người đàn bà của tôi làm một con đường -
Và em cũng không ngoại lệ -
Tử thần
          mọi nơi
          toan tính
                    đặt tôi nằm lại lề đường
Bao lần rồi
Tôi ôm mặt
          trước tiền nhân nằm quoắc trong mộ chí
Vòm đất nâu cong không quá cổ chân
Mỗi nấm mồ mở một dấu ngoặc đơn bé
Tôi hoài tưởng những đôi bàn chân đã là cặp gươm
                    vạch sáng suốt dặm trường đang thâm teo
                                        về tụng hai chiếc đũa vụng
Bao nhiêu?
          Bao nhiêu nhành hoa
                              hạt lệ
                              từ những người đàn bà
                              của họ
                              rủ lên?
Cao thượng nhất trần gian là những nấm mộ mồ côi thấp
                                                  thắp tỏ đường dài
Chúng ta sẽ không hạnh ngộ
Tử thần kia,
                    đừng đợi!

Mỗi người đàn bà của tôi làm một dòng sông -
Và em cũng không ngoại lệ -
Tôi đâu còn
          trôi qua hai lần
bởi đã chết
          chết một lần
                    trên đấy
Em là ai trong những người đàn bà ấy của tôi?
Ai trong những người đàn bà ấy của tôi   làm em?

Mỗi người đàn bà của tôi làm một ngôi nhà -
Và em cũng không ngoại lệ -
Các đêm ngày nghỉ lại
Những ngôi nhà có các cửa sổ hát với sông biển,
có các cửa chính nói chuyện thẳng với những con đường
Tôi luôn mở
những người đàn bà
cái chết lẻn vào theo
những căn nhà mà tôi không thể đóng bảo hiểm với đời
Mỗi người đàn bà của tôi làm một bến tàu
mỏ neo cặp vú
bão xoáy rốn bằng
tàu tôi vẫn ụ
trước mù sương
khói phủ vàng tung eo vịnh -
mà em không là ngoại lệ.

Mỗi người đàn bà của tôi làm một vòm trời
những lúc cánh tôi rã mệt
toan đánh đổi sự hân hưởng vòm trời kế tiếp
bằng "tiếng hót cuối cùng bên bụi mận gai"
mà em không là ngoại lệ

Mỗi người đàn bà của tôi làm một nhà ga
(kiểu Nguyễn Bính chia ly)
mà em không là ngoại lệ
trên cuộc hành khổ

Mỗi người đàn bà của tôi làm một nấm mồ
Và em
không là ngoại lệ.

ĐỖ QUYÊN
Đảo Vancouver, Courtenay, tháng 5/1997



HỒ PHỔ LẠI

GIÓ ĐƯA CÂY CẢI VỀ TRỜI



Cánh cửa cầu thang máy mở ra không gây một tiếng động nào. Từ ba phía, một làn không khí lạnh lẽo, u tịch đổ xô vào; Hạ đưa tay lên gài kỹ chiếc áo khoác ngòai bộ đồng phục trước khi bước hẳn ra.

Trước mặt nàng, hiện ra gian phòng khách rộng, càng có vẻ rộng lớn hơn dưới ánh đèn đêm nhạt thếch. Trên chiếc ghế bành kê gần cửa chính, người gác dan da đen đang ngồi ngủ gật; một tay để ngửa trên đùi, tay kia úp sấp nắm mở nửa vời cây đèn bấm vẫn chực chờ rơi xuống bất cứ lúc nào. Nơi hai dãy tường dùng làm văn phòng, những chốt đồng gắn trên mấy cánh cửa gỗ đóng im ỉm bóng lộn hẳn lên như vừa được tẩm thêm dầu. Đưa mắt nhìn suốt mặt thảm phẳng lì, Hạ tò mò muốn tìm coi có tờ báo hay miếng giấy gói bánh gói kẹo nào bỏ vung vãi đâu đó hay không. Hoài công, từ trong ra ngoài, từ phải sang trái... trống trơn, sạch bóng. Nhớ sực lại ngày nàng đến phỏng vấn, bà giám đốc có khoe: "viện dưỡng lão này từng đoạt giải nhất về..." Thảo nào! Hạ nhún vai, rón rén đi rẽ về phía phòng ăn. Nghe tiếng chân đi, người gác dan hé mắt ra nhìn, vẻ lờ đờ trong đôi mắt trắng dã chưa kịp tan hết thì hai mí mắt dày mu đã nhắm kín lại. Hạ nhón gót đi thẳng.

Không giống phòng khách, nơi phòng ăn đèn đuốc thắp sáng choang dầu không có một bóng người. Hạ ngập ngừng đứng lại quan sát. Ánh đèn nhễ

nhạị trải dài lên từng dãy bàn đã phủ khăn ăn. Màu đèn, nối tiếp màu tường, nối tiếp màu khăn trải bàn... không hiểu tại sao lại có thể gây cho Hạ cái cảm giác lạ lạ: sự xuất hiện của nàng không khác gì sự xuất hiện của một chiếc lá khô vừa bất đồ rơi xuống trên mặt vũng nước quanh năm đọng ứ. Từ ý nghĩ đó, Hạ đâm ra e dè. Nàng khẽ khàng lật tay áo xem đồng hồ: cây kim ngắn chưa buồn nhích khỏi con số một. Còn dư cả giờ, Hạ tính nhẩm, vừa lê bước đến bên chiếc bàn đặt kề cửa sổ, kéo ghế ngồi xuống. Nhìn qua nhìn về, nhìn lên nhìn xuống đã đời, cuối cùng Hạ tần ngần... nhìn ra ngoài trời.

Ánh đèn phòng chỉ có thể giúp Hạ phân biệt một vùng sáng giới hạn trong khu vườn rộng mênh mông. Vườn tược gì... trời đất gì... trên cao dưới thấp, nơi gần chỗ xa... rặt một màu trắng toát. Dưới cái lạnh của trời đêm, mặt tuyết se cứng lại, trong suốt giống hệt những tấm kính lồi lõm đặt kề cận bên nhau. Ở khoảng sân trước, năm mươi chiếc xe của nhân viên trực đêm đậu rải rác mỗi nơi mỗi chiếc; những cái khung xe khum khum bị tuyết phủ kín mít trông xa tựa tựa những nấm mồ mới lấp sơ sài bằng loại cát xốp. Tận nơi xa tít, lờ mờ bóng dáng những hàng cây, thân cành bao bọc dưới mấy lớp nước đá. Cứ mỗi lần có cơn gió thổi qua, cành lớn cành nhỏ rung rinh lia lịa... nhìn hoài lòa mắt, Hạ không còn thấy đó là những thân cây nữa mà đích thị là những bóng người đứng chờn vờn giữa trời, đang nhất loạt dang tay dang chân, ra sức bảo vệ toàn thể khu vực này. Một khu vực hiện chứa chấp những hình hài xác hồn nhập nhoạng giữa lằn ranh của cõi sống đã tàn với lằn ranh của một cõi khác vẫn còn nhiều hứa hẹn.

Bên ngoài cánh cửa sổ, đối diện phía trong là chỗ đặt máy sưởi điện, nước lạnh chảy ròng ròng, càng xuống phía dưới độ nước chảy càng nhanh, vẽ rõ thành dòng ngay hàng thẳng lối; bù lại, càng lên phía trên nước đóng thành cục, thành tảng. Hạ nhìn, trố đôi mắt khô khốc vì thiếu ngủ ra, nhìn không chớp... cho đến khi những dòng nước, những lớp băng bám trên mặt kính từ từ chuyển động, biến hóa thành một cái đầu tóc bạc dốc ngược. Những sợi tóc trắng như cước buông lơi rũ rượi. Gió thổi qua, tuyết tấp vào, dòng tóc rẽ đôi để lộ một đôi mắt, nhiều đôi mắt chỉ có độc... tròng trắng; thêm một cái miệng, thêm nhiều cái miệng với hàng lợi tím ngắt đưa hết ra ngoài. Một vài tiếng động khô khan vang lên đâu đó (có lẽ là tiếng tuyết nức) nhưng giữa trạng thái bất ổn Hạ cứ chắc mẩm đó là tiếng gầm gừ thoát thai từ những cái miệng vêu vao ngoài khung cửa. Thì ai không biết đây là bãi chiến trường không tiếng súng... nhưng vẫn là bãi chiến trường; trong đó, đêm như ngày liên tục diễn ra sự giành giật quyết liệt giữa phe bên này - có Hạ nữa - với sự kêu réo bền bỉ của lũ quỷ sứ, đại diện phe bên kia. Còn bức màn đục lờ, nhấp nhô, bay lượn ở phía sau là rừng áo thùng, mũ mấn, khăn tang... rộn ràng trước giờ động quan. Có chạy đàng trời... sớm muộn gì... Hạ bĩu môi, nói

cứng, tuy cần cổ nàng vẫn co rút lại, cùng một lần với những sợi tóc mọc sau gáy cơ hồ dựng hết lên.

Tội lệ gì... Hạ lắc đầu, hậm hực quay lưng lại. Phen này phải đổi hướng nhìn, Hạ cố tình gắn chặt cặp mắt mình lên những dãy bàn đã sắp sẵn lọ đường, lọ muối, lọ tiêu và cái hộp sắc đựng giấy chùi miệng. Lạ một điều là dầu nhìn đâu, dầu thấy gì... rốt cuộc lại Hạ vẫn moi móc ra cùng một tính chất: đó là sự tinh khiết, sự vô hồn cọng với sự lạnh lẽo đến ghê người của biển tuyết bên ngoài. Có tiếng rục rịch, Hạ banh mắt, ra sức tìm tòi và quả thật nàng tìm thấy... một chiếc dép (chỉ một chiếc độc nhất) loại may bằng thứ vải mềm dùng để mang trong phòng ngủ nằm chèo queo ngay trước chỗ đặt máy làm đá cục. Không xa lắm, trên mặt thảm đỏ hoét, có một cây gậy với đôi cặp nạng nằm... tréo mảy lên nhau. Tự dưng, Hạ buộc miệng nói một thôi một hồi: từ đâu rớt ra, tại sao rớt ra... ừ đôi chân trơ như khúc củi, từ mấy ngón tay co giật liên hồi... chiếc xe lăn lăn tới lăn lui; bộ xương người thoi thóp giữa đống dây nhợ; tiếng chân chạy dồn dập trên mấy tầng lầu; hồi còi xe cứu thương vang lanh lảnh trong đêm... đến thật rồi sao, cái giai đọan sau rốt một đời người; chấm dứt rồi sao, những tháng năm xông xáo, bon chen, kèn cựa? Ô hô! Tay trắng... tung hê.

Chưa gì đã bày đặt "méo mó nghề nghiệp", béo bở chỗ nào... Hạ xua tay, rủa thầm, nhất quyết tìm mọi cách xua đuổi cho kỳ hết loại ý nghĩ vô bổ đang rấp ranh nhuộm đen đầu óc nàng. Mím chặt khừ đôi môi, Hạ xoè rộng mười ngón tay, che kín mít hai con mắt lại.

*

-Hạ ơi ! Nhớ đẩy củi vô.

Tiếng người nói vang lên từ phía nhà bếp. Hạ nghiêng người, cúi đầu nhìn lom lom vào giữa lòng cái lò lửa hừng hực. Từng khúc củi khô to cỡ hai vòng tay được đút vào từ ba phía cùng chụm đầu nhau dưới đáy nồi bánh tét. Lửa vẫn đỏ đều. Ngay đến ông lò làm bằng những viên gạch chồng chất lên nhau cũng đỏ rực lên giữa ngọn lửa hồng. Những cái lưỡi lửa nhọn hoắt, thò lên thụt xuống, đan kín lấy nhau làm thành một vòng tròn sáng giới bao trùm vòng ngoài nồi bánh. Than đỏ ngún dần thành đống lớn tràn trề ra phía ngoài. Những cục than vuông vắn, đẹp rực rỡ, lâu lâu bị Hạ dùng đôi đủa bếp gắp lên, thả vào chậu nước lạnh phát tiếng kêu xèo xèo... để dành đốt trầm và nướng bánh thuẩn, Hạ căn dặn mình. Sức nóng từ lò lửa tỏa ra, thổi tạt đi xa cái lạnh tê tê của một đêm cuối năm. Thả đôi đũa bếp xuống làn tro nóng, Hạ dùng tay xoa xoa làn da mặt. Ngồi kề cận bên ánh lửa, hai gò má Hạ nóng hôi hổi; ngược lại, phần phía sau lưng lâu lâu tà áo bà ba bị nhấc bổng lên lấy

chỗ cho gió mát êm ả luồn vào. Lửa nóng sưởi ở phiá trước, gió mát mơn man ở phiá sau... Hạ ngẫm nghĩ, bỗng so sánh thân thể nàng với tấm bình phong được dựng lên không cốt che chắn cho ai mà chỉ cốt thụ hưởng cho riêng mình tất cả tinh hoa của cuộc đời. Tất cả, tất cả... và Hạ khoan khóai nheo mắt nhìn trời.

Trên nền trời bát ngát, sao đêm đã mọc. Thưa thớt đó đây những vì sao sắc cạnh, nhấp nháy liên hồi. Những ánh sao xa xôi vẽ trên nền bức tranh vĩ đại một nét đẹp tinh khiết, lồng lộng và vô cùng sinh động. Một vài ngôi sao đổi ngôi rơi rụng, vỡ vụn ra thành vô vàn con đóm đóm. Thứ ánh sáng chớp tắt, khi sà xuống lúc lượn lên, trịnh trọng đảo qua đảo về giữa khoảng vườn im vắng có vẻ đang mang mể trên lưng cái trọng trách là sứ giả của nhà trời, mong được quan sát từng gốc cây, từng ngọn cỏ. Tiếng gió vang vọng từ những cánh đồng xa, tiếng ếch nhái, côn trùng... khi đồng loạt cất lên, khi hè nhau dừng lại, âm điệu lúc có lúc không, khi trầm khi bổng, dìu dặt triền miên... trong cơn khóai cảm, Hạ đoan chắc đó chính là khúc nhạc muôn đời thóat thai ra đâu từ giữa lòng đất ấm. Ngay bên lối xóm có tiếng mẹ hát ru con, giọng ru càng về khuya càng dịu xuống để không làm lỡ đi khúc nhạc thiêng liêng bên ngoài. Tiếng cành cây lay động từ cổng trước, tiếng tàu lá chuối chạm nhau lào xào ở vườn sau, tiếng bầy cá ăn đêm quẩy mình dưới đám rễ bèo, tiếng con Vện sủa vu vơ, tiếng củi nổ lách tách trong lò... mọi thứ âm thanh nhỏ to xa gần hợp lại; đồng nói lên sự hòa điệu nhịp nhàng, sự thiết tha gần gũi giữa trời đất, cỏ cây, thú vật với con người.

Gió vẫn thổi. Trong hương gió, thoang thoảng mùi thơm của những đóa hoa vừa nở rộ, thêm mùi khen khét của những hột lúa (hay hột nếp) còn sót lại trong rơm bị nổ bung ra giữa lò lửa nóng, thêm mùi vị đậm đà của những quả thị chín cây, mùi hăng hăng tạo nên do sự “góp sức” của bụi sả già với đám rau tần dày lá, và... kế cận bên Hạ là mùi lá chuối hột bị luộc chín, mùi nếp mới bị hầm rục rã, mùi đậu xanh hành mỡ trộn chung với tiêu sọ. Mùi này quyện mùi khác, chất nọ trộn chất ki ... năm qua năm, lâu dần, Hạ có thói quen coi đó là một trong những sự hiện diện vừa tất nhiên, vừa êm đềm, vừa cần thiết để tạo nên cuộc sống quanh nàng.

Nhìn vào trong nhà, mọi người đều an giấc. Qua cánh cửa chính mở toang, ngọn đèn dầu đặt giữa bàn thờ rọi một vùng sáng lung linh. Trong bình hương đầy ắp còn một cây hương vẫn le lói đỏ. Đốm hương lập lòe, bóng đèn dầu chao qua chao về, tấm bài vị phủ mảnh vải điều khẻ rung lên khi có cơn gió thổi vào. Càng nhìn, Hạ càng mơ màng liên tưởng đến sự có mặt của ông thần Tài, ông thần Đất; của vong linh tổ tiên ông bà... vẫn ngày đêm miệt mài ban bố niềm tin cho kẻ sống. Đặt để niềm tin, ban bố niềm tin... thần thánh,

người chết, kẻ sống cùng nhau quây quần dưới một mái nhà.

- Ăn hột mít lùi không, Hạ ?

Nghe tiếng người hỏi, Hạ giật mình quay lại: có bóng bà chị họ đang tươi cười tiến lại, bên hông chị nách cái rổ tre, tay kia đong đưa cái ấm đất.

- Chị mới ra vườn, mò hái mớ lá chè non. Nước chè nóng đập thêm gừng sống uống và tỉnh ngủ liền.

Hạ nghe, quên lửng chuyện trả lời vì mải mê nhìn khoảng vườn cây lờ mờ xuất hiện phía sau lưng chị. Dưới màu trời ưng ửng sáng, cả khu vườn xanh um vừa vươn mình thức dậy. Từ giữa bẹ chuối còn búp, có bóng vài con chim sẻ bay vút ra, tiếng vỗ cánh xoàng xoạt làm sương đêm đọng trên mấy tàu lá lăn qua lộn về, trước khi chịu rơi tõm xuống đất. Bị động, bầy ong làm tổ trên cành khế ngọt túa ra từng đàn. Lớp sương mỏng vần vũ trên mấy luống tần ô tan dần tan dần, phơi trần những cái ngồng cao nghệu , màu vàng hực hỡ , nghêng ngang đong đưa trong gió . Từ trong chuồng gà, con gà mái nhảy ổ há mỏ kêu quang quác. Tiếng kêu dồn dập làm con Vện thức giấc, ve vảy đuôi, đứng dậy đi lần đến bên Hạ, lè dài lưỡi liếm lấy liếm để bàn tay mát lạnh của nàng. Nghiêng nghiêng mái tóc, Hạ nheo mắt lại, nhìn về phía xa xa. Sao đêm đã lặn hết, đôm đốm cũng không còn, nhưng thấp thoáng sau rặng tre thưa nàng đã nhìn thấy dạng vầng mặt trời nhuộm hồng một vùng mây rộng lớn. Từ đầu làng, từ cuối làng, từ bốn phía tiếng chuông mõ đầu ngày gióng giã vang lên. Gió xa hun hút thổi về, thổi qua mương, thổi qua rẫy, thổi qua những cánh đồng trống kéo theo mùi hoa rừng, mùi cỏ dại, mùi bùn non, mùi đất ẩm... cùng với mùi trầm hương mới đốt.

Thêm một ngày nữa lại qua, thêm một giờ nữa sắp đến... cho năm cũ trôi đi, cho năm mới lộn về. Chậu hoa cúc, chậu vạn thọ sắp dọc mái hiên, bình mai vàng e ấp nụ đặt kế bàn thờ, mấy chùm nhản lồng bọc giấy dầu còn lủng lẳng trên cành cây, buồng chuối cau chín bói dài thòng sát đất... tất cả đợi gì? Nếu không phải đợi bóng mặt trời lên, đợi dãi nắng xuống, đợi gió xuân về? A! Sống là vậy, là chờ đợi, là cầu mong: chờ hoa nở, đợi trái chín, chờ mùa tới, đợi năm sau; cầu kẻ khuất mặt, mong Đất mong Trời. Hạ vươn vai, mỉm cười sung sướng.

*

Có tiếng động nào mơ hồ, có mùi hương gì lạ hoắc... không phải tiếng cái ấm đất vần qua vần về trong làn tro nóng, không phải tiếng trái mít ướt sút cùi rớt xuống cái bịch ở bờ ao; càng không phải mùi mứt gừng lỡ bị sên già lửa hay mùi giấy vàng mã cúng đưa ông Táo về trời cháy bùng trong gió sớm... mà là, mà lại...

- Y tá lầu sáu vừa gọi điện thọai xuống.

Hạ mở bừng hai con mắt. Đâu mất rồi... hồi chuông ngân buổi sáng! Đâu mất rồi... đàn đôm đốm trong đêm Còn tiếng con gà cục tác? Còn mùi đất ẩm vấn vương? Tại sao ngoài khung cửa chỉ thấy tuyết rơi và... ngay bên cạnh Hạ chỉ có bóng người gác dan da đen đứng xớ rớ.

- Bà ngủ cả giờ.

Ngủ? Há miệng ra, Hạ định bụng sẽ lên tiếng cãi lại. Nhưng... biết cãi cách nào đây khi chính Hạ cũng không hiểu rõ là mình đã ngủ vùi hay vẫn thức trắng trong khoảng thời gian vừa qua? Vả lại, Hạ cay đắng nghĩ tiếp, có quan trọng gì cho cam! Biết đâu chừng; có lúc ranh giới giữa mơ với tỉnh, giữa thức với ngủ không nhập nhằng làm một vì đều thóat thai từ nỗi... thiếu thốn và ao ước tận cùng. Thiếu thốn, ước ao tận cùng? Cõi quê hương đó?

Chống hai tay xuống bàn, Hạ bàng hoàng đứng dậy.

- Ông biết không, mùa này bên tôi thiên hạ đang tưng bừng chuẩn bị ăn Tết.

Đang nói, Hạ khựng ngang vì kịp nhận ra rằng ông ta đã lẳng lặng bỏ đi đâu mất.

HỒ PHỔ LẠI
(Tháng Hai - 97)



HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG

MÙA XUÂN THAY ÁO TRÊN CÂY



Tôi tin rằng trong cuộc tiến hóa của nhân loại, có một số giá trị được tạo thành cùng lúc với ý thức sống của con người, ngay trong lòng những nhóm tộc nguyên thủy sống lẻ loi chưa hề biết tới giao lưu; thí dụ cách lấy lửa, cách làm ra rượu thô sơ nhất, và cả một ý niệm huyền ảo thuộc về vũ trụ gọi là Mùa Xuân. Loài người đã biết tới lịch pháp từ những nền văn minh xa xôi nhưng ý niệm về *mùa* tất đã nẩy sinh từ những đáy thời gian sâu thẳm hơn nhiều, qua kinh nghiệm sống của người tiền sử. Vậy thì tiếp theo sau những tên gọi như *đá, nước, lửa, trái cây, thú rừng*..., có thể "Mùa Xuân" là từ trừu tượng đầu tiên của người hồng hoang, do một gã thi sĩ cổ sơ nào đó đã cất lên, để reo mừng hiện tượng bừng sống của trời đất sau những ngày dài lạnh lẽo phải trốn trong hang đá.

Có một ngày ra khỏi mùa đông nhá nhem trên rừng, tôi mải mê nhìn cánh rừng tràn trề nắng ấm, nghe tiếng reo hát của dòng suối đã trong xanh trở lại, tiếng chim ngẳng gọi nhau "đi họ đi làng" trên những đồi cây lá non, và chợt nhận ra quanh tôi, những hoa dại đầu mùa đã vẽ những nét màu sáng tươi trên mặt đất. Đó là những ngày tiếp theo sau cái Tết kháng chiến đầu tiên của tôi ở rừng Khe Trái, và cũng là lần đầu tiên trong đời, tôi ghi vào sổ tay lòng biết ơn chất phát đối với nhà thông thái bàn cổ nào đấy đã nghĩ ra cho nhân loại hậu thế cái tên gọi tuyệt vời này, "Mùa Xuân".

Từ thời còn trẻ, tôi đã nhiễm chứng ưu du của người Huế, lơ đãng nhìn tháng ngày. Quả thực tôi không mấy quan tâm đến cuốn lịch nhật dụng, mà trước kia vẫn mang dấu kiếm ấn Tòa Khâm Thiên Giám. Tôi chỉ say mê theo

dõi cuộc biến ảo của Xuân Hạ Thu Đông, qua bộ lịch vĩnh hằng của Tự Nhiên viết trên cây cỏ.

Ở Huế, nhiều khi người ta không biết có Xuân về nếu không có cây *mai vàng*. Trong màu xám vô ngôn của mùa đông còn kéo dài quá mãi sau tiết Vũ Thủy, sắc vàng của hoa mai đột hiện trong những khu vườn, lộng lẫy như màu áo hoàng hậu. Những tuần cuối đông, cây mai Huế vẫn phong kín sắc vàng trong nụ hoa, để bừng nở trong dịp Tết, hoa phủ kín toàn thân; Thơ xưa nói là "toàn thụ khai thành nhất đóa hoa" (1). Vườn Huế nào dù nghèo, vẫn dành chỗ cho vài ba cây mai, giống như di sản truyền cho nhiều đời, mai già thành cổ thụ, cành sậy tán lớn, tỏa sáng cả một vùng chung quanh. Sáng mồng một Tết mở cửa nhìn ra thấy chúa Xuân đã tới bên thềm. Vì thế, dù là cây vườn, mai vẫn tạo một gam màu hoành tráng của không gian lớn, như màu áo xuân nữ trời đất ban cho thành phố cố đô.

Tuần hoa của mai khá dài, nụ mới tiếp tục nẩy thêm, nụ già nở hoa trên cành, và những cánh hoa đã nở xong rơi xuống thành những đám vàng tươi trên mặt cỏ khác nào "bóng hoa" và đó là vẻ đẹp lần thứ hai của hoa mai. Nhìn nó, tôi không hề nhận ra chút tủi thân thường có ở những bông hoa đẹp tàn héo, chẳng hạn ở hoa trà mi hoặc hoa phù dung. Cánh mai rụng vẫn tươi nguyên dưới mưa phùn, trẻ trung khiến ưa nhìn, có lẽ tôi đang chứng kiến khoảnh khắc hóa thân nhẹ nhàng của hoa mai để luân hồi vào một mùa xuân khác.

Qua tiết nguyên tiêu, trong không gian tĩnh yên của những vườn Huế, sẽ hiện ra một nét bút kỳ tuyệt của thiên nhiên trên lụa, ấy là vẻ đẹp của hoa mai dưới màu trăng nguyệt bạch.

Sau chiến tranh, tôi có một đêm xuân về thăm khu vườn cũ của bạn ở xóm Chỉ. Ngô Kha đã hy sinh, hai cụ thân sinh đã qua đời, cả ngôi vườn tổ phụ nay để lại cho một người chị trông nom. Sau này, tôi rất sợ những khu vườn cũ ở Huế: cỏ cây vẫn y nguyên, nhưng người đã bỏ đi đâu hết, mỗi người trôi giạt theo một số phận, một phương trời, mình tôi quay lại... Tôi ngồi yên lặng trước thềm, nhìn ra trăng sáng đầy vườn. Ngày ấy, tôi và Kha thỉnh thoảng về đây giữa mùa trăng, ngồi dưới hiên tối với những thiếu nữ ríu rít; có một ai đã để lại trên vai tôi ít nhiều hương tóc rồi đi, trong tuổi trẻ đầy biến động của chúng tôi. Tôi trở về ngồi một mình dưới mái hiên xông đầy hương bông lài bông lý, nhớ lại câu thơ Ngô Kha thời lãng tử: "*Này Lan này Hạnh này Duyên - Này tôi đã khóc này em mỉm cười*"... Bóng cây khẽ động bên thềm, tôi nhìn lên và gặp cây mai năm xưa đang nở hoa. Lá non đã lưa thưa trên cành, và dưới ánh trăng lạnh, hoa mai bớt độ vàng của ban ngày để ngã sang màu hoàng yến, giọt sương lấp lánh rung nhẹ trên những nhánh gầy. Hoa đẹp có nhiều trên đời, mỗi hoa một vẻ không dễ so sánh, nhưng quả tôi chưa

(1) Toàn cây nở thành một bông hoa.

hề gặp một sắc đẹp nào giống như hoa mai lúc này: có cả nét đam mê của hoa hồng, nét lẳng lơ của hoa hải đường, nhưng toàn phong vận vẫn tỏa sáng vẻ thanh thoát cao sang của hoa lê. Quả là giai nhân dưới ánh trăng, khi người xuất hiện, tất cả đào liễu đều nghiêng mình. Nhìn thì vẫn là cây mai, nhưng thoảng qua, tôi cứ thấy thấp thoáng một bóng người. Có lẽ hoa mai có một linh hồn. Có lẽ những Lan, những Hạnh, những Duyên của một thời mộng mơ nay đã xa tận Đào Nguyên, đêm nay lại về trong bóng Mai. Để tháng sau nếu tôi lại, tiên nữ đã bay về trời, chỉ còn con nhện thi sĩ lặng lẽ giăng lưới hứng những giọt vàng rơi cuối cùng trong nỗi si mê muốn kéo giữ mùa xuân ở lại.

Cùng thời với hoa mai nhưng thầm lặng không ai biết, là mùa hoa *sầu đông*. Người Huế gọi tên cây như thế là đúng, vì không có loài cây nào trơ trụi trong những tháng đông dài như nó, nhìn cứ tưởng nó đã chết khô. Thoắt cái xuân về, trái tim vui trở lại cây sầu đông nẩy ra mấy chòm lá non hối hả để nở hoa, hoa nhiều và nghi ngút, xa nhìn như những đám khói trên cây. Lần ấy tôi đến thăm anh Lưu Trọng Lư ở sau chùa Linh Quang, mùi hương sầu đông bay đầy ngõ. Tôi có ý tìm, mãi tới cuối ngõ trước cổng nhà mới thấy một cây đang nở hoa. Hôm sau tôi qua phố Nguyễn Huệ, những cây sầu đông xòa những chùm hoa xuống gần sát đầu tôi, nhưng cố lắng nghe, tôi vẫn không bắt gặp một thoáng hương thơm nào hết. Tôi thầm nghĩ, hình như hoa sầu đông chỉ thơm ở những ngõ vắng. Trong lòng mỗi bông sầu đông trắng nhỏ xíu có mang một vết tím huyền, khiến nhìn gần những chùm hoa trở thành màu xám, vết tím ấy giống như chút kỷ niệm ẩn giấu trong một ký ức đã mơ hồ. Lang thang một mình trên đường vắng, tôi thường bắt gặp một mùi hương sầu đông rất sâu, chạm thấu từng tế bào của trí nhớ và đánh thức trong tôi nhiều điều như đã quên trong đời. Ôi, những kỷ niệm của tôi, sao lại thơm mùi hương sầu đông, lạ thật!

Năm nào cũng thế, trời lạnh dài suốt tháng chạp và vắt qua đông, lạnh buốt xương, và sau đó, tất cả cây trong thành phố nối tiếp nhau rụng lá. Huế mùa lá trút hiện ra một gương mặt riệng, đầy những biến động bất ngờ trên cây cối.

Dáng thay lá đẹp nhất là *cây bàng*. Bàng bắt đầu chuyển màu vào cuối đông, và với từng chiếc lá, từ màu lục già sang màu vàng, dừng lại vài ba hôm trên màu đỏ trước khi rụng. Vào giữa cuộc chuyển mình, cây bàng chơi màu rất đẹp, cùng lúc xen lẫn lục vàng và đỏ nồng nhiệt chất sơn dầu trong gam màu của Van Gogh, đến nỗi nhiều lúc tôi sửng sốt nhìn nó, tưởng đấy là một cây bàng vẽ bởi chính Van Gogh. Trước sau rồi cây bàng cũng tới kỳ lá đỏ, đỏ lộng lẫy không sót lại chiếc lá xanh nào cả. Trong không gian rộng, những cây bàng cổ thụ cao ngất nổi bật trên nền trời với những tầng lá đỏ rực và ướt đẫm, như thể lúc này, họ nhà bàng đang phơi ra giữa đời ngàn vạn lá gan còn tươi máu. Và rồi thực bất ngờ trong một hành động rũ sạch dĩ vãng quyết

liệt, cây bàng rụng tận ngọn lá cuối cùng, giăng bày bên sông một giấc mơ giang phong ngu hỏa trong màu sương nào xa lơ lắc... Cánh bàng trụi lá trông giống những bàn tay gầy guộc khô khốc, đầu bàn tay hơi cong lên trong cử chỉ ngửa xin một chút gì của thời gian. Người Mẹ Tạo Vật hào hiệp không để nó phải chờ lâu; chỉ vài hôm lộc non đã tràn đầy trên bàn tay mùa đông của cây bàng. Dáng mọc của lộc rất lạ, thẳng đứng trên cành, như thể là đêm qua có ai đã thả ngàn vạn búp lá nhỏ xíu từ trên trời, xanh biếc chi chít đầy cành và xoay thành những tán tròn quanh thân cây. Lá non lớn nhanh, đứng thẳng và cao chừng gang tay, cuộn tròn rất giống những chiếc tai thỏ, giống đến nỗi khiến tôi bật cười nghĩ rằng cây bàng nghịch ngợm đang diễn cho xem tài nhại tai thỏ của nó, như trò chơi của trẻ con bằng bóng bàn tay in lên vách. Vẫn chưa hết chuyện lạ; khi những tai thỏ xòe ra thành vài ba chiếc lá nhỏ, cây bàng nẩy thêm một lứa lộc lần thứ hai màu đỏ đọt mung giữa những chùm lá; tán bàng bây giờ là một màu áo lục non lố đố những vết hoa hồng thắm. Chỉ trong vòng mười hôm từ khi nẩy lộc, nhìn lại thấy lá đã già trên thân cây đầy những hốc bướu cổ quái, tưởng như cây bàng vẫn y nhiên như thế từ trăm năm. Ai ngờ trên thân thể đại lão của nó là một linh hồn rất trẻ, bởi không một chiếc lá nào của năm ngoái còn lại trên cây.

Hết tiết mưa, trời sáng và ấm dần, khởi đầu mùa sương mù trên sông Hương. Có một chút nắng để nhìn thấy dòng sông trôi nhẹ trong màn sương lam mơ màng, nửa như khói, nửa như hơi rượu. Vào buổi chiều khói sông mờ mịt tưởng chừng có thể làm cay mắt người. Ngày quang đãng vào lúc này núi hiện ra rất gần, thấy từng nét cong, từng lớp mạnh mẽ của cấu trúc, và cả những mảng màu khác nhau của đá và cây. Bây giờ núi non biến mất trong khói xanh, chỉ còn thoáng một nét nhạt mỏng manh ở đầu sông. Ngồi thuyền nhìn lên, chỉ thấy hai vệt cây dài ven sông nhạt nhòa trong một cõi sương mờ ảo xa thẳm, tuồng như sông Hương đang trôi đi giữa rừng. Có ai nghĩ rằng đằng sau vệt cây kia là một kinh thành với đền đài, cung điện và ngai vàng... Thảo nào những thi nhân Huế xưa thường nói rằng cuộc đời là một giấc mộng dài. Lần ấy tôi chơi thuyền với Bằng Việt và ông bạn đồng nghiệp Evguénie Sidorov, Viện phó Viện Văn học Gorki. Sương mù đầy khoang thuyền, len vào giữa câu chuyện của chúng tôi, như thể là chúng tôi đang chuyện trò ở một thế kỷ trước. Bằng Việt vẫn thế, nét mặt nghiêm chỉnh và ngơ ngác sau kính trắng, thông báo một điều mà tôi tưởng là nói đùa:

- Tôi cũng là người Huế. Tôi sinh ra ở thành phố này.

Sidorov gật đầu:

- Không ai có thể chọn nơi mình sinh ra. Nhưng tao mừng cho mày đã sinh ra ở một thành phố đẹp đến thế. Về Mạc Tư Khoa, suốt đời tao không quên nổi dòng sông này, màu sương này...

Và tôi cũng thế, không bao giờ tôi quên được là giữa ba chúng tôi đã có một buổi chiều ngồi với nhau chỉ để đàm đạo về sương khói...

Tôi ít quan tâm đến cây xà cừ, dù bao ngày nắng hè tôi đã ngồi nghỉ dưới bóng mát của nó. Cây xà cừ lực lưỡng rắn rỏi, có vẻ không thiết gì đến những hoa trái của chính nó, bình thản đứng bên đường trong một vẻ trung niên bền bỉ, không hồi hộp, không chờ đợi. Nó lầm lỳ, không để ý tới ai, nên cũng không khiến ai chú ý tới nó. Thế mà có một mùa xuân, cây xà cừ đã gây một biến cố chấn động tâm hồn tôi, có lẽ còn muốn bảo cho tôi biết thế nào là lễ độ đối với nó. Tôi nhớ rõ năm ấy vào khoảng tháng ba. Huế có vài ngày trời dịu êm rồi chuyển sang một cơn gió bấc lạnh khô, lạnh thấm thía cả xương thịt, chắc là rét nàng Mân. Đột nhiên những cây xà cừ trong thành phố ngả vàng trong một đêm, vàng từng mảng trên cây, và trong chừng ba hôm, toàn cây xà cừ đã vàng hết lá. Phố tôi ở trồng xà cừ, đầu ngã tư có một cây cao lớn nhất thành phố, có lẽ thuộc thế hệ thứ hai sau những bậc tiền bối thuộc họ hàng sứ, bồ đề, v.v... đã vàng tận ngọn như vậy. Cái bóng đồ sộ của nó vượt cao quá những tầng nhà, đi từ xa tôi đã thấy một tán vàng chói lọi, át cả màu lục non của lá mùa xuân chung quanh, trông tráng lệ, kỳ lạ, và phải nói là đẹp vô cùng. Trong nắng nhạt, nó chói lên bằng ánh sáng kim loại đúng là vàng y, như tôi có thể hái để gửi vào ngân hàng vậy. Nghe nói trong cung Huế ngày xưa có cành vàng lá ngọc, nhìn y như thật. Tôi cười khan theo giọng Trang Tử, rằng nếu định bắt chước thiên nhiên thì phải mấy triệu năm mới làm ra nổi cây xà cừ này của tôi, món quà tặng muôn vàn mà trời đất đã nhẹ nhàng trao cho tôi chỉ sau một giấc ngủ đêm xuân.

Suốt mùa xuân Huế, hàng ngày tôi vẫn gặp ngoài đường những chị công nhân im lặng đẩy những xe ba gác chở đầy lá mang đủ họ cây trong thành phố. Không biết các chị sẽ mang đi đâu, bấy nhiêu lá rụng?

Sau mùa lá non, khi màu mai vàng chủ mệnh của mùa Xuân vừa trở thành kỷ niệm cũ, cây cối dường như đã hết vốn về màu sắc, thì rất đúng lúc, cây *vông* nở hoa. Vông vốn là cây hoang dã , hình dáng thô kệch, người ta chỉ trồng ở nơi khuất nẻo, ven sông hoặc phía sau những tòa nhà. Tôi tin rằng cây vông đã được trồng hẳn hoi, bởi những nhà quy hoạch thuở xây dựng kinh thành Huế. Chính họ mới biết tới cái đẹp bất ngờ của hoa vông. Người Pháp vốn rất nhạy cảm với Huế nên vẫn giữ nguyên loại cây này, ngay cả cây vông đồ sộ cạnh tòa nhà bưu điện thành phố. Đúng nếu không có mùa hoa vông, như một dấu *dièse* của màu sắc, bản nhạc xuân của Huế e chừng sẽ quá dài trong một cung *Mi-thứ* êm dịu nhưng quả là buồn; dù sao đấy cũng là mùa của *mặt trời đi ngủ sớm*, và của những con chim bay đi tìm nắng ấm chưa trở về.

Người Huế xưa đã trồng cây vông bằng tấm lòng chắt chiu đối với niềm vui của một thành phố vốn rất dễ buồn. Hoa vông nở dày đặc kín cả cành; những lớp cánh hình sao đỏ rực tung tóe giống hình ngọn lửa, đúng là loài cây nở ra lửa, rất trùng khít với ý niệm "mộc sinh hỏa" nhìn thấy bằng mắt. Cây cao bóng cả, màu đỏ hoa vông vượt lên giữa thinh không, dưới nó là cái

nền đen xám của những mái nhà. Màu hoa đỏ thắm, trong như ngọc và tỏa ra ánh sáng; sách địa lý nhà Nguyễn nói rằng "ánh hoa chiếu vào vật khác đều đỏ thẫm". Chắc có một lần công chúa Huyền Trân đã đứng ngắm bông hoa thắm này bên sông Châu Hóa, hoa và mặt người đã soi hồng cho nhau, giống như hoa đào trong câu thơ Thôi Hộ. Và từ đó, màu hoa thắm thiết tới muôn đời... Mùa hoa vông chỉ dài chừng một tháng như là bóng hồng ghé qua sau tiết Thanh Minh, để bàn giao mùa màng cho hoa phượng.

Một buổi sáng, tôi tình cờ dậy sớm, ngồi nhìn sao mai qua cửa sổ phòng viết sau nhà. Trên mái đen thẫm của dãy nhà bên kia chợt ló ra một vệt sáng chạy dài theo đường nóc, vệt sáng mỏng như một đường viền đăng ten có màu tím, rất tím, đúng màu tím than. Vệt sáng rộng dần, tươi lên thành màu hồng. Trong khoảnh khắc, nó chuyển sang màu ngọc bạch, như màu da trái đào non, trên đó hiện bóng vài con chim én bay liệng. Tôi vừa cúi xuống ghi chép vài dòng về cảnh tượng trước mắt, ngẩng lên đã thấy mảng trời màu trắng ngọc kia biến thành những vệt sáng rộng lớn hình rẻ quạt màu hồng, sẫm dần thành màu đỏ thắm trên một nền da trời xanh lơ. Và cũng chỉ trong chốc lát, những nan quạt tan biến, nền trời hửng lên một màu trắng rộng thênh thang, trắng hẳn như là sữa pha, để dịu dần xuống trong màu xanh dịu dàng của nền trời phía sau. Trên màu trắng ổn định ấy của buổi sớm mai nhô cao lên phía bên kia mái nhà, tôi chợt nhìn thấy mấy chùm đỏ của hoa phượng đầu mùa...

Chưa bao giờ tôi được chứng kiến một bình minh huyền ảo đến như vậy. Tâm hồn tôi hốt nhiên tràn đầy một nỗi xúc động vừa sâu thẳm vừa rộng lớn, vượt khỏi bản thân tôi để đưa tôi hòa nhập vào cuộc chơi linh diệu của ánh sáng.

Tôi biết là mùa hạ đã đến.

HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG



NGUYỄN THẠNH PHÚ ĐÔNG

CAO ĐÔNG KHÁNH, NGƯỜI MỞ RA DÒNG THƠ MỚI "LỬA ĐỐT NGOÀI GIỚI HẠN": LẬP HÌNH, LẬP NGÔN, LẬP THUYẾT



Thơ Cao Đông Khánh xuất hiện trên tạp chí Quê Hương, số tân niên, đầu năm 1980, bài Trường Ca Vượt Biển (Anh Hùng Mạt Vận, *trang 85-94*) dài trên 200 câu được giới cầm bút lưu ý như một hiện tượng văn chương, mới lạ từ hình thức lẫn nội dung, đặc ra nhiều vấn đề, trang trải nhiều thông điệp, xác nhận sự hiện hữu trầm thống của thân phận di tản,

như vậy đó, biển hàng ngày tăng trưởng
biển mọc trong đầu biển khắp tay chân
biển xót xa em từ cái răng cái tóc
con mỹ nhân ngư này tên gọi thuyền nhân
(trang 91)

Đọc vài nhận xét của Du Tử Lê về thời điểm này,

Giữa lúc văn chương của chúng ta, gần như tắt thở, gần như khô héo... Lớp người mới cầm bút sau biến cố 30 tháng 4 cũng chưa đông đảo. Đội ngũ này đa số chọn thi ca làm đất trời để tung hoành, để thi thố tài năng, như một hốt hoảng trước bơ vơ, nhiều hơn một chọn lựa sinh tử và trí tuệ. Có thể vì thế, không một tên tuổi nào cho thấy triển vọng bứt thoát khỏi những người đồng hành... Vậy mà, đột nhiên, thơ Cao Đông Khánh xuất hiện trên các mặt báo

Việt tỵ nạn. Vậy mà, đột nhiên, ở những ngày tháng đầu tiên của thập niên 80, thơ Cao Đông Khánh xuất hiện như những cơn mê sảng. Những giòng thơ đổ mồ hôi trộm trong những đêm về sáng giựt mình thức giấc giữa đất trời xa lạ. Cơn mê sảng dội bật những hân hoan kinh ngạc, thầm lặng và mỉa mai, chống đối một cách ồn ào giận dữ. tung lên bầu không khí văn chương lưu vong, nằm đầu, bật gốc.

Từ lúc khởi đi, Thơ Cao Đông Khánh bị bài bát, bị chống đối, bị đả kích. Sau trên 15 năm, cuối năm 1996, Cao Đông Khánh cho ra mắt tập thơ thứ hai, Lửa Đốt Ngoài Giới Hạn.

Nói về một thi phẩm, người ta nói đến hình thức, nội dung, tư tưởng, ở đây xin được gọi là lập hình, lập ngôn, lập thuyết.

Lập Hình

Trong Lửa Đốt Ngoài Giới Hạn, Cao Đông Khánh sử dụng đủ các thể loại thơ từ 4, 5, 6, 7, 8 chữ đến lục bát, thơ mới, thơ tự do, thơ xuôi. Bên cạnh một số thơ giữ đúng quy luật, võ công chân truyền, Cao Đông Khánh phá cách, từ 7 chữ một câu đến 8 hoặc 9 hoặc 10 hoặc trên 10 chữ một câu; nếu người đọc tinh tế, tìm lối ngắt câu xứng hợp, thì, chúng thật sự ở trong âm vận của 7, 8 chữ một cách thuận hợp và trôi chảy,

Nàng có muôn vàn con bướm / lượn cánh trầm hương
Đại hội hồng hoa / trên đồi thông tiểu thuyết (trang 68)

Đặc biệt thơ tự do và thơ xuôi (viết trên hình thức văn xuôi), mỗi bài đều được trình bày ở những dạng thức khác nhau, âm vận khác nhau, tình cảnh khác nhau, ý tưởng khác nhau. Ở bất cứ dạng thức nào, mặc dầu giữ đúng niêm luật, Thơ Cao Đông Khánh tràn ngập tính chất tự do, là thơ tự do; hình thức không thể gò bó được nhịp máu chữ nghĩa phong túng, không thể trói buộc được hơi thở tư tưởng sống động của ông.

Hầu hết người làm thơ ở hải ngoại cuối thập niên 70, sử dụng ngôn từ gọi là có sẵn thi tính mà những nhà thơ đi trước đã dùng, đã đặc ra. Một cách nhai đi nhai lại nhàm chán. Thơ Cao Đông Khánh xuất hiện ngoài khuôn thước đó như để chứng minh rằng, ngôn từ, tự nó, có sẵn thi tính nếu chủ tâm sử dụng, đặc để đúng nơi đúng cách,

như cá nước ngọt theo cuồng lưu ra biển
tìm về bất kể nơi nào hợp thức tâm cơ
phần đời còn lại, say sóng vô tận
bởi hút Bastos xanh, bởi uống rượu đế (trang 85)

Nói về cách sử dụng chữ nghĩa mới lạ trong thơ Cao Đông Khánh, nhà

phê bình văn học Lê Huy Oanh gọi là *Ngôn Ngữ Nổ*, thứ ngôn từ bức phá, táo bạo, tràn ngập... Rất nhiều người sử dụng ngôn ngữ Nam Kỳ không thành văn không thành thơ được, kể cả Nguyễn Đình Chiểu của Lục Vân Tiên, nhưng Cao Đông Khánh như có ma lực phù phép làm cho những chữ mà người ta cho rằng không có thi tính thành thơ một cách dễ dàng, bất ngờ. Cái gì đã khiến cho những loại ngôn ngữ không có thi tính, những thứ ngôn từ mà người ta ít dùng hay không dùng để làm thơ, vào tay Cao Đông Khánh trở thành Thơ? Cái đó, phải chăng là, cái thủ thuật đặc biệt của Cao Đông Khánh. Cái thủ thuật đó là, ngôn ngữ đi kèm sát với hình ảnh (so sánh hoặc liên tưởng), kèm sát với màu sắc, kèm sát luôn với âm thanh nhịp điệu, kèm sát luôn với cách xoay trở ngữ vựng (có người cho là phản văn phạm hoặc bất thành văn), kèm luôn với sự mơ hồ tưởng chừng vô nghĩa vô lý nhưng hóm hỉnh chịu chơi khiến cho người đọc, trước hết, cảm nhận, sau đó, ý tưởng đến như tự chính mình sáng tạo. Hãy lưu ý đến kỹ thuật, như một kỳ công, từ hình thức đưa người đọc vào ý tưởng, từ ý tưởng trở lại hình thức; chữ và nghĩa ôm sát nhau, dan díu với nhau, không rời nhau nên tiêu trừ được sự cục mịch của chữ, tạo cho chúng thành văn chương, thành thơ.

Đầy tràn cùng khắp trong thơ những danh từ như *bản lĩnh, nhược tiểu, nhiệt đới, cương lĩnh, pháp thân*... là những chữ xa lạ với thơ, Cao Đông Khánh lột bỏ lớp vỏ trí thức, lột lớp vỏ chính trị, lột lớp vỏ triết lý, lột lớp vỏ đạo giáo để mặc áo thơ vào cho chúng. Nếu nói làm thơ như làm tình đủ kiểu đủ cách với chữ nghĩa, thì Cao Đông Khánh là kẻ bạo ngược, bức dâm chữ nghĩa, áp bức ngôn từ, gán ép cho chúng những ý nghĩa mới, bên cạnh ý nghĩa mà chúng tự có từ lâu. Có khi ông ghép chữ tạo ra những từ ngữ mới: *hoa cổ tích, cánh cửa phù dung, ngôi nhà cảnh thạnh, ngôi nhà vô cùng, trí nhớ tương lai,...* Ngôn ngữ thơ nhập cuộc vào thực tế của đời sống, nếu cần nói về giới lơ xe đò, phu khuân vác, đĩ điếm ông sẵn sàng xài lối văn nói kiểu đầu đường xó chợ; đề cập đến vấn đề có tính chất tâm lý hiện sinh ông không ngần ngại nói đến giác quan, bộ phận trong thân thể như; *mồ hôi trộm, tâm trung, núm vú, tử cung, âm hộ, dương vật, cửa mình, lồn...*

những chuyến xe vẽ hoa chở chuyên ân ái
trên gò má em xâm một cánh hoa hồng
chiếc Volkswagen đời 60 có hình nữ phận
chở trăng vào soi cửa giữa giai nhân (trang 130)

Âm điệu, âm nhạc của Thơ Cao Đông Khánh thật giàu. Với âm thanh sẵn có của ngôn ngữ Việt Nam, tận dụng bằng trắc, ông xây dựng âm nhạc riêng cho từng đoạn thơ. Có rất nhiều đoạn tự nó là một khúc nhạc, một khúc ca.

Những người thích đọc, Thơ Cao Đông Khánh là một thú vị; thơ bình thường, đọc một câu người đọc có thể dự đoán được câu kế tiếp, với bài thơ

dài người đọc chỉ cần vài câu nhập vài câu kết là hiểu trọn bài thơ; nhưng với Thơ Cao Đông Khánh thì ngược lại, người đọc không thể mò đoán trước được gì cả, phải theo dõi, từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác,

em hãy kể tôi như trái cây lột vỏ
để quá đêm ngày hôi gió thịt xương
tôi như gái tỉnh lẻ thất thân nơi thị trấn
lỡ một lần lỡ thêm nữa chẳng sao (trang 139)

Đi vào Thơ Cao Đông Khánh là đi vào một thế giới hình ảnh mê hồn. Sử dụng hình ảnh để giải thích ý tưởng khiến cho thơ như có tay có chân có mồ hôi có cảm giác có màu sắc biết di chuyển, trở thành óng ánh sóng sánh linh động khác thường. Sự so sánh trong Thơ Cao Đông Khánh, như, đưa người đọc vào chốn hư ảo, gây ra nhiều cảm xúc có khi mơ hồ, có khi nghịch thường, nghịch lý, Phạm Công Thiện cho rằng, *tự cổ chí kim, không bắt chước ai hết, hình ảnh chữ nghĩa Thơ Cao Đông Khánh không giống ai cả. Kỹ thuật so sánh cũng biến đổi từ so sánh trực tiếp đến so sánh gián tiếp như, "Nàng ngồi nhẹ như đêm sáng trăng... Quần áo em phơi giống như cờ xí của ta"...*

Tận dụng thể hư cấu là một trong những hình thức đặc thù của văn chương hải ngoại được nhìn thấy rõ nhất ở truyện ngắn của Trần Vũ, xuất hiện cuối thập niên 80 và Thơ Cao Đông Khánh đầu 80.

Để anh nhắc ngày anh ra biển
chặt một chân để lại làm tin
hãy xẻ khô cất làm lương thực
em ráng sống giùm anh nghe em
nghe đó em người làm nhân chứng
tình yêu này như hỏa diệm sơn (trang 100
)

Những bài thơ dài nhiều khi ông sử dụng lối kiến trúc như những bài hành (nói theo Mai Thảo, hành mà không phải là hành). Đặc biệt, Anh Hùng Mạc Vận và Di Tản America, 2 bài thơ mỗi bài dài trên 200 câu được kiến trúc gần như anh hùng ca. Nếu Anh Hùng Mạc Vận (trang 85-94) xây dựng trên diễn biến của cuộc vượt biển dựa trên những xảy ra có thật thì Di Tản America (trang 207-218), cũng là một chuyến đi, nhưng viễn hành qua huyền thoại, giai thoại, lịch sử, văn hóa... của 50 tiểu bang xứ Hoa Kỳ.

Mỗi đêm một hoàng hậu trong cánh tay cự phách
rượu lậu từ Detroit chảy xuống Chicago
miếng hamburger McDonald trở thành miếng ăn tình tứ
thành phố nặng mê hồn khi nàng ngủ quên chiêm bao (tr 213)

Thơ Cao Đông Khánh, thơ khai phá nhưng không bài bát đả kich những hình thức cũ mà ngược lại, như có cách để tân trang cổ điển, biểu diễn tân kỳ. Về mặt hình thức, ông khai triển theo kiểu thơ viết bằng Anh Ngữ và thơ Hoa Kỳ trong cách dựng truyện để giải bày tư tưởng. Nói về tài năng, kiến thức, trường hợp Picasso, bước vào hội họa, biểu diễn công lực kỹ thuật võ công, ra mắt những tuyệt tác, vẽ trong khuôn thước của nhiều trường phái... để sau cùng trình bày Picassoism. Cao Đông Khánh, cũng biểu diễn tài nghệ qua những thể dạng thơ qui luật, bên cạnh, là thơ tự do với âm vận hình ảnh màu sắc chữ nghĩa kiến trúc đặc biệt Cao Đông Khánh, nhà văn Mai Thảo nhận rằng, *Cao Đông Khánh đã tạo cho thơ ông, xong, một bầu trời, một khí hậu.*

Nhận xét về Cao Đông Khánh trong đêm ra mắt Lửa Đốt Ngoài Giới Hạn tại Houston, Texas; Trương Đình Luận cho rằng - *Thơ Cao Đông Khánh chí tình với tư tưởng và cuộc đời, nếu cuộc đời là trò chơi thì thơ Khánh là lịch sử của trò chơi đó, nếu cuộc đời là tiếng hét thì thơ Khánh là sự bi tráng của tiếng hét đó. - Thơ Cao Đông Khánh là ẩn ngữ của nhan sắc, thơ tạo nên hình ảnh âm nhạc lên trời xuống biển, đi đến cùng tận các bến bờ của thế thế giới. - Thơ Cao Đông Khánh là lửa, một ngọn lửa từ trời, và với ngọn lửa thiêng đó ông thắp sáng lên những cảnh thổ riêng... - Thơ Cao Đông Khánh sexy, sexy của một nhan sắc đắm đuối lúc còn son trẻ, sexy cả những lúc mà ánh sáng cuộc đời không còn nữa. - Thơ Cao Đông Khánh phá vỡ khoảng cách lạnh lẽo và khinh bỉ giữa chữ nghĩa và con người.*

Lập Ngôn. Lập Thuyết

Đề cập đến Thơ Cao Đông Khánh, nhiều người cho rằng lập dị khó hiểu(?), nhưng ít ai chịu tìm ra manh mối để hiểu. Thật sự, nó khó hiểu, nó ở ngoài giới hạn của sự bình thường, của thơ bình thường, bởi thay vì chỉ tả cảnh, tả tình nó còn bắt người đọc phải đóng góp suy tư. Vì thế nếu cho rằng thơ là trò chơi thuần chữ nghĩa thì e rằng không hoàn toàn đúng với Thơ Cao Đông Khánh.

Hai đoạn thơ ở bìa một như báo cho độc giả về vấn đề lương tri, bốn đoạn thơ ở bìa sau, hồn trí tính Việt Nam là thế sống giữa văn hóa Đông Tây, thân phận người di tản, tình yêu, với lời dẫn của 15 chương, chủ đề chính là sự mơ hồ. Vào chi tiết của thi phẩm mới thấy phần lập thuyết của ông: hồn trí tính Việt Nam là thế cân bằng bền, tôn giáo đồng nguyên là đĩa rau sống trên mâm cơm Việt Nam, con người là thế giới riêng, đời sống có nhiều kiếp sống, trí thức là thằng nửa quê nửa tỉnh, tình yêu đồng nghĩa với tình hoài hương... vân vân. Với Lửa Đốt Ngoài Giới Hạn ông tận dụng chữ nghĩa, tận dụng thi ca để chơi Trò Chơi Cuộc Đời.

Nếu các tư tưởng gia, lý thuyết gia, chính trị gia, đạo đức gia... có Trò Chơi

Người để chơi, sử dụng tư tưởng để áp đặc số phận trên kiếp sống của con người,

dưới cây ngàn tuổi tôi nằm
những mùa rụng lá dao đâm kinh hoàng
mấy ngàn năm nữa lang thang
dưới cây ngàn tuổi tôi bàng hoàng đau (trang 34)

Trong cái bàng hoàng đau đó, ông cùng với *đám đông im lặng bị áp bức một cách công khai* (trang 274) có Trò Chơi Cuộc Đời để chơi. Trò Chơi Người, Trò Chơi Cuộc Đời, hai trò chơi đó được ông trình bày như sau,

... Tháng sáu trên bãi biển nắng mưa tôi làm người ngoại quốc, tôi nói Anh ngữ với người bản xứ rất vui. Người ta hãm hiếp đàn bà của tôi, thử cho biết mùi trái cây lạ. Người ta nói chuyện với tôi về kinh tế chính trị của thế giới này của Á Châu này của xứ sở này của dân tộc kia. Người ta không cấp phát lương thực để coi đói khát thế nào. Người ta đánh vào đầu để coi chảy máu thế nào. Người ta xô xuống biển để coi chới với thế nào. Người ta lùa xuống những ghe đánh cá phế thải kéo tôi bỏ vào hải phận quốc tế.
Làm con người của quốc tế này, thật là hoàn hảo. (trang 118)

Nói về 2 trò chơi nầy là chủ tâm (?) của Lửa Đốt Ngoài Giới Hạn, tập thơ của những khác biệt, là một trong những bất ngờ mới lạ mà Cao Đông Khánh tạo được cho thơ, cho Văn Chương Việt Nam.

Hai trò chơi, ngay ở trang bìa một, ông điềm chỉ thân phận Việt Nam của Trò Chơi Cuộc Đời chịu trận trong Trò Chơi Người của các tư tưởng gia, chính trị gia. Đặc trên nền tảng của Mơ Hồ, tác giả dẫn chúng ta vào sự thật của hai trò chơi, của vấn đề của con người, về con người trên mọi hình thức, mọi tương quan, mọi qui chế, mọi nguyên tắc hoặc trực thuộc hoặc không.

Trò Chơi Người:

Loài người với nhau, thật là, họ đối xử với nhau chẳng ra làm sao cả,

Mỗi ngày anh nghĩ đến câu thơ thấp thoáng núi biển, trời đất và tình yêu rộng đến vô chừng trong cô đơn hèn mọn một góc tịch liêu; nghĩ đến con ngựa màu sương mù chở tuổi tác qua những thế kỷ tâm lý mà ngôn từ dùng để tuyên truyền cổ võ cho cuộc nội chiến huynh đệ tương tàn giữa loài người với nhau (trang 2)

Con người, nói chung, bị bọn cai trị sử dụng Tâm Lý, Phân Tâm để điều khiển và bóc lột,

> *Rồi tự thấy anh đòi đoạn, thấy anh bị chẻ dọc từ đầu. Anh sững sờ hết sức thấy bộ phận sinh dục chia hai đều; anh ráp không làm sao được trở lại. Anh xa lìa anh, anh khủng bố anh; cười không xuôi, khóc không nổi, làm một chuyện không xong; con mắt ngó đông, con mắt ngó tây. Mắt ngó mắt mình cách biệt tiêu sơ* (trang 263)

Đó là trò chơi của con người với nhau, một thứ trò chơi độc ác dã man. Chế biến người thành con vật kinh tế là trò chơi của Cộng Sản (bài Khu Vực Đại Đờn trang 43- 44), ngoài thế giới còn có những Trò Chơi Người khác cũng không kém dã man... Ở ngoài quốc gia, trở thành người vô tổ quốc mới thấy được ý nghĩa độc ác của chính sách quốc gia. Nói về nhân đạo, phải chăng, nhân đạo là trò chơi ra ơn sau khi hành xử một cách tàn nhẫn trên thân phận của kẻ chịu ơn,

> *người giết hơn nửa phần ta cứu phần còn lại* (trang 90).

Và văn minh là,

> *tiếng đạn đau đớn chìm vào thân xác* (trang 88)

Trò Chơi Người triệt hạ lương tâm và nhân phẩm của con người. Ai cũng chơi Trò Chơi Người, Hoa Kỳ, lúc trước, coi Việt Nam như là chiến sĩ bảo vệ tiền đồn tự do, bây giờ không ai còn nhớ điều đó cả; Hoa Kỳ Việt Nam giống như một cuộc hôn nhân đã gẫy đổ, không còn tình nghĩa gì với nhau nữa.... *Gayle Ann vẫn đi về trên nửa đường lên cung trăng/nhẫn đủ màu trên mười ngón tay (trang 125)*

Trò Chơi Người, các phong trào ủng hộ cuộc xâm lăng của Cộng Sản vào miền Nam Việt Nam từ giữa thập niên 60.

> *môi chín tới chia hơi cần sa tâm huyết*
> *mùa hè 70 máu chảy đỏ hòa bình*
> *em ở Berkeley hay ở Massachussetts*
> *thuở xuân thì cổ võ kẻ xâm lăng* (trang 130)

Cũng vì Trò Chơi Người, biết bao nhiêu người vì lý do chính trị trở thành người quốc cấm, người bất hợp pháp sống lưu lạc trên chính quê hương của họ cũng như trên những xứ sở gọi là bờ bến tự do,

đàn bà vượt biển. Đàn ông vượt biên
nha phiến lậu. Cá nhân lậu
Thế giới quốc tế. Liên hiệp quốc gia
hồn vía bão bùng thổi tới (trang 125)

Con người không ngần ngại, sử dụng tất cả, kể cả ngôn ngữ, để chơi Trò Chơi Người,

Ra mắt đời sống, anh bước vào hầm rượu mịt mù khói thuốc, nhớ đêm mùa thu lá rụng trong sân trường đại học như bước chân của đám âm binh bước vào thư viện sắp xếp lại kệ sách, nhồi thuốc súng vào mẫu tự rồi chạy táo bạo lộn xộn trong ký túc xá, sử dụng đủ loại nhạc khí khiến cho trái tim em đập theo từng nhịp dồn dập, rớt ra khỏi lồng ngực, còn lại, cặp vú mỹ miều bơ vơ; anh say gục xuống. (trang 172).

Trong cái Trò Chơi Người tàn nhẫn đó, con người nói chung, người Việt Nam nói riêng, đều trở thành những con vật người,

... em sống dưới mặt đất, thuộc loài giun dế
đứng giữa đám đông coi cũng giống con người
sinh lực lao động không bằng máy móc
ở chủ nghĩa này, ở xã hội kia
... em nói, chồng em chết tù cải tạo
những đứa con ngọc ngà chết ở biển đông
còn đứa trẻ khôi ngô này, sinh ở trại tị nạn
cha nó đang làm hải tặc Thái Lan (trang 164)

Những người chơi Trò Chơi Người được tác giả đặc tên là *Con Người Chính Trị* (trang 276), *Con Người Thế Giới* (trang 275).

Trò Chơi Cuộc Đời:

Trò chơi nầy bị áp đặc ở trong Trò Chơi Người mà mọi người đều phải tham dự. Phải là Người thì mới chơi được trò chơi này. Thế nào là Người? Trước hết hãy xem Cao Đông Khánh định nghĩa Người, xác nhận Người. Nếu Công Sản cho rằng, *người là con vật kinh tế,* nếu Thiên Chúa Giáo cho rằng, *người không phải chỉ sống bằng bánh mì mà còn sống bằng lời dạy của Đức Chúa Trời*, nếu Phật Học cho rằng, *người cưu mang khổ ải của sinh lão bệnh tử*, nếu người ta có định nghĩa Người như thế nào chăng nữa, Cao Đông Khánh không bài bác chống đối, nhưng Thơ Cao Đông Khánh cho rằng,

Thời tiết chật hơn chiều sâu trí nhớ
vượt ngục vượt biên vượt biển xuyên bang
khuya hôm đó có người bị xử tử
để cho người sống sót, chết không yên (trang 208)

Cao Đông Khánh xác nhận người ở trí nhớ, trí tuệ, ở nổ lực sống quật cường, ở lương tri (chết không yên). Với cách xác nhận người trên, con người là ngôi sao bắc đẩu của muôn loài và của chính mình,

mặt trời anh, mọc, trên các thị trấn duyên hải
hộ tống em về cho tới cửa Hàm Tân
Núi phía sau lưng biển trùng vây trước mặt
điếu thuốc đầu môi như ánh sao mai (trang 242)

Từ đó đi vào Trò Chơi, Cao Đông Khánh đưa chúng ta vào Lửa Đốt Ngoài Giới Hạn, như "một truyện dài, một cố ý có vẽ gượng ép, nhưng hình như không còn cách nào khác hơn để tác giả có thể hướng dẫn chúng ta đến với những điều mơ hồ mà ông muốn chúng ta chia xẻ. Trường hợp Việt Nam, dân tộc đó xứng đáng với Trò Chơi Cuộc Đời bởi vì họ đã phải nhận chịu sự xâm lăng của văn hóa Tây Phương, lận đận trong giai đoạn thâu nhận Dương Lịch, bị Mặt Trời đeo đuổi, phải chấp nhận nền văn hóa có sức khống chế cả nhân loại đó,

...mặt trời, con thú mang đầu máu
theo anh không ngớt gầm gừ
dạng xương cây quờ quạng chờ ra giêng
ví dầu một hôm em héo úa tình cờ
tuyết từng tràng trắng từng người thở ra khói
sẹo cắt ngang bắp thịt trở mình
rừng dậy động chi tiết từng phần
chiến cuộc sắp lớp ròng rã tới
chẳng ngờ anh còn sống còn yêu em... (trang 199)

Trò Chơi Cuộc Đời, đem xương máu bảo vệ bản chất người, bảo vệ hồn thiêng của đất nước, là, mưu cầu sự trường tồn cho dân tộc, nòi giống,

chẳng lẽ là anh chẳng thể nói âu yếm với em
mộ địa trùng trùng
xương cốt ngàn đời
ngổn ngang từng tấc đất bấy nhiêu
da thịt sông núi em vô cùng

bầy thú người nhơ nhởn
kẻ hiếu chiến cận kề (trang 201)

Trò Chơi Cuộc Đời là trò chơi của những người đóng góp để phát minh ra tiếng nói, sức lực huyền nhiệm gìn giữ cái gia tài mơ hồ của dân tộc từ nghìn năm này qua nghìn năm khác, rồi, xẩy đến chữ viết,

kẻ đó. Thoát chết. Kỳ cục
nói tiếng chim hót
lời tình tự khẩu truyền
tục ngữ em
ca dao anh
Riêng. Hai đứa tụi mình
nhớ thuộc lòng
ngàn năm
của chúng tôi
chúng tôi phải sống
khuya ngồi bên cạnh em. Yên tâm
trong ngôi nhà hơi thở
giọng điệu mỏng manh riêng
bài thơ bỗng rưng rưng
lời mặc khải viết xuống thành chữ
chữ hiện hình xinh đẹp
ái khanh
trẩm uống một bình minh ly rượu để qua đêm ... (trang 289)

Trò Chơi Cuộc Đời dẫn Việt Nam trở lại cái nguyên bản Việt Nam,

thỉnh thoảng em về thăm lại trí nhớ
thấy lại hai mùa mưa nắng rõ như gương
thỉnh thoảng em về cho đỡ thất thế
lúc bấy giờ, em cảm tạ Việt Nam (trang 198)

Để chơi Trò Chơi Cuộc Đời, ông giới thiệu Hồn Trí Tính Việt Nam: Sự cân bằng bền, thế quân bình, thể dạng tương đối, và sức lực Việt Nam hóa, Đồng Nguyên hóa mọi sự mới mẻ, mọi sự tương phản cần được chấp nhận để được sinh tồn,

Nàng có chất rượu trong chiếc kẹo bọc chocola, có đôi mắt tròn như biển xanh ở chính giữa trời mây trắng, có đôi chân khép nơi chỗ ngồi, hở nơi chàng nằm, có ngày thong dong như

sóng nước, có đêm nhẹ như cánh diều bay, có kiểu đi chân không, có dáng mang guốc cao gót, có cách mặc áo dài, có điệu mặc quần jean, có quê mẹ trên trời, quê cha dưới biển, Đà Lạt Phan Rang nóng ở dưới lạnh ở trên, và, ở giữa, lớp rừng cẩm lai có thời tiết ôn đới, ở giữa, tấm lòng vân gỗ trổ bông hoa (trang 61).

Thể dạng cân bằng đó rất gần với Tương Đối Einstein, Trung Dung Vương Dương Minh và Phật Học ở chỗ, thân trí là một, mới trọn vẹn, mới nguyên cốt, mới nguyên tánh. Trí thức cũng ở trong chỗ mở đó mà ra, chỗ nửa quê nửa tỉnh, chỗ chừng mực hai bề, chỗ hai bề mà Một,

... Anh là thằng nửa tỉnh nửa quê nhập một nhưng sống suốt đời nửa tỉnh nửa quê, giữa đất trời lửng lơ hát câu vọng cổ. Như tên da đen hát. Mởi hoài. Một bài Jazz cũ mèm. Giận tuổi thanh niên anh sống như gã hề già giả nhân giả nghĩa. Tuy vậy bây giờ yêu em rất ngây thơ.

Lửa Đốt Ngoài Giới Hạn dẫn vào thực tế lịch sử của xứ Việt Nam bị Cộng sản chiếm đóng cai trị, nhưng xứ Việt Nam không thể mất bởi vì mỗi người Việt Nam trở thành một xứ Việt Nam, triệu người Việt Nam triệu xứ Việt Nam,

người đánh đập tôi thành ra âm nhạc
âm nhạc hùng cường riêng một quốc gia (trang 18)

Quyền biến trong cuộc xâm lăng của những hệ thống tư tưởng chính trị, nếu Đức Chúa Giê Su chịu tội cho loài người, thì hình ảnh của người gánh nước nặng hơn vác Thánh Giá là, Việt Nam chịu tội cho tư tưởng của con người ở trên cái Ngã Tư Quốc Tế của địa cầu,

Sàigòn Khánh Hội gió trai lơ
khi ấy còn tơ gái núi về
đào kép cải lương say tử chiến
Ngã Tư Quốc Tế đứng xàng xê
gánh nước nặng hơn vác thánh giá... (trang 56)

Trong Trò Chơi Cuộc Đời sự liên hệ giữa người với người, có khi được giải thích như, thông qua một người thứ ba vô hình, người vô hình đó là người tình lý tưởng mà cả hai bên đều cảm nhận, người vô hình đó là sự mơ hồ thật sự giữa những thế giới người biệt lập.

một người đàn ông, một người đàn bà ngồi kề cận nhau trong khoảnh khắc không trở thành già, không trở thành trẻ, không trở thành mới ở ngay tại đó hoặc nơi khác; họ chỉ chứa chấp nơi họ ngồi, hoặc nói chuyện hoặc không; họ cung cấp hơi thở cho một người không hiện hữu
chàng thấy được ngón tay của chàng trên con đường chuyển động, thấy luôn cánh tay của nàng ôm quyển sách thân tặng; họ chia xẻ với nhau thân xác mỹ miều của Người Thứ Ba, người mà họ kính trọng và mê đắm và yêu đương. (trang 236)

•

Người chơi Trò Chơi Cuộc Đời được tác giả gọi là Con Người Độc Lập, Con Người Vô Biên (trang 219)

Thông qua 15 chương dựa theo lời dẫn giải của tác giả, người đọc còn thấy thơ ông chứa đựng rất nhiều điều khác nữa, những điều hệ trọng của nhân vật. Nếu nói, phần hình thức ông dẫn chúng ta đi suốt qua lịch sử kiến trúc thi ca một cách ngon lành và chịu chơi, phần nội dung ông cũng táo bạo đưa người đọc vào một chuyến viễn hành qua khắp bến bờ của địa cầu, khắp bến bờ của lịch sử, khắp bến bờ của tư tưởng áp dụng có ảnh hưởng đến con người của thế kỷ 20. Ông không phải là một nhà giáo dục, không phải triết gia, chẳng phải tư tưởng gia hoặc sử gia, càng không phải là chính trị gia, trong sách ông tự giới thiệu, là một người Việt Nam bình thương, là thằng nửa quê nửa tỉnh, một dân chơi thứ thiệt, ở với cách sống kiểu nói của nghèo hèn cùng khổ, ở luôn với thời trang cảm xúc của giàu sang phú quí, ở trên chiến tuyến giữa sống và chết, ở trên ranh giới giữa sự thật và mơ hồ,

một chân trên cọng tơ mềm
một chân lêu lổng trên thềm hư vô (trang 261)

Tay chơi Cao Đông Khánh có bản lãnh tạo sự thật thành thơ mộng, tạo thơ mộng thành sự thật, đem tư tưởng triết học về với dân gian, đem phong dao tục ngữ về với triết học, bình thường, giản dị, gần gũi với đời sống như xác nhận rằng chính chúng, là bản chất của đời sống, gần gũi đến độ ít có người nhận ra được. Nói đến triết học tư tưởng người ta đóng vai uyên bác về tư tưởng triết học để thơ không còn là thơ nữa, Cao Đông Khánh nói về tư tưởng một cách tự nhiên, chịu chơi, không mang tính cách giảng dạy, nên thơ vẫn là thơ. Như là không lập thuyết mà lập thuyết, Thơ Cao Đông Khánh nhắc đến tư tưởng triết học có ảnh hưởng đến con người của thế kỷ thứ 20 như Einstein của tương đối, Sartre của hiện sinh, Allen Ginsberg của hư vô

của phong trào hippy thập niên 60,... vân vân.

Thơ của ông nhập cuộc, ở trong Trò Chơi Cuộc Đời, thực tế đến độ người đọc nhìn thấy chính mình là Thơ Cao Đông Khánh,

người đó. Sống. Chết. Thiết tha từng chút
những kiếp ân tình ôm ấp làm tin
sáng trong thị tứ. Chiều ngoài hải đảo. Tối làm con chó sói
tru hú cuộc đời ma quỷ ám lương tri (trang 245)

Lửa Đốt Ngoài Giới Hạn là tuyển tập của sự khác biệt nằm trong định lý cân bằng của hồn trí tính Việt Nam, đó là chỗ ở không kỳ cùng của sự thật của mơ hồ, những dị biệt hiện hữu một cách không xung khắc,

ta chia sớt với em một gian phòng khách
ta đeo tượng phật cười em đeo chúa đóng đinh
em pha tách cà phê ta đốt điếu thuốc cuối
trong cái gạt tàn đầy tro bụi riêng (trang 298)

Đêm ra mắt thơ Cao Đông Khánh tại Houston, Texas, Bùi Huy, một diễn giả, đã nói,

Theo Henry Miller, nếu hạt thóc rơi xuống đất mà không chết đi thì nó còn là hạt thóc, nhưng nếu nó chết đi, nếu nó thối rữa rồi chết đi thì nó sẽ cho ta biết bao nhiêu là hoa trái; tư tưởng đến với Cao Đông khánh cũng vậy, chúng chết đi để trở thành Thơ Cao Đông Khánh ... Nếu nói như Saint John Perse thơ là một thế để sống, thì rõ ràng thơ Cao Đông Khánh là một thế sống. Cái thế sống thuần chấc hồn trí tính Việt Nam mà tác giả gọi là thế cân bằng bền là cái thế mà ông học được từ những người nhà quê... Trong thơ, Cao Đông Khánh như Lệnh Hồ Xung, không chính không tà nửa sáng nửa mù nửa mơ hồ nửa sự thật... Thơ Cao Đông Khánh không chống đối ai hết, mà chỉ để muốn nói với thế giới, nói với loài người phần số của dân tộc Việt Nam mà ông là một nhân vật... Thơ Cao Đông Khánh không phải chỉ là bia kỷ niệm ghi dấu con người mà còn là cột chống đỡ giúp con người chịu đựng để sống còn... Thơ Cao Đ ông Khánh là tiếng nói của Việt Nam với thế giới nhân loại, tiếng nói của lương tri chúng ta với đời sống này.

Thơ Cao Đông Khánh là cuộc đời, ông ở với cuộc đời, ở với từng giai đoạn của đời sống, chơi Trò Chơi Cuộc Đời mê say, đắm đuối như làm tình với đời sống mà mỗi lúc làm tình là: *em biết rõ mỗi lần... mỗi chuyến đi trùng diệp.* (trang 158)

NGUYỄN THẠNH PHÚ ĐÔNG



BARBARA ROSE (*)

TÍNH PHÂN CỰC CỦA HỘI HỌA HOA KỲ



(La peinture Américaine - Le XXème siècle, Ed d'Art Albert Skira, S.A. Genève)

Đôi khi sự tạp đa đến hỗn loạn của chủ đề, hình ảnh và kỹ thuật của nền hội họa Hoa Kỳ khiến người ta nghĩ rằng, thứ văn hóa thị giác không đồng nhất của xứ sở này đã chẳng hề bị gián đoạn, nhưng nó cũng không dành đặc ân cho một loại mỹ thuật nhất định nào. Cho dù trong dòng lịch sử tương đối ngắn ngủi của nó đã có bao đợt sóng di dân không ngừng tràn tới. Tuy nhiên, nếu xem xét tinh tế sẽ thấy có những dòng chủ đề luân lưu qua lịch sử hội họa Mỹ, nối liền các thế hệ nghệ sĩ kế tiếp với những mối lo âu và sở nguyện giống nhau trong cơ bản.

Theo quan niệm nghệ thuật Âu Châu, đặc biệt của Pháp, thì hội họa là một vật trang trí chủ đích dùng để tạo lạc thú. Điều này từ lâu nay vẫn trái ngược với quan niệm của Hoa Kỳ. Người Mỹ luôn luôn cho rằng hội họa phải được hòa tan vào đời sống của xã hội bao quanh, hay nếu không, thì là một thứ kinh nghiệm tâm linh, tôn giáo hay thần bí vượt lên trên những điều hoàn toàn cảm giác. Có hai điểm khác biệt chính yếu giữa Hoa Kỳ và Âu Châu giúp chúng ta nhận định rõ ràng phương hướng đặc biệt của hội họa Mỹ. Điểm thứ nhất là sự vắng mặt của nghệ thuật cung đình, điểm thứ hai, do sự cấm đoán các hình ảnh thần linh trong đạo tin lành vốn chiếm đa số ở Mỹ,

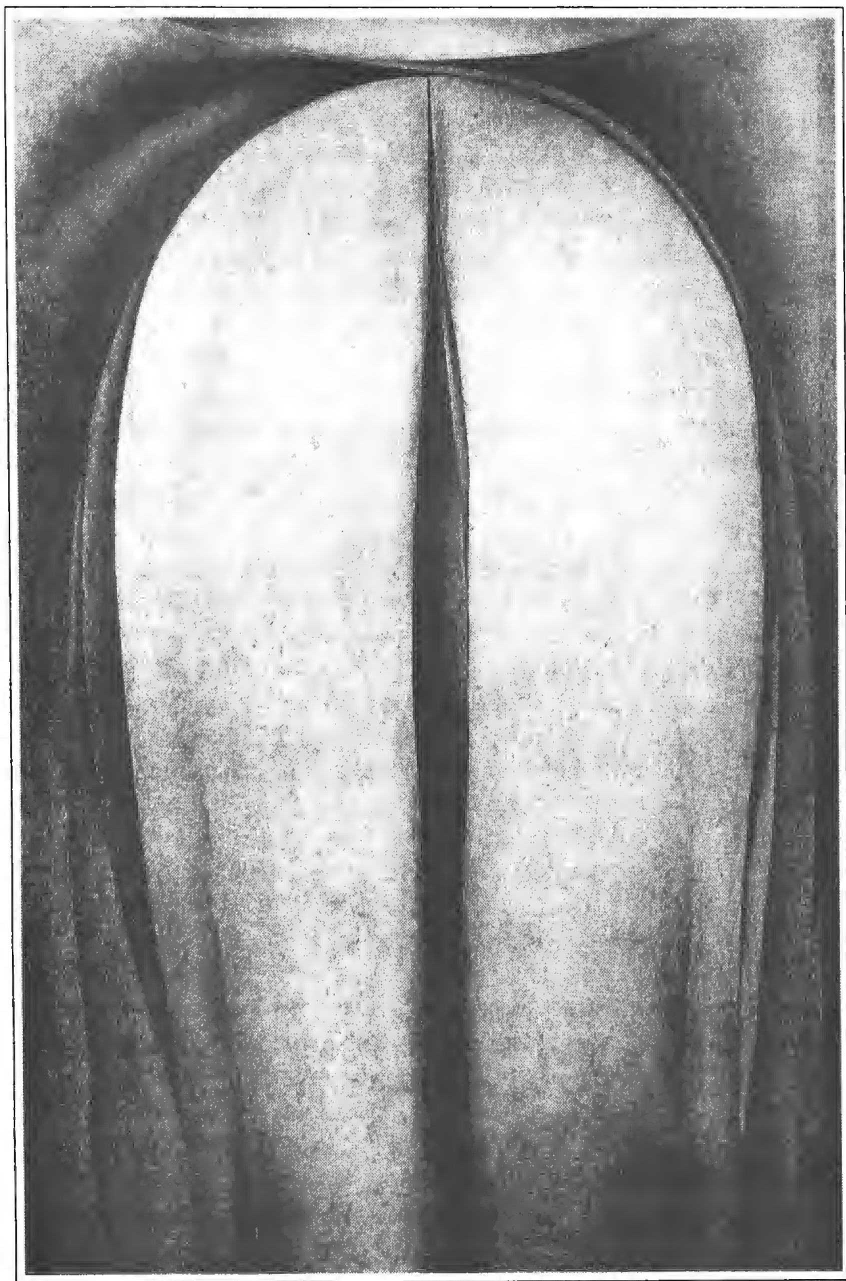
(*) Nhà nghiên cứu về nghệ thuật Hoa Kỳ ở thế kỷ XX

nên hoàn toàn không có loại hội họa tôn giáo theo truyền thông đền đài.

Ta cũng có thể nghĩ rằng, trong một quốc gia mà từ khởi đầu được lập nên như chốn nương náu của những tín đồ tin lành thanh giáo và các môn phái bị ngược đãi, lòng mộ đạo mạnh mẽ đã khiến họ tự nhiên thiên về loại nghệ thuật phong tục thế thái và những hình thức khác nhau của chủ nghĩa tả chân. Giới bình dân Mỹ thường yêu thích các tranh họa liên quan đến đời thường và khó thực hiện, như loại họa ảo dùng để gợi lại thế giới thực tại. Nó thành công nhờ vào thứ ảo thuật biết đánh lừa con mắt, ngay cả biến đổi được ảo ảnh thành hiện thực. Những người theo khuynh hướng này khi vẽ tranh rất sát với thực tế đã tạo ra sự lẫn lộn giữa những dữ kiện thật sự và hoang tưởng. Một số họa sĩ vẽ tĩnh vật kiểu nhìn xa như thật như John Peto, William Harnett và John Haberle luôn cố tình diễn đạt nguyên xi từng chi tiết của sự vật. Họ đã phần nào diễn tả một khía cạnh tâm lý Mỹ là yêu chuộng sự diễn dịch khách quan và sát thực tế. Điều này gạt qua bên các phép ẩn dụ và tượng trưng. Đây là xu hướng theo chủ nghĩa thực dụng, và là đóng góp duy nhất mang tính cách Hoa Kỳ vào dòng triết học tổng quát của thế giới.

Trong quan niệm ấy, điểm khởi đầu của sự quan sát chính là những dữ kiện trực tiếp chứ không phải thuyết trừu tượng, điều kiểm chứng được bao giờ cũng có ưu tiên hơn các việc mơ hồ. Haberle đã đi theo khuynh hướng đó khi vẽ một cái đồng hồ đúng với hình dạng của nó trong cái khung ba chiều, tạo ra một chiều sâu thực thụ và đồng hóa hình ảnh trọn vẹn của nó với tất cả không gian hội họa. Không còn hậu cảnh để ta cảm nhận đó là ảo giác. Sau này, cũng theo kiểu ấy, Georgia O'Keeffe khi vẽ bức *Lake George Window* đã đồng hóa hình ảnh màu sắc đồng nhất của khung cửa sổ với tất cả mặt tranh. Bà đã dùng cách bố cục học từ Arthur Wesley Dow ở đầu thế kỷ, phỏng theo cấu trúc của hội họa Nhật Bản, để chia mặt tranh thành những khoang giản dị thay vì kết hợp những thành phần nhỏ hợp mắt với nhau. Ảnh hưởng ngày một lớn của triết học và nghệ thuật Nhật Bản, một nước quay về miền Tây Hoa Kỳ, trong khi Âu Châu gần mé Đông hơn, giải thích cho chúng ta một sô khác biệt giữa hội họa Mỹ và hội họa Âu châu ở thế kỷ XX.

Vào những năm năm mươi, sáu mươi, sự thịnh hành của *không gian màu sắc* nơi các nghệ sĩ như Barnett Newman, Mark Rotko và nhiều môn đồ trẻ của họ vừa là ảnh hưởng của những mặt màu sắc đồng nhất kiểu O'Keeffe và Dow, đồng thời là sự hồi tưởng về cách dùng màu của Matisse. Quyết định loại bỏ hình thể và tỷ lệ trong các bức tranh của Newman để nghiêng về cách chia mặt vải ra thành nhiều băng màu rực rỡ chính là nguồn gốc của một thứ cấu trúc không kém phần mới mẻ so với kỹ thuật `è all- over của Jackson Pollock. Tính cách trừu tượng trong không gian màu sắc của Newman hay lối vẽ những cuộn màu xoắn bện vào nhau bằng phương thức ném sơn vào mặt vải của Pollock là những thể thức xa lạ với nghệ thuật của Âu Châu cũ kỹ. Ngoài ra, chúng biểu hiện cách dùng khung vải như một không gian để làm



Georgia O'Keeffe: Gray Line with Lavender and Yellow c. 1923
Oil on canvas, 48 X 30 inches

đầy, chứ không phải một thứ nền để vẽ lên đó vật thể chính, phương pháp này nảy sinh đúng ra từ quan niệm của O'Keeffe, hơn là từ phái lập thể hoặc trừu tượng Âu Châu.

Trong tấm tranh *Cờ Hoa Kỳ* vẽ năm 1954, Jasper Johns đã sắp xếp có phương pháp những băng màu mà Newman xử dụng để chia mặt bố thành nhiều khoang màu sắc. Với những tác phẩm mới, Johns đã tiếp tục cách chơi tài tình này giữa ảo giác và sự thật, giữa nghệ thuật và đời sống. Peto cũng thể hiện tính cách ấy trên bức *Palette, bock et pipes (1) (Bản pha màu, ly bia và ống điếu)*. Những vật dụng thường dùng của người họa sĩ được vẽ lại trên một tấm gỗ thật sự, trên đó các bóng phản chiếu làm tăng thêm hiệu lực của ảo giác. Công thức nổi tiếng của Frank Stella: *Điều bạn thấy là điều bạn thấy (what you see is what you see)* được diễn dịch theo nghĩa, hội họa là một điều hoàn toàn vật chất, hình thể và không có một tính cách bí hiểm nào cả. Nay, chính nhờ ở thuyết thực dụng Mỹ, và những kinh nghiệm của nó mà cái định nghĩa *đúng nguyên văn* có thể áp dụng vào hội họa trừu tượng, trường phái có từ Kandinsky, Kupsa, Mondrian, mà đối với họ, đó là một ý thức vũ trụ mang tín siêu hình.

Ngoài ra, còn có một thứ triết học đạo giáo ưa chuộng những điều cao siêu cũng là một nguồn gốc khác của họa tượng Hoa Kỳ, trái ngược với thuyết *nguyên văn* trên. Đấy là một sản phẩm của sự sùng bái tôn thờ thiên nhiên là thần thánh nơi các nhà văn như Thoreau và Emerson. Họ đồng hóa Tạo Vật thiên nhiên với Thượng Đế. Nhiều khái niệm bắt nguồn từ các tôn giáo phương Đông như Phật giáo Thiền tông và Thông thần học, một phong trào triết học duy linh do Annie Besant sáng lập ở Mỹ đã có ảnh hưởng sâu đậm vào Kandinsky cùng những người vẽ trừu tượng đầu tiên. Sức mạnh của tư tưởng thần bí này đã biểu lộ trong các sáng tác hồi đầu thế kỷ của Dove và O'Keeffe, chúng ta lại bắt gặp sau đó trong nghệ thuật của Mark Tobey, người theo thuyết duy tâm bahai, và trong những tác phẩm của Pollock, hay các bức tranh ảo tưởng của Barnett Newman.

Mới đây, những họa sĩ thế hệ trẻ từ bỏ hội họa trừu tượng để đi theo nghệ thuật tượng hình. Ta có thể nói đến trường hợp Bill Jersen, bức tranh *Shangri- La (2)* của ông tượng trưng hình ảnh một phôi thai đã gợi nhớ tấm danh họa *Ligne grise avec du noir, du bleu et du jaune (3) (Đường xám với màu đen, xanh và vàng)* của Georgia O'Keeffe vẽ cách đây hơn sáu mươi năm. Ý muốn thôi thúc sáng tác tranh vô vật thể, vốn đòi hỏi sự vô hạn và những ý niệm tâm linh, đã lụi dần sau những năm sáu mươi. Thời buổi ấy yêu chuộng cách dùng vật liệu và kỹ thuật mới, chẳng hạn như sự sản xuất hàng

---

(1) John F. Peto, Houston, Texas, Meredith Long Gallery.
(2) Bill Jensen, Newyork, Galerie Washburn.
(3) Georgia O'Keeffe, Houston, Texas, Museum of Fine Arts.

loạt và chế tạo công nghiệp. Nhưng vào khoảng năm tám mươi, trong khi một nhóm họa sĩ, Brice Marden, Jake Berthot và Porfirio di Donna, vẫn vẽ trừu tượng thì có những người khác khai thác loại hình tượng hoàn toàn hướng về tôn giáo. Người đi sâu vào khuynh hướng này là Sam Francis.

Trong số những mối ưu tư bất biến của hội họa Hoa Kỳ chúng ta nên nói đến sự chú trọng về cảnh tượng thế thái và phong cảnh thành thị. Nhưng song song với nó, hình thức trừu tượng của sự cơ giới hóa vẫn tiếp tục cuốn hút các nghệ sĩ Mỹ. Ảnh hưởng của các họa sĩ Âu Châu như Fernand Léger và Pieto Mondrian khi họ bị lưu đày sang Nữu Ước vào đệ nhị thế chiến, cũng như sự hiểu biết tường tận về Matisse và Picasso lúc hai người này đến tham dự triển lãm ở Galerie 291 của nhà nhiếp ảnh Alfred Stieglitz ngay trước thế chiến lần thứ nhất đã là những dấu ấn vĩnh cửu. Nhờ sự thành lập viện Bảo tàng Nghệ thuật cận đại ở Nữu Ước năm 1929 mà các họa sĩ Mỹ chưa từng đến Âu Châu được có trong tầm tay những tác phẩm của các họa sư hiện đại Tây phương, điển hình là trường hợp Arthur B. Carles sinh trưởng ở Philadelphia, và Bryon Browne, thành viên của Hội Nghệ sĩ Trừu tượng Hoa Kỳ do một nhóm nghệ sĩ tân tiến thành lập năm 1936 để đề cao phái lập thể và kiến tạo. Họ đã kết hợp lần đầu tiên cách lập thể của Picasso và kiểu *fauviste* của Matisse. Cho tới thế chiến thứ hai lúc nhiều họa sĩ Âu Châu đến Nữu Ước tị nạn , thì nhóm trừu tượng chỉ là thiểu số, bị quần chúng bình dân ưa thích loại tranh nhân gian trong truyền thống tượng hình xem thường. Một họa sĩ cận đại George L.K. Morris từng theo học Léger ở Paris và chịu ảnh hưởng của Hélion, đã thử vẽ những chủ đề Mỹ theo tính cách lập thể. Trong bức *Composition Indienne (4) (Cấu tạo da đỏ)*, Morris đã dùng hình thể và màu sắc của nghệ thuật dân da đỏ châu Mỹ để diễn tả một bộ ngực đàn ông. Trước đó Hartley, O'Keeffe, Dove cùng nhiều người khác đã lấy cảm hứng từ nghệ thuật của Thế Giới Mới. Gần hơn nữa là Peter Young và Alan Shields chịu ảnh hưởng các hình dạng thủ công và các thứ nghi thức da đỏ, những tấm thảm navajo của họ đã gây ra động chạm đáng kể với ngành trừu tượng.

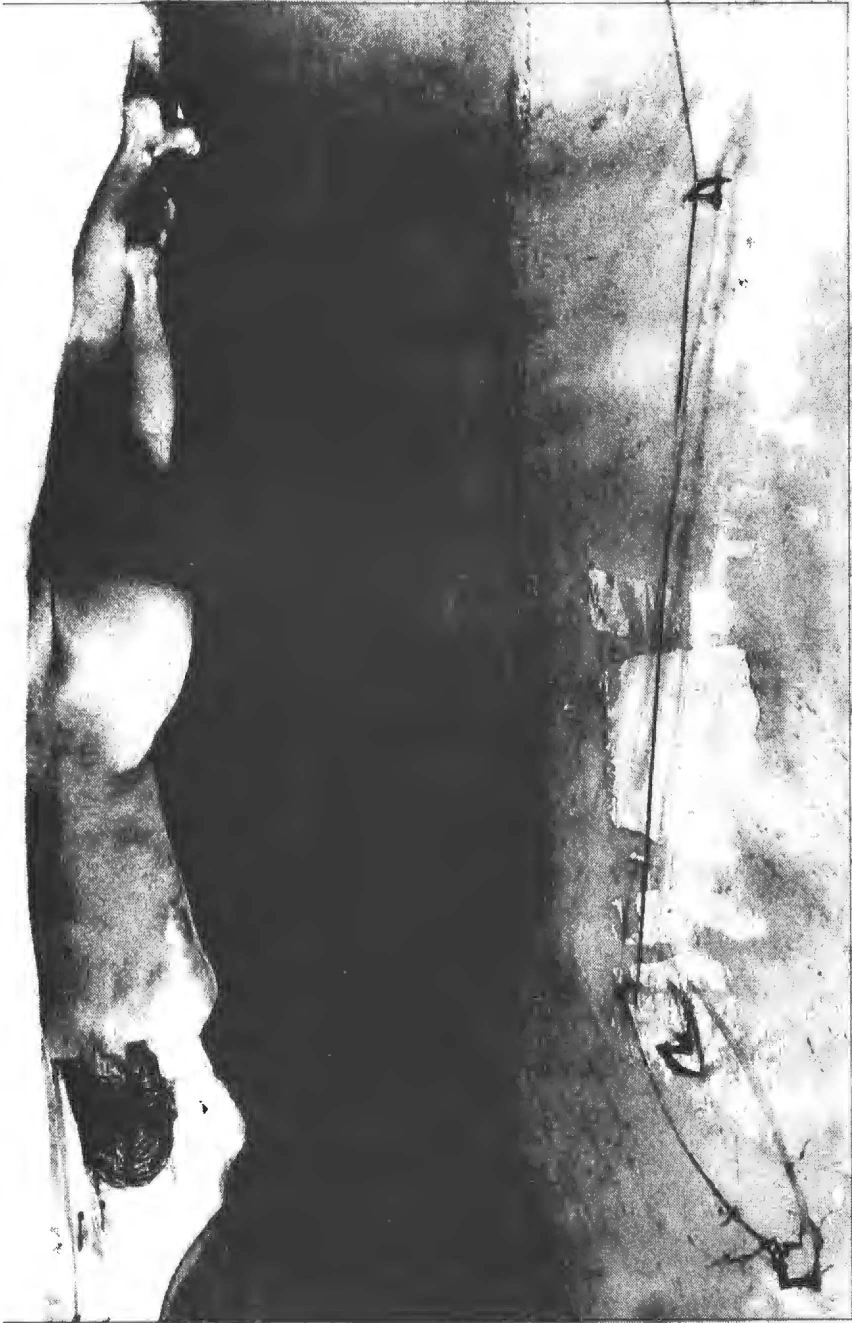
Sau này, mối quan tâm về lịch sử trở nên mạnh mẽ hơn, đặc biệt là lịch sử Hoa Kỳ, đã khuyến khích các họa sĩ không những nên chú tâm đến đề tài lịch sử mà cần có cả cái nhìn phê phán về những thời điểm kém vinh quang của nó. Sự chà đạp dân tộc thiểu số và cuộc tàn sát những thổ dân để cho Âu Châu chiếm làm thuộc địa đã được họ đề cập tới. Họ còn dùng cả phong tục học Hoa Kỳ làm nguồn cảm hứng. Từ đầu này đến đầu kia thế kỷ, những nghệ sĩ và các nhà phê bình đã ý thức được tính nhị nguyên phát sinh bởi ảnh hưởng của một bên là sự ngụy biện Âu Châu, và bên kia là tính chất ngây thơ của Mỹ, mặc dù theo Irving Sandler, trong một nghiên cứu về biểu hiện và trừu

(4) George L. K. Morris, Newyork, Galerie Washburn.

tượng, người Âu đã công nhận sự chiến thắng của hội họa Hoa Kỳ. Tính nhị nguyên này được cảm nhận sâu xa trong các năm ba mươi vào thời kỳ thống trị của chủ nghĩa địa phương - một kiểu sống thực tế tán tụng nếp sống của một nước Mỹ quê mùa. Trong khi đó một số các nghệ sĩ tiền phong thừa nhận phong cách *nghệ thuật lớn* từ Tây phương, họ chê bai các đề tài thế thái phong tục và giai thoại, chỉ có mục đích diễn dịch.

Thời kỳ khủng hoảng nặng trong những năm ba mươi đã được đánh dấu bởi thứ thị hiếu bình dân. Mỗi lần từ châu Âu trở về, nhiều người Mỹ quay lưng từ bỏ hội họa trừu tượng. Thomas Hart, Benton, Masden Hartley, Andrew Dasburg là những người trong số nhiều họa sĩ, dù nguồn gốc phát xuất từ trừu tượng cũng đã vẽ tranh hình thể trong những năm tháng này. Cũng đồng lúc ấy nổi lên phong trào yêu thích *hội họa nhạy cảm* biểu lộ tính cách cá biệt của từng họa sĩ, nó được xem như sự giao hòa, ứng đáp mật thiết giữa mặt bố với bút vẽ. Nhưng số người toan tính thổi vào nền hội họa Mỹ sự tinh tế, ý thức về sắc thái cùng những chi tiết kiểu Tây phương này chỉ là nhóm nhỏ, không có mấy người hưởng ứng. Tỷ dụ trường hợp Arthur B. Carles, chết vì rượu năm 1952, hầu như chẳng ai biết đến, trừ vài đồng nghiệp của ông, John Marin và Hans Hofmann. Morin đã viết như sau về Carles: *Ông đúng là một người đắm say hội họa và có một ý thức tuyệt vời về màu sắc.* Việc đầu tiên mà Trường Nghệ thuật Nữu Ước đã làm là rời xa những thứ vòng vi quanh co, những mặt phẳng nhẵn nhụi và không có cá tính của hội họa Mỹ trẻ dại tân thời. Nhiều người đứng đầu nhóm này, Hans Hofmann, Arshile Gorky và Willem de Kooning, trước kia vốn là những tên tuổi của phái biểu hiện trừu tượng nay nghiêng về phía Âu Châu. Họ có những hiểu biết trực tiếp về các bậc thầy cổ cựu và là những người vẽ giỏi. Pollock cũng đã học vẽ lại những tác phẩm của các họa sư trong suốt những năm học nghề, dù ông không sang tới châu Âu mà chỉ học từ các bản sao.

Cho đến gần đây, hội họa Mỹ được nuôi dưỡng cốt yếu bởi những kiến thức thu lượm gián tiếp qua cách sao chép, điều này đã ảnh hưởng rõ rệt vào phong thái và kỹ thuật của nó. Không có gì quá đáng khi xác định rằng, hội họa Hoa Kỳ đã xuất hiện dưới dạng nhiếp ảnh và sao chụp máy móc. Ngay cả loại tranh phong cảnh hoành tráng của trường Hudson River School ở thế kỷ XIX và những loại tương tự ở miền Tây Hoa Kỳ cũng thường lấy cảm hứng từ thuật in màu trên thạch bản, hay nếu không thì từ các ảnh chụp thực thụ. Các nguồn gốc như vậy có thể giải thích cái khuynh hướng ảnh chụp trong chủ nghĩa hiện thực của họ, cũng như về sự vắng bóng của những đường nét rõ ràng trên mặt tranh. Điều này phân biệt rành mạch hội họa phong cảnh Hoa Kỳ và Âu Châu. Quen lấy cảm hứng từ nhiếp ảnh nên các họa sĩ Mỹ thường bắt chước những mặt sơn đồng màu, nhẵn nhụi và các kiểu cách cắt xén của nó. Kể từ phát minh ra nhiếp ảnh vào năm 1839, và có thể, do nghệ thuật này đã biết cách thu nhận những dữ kiện cùng hình ảnh của thế giới



:rew Wyeth (The Helga Pictures)
:il. 181/8 X 24 inches

thực tế một cách bảo đảm đối với tính cách máy móc và tinh thần Mỹ, nên nó giữ vai trò quyết định trong nghệ thuật hội họa của họ. Một số họa sĩ tên tuổi như Charles Sheeler, Ralston Crawford và Robert Rauschenberg vốn xuất thân là nhà nhiếp ảnh đã dùng nghệ thuật này như một nền tảng làm việc. Nếu Sheeler đã đôi khi sao rập lại nguyên xi các tấm ảnh ông chụp vào tranh vẽ, thì Crawford chỉ dùng ảnh chụp như điểm tựa để khởi đầu. Lắm lúc ông còn sửa chữa lại vài chỗ trên tấm ảnh sau khi đã vẽ xong bức tranh.

Chắc chắn rằng những hình ảnh gạn lọc từ cách sao chép đã góp phần nhấn mạnh tính *sát sự thật* trong hội họa Mỹ. Tuy nhiên nhiều nghệ sĩ cận đại, từ Marsden Hartley tới Ad Reinhardt, đã cưỡng chống được ảnh hưởng của nhiếp ảnh và sự sao rập máy móc này. Đối với họ hội họa mãi tồn tại như một khám phá tâm linh, một kinh nghiệm tiền nghiệm và không phải là điều có thể kiểm chứng. Ở thời buổi cơ giới và khuếch trương kỹ nghệ thì những tư tưởng đối nghịch đó tạo ra một sự nghi ngờ nặng về ý thức tiến bộ nơi các nghệ sĩ Hoa Kỳ. Những lát gỗ sơn nhỏ trong bức họa rất cổ điển *Eglise à Head Tide (Nhà thờ ở Head Tide)* của Marsden Hartley cũng như tấm tranh khổ lớn *Accident (Tai nạn)* mới đây của Donald Sultan đã nói lên sự tương phản này. Cả hai bức tranh thực hiện trên *masonite* đều phát sinh từ lòng ham muốn, đặc biệt t ính cách Hoa Kỳ, là thực hiện những thử nghiệm đa dạng đòi hỏi sự tham dự cùng một lúc của mặt tranh, chất liệu và kỹ thuật. Ngoài ra, cả hai tác phẩm cùng đem đến một cái nhìn không rõ rệt lẫn phê phán về cảnh tượng Mỹ, được diễn đạt bằng một bút pháp vừa biểu hiện vừa chủ quan.

Việc Marsden Hartley rời bỏ trường phái lập thể để tìm nguồn cảm hứng từ những hình ảnh khiêm nhường của nghệ thuật bình dân là dấu hiệu của một tâm trạng muốn gắn bó với sự thật; như khi chọn lựa một nhà thờ làm đề tài cho tấm tranh, người nghệ sĩ chứng tỏ cần in sâu truyền thống Mỹ vào tâm linh. Nhưng ngôi nhà thờ nhỏ đã bị bỏ hoang và những cái cửa sổ đen ngòm của nó ngăn chặn mất ánh sáng Cứu Thế...Tương tự như vậy, phong cảnh kỹ nghệ mà Sultan đã vẽ trong *Accident* bị che nghiêng bởi những đám mây đen dầy đặc, khác hẳn phong thái lạc quan rực rỡ của phái lập thể thực tế máy móc và cả của những nghệ sĩ *pop* sau này. Bức tranh, nhắc lại tai biến của nhà máy nhiệt ở Three Miles Island đã suýt gây ra một thảm họa chưa từng thấy, được xem như điềm dự báo sẽ xảy ra nguy biến. Tính phức tạp của hình ảnh, mối quan tâm về các chi tiết cùng thể thức bí ẩn và bi thảm, là tiếng chuông của một chiều hướng phê phán mới, báo hiệu sự tỉnh dậy của một ý thức lịch sử đủ khả năng để đánh giá và , cũng có lẽ, để tổng hợp các tính phân cực truyền thống của tâm thức và nền hội họa Hoa Kỳ.

NGUYỄN MAI *chuyển ngữ*



KIỀU TOÀN

PHỎNG VẤN NỮ HỌA SĨ ANN PHONG



LTS: *Ngày nay, những nghệ sĩ tạo hình Việt Nam thuộc thế hệ trẻ đang hoạt động trong lãnh vực chuyên môn của mình, tại các quốc gia phương Tây, khá đông. Riêng tại Mỹ, nhiều cuộc triển lãm chung, hoặc cá nhân của họ có tiếng vang tốt.*

Tiếp tục giới thiệu những khuôn mặt trẻ của Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam hải ngoại, số này, Hợp Lưu *mời độc giả theo dõi buổi nói chuyện giữa nữ họa sĩ Ann Phong và nhà báo Kiều Toàn*

Hợp Lưu

ANN PHONG

Sinh năm 1957 tại Sài Gòn.

Đến Mỹ năm 1982. Định cư tại Nam California.

Theo học ngành Nghệ thuật tạo hình, tốt nghiệp Đại học năm 1992.

Lãnh bằng học sinh xuất sắc nhất toàn trường bộ môn hội họa.

Đậu Cao học (Master of Fine Art) năm 1995. Được trường giữ lại làm giáo sư dạy sinh viên năm thứ nhất về hội họa.

Đã triển lãm nhiều lần tại các phòng tranh và

viện bảo tàng Mỹ tại California. Khoảng 10 lần triển lãm cá nhân và hơn 40 lần triển lãm tập thể.

- Chị vẽ từ lúc còn ở Việt Nam hay chỉ ở hải ngoại?

- Tôi thích vẽ từ nhỏ. Lên lớp Tám, để dành được chút tiền, tự "tầm sư học đạo", và đã theo học họa sĩ Văn Đen một thời gian. Nhưng chỉ thực sự chọn hội họa làm nghiệp dĩ từ lúc sang Mỹ.

- Chị có những khó khăn nào không, khi chọn và sống với hội họa? Và những khó khắn, nếu có, có làm chị nãn chí?

- Chọn hội họa và quyết tâm sống thủy chung với nó, đối với một người đàn bà, là chuyện không dễ dàng. Vừa làm vợ, làm mẹ, vừa phải kiếm tiền phụ chồng lo gia đình, thời giờ còn lại cho sáng tác, thật chẳng còn bao nhiêu. Tuy nhiên, có lẽ vì thế, Ann Phong cảm thấy rất quí thời giờ, quí những giây phút được đứng trước khung bố, với cọ, với màu trong tay. Và cũng có lẽ vì thế, khao khát muốn được thể hiện mọi suy nghĩ, tình cảm của mình lên mặt phẳng trắng tinh kia càng trở nên mãnh liệt.

Nói cách khác, khó khăm hẳn nhiên có, nhưng nãn chí thì không. Ann Phong vẫn vẽ đều, và vẫn triển lãm khi có dịp. Triểm lãm cá nhân, triển lãm tập thể. Khách thưởng ngoạn có thể là công chúng Mỹ, có thể chỉ người Việt Nam, và có thể chỉ giới hạn trong giới sinh viên tại các Đại học...

- Đề tài thường đến với chị vào lúc nào?

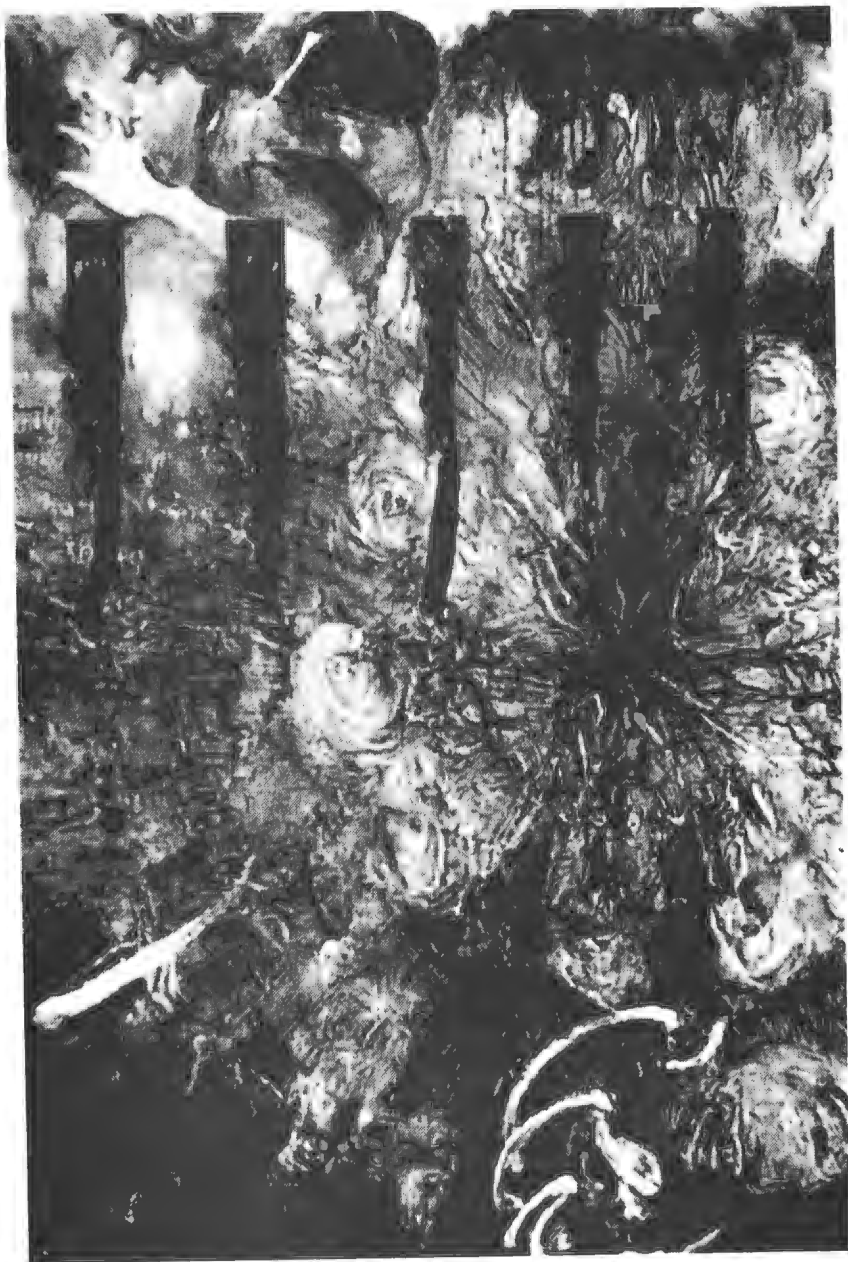
- Bất cứ lúc nào, ở đâu. Trên đường đến trường dạy học. Trong chợ. Ngoài parking. Lúc nấu ăn, rửa chén, giặt quần áo. Ngồi trước màn ảnh TV với chồng, với con buổi tối... Luôn luôn Ann Phong loay hoay với những đề tài, bố cục, bút pháp, màu sắc cho bức tranh sắp tới.

Chị có chọn cho mình một trường phái? Hoặc bị ảnh hưởng bởi một trường phái nào không?

- Ann Phong không biết mình thuộc trường phái nào, vì bản thân không chọn riêng một trường phái để đi. Có thể nói khái quát: Ann Phong chú trọng nội tâm của con người chứ không vẽ cái đẹp bề ngoài của con người.

-Chỉ con người thôi ư?

- Con người, và những gì liên quan đến con người. Thiên nhiên, thực vật, động vật, đồ vật... Nói chung, mọi thứ được chọn và đưa vào tranh, đều không ngoài mục đích chuyển đạt đến con người tiếng nói của một thành viên thuộc cộng đồng người đó.



Ann Phong: *Blood and Bones*
Acrylic on canvas 1996

- Nhiều người nhận xét chị có một bút pháp và một bảng màu rất táo bạo, trái nghịch hẳn với nhiều họa sĩ Việt Nam khác, thuộc phái nữ. Điều ấy nói lên cái gì?

- Lối vẽ của Ann Phong rất phóng khoáng. Về mặt hình thức được diễn tả qua những nét cọ to đi kề những nét nhỏ yếu ớt. Những vũng màu đậm xâm thực qua những gam màu nhạt. Những mãng màu lớn đàn áp những vệt màu nhỏ. Đường thẳng cứng vạch xuyên qua những đường cong. Màu nóng sát kề màu lạnh. Đó là cá tính của Ann Phong. Đó là cái Ann Phong chọn. Nó muốn nói lên cái gì thì chính nó sẽ "nói" với người xem. Ann Phong không thể giải thích khúc triết. Chẳng ai có thể giải thích khúc triết những gì thuộc thế giới tiềm thức. Chỉ biết, qua nhiều cuộc triển lãm cá nhân và tập thể, Ann Phong đã tạo được cho mình một chỗ đứng, không lẫn với nhiều đồng nghiệp khác.

- Trong các chất liệu tạo hình, hình như chị thích sử dụng Acrylic?

- Vâng.

- Tại sao?

- Acrylic có tính chất đặc biệt. Nếu pha loãng sẽ như màu nước. Nếu vẽ dày, sẽ như sơn dầu. Tranh Ann Phong bao gồm hai tính chất trên. Lúc mềm, mềm như nước. Lúc bạo thì màu dày đặc. Một yếu tố khác: Acrylic dùng với nước chứ không cần dùng với các chất hóa học (như turpenoid) để rửa cọ, thành ra không có hại nhiều cho môi sinh.

- Thường, chị đi tìm nguồn cảm hứng từ đâu?

- Đề tài đến với Ann Phong một cách tự nhiên, Từ môi trường chung quanh. Như thân phận di dân, thân phận phụ nữ, sự hội nhập... Đề tài chỉ là khởi điểm cho công việc sáng tác. Khi đi vào tranh thì đường nét, màu sắc, bố cục trở thành quan trọng. Có khi chúng dẫn ta lạc vào một thế giới mới, khác hẳn với định tâm ban đầu. Mỗi lần vẽ Ann Phong có cảm giác như như đang... đánh lộn. Nét cọ đặt trước khiêu chiến với vệt màu sau. Nét mới phá nét cũ. Chồng chéo, đè ép ngang ngược lên nhau. Nhiều khi lúc đầu Ann Phong vẽ một con người hẳn hòi, dần dần nét này bôi xóa nét kia, màu này lấn áp màu nọ, đến khi bức tranh hoàn tất, con người phác thảo ban đầu chỉ còn lại một... bàn tay, bàn chân! Qua trận chiến không ngưng nghỉ đó, kết quả sau cùng có khi là chiến thắng vẻ vang, nhưng có lúc lại thất bại não nề.

- Người ta cho rằng đó là điều khổ tâm mà cũng là cái quyết rũ đối với nghệ sĩ. Người kỹ sư, ông chuyên viên, khi thực hiện một đề án, họ biết họ sẽ làm gì, kết quả thế nào. Nghệ sĩ thì không, sáng tác nào với họ cũng là bài toán chưa có lời giải. Một thách đố. Chị có nghĩ như vậy không?

- Luôn luôn là những thách đố. Cũng đúng thôi. Hội họa là công việc của

sáng tạo. Ngoài phần kỹ thuật mà bất cứ họa sĩ nào muốn vẽ tranh cũng phải học - tự học hoặc học chính qui trường lớp, phần còn lại là nội lực, là tư duy, là thế giới rất hỗn mang còn nằm lẫn khuất đâu đó. Họa sĩ, kẻ sáng tạo, bằng nỗ lực và tài năng của mình, mang cái hỗn mang ấy bày lên khung bố, thành cái cụ thể, cái độc đáo, cái trước đó chưa ai từng làm.



Ann Phong: *At the Shore*
Acrylic on canvas 1995

- Ám ảnh quá khứ hiển lộ khá nhiều trong sáng tác của văn nghệ sĩ văn Việt Nam, từ thơ, văn, đến hội họa... Chị có nghĩ ám ảnh ấy, mặt nào đó, giữ chân không cho chúng ta hội nhập nhanh với nhiều trào lưu mới của nhân loại?

- Tùy mỗi họa sĩ, nếu họ chọn một lý thuyết trừu tượng nào đó thì tranh họ đi theo mẫu số chung của nhiều họa sĩ trên thế giới, họ không bị ràng buộc bởi quá khứ hay chủng tộc. Còn nếu họ chọn đề tài trong hoàn cảnh sống của họ thì tranh sẽ phản ảnh một sắc thái riêng biệt của cộng đồng mà các họa sĩ thuộc chủng tộc khác không có. Nói cách khác, cái "ám ảnh quá khứ" như anh nói không phải là nguyên nhân của việc hội nhập được hay không vào những trào lưu mới, mà là tự thân những sáng tác ấy có đủ tầm vóc, trọng lượng để thế giới chấp nhận hay không mà thôi. Không có nền nghệ thuật nào cũ, và nhỏ, cũng không có nền nghệ thuật nào mới, và lớn. Trước kia người ta cho rằng nghệ thuật Âu châu là chân chính, còn nghệ thuật của tất cả những nơi khác đều thấp kém, chưa phát triển. Điều này đã bị Picasso gạt bỏ. Dưới mắt Picasso, nghệ thuật của các bộ lạc Châu phi cũng có giá trị

ngang hàng với nghệ thuật Pháp thời đó.



Ann Phong: *Thuyền*
Acrylic on canvas 1993-94

- Tôi dùng chữ "ám ảnh quá khứ" không bao quát trong nghĩa rộng như truyền thống, văn hóa, bản sắc chủng tộc..., mà chỉ giới hạn là cuộc chiến Quốc Cộng hai mươi ba năm trước. Cuộc chiến ấy ngày nay vẫn chưa tàn, cùng các hệ quả của nó. Chị có nghĩ tất cả những vướng mắc đó đang níu chân chúng ta?

- Đó là một thực tế không thể phủ nhận. Tuy nhiên, theo Ann Phong, tất cả mọi vấn đề liên quan đến con người - con người nói chung, không phân biệt chủng tộc - như chiến tranh, hòa bình, hạnh phúc, khổ đau, tình yêu, thù hận... đều rất cũ, mà cũng rất mới. Người ta đã viết, đã vẽ, đã bằng rất nhiều hình thức, không ngừng đề cập đến, từ hàng trăm hàng nghìn năm trước. Và chắc chắn người ta sẽ còn tiếp tục, cho đến ngày tận thế. Vậy thì, không phải những vấn đề ấy đã cũ, đã nhàm, khiến chúng ta bị vướng víu, không thể bước vào sân chơi chung của nhân loại, trong lãnh vực văn học nghệ thuật. Mà là, chúng ta khai thác, thể hiện chúng như thế nào. Nói cách khác, trong nghệ thuật, nhất là nghệ thuật tạo hình, đề tài chỉ là cái cớ.

- Tương lai, chị có nghĩ sẽ lúc chị chọn một hình thức biểu hiện khác?

- Ann Phong quan niệm sáng tác là phản ánh trung thực tâm trạng của cá nhân người nghệ sĩ, nói riêng, và môi trường họ đang sống, nói chung. Có thể sau này tâm tư cũng như môi trường sống sẽ khác đi, thì sáng tác của Ann Phong cũng khác đi. Nhưng chuyện ấy thuộc về tương lai, mà tương lai thì không ai có thể tiên đoán chính xác được, phải không, thưa anh?

- Chị nghĩ thế nào về sinh hoạt hội họa của người Việt Nam tại Mỹ, nói riêng, tại các quốc gia khác nói chung?

- Người họa sĩ thành danh là nhờ sáng tác nhiều, có người coi tranh, phê bình tranh, mua tranh, để khuyến khích, tạo điều kiện giúp họa sĩ có thể tiếp tục công việc. Họa sĩ Việt Nam ở đây nói chung chưa hưởng được hạnh phúc này. Vì nhiều lý do, trong đó trở ngại lớn nhất là việc hội nhập của họ khó khăn hơn rất nhiều so với lớp trẻ. Lớp trẻ trưởng thành và được giáo dục tại Mỹ, tại các quốc gia tiên tiến khác, sử dụng ngôn ngữ bản địa thông thạo, và hấp thụ cũng như tiếp thu nhiều yếu tố khác dễ dàng hơn. Do đó, nếu không sống được bằng cây cọ vẽ, họ cũng có thể kiếm ra việc làm khác không khó, để nuôi sống bản thân và gia đình, rồi theo đuổi hội họa bằng thời gian rảnh rỗi còn lại. Nhờ vậy, tranh của họ không bị áo cơm chi phối. Hay nói cách khác, họ tự do hơn trong sách tác. Họ vẽ cái họ muốn vẽ chứ không phải vẽ cái số đông quần chúng muốn. Một khi thoát được vòng vây của vật chất, thì tay cọ sẽ mạnh bạo hơn, có hồn hơn. Nó là tiếng nói phát xuất từ trái tim và tư duy, chứ không phải xuất phát từ những tờ giấy xanh. Nói tóm lại, chỉ có thể làm nghệ thuật thực sự khi ta không còn bận tâm với những chuyện "đời thường" như tiềm tài, danh vọng.

Chị có những ước mơ, hoài bão nào cho nghề của mình?

- Ước mơ, hoài bão có lẽ không có bao nhiêu. Ann phong còn cả một đời dài phía trước, và Ann phong cũng quan niệm rất vừa phải rằng, muốn sống thoải mái, thì càng ít ước mơ càng tốt. Giản dị hơn: hãy cứ tạm bằng lòng thực tại, để vui sống.

- Chị có điều gì muốn nói thêm?

- Mỗi tháng xin hãy dành chút thì giờ đi xem triển lãm tranh. Nếu tranh khó hiểu thì xin nói chuyện với họa sĩ. Họ sẵn sàng giải thích, thảo luận, và lắng nghe.

- Cám ơn chị, nữ họa sĩ Ann Phong.

KIỀU TOÀN



VĂN NGHỆ SĨ VIỆT NAM

Tác Giả - Tác Phẩm - Chân Dung Tự Họa



ĐINH PHỤNG TIẾN

Sinh năm 1940 tại Nam Định. Nguyên là sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Phóng viên Việt Nam Thông Tấn Xã. Đã cộng tác với nhiều nhật báo tại Sàigòn trước 1975. Sau 1975, qua nhiều trại cải tạo từ Nam đến Bắc Việt Nam. Định cư tại Hoa Kỳ từ năm 1992. Một số truyện ngắn đã in trong tạp chí *Văn Học* và *Thế Kỷ 21* tại California.

Sách đã xuất bản:
Hòn Bi (truyện. Sàigòn, Việt Nam 1967)
Cơn Lốc (truyện. Sài gòn, Việt Nam 1969
Trên Đôi Cánh Hạc (tập truyện ngắn. California, Hoa Kỳ 1997)

Những truyện ngắn trong tuyển tập **Trên Đôi Cánh Hạc** được viết trong năm 1993, và xuất bản tại California Hoa Kỳ năm 1997.

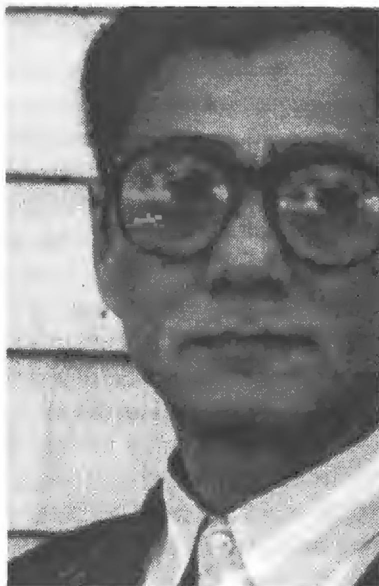
Kinh nghiệm sống là chất liệu vô cùng quí báu của người viết. Và người viết không thể tách rời nơi anh ta đang sinh sống để nói chuyện, bày tỏ những suy nghĩ của mình với người cùng thời. Làm được điều ấy, ít ra là, anh ta không thể không có những kinh ngfhiệm sâu đậm về nơi chốn mà anh ta đã sinh ra và lớn lên.

Người viết và người đọc bao giờ cũng là đôi bạn song hành, nhưng người viết phải đi trước ít nữa là nửa bước chân. Cho nên, mỗi nhà văn đều có một số độc giả riêng của mình. Họ thường cùng đi chung với nhau trên từng chặn đường. Cho đến lúc, một trong hai người đồng hành ấy, có người bước nhanh

hơn, hẳn có người bị bỏ rơi lại phía sau. Điều ấy giải thích rất rõ là một khi anh nhà văn không còn đủ khả năng đáp ứng được những yêu cầu của người đọc, anh ta bị quần chúng mình bỏ rơi. Ngược lại, người đọc không theo kịp người bạn đồng hành của mình cũng sẽ rơi vào hoàn cảnh tương tự. Chừng đó, sự ly dị ắt xảy ra và mỗi người đi tìm kiếm cho mình... người bạn đồng hành mới. Đây là một cố gắng của cả hai phía: người viết và người đọc.

Những người viết và người đọc Việt Nam ở hải ngoại đang ở trong một hoàn cảnh hết sức lạ lùng. Ở thế hệ thứ nhất, họ có cùng với nhau một quá khứ. Họ dễ dàng chia xẻ với nhau những kinh nghiệm ấy. Qua thế hệ thứ hai hay thứ ba, điều gì sẽ xảy ra? Chừng ấy, thực tế sẽ đòi hỏi phải có những người viết mới. Những người viết mới vào thời điểm bấy giờ sẽ lại khác chúng ta ngày hôm nay. Ngôn ngữ sẽ thay đổi. Sự phát triển của dòng văn chương mà chúng ta vẫn gọi là dòng văn chương hải ngoại sẽ phát triển với nhiều nét hết sức bất ngờ.

Những nhà văn trong nước bao giờ cũng giữ một vai trò chính yếu. Vì họ ở với quê hương.



LÂM CHƯƠNG

Tên thật: Lâm Chương.

Sinh: 1942, Gò Dầu Hạ, Tây Ninh.

Nhập ngũ khoá 24 sĩ quan trừ bị Thủ Đức, phục vụ trong binh chủng Biệt Động Quân.

Tù cải tạo, từ 1975 đến 1985.

Vượt biên năm 1988.

Định cư tại Boston, Massachusetts, Hoa Kỳ.

Tác phẩm đã in:

Loài cây nhớ gió (thơ).

Có thơ đăng:

- Trước 1975: *Bách Khoa, Văn, Văn Học, Khởi Hành, ...*
- Sau 1988: *Sóng, Văn Học, Hợp Lưu, ...*

Nhiều người coi chuyện làm thơ như một cái nghiệp. Đối với tôi, làm thơ cũng là một cách chơi. Thích thì làm, không thích thì thôi. Có khi mười lăm năm không làm bài nào, thấy đời vẫn vậy.

Tôi chẳng bao giờ bận tâm suy nghĩ: viết gì, viết thế nào, viết cho ai? Hỏi như thế là đặt mình vào một vị trí quan trọng, tự coi mình có sứ mệnh hướng dẫn tư tưởng người khác. Vì không cảm thấy mình quan trọng, nên tôi muốn

viết gì thì viết. Không chịu một trách nhiệm nào, với ai cả. Đầu tiên, tôi viết cho tôi, không xu hướng theo ý người khác. Viết xong, gởi đăng báo chơi, thấy tên mình xuất hiện cũng vui vui. Người khác có thích hay không, tôi đành chịu.

Thời tuổi trẻ, tôi thường làm thơ thất tình và rên la cho thân phận kiếp người. Tất cả đều là láo hết. Giả dối với chính mình. Sở dĩ có hiện tượng này, vì tôi bắt chước theo trào lưu lúc đó, cố nhồi nhét những loại triết thuyết tai hại vào đầu. Tưởng tượng mình đau khổ, rồi làm thơ. Mấy mươi năm sau, đọc lại những bài thơ này, tôi mắc cở!

Hiện tại, thơ tôi phản ảnh đời sống tôi, cô đọng và bình dị. Bình dị cũng là một dụng công. Nếu không dụng công, dễ bị rơi vào lối mòn, sáo ngữ. Tôi tránh lối làm thơ dùng nhiều chữ bóng bẩy, đem ghép thành vần, đọc lên nghe thật êm tai nhưng rỗng tuếch. Từ ngày còn ngồi trên ghế nhà trường, đã học và đọc thơ người khác, vô tình bị ảnh hưởng. Bây giờ, muốn thoát ra khỏi cái hơi hướm quen thuộc, là điều không dễ.

Tôi làm thơ rất khó khăn. Cân nhắc từng chữ. Nhiều khi làm câu sau, thấy không phù hợp với câu trước, hoặc ý không liên tục, xoá bỏ, làm lại. Hoàn thành một bài thơ, tôi phải trải qua rất nhiều bôi xoá. Dù coi chuyện làm thơ như một cách chơi nhưng không vì thế mà dễ dãi với mình. Càng gạn lọc để cô đọng được ý chính, tôi càng thích.

Tôi làm thơ rất chậm. Làm thơ không giống như sản xuất, nên không cần đạt số lượng, chỉ tiêu. Vài tháng mới xong một bài là chuyện thường.

Khó nói hết ý nghĩa của thơ. Đã có nhiều người đặt vấn đề lý giải về thơ. Người nào cũng có lý, dù lý của người này, nhiều khi tương phản với ý người kia. Với tôi, tôi nhìn thơ rất đơn giản. Yếu tính của thơ là truyền cảm và những khám phá bất ngờ. Thơ có thể thiếu một trong hai yếu tính này, nhưng nếu thiếu cả hai, thơ khó đi vào lòng người.

Tôi không thích loại thơ tối nghĩa. Có thể tác giả muốn làm dáng, muốn lập dị. Dù muốn làm gì thì làm, nhưng tôi vẫn thấy nơi họ một sự bất tài, vì không đủ khả năng diễn đạt cho người đọc hiểu được những gì tác giả muốn gởi gấm qua bài thơ. Tôi nói lên ý này trong một bài (bài này không đủ yếu tính làm thành một bài thơ, nhưng cứ ngắt câu, xuống hàng cho có hình thức như bài thơ), trích vài câu:

có cõi tối tăm nào
nhìn thấy được cõi tối tăm kia
qua những bài thơ
như bài thần chú?

nếu không lập dị
họ không thành thi sĩ!

Tôi nói thế, sẽ có người hỏi: "Thi sĩ Bùi Giáng làm thơ có những câu cũng tối nghĩa, sao đọc vẫn thấy hay?" Câu trả lời rất đơn giản: "Thơ Bùi Giáng có yếu tính truyền cảm và những khám phá bất ngờ trong cách dùng chữ, cách nhìn sự việc (nhưng không phải bài nào cũng hay đâu). Ưu điểm lớn nhất để người đọc cảm được là Bùi Giáng làm thơ bằng tấm lòng chân thật của một kẻ không bình thường. Từ khi có hiện tượng Bùi Giáng, đã có nhiều người lấp lững bắt chước làm thơ kiểu Bùi Giáng, nhưng tất cả đều thất bại. Người đọc nhìn thấy họ giả điên một cách lố bịch. Khó lòng cảm thông được với kẻ giả trá.

Về những nhà phê bình. Có những người tôi rất thích, nhưng chợt một hôm nào đó, tôi cảm thấy bị lừa. Một trong những người đó là Nguyễn Hưng Quốc. Ông có cái nhìn sâu sắc, bén nhạy về thơ, nhưng đôi khi ông đi quá đà. Đọc bài *"Đêm"* trong **Liên Đêm Mặt Trời Tìm Thấy,** của Thanh Tâm Tuyền, tôi không hiểu gì cả. Thế nhưng, ông Nguyễn Hưng Quốc giải thích rất dễ dàng, sáng sủa. Chẳng biết ông Thanh Tâm Tuyền nghĩ sao về lời giải thích này? Chứ tôi, tôi không tin! Tôi cũng thích nhà phê bình Đặng Tiến, nhưng qua bài phê bình tập thơ **Bóng Chữ** của Lê Đạt, tôi cảm thấy bị ông dẫn đi quá xa. Ông tán hươu tán vượn đủ điều để khoe kiến thức của mình về những bài thơ làm dáng rất tầm thường của Lê Đạt. Còn một người nữa, nhà phê bình Thụy Khuê. Hình như bà đọc quá nhiều, nhưng không tiêu hoá được. Đọc xong những bài luận giải về thơ của bà, người yếu bóng vía, không ai dám làm thơ. Kể cả người đọc thơ cũng cảm thầy từ lâu mình không biết thưởng thức thơ là gì.

Nội dung của bài này, không phải là bài phê bình những nhà phê bình nên không thể dài dòng. Tôi chỉ muốn nói một điều, thơ rất đơn giản. Đừng làm cho thơ trở thành một vấn đề rắc rối, điên đầu thiên hạ.



LÊ MINH HÀ

Sinh ngày 24 tháng tám năm 1962 tại Hà Nội. Cử nhân văn chương.

ĐỖ QUANG NGHĨA

Sinh ngày 27 tháng mười năm 1961 tại Hà Nội. Kỹ sư điện tử.

Hay ký một tên chung: Đỗ Quang Nghĩa. Viết và in rải rác ở *Cánh én, Hy vọng* (Đức), *Diễn đàn Forum* (Pháp), *Hợp Lưu, Văn, Văn*

Học (Mỹ) song chưa tập hợp thành sách bao giờ.

Các thể loại ưa thích: Thơ, truyện ngắn, phê bình.



Suy nghĩ chung về văn học:

Nguyễn Huy Thiệp từng nói rằng thơ ca là thứ dành cho kẻ bạc phước (*Giọt máu*). Chẳng hẳn là quá lời. Muốn nói thêm: Như là một ân huệ. Nhờ đó mà tin mình, tin nhau, tin người. Để mà sống.

Thích đọc hơn thích viết. Có lẽ vì lười. Những ý tưởng thường đến bất ngờ, nhưng không phải lúc nào cũng thành được một - cái - gì - đó. Cũng có khi đã có thể coi là một tác phẩm nhưng rồi lãng đi không lưu lại và mất hẳn. Sau đó rất tiếc.

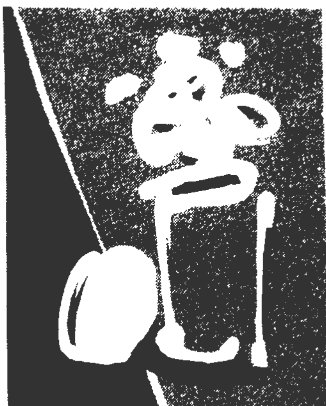
Viết nhiều và từ rất lâu. Chỉ công bố ít nhiều từ khi xin tỵ nạn tại Đức. Vì một lời khuyên của một người bạn chưa bao giờ gặp - V.H.L (Hung). Rằng cứ gửi đại, và xin sách đại, trong khi còn chưa phải về nước và chưa có tiền mua, để mà biết về một mảng văn học chưa bao giờ được học: - Văn học miền Nam 54 - 75. Mục đích rất tầm thường. Cũng rất tầm thường khi vô cùng khoái chí vào lần đầu *Hợp Lưu* đăng một truyện ngắn viết từ hồi ở Việt Nam.

Ngoài ra, còn một lý do trong sự ít đăng ở những tờ (báo) ra tờ: thường đọc của nhau đầu tiên và thường chê bai nhau đến nhụt cả tự tin sau khi viết xong một cái gì.



NGUYỄN TRẦN PH.

TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT



TỪ CHỐI HUY CHƯƠNG NGHỆ THUẬT QUỐC GIA

Lý luận rằng những quan tâm của bà "trong cương vị một nghệ sĩ thì bất khả tách rời với quan tâm trong cương vị một thi sĩ," nhà thơ từng được giải thưởng và cũng là nhà hoạt động nữ quyền Adrienne Rich đã từ chối Huy Chương Nghệ Thuật Quốc Gia 1997 do Tổng Thống Hoa Kỳ tặng.

Nhà thơ Rich nói, "Nhất định phải có một quan hệ chủ yếu giữa điều kiện sống của mọi người trong xã hội và điều kiện cho nghệ thuật. Một chính phủ đã có quá ít quan tâm đối với con người, mà bây giờ nhà nước này lại ngăn cách nghệ thuật và vinh danh một vài nghệ sĩ, thì chẳng có chi là lương thiện."

Huy Chương Nghệ Thuật Quốc gia (National Medal for the Arts) được xem như một trong những giải cao quý nhất của chính phủ, được Quốc Hội lập ra từ năm 1984, và quản trị bởi Sở Bảo Trợ Nghệ Thuật Quốc Gia (NEA). Danh sách đề cử viên được duyệt xét bởi Hội Đồng Nghệ Thuật Quốc Gia, và các đề nghị được trình lên Tổng Thống để theo đây lựa chọn người được trao huy chương. Những người thắng giải sẽ được vinh danh trong một buổi lễ và một bữa ăn tối tại Bạch Ốc.

"Tôi biết chính xác tại sao tôi không thể hiện diện trong buổi lễ đó," theo lời nhà thơ Rich, người đã khảo sát về vấn đề quan hệ giữa nghệ thuật và xã hội khi viết cuốn Nơi Đó: Sổ Tay về Thi Ca và Chính Trị (What Is Found

There: Notebooks on Poetry and Politics, NXB Norton, 1993). Trong lá thư đề ngày 3.7.97 gửi cho Chủ Tịch Sở NEA Jane Alexander, nhà thơ Rich viết, "Hố ngăn cách giữa người dân Mỹ về quyền lực và giàu có đang ngày một đào sâu thêm với tốc độ kinh khủng. Một vị Tổng Thống không thể nào vinh danh một cách có ý nghĩa một vài nghệ sĩ nào đó trong khi dân chúng ngoài kia rất mực là tủi nhục."

Rich đã viết 4 tác phẩm về lý luận, và hơn 15 tập thơ, với cuốn mới nhất là Những Cánh Đồng Tối Cộng Hòa: Các Bài thơ 1991-1995 (Dark Fields of the Republic: Poems 1991-1995, NXB Norton, 1995). Bà đã nhận được ít nhất là 12 giải thưởng khác nhau về thơ.

Nhà thơ Rich không nhận được trả lời nào từ Tổng Thống về quyết định từ chối huy chương, nhưng trong một bài trên báo New York Times ngày 11.7, Alexander nói rằng ông tôn trọng quyết định của nhà thơ Rich. Theo tờ N.Y. Times, Bạch Ốc có thể sẽ thay thế Rich bằng một nghệ sĩ khác.

Với hành động từ chối huy chương, Rich hy vọng kêu gọi thêm thảo luận về quan hệ của nghệ thuật đối với xã hội. Bà nói rằng ảnh hưởng tốt đẹp nhất của quyết định từ chối trên chính là cơ hội nói lên cho những người mà tiếng nói của họ không luôn luôn được nghe tới.

BINH ĐOÀN NHÀ VĂN

Thử nghĩ tới hình ảnh các nhà văn Mai Thảo và Võ Phiến làm việc cộng đồng, thí dụ như dạy các em học trò trung học viết văn hay làm thơ. Những hình ảnh này thật sự đang là chuyện thường ngày của một số nhà văn Mỹ.

Với nhiệm vụ làm trung gian cho những thay đổi xã hội, 60 nhà văn chuyên nghiệp đang nhận làm việc trong các chương trình lâu cả năm tại các cộng đồng nghèo trong 3 thành phố. Họ là thành viên của WritersCorps (Binh Đoàn Nhà Văn).

Được hình thành từ năm 1994, WritersCorp là một chương trình nghệ thuật quốc gia để phục vụ cộng đồng—đây là một trong 2 chương trình nghệ thuật duy nhất được tài trợ của AmeriCorps, một cơ quan được thành lập bởi Tổng Thống Clinton năm 1993. Trong khi hầu hết các chương trình do nhà nước bảo trợ tập trung vào việc giúp đỡ dân nghèo, thì WritersCorps tập trung vào các món ăn tinh thần. Bên cạnh việc hướng dẫn đọc sách và tạo khả năng truyền thông, WritersCorps nhắm tăng cường các khả năng công dân, tạo sự hợp tác công dân qua phương tiện văn học nghệ thuật, tạo đam mê khác thay cho bạo lực, rượu và ma túy.

Theo Ed Taylor, người điều hợp toàn quốc của WritersCorps, chương trình này đã phục vụ hơn 10,000 người tham dự tại 213 tổ chức trên nước Mỹ, và đã xuất bản 150 tác phẩm của học trò.

Chúng ta thử nhìn về hoạt động của tổ chức này tại một thành phố Bắc California.

Tại San Francisco, các thành viên WritersCorps đã hướng dẫn các em từ 7 tuổi tới 23 tuổi. Chương trình nơi đây dựa trên một chương trình có sẵn sau giờ học bình thường (quản trị bởi Ty Giáo Dục & Nghệ Thuật Cộng Đồng) và tập trung nhiều vào văn học nghệ thuật.

Chia làm việc theo từng nhóm, các thành viên San Francisco Writers-Corps dùng dạy nghệ thuật kịch và soạn kịch cho các trẻ em di dân, những người không dùng Anh văn như ngôn ngữ mẹ đẻ; họ hợp tác với các họa sĩ để tạo nên những tranh tường với chữ và hình ảnh trong các hẽm hóc Khu Tenderloin, một nơi xảy ra nhiều vụ án ma túy và mãi dâm (nơi một trùm băng đảng Việt Nam, Trần Cường, đã bị một băng đối thủ hạ sát khi giành quyền kiểm soát các quán rượu gốc Á); và họ hợp tác với Chương trình Shakespeare Nửa Đêm (Midnight Shakespeare Program), một chương trình sân khấu cho trẻ em vị thành niên trong một khu phố nghèo, nhiều tội phạm.

Các nhà văn chuyên nghiệp này hưởng lương ra sao? Bởi vì đây là một chương trình thiện nguyện, tiền trợ cấp rất là khiêm tốn. Với 900 giờ phục vụ cộng đồng trải ra trong 9 tháng, họ được lãnh gần 6,000$ và một giải thưởng giáo dục 2,300$ (chỉ để sử dụng cho chi phí giáo dục hoặc trả nợ khi còn đi học). Thiệt là khó mà ăn tiền nhà nước; tất cả khoản tiền này còn thua tiền trợ cấp xã hội mà một di dân mới tới nước Mỹ có thể nhận.

Một chương trình tốt đẹp như vậy nhưng lại có thể sắp bị cắt bỏ. Trong 4 năm đầu, WritersCorps được hậu thuẫn từ nhiều người, trong đó có Jane Alexander, chủ tịch Sở Bảo Trợ Nghệ Thuật NEA. Các hậu thuẫn khác còn tới từ các công ty như Nissan Motor Corporation USA và các hội bất vụ lợi tư nhân. Trong khuynh hướng giảm chi cắt bớt ngân sách, WritersCorps đang bị chất vấn về các phương pháp đo lường hiệu quả bằng các con số (Nếu không hiệu quả thì phải dẹp, đó là thông điệp của Quốc Hội).

Nhưng làm cách nào tìm được các con số đo lường ảnh hưởng của những hoạt động nghệ thuật? Đó là hành động gieo hạt thường khi phải mất tới 30 năm sau mới thấy hết được những cánh hoa nở ra.

TRẬN GIẶC BÁN SÁCH QUA INTERNET

Trước tình hình hung hiểm sau khi nhà sách khổng lồ Barnes & Noble nhảy lên lưới điện toán Internet tranh thị trường, công ty Amazon.com, chuyên bán sách qua lưới WWW, đã tung ra một đợt quảng cáo mới với tiếp sức từ một cây cổ thụ, nhà văn John Updike.

Dĩ nhiên là không có chuyện quảng cáo kiểu như lên TV rao bán hay nhào lộn như các cầu thủ bóng rổ, bóng cà na, nhà văn Updike chơi một kiểu văn

chương hơn.

Trong một hành động mà ông diễn tả như là "đưa đầu tôi vào miệng con sư tử điện tử," nhà văn từng được 2 giải Pulitzer này viết phần khởi đầu của một truyện nhan đề "Murder Makes the Magazine" (Giết Người Làm Nên Tạp Chí) đặc biệt riêng cho Trang Nhà Amazon.com.

Đoạn văn đầu của "Murder Makes the Magazine" xuất hiện trên địa chỉ (http://www.amazon.com) hôm thứ ba, 29.7.1997. Trong vòng 44 ngày sau đó, những người sử dụng lưới Internet vào trang Amazon.com có thể viết và gửi vào các đoạn văn riêng của họ để tiếp theo truyện bỏ lửng của Updike. Tới ngày 12.9, nhà văn Updike sẽ viết đoạn kết cho truyện ngắn tập thể này.

Những người có các đoạn văn được ban biên tập Amazon.com chọn để nối theo truyện bỏ lửng trên sẽ được lãnh 1,000$ mỗi người. Tất cả những người vào đọc trang có truyện này có thể ghi danh để thắng một giải độc đắc 100,000$. Người thắng giải sẽ được thông báo khi cuộc thi này chấm dứt.

John Updike, người thắng giải Pulitzer về Tiểu Thuyết năm 1982 với cuốn *Rabbit Is Rich* và một lần nữa vào năm 1991 với cuốn *Rabbit at Rest* (ông là người thứ ba được 2 giải Pulitzer về Tiểu Thuyết), sẽ được nhà Knopf in cuốn tiểu thuyết thứ 18 của ông mùa thu này.

Amazon.com, Inc., còn có tên là Earth's Biggest Bookstore (Nhà Sách Lớn Nhất Địa Cầu), có danh mục sách với 2.5 triệu nhan sách đủ loại.

CÓ HỒN ANH TRÊN TỪNG TRANG HOẠT HỌA

Nhà biên tập quá cố Mark Gruenwald của NXB Marvel Comics đã được thỏa mãn lời ước cuối cùng: Tro xác của ông được trộn vào mực và in vào một cuốn truyện tranh hoạt họa.

Mark Harras, Tổng Biên Tập nhà Marvel, nói, "Đây là điều mà anh ta thực sự mong muốn, bởi vì anh ta thực sự mê truyện hoạt họa. anh ta muốn trở thành một phần trong sáng tác của anh một nghĩa cụ thể."

Gruenwald đã chết vì đau tim năm 42 tuổi. Tro xác của nhà biên tập kỳ cựu của NXB Marvel này đã được trộn vào thùng mực tại một xưởng in tại Canton, Ohio, để chạy in cuốn Squadron Supreme, một đợt tái bản của cuốn hoạt họa ông viết năm 1985, theo lời của Harras hôm thứ năm 28.8.1997.

GIẢI THƯỞNG CHO MỘT VẤN ĐỀ NHÂN LOẠI

Nhà văn Mỹ Donovan Webster đã thắng Giải Lionel Gelber 1997 với tác phẩm đầu tiên, một tuyển tập các bài tiểu luận về hậu quả của các cuộc chiến trên dân chúng sau một thời gian dài kể từ khi chấm dứt chiến tranh.

Cuốn *Aftermath: The Remnants of War* được lựa chọn bởi một ban giám khảo 5 người cho giải thưởng 50,000 Mỹ kim, một trong những giải lớn nhất trên thế giới cho các tác phẩm về các vấn đề quốc tế.

Webster, cư dân Charlottesville, Va. (Mỹ), đã viết cho tờ The New Yorker, National Geographic và các tạp chí khác. Ông đã du lịch Pháp, Nga, Việt Nam, Kuwait và một khu thử nghiệm vũ khí tại Nevada để tìm tài liệu cho cuốn sách trên.

Ông đã viết về những quả đạn pháo chưa nổ của Thế Chiến I vẫn còn nằm dưới các cánh đồng ruộng Pháp, về các bãi mìn trải khắp trên sa mạc Kuwait, và về những phụ nữ Việt Nam—những người này khi còn trẻ đã thở nhằm hơi độc Da Cam (Agent Orange) và bây giờ sinh con bẩm sinh khuyết tật.

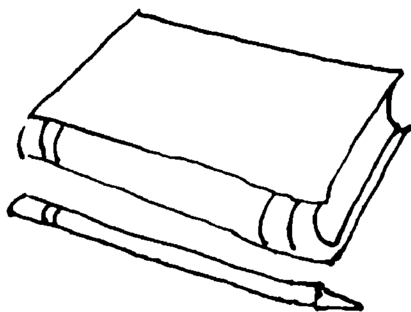
Cuốn *Aftermath* được chọn từ danh sách năm cuốn chung kết, lấy từ 122 tác phẩm đệ trình. Giải này sẽ trao trong một buổi lễ ngày 9.10.1997 tại The Art Gallery of Ontario, Canada.

NGUYỄN TRẦN PH.



KIM THI

NGÀY... THÁNG



Ngày 3 tháng 8 năm 1997

Ngày này, 5 năm trước, Nguyễn Tất Nhiên từ trần.

Trong cuộc sống tất bật bây giờ, một người ra đi, dù ruột thịt, hay tiếng tăm lừng lẫy, cũng không đủ mạnh tồn tại lâu trong trí nhớ người còn sống, huống chi cái chết của một thi sĩ.

Chân thật mà nói, thuở còn sống, Nguyễn Tất Nhiên chỉ là một trong rất nhiều bằng hữu khác của Kim Thi, thỉnh thoảng gặp, uống chung vài chai bia, một hai ly rượu và cà kê dăm điều ba chuyện loanh quanh nhảm nhí. Rồi chia tay, mỗi người một hướng đời, với ràng buộc hệ lụy riêng, hạnh phúc khổ đau riêng. Không ai đủ sức nâng giúp được ai. Vài tháng sau cùng trước khi từ trần, Nguyễn Tất Nhiên rơi sâu vào thế giới tâm thần, Kim Thi lại càng "vô can". Thảng hoặc Nhiên tìm đến nhà, một bữa cơm, một chỗ ngủ, vài mươi đồng nhuận bút trả cho một bài thơ đã làm (hoặc sẽ làm, hoặc không bao giờ làm)... Chỉ như thế, và chỉ giới hạn có thế. Tất cả nằm trong tương quan giao tế bình thường, với mọi người, không chỉ với Nhiên.

Hôm nay, nhắc đến Nhiên, chẳng phải vì bị thôi thúc bởi một thứ tình cảm "vĩ đại và cảm động" nào. Chỉ vì, hàng năm, ngày 3 tháng 8, là ngày giỗ Nguyễn Tất Nhiên.

Ngày này, 5 năm trước, Kim Thi được nhà văn Phạm Quốc Bảo gọi điện thoại từ tòa soạn nhật báo *Người Việt*, báo tin Nguyễn Tất Nhiên từ trần. Anh nói, "Nhiên chết trong xe tại chùa Việt Nam. Người ta đang giảo nghiệm để tìm nguyên nhân. Có lẽ hắn tự tử". Trước đó, trong vài lần gặp gỡ sau cùng,

Kim Thi linh cảm thể nào Nhiên cũng sẽ ném sinh mệnh mình vào cuộc chơi cuối: cái chết. Linh cảm, và ngầm đồng ý. Bởi lẽ, kéo dài một đời sống như thế, là kéo dài những khổ đau vô phương tháo gỡ, với chính bản thân, với mọi hệ lụy gần xa. Vì thế, mẩu tin ngắn Phạm Quốc Bảo chuyển cho sáng hôm ấy, không làm Kim Thi ngạc nhiên, chỉ khiến Kim Thi buồn. Thế là hắn đã chết. Thế là từ nay, mãi mãi không còn gặp hắn. Mãi mãi.

Một hai hôm sau, trong không gian no ứ tử khí của nhà quàng, KimThi đã thắp trước linh cửu hắn ba nén nhang, đã nhìn hắn nằm bình yên giữa những đóa hồng trắng, đã cùng kê vai khiêng linh cửu hắn tiến ra huyệt mộ, và đã ném một nhánh hoa vĩnh biệt trên nắp áo quan... Đó là nghĩa tử, đó cũng là nghĩa tận.

Hai tháng, ba tháng... Bốn năm, năm năm... Thời gian dửng dưng trôi. Thời gian đắp lên ký ức người ở lại tầng tầng biến cố. Thời gian thừa khả năng xóa quên mọi chuyện. Thảng hoặc có lúc nhớ đến Nhiên, thì hình ảnh hắn đã rất nhạt nhòa. Không đủ gợn một thoáng buồn.

Cho nên, nhớ đến Nhiên, bây giờ, chỉ là nhớ đến những giai thoại.

Hầu như tất cả mọi người nữ có mặt trên trần gian này, đều là người yêu của Nhiên. Dù họ có chồng hay chưa, chỉ cần gặp Nhiên một lần, một lần duy nhất, là sau đó, với bất cứ ai, Nhiên đều chân thành tâm sự, rằng anh rất âu lo cho người nữ này, rằng bà ta (cô ta) đã yêu anh quá sâu đậm, mà anh thì (vì lý do nọ, lý do kia) không thể đáp ứng lại tấm chân tình ấy... Nói tóm lại, những người đàn bà đang yêu anh, xét cho cùng, quá đỗi đáng thương, anh nghĩ hết cách vẫn không tìm ra lối thoát cho họ. Nguyễn Tất Nhiên đau khổ vì thế. Anh đau khổ thực sự. Mặc cảm chính mình là nguyên nhân gây nên bất hạnh cho người khác dày vò anh khôn nguôi. Kim Thi có quen vợ chồng một người bạn rất mến Nguyễn Tất Nhiên, thường đưa anh về nhà cơm nước, tắm giặt, ngơi nghỉ sau nhiều ngày lang thang đầu đường xó chợ. Bỗng bẵng đi vài tuần không thấy Nhiên xuất hiện. Người bạn đi tìm, gặp, hỏi tại sao không ghé nhà anh nữa. Nhiên nhìn trừng vào mặt bạn: "Tao có bổn phận phải nói rõ để mày hiểu, vợ mày... yêu tao. Mà tao với mày quá thân, làm sao tao có thể nhẫn tâm phá vỡ hạnh phúc của mày. Tao không đến nhà mày là cố tình tạo ra sự xa cách, hy vọng nhờ thế vợ mày sẽ quên tao..." Trường hợp của hai vợ chồng người bạn không phải duy nhất. Thậm chí đôi lúc Nguyễn Tất Nhiên giận dữ, bất bình với một người bạn trai nào đó , vì "Hắn yêu cô ấy (một trong những người đàn bà "yêu" Nhiên), cứ bám theo quấy phá, làm cô ấy hết sức bực mình. Tao thông cảm, nhưng hắn cũng phải biết rằng, một khi cô ấy đã yêu tao thì làm sao còn yêu được ai".

Sau này, Nguyễn Tấn Nhiên vướng thêm một ám ảnh khác, nặng hơn. Đang ngồi uống cà phê với bạn bè, Nhiên đột ngột đứng dậy, đi biệt. Hôm sau gặp lại, hỏi tại sao? Anh khẩn trương: "Mày không thấy à, tụi CIA (hay

KGB) đầy nhóc chung quanh. Chúng theo dõi, muốn bắt tao". Một lần, cũng quanh bàn cà phê, anh than không có chỗ ở, Hoàng Khởi Phong bảo nhà anh chỉ có hai bố con, nếu muốn thì về đó mà ở. Rồi anh sốt sắng đứng dậy qua khu chợ bên kia đường làm cho Nhiên một cái chìa khóa. Trong lúc ông nhà văn cựu đại úy Quân cảnh vắng mặt, Nhiên hỏi Kim Thi, "Thằng cha đó công giáo hay Phật giáo?" Kim Thi nói không biết. Nhiên suy luận, "Thằng chả người Bắc, bọn Bắc kỳ hầu hết đều theo đạo. Không được, tay này nhất định do nhà thờ phái đến theo dõi tao", rồi đứng dậy, đi thẳng.

Nhà thờ, chùa, CIA, KGB, An ninh quân đội, Công an chấp pháp, kể cả Liên hiệp quốc và Văn bút quốc tế... Bất cứ tổ chức, cơ quan, chính quyền nào trên thế giới cũng đều xem Nhiên là... kẻ thù, và đều phái người theo dõi đêm ngày! Nhiên thường trực sống trong tình trạng âu lo. Ám ảnh này mỗi lúc một đè nặng thêm trên cân não, tâm hồn anh.

Đến một ngày, Nhiên đã phải chọn cho mình một lối trốn thoát, có lẽ theo Nhiên, "an toàn" nhất: cái chết.

Có một điều lạ Kim Thi nghĩ mãi vẫn không hiểu, tuy bệnh tình của Nhiên khá trầm trọng, thế mà thỉnh thoảng anh vẫn làm thơ được. Những sáng tác đó, đứng trên quan điểm nghệ thuật, lại là những bài thơ hay nhất trong sự nghiệp thơ ca của Nguyễn Tấn Nhiên. Mười bài Tâm Khúc được cưu mang và khai sinh ở giai đoạn này. Nói cách khác, Nguyễn Tất Nhiên chỉ tỉnh táo khi làm thơ. Tỉnh táo và khó tính. Một bài thơ được anh chính thức cho công bố, thường khi phải qua thời gian rất dài sửa chữa, thêm bớt. Dù lang thang ăn ngủ ở đâu. Nhà bạn bè, với gia đình, hay trong chiếc xe củ kỹ méo mó của mình, luôn luôn trong túi áo sơ mi cũng có một tờ giấy gấp tư, chứa những dòng thơ được Nhiên nắn nót bằng nét chữ rất học trò, ngay ngắn, cẩn trọng. Có lần Nhiên đưa Kim Thi một bài thơ vừa hoàn tất, chưa kịp đánh máy thì hôm sau Nhiên tìm tới tòa soạn: "Chưa được, còn vài chữ phải sửa." Thế rồi anh đòi lại bài thơ, gấp bỏ túi, đi. Vài hôm nữa, anh trở lại, trao Kim Thi một bản thảo mới, vẫn nèt chữ ngay ngắn rất học trò, không có dấu tẩy xóa. Anh đã sửa và đã chép lại bài thơ vào một trang giấy khác.

Nhắc đến các giai thoại liên quan đến Nguyễn Tất Nhiên, không phải để buồn (dù đời sống và cái chết của anh thật buồn). Mà nhắc đến, để nhớ, ngày này, năm năm trước, một thi sĩ của thơ ca Việt Nam đã ra đi. Hắn ra đi, hắn tự chọn cho mình phương tiện lên đường khắc nghiệt: những viên thuốc ngũ. Đến hôm nay Kim Thi vẫn nghĩ chọn lựa ấy hữu lý, cho chính bản thân hắn, cái kẻ đã sống vật vờ trong một cõi khác, cõi không hẳn thực, cũng chẳng phải mộng, cùng trăm nghìn ám ảnh bủa vây. Một đời sống như thế không thể, và cũng không nên kéo dài.

Sự thật này, dù tàn nhận đến thế nào, vẫn là sự thật.

Nhớ Nguyễn Tất Nhiên, Kim Thi lục đăng lại hai bài thơ "khóc" anh, của

Vũ Huy Quang và Phạm Việt Cường. Hai bài thơ, theo cảm nhận chủ quan của Kim Thi, có lẽ là hai lời "phân ưu" chân thật nhất, và... "vui" nhất ("vui" đến... trào nước mắt), của những người bạn, dành cho một người bạn. Kim Thi chép lại hai bài thơ, với ước mong được hưởng tí hương thừa tỏa ra từ hai nén hương chữ nghĩa ấy.

Vũ Huy Quang

nguyễntất nhiên, khôn lanh qủy quyệt

Chỉ giả vờ
chỉ giả vờ chết
Bọn xấu
cười nhe răng
xong rồi đi
nhậu
Người thì lêu nghêu
nói thì lắp bắp
giả vờ chết

Xưa
Lý Bạch say thì làm thơ
Nay
say thì chúng ta đều đi làm
Nguyễn Tất Nhiên không đi làm
bực mình
nên uống thuốc ngủ

Bọn giả vờ chết
Nguyễn Tất Nhiên
ta đọc cho mi
mấy lời tối qua
Đại tâm bi
Đà la ni
Ta cười với mi.
(5-8-92)

Phạm Việt Cường

tiếp tục làm thơ ở một nơi chốn khác

Tự giữ cho mình nguyên vẹn
giữa biết bao đổ vỡ
là điều quá khó khăn
thì tạm thời ký tên mình dưới bài thơ dài bốn mươi năm.
Như đứa trẻ thơ
không biết đến sự tận cùng
của những giấc mơ

Không khước từ một điều gì cả
chỉ đến một nơi chốn khác
tiếp tục làm thơ
những bài thơ yêu đời tha thiết.
(8-8-92)

6 tháng 8, năm 1997

1.

Viết, hoặc nói về một người ta đã quá quen thân. Điều dễ nhất, nhưng cũng rất có thể khó nhất.

Cha mẹ, anh em, vợ chồng... hàng ngày ta sống cùng, hàng ngày ta chia xẻ mọi hạnh phúc, nhận chịu mọi tai ương, làm sao không hiểu nhau tận nguồn ngọn. Bạn hữu thâm giao, trong nghĩa nào đó, cũng "ruột thịt" không kém. Cuộc đời anh ta, những hệ lụy, những thành công, những thất bại, những ước mơ, những dự phóng... tất nhiên ngoài cha mẹ, anh em, vợ chồng, không ai hiểu rõ và cảm thông nhau hơn bằng bạn hữu. (Tôi nói bạn hữu, không nói bạn bè. Với tôi, mối tương quan giữa bạn hữu với nhau là một tương quan đối đãi vượt qua sự cân đo đong đếm bằng những con số. Họ có thể dễ dàng chia nhau một niềm vui, chịu chung một nỗi buồn, và sống chung một ước mơ nào đó của tương lai. Nhưng bạn bè thì không. Gặp, trả cho nhau một ly cà phê, uống với nhau vài chai bia, thậm chí cùng đi với nhau vào lầu xanh, chia nhau một thân thể đàn bà... để rồi sau đó, về nhà, mỗi người một hướng sống, không ai lưu tâm đến ai, hoặc có, cũng chỉ giới hạn trên bình diện giao tế, như một thứ bổn phận làm người. Thế thôi, và chỉ thế thôi. Trong đời, anh chị, cũng như tôi, có vô số những bạn bè như thế, phải không?

Cho nên viết về một bằng hữu, dễ thật. Bất cứ kỷ niệm nhỏ nào, với nhau, nếu khéo sắp xếp mạch lạc, là có thể lấp đầy được vài trang sách.

Nhưng những con chữ trong vài trang sách ấy, thực sự, có phải điều người đọc muốn biết hay không? Và thực sự những chuyện được tỏ bày trong vài trang sách ấy có phản ảnh trung thực diện mạo, hay ít nhất, một phần nhỏ cái "chân diện mục" của người được nói đến hay không? Nghĩa là ngòi bút của tôi, cho bằng hữu, có khách quan được hay không? Điều ấy, tôi cho vô cùng cần thiết. Điều ấy, cũng chứng tỏ thêm một lần nữa sự khác nhau giữa hai chữ bạn bè và bạn hữu tôi vừa đề cập ở trên.

Tôi sẽ viết về bạn tôi như thế nào, để người đọc đừng nghĩ bài viết chỉ là một hình thức "tung hứng", giữa bọn cầm bút với nhau.

Viết như thế, độc giả hẳn nhiên không thích, đã đành, mà người được đề cập đến, cũng chẳng vui gì. Và nhất là tôi, kẻ đang viết những dòng này, lại càng không thể hài mãng. Lòng tự trọng, sự ngay thẳng còn giữ được không cho phép tôi làm việc đó, với một người, tôi xem, như bằng hữu.

Viết về một bằng hữu, khó, vì thế.

2.

Tôi sẽ không nói đến Du Tử Lê nhà báo, Du Tử Lê thi sĩ, hay Du Tử Lê của văn xuôi, của tùy bút. Những Du Tử Lê đó đã có quá nhiều người nói đến, và nói tới nơi tới chốn. Khen, chê, có đủ. Thêm một tiếng nói (nhất là tiếng nói của một người, xem ra, không có bao nhiêu trọng lượng trong các lĩnh vực vừa nêu), hẳn nhiên chẳng thể làm đầy thêm hoặc vơi đi cái sự nghiệp sáng tác họ Lê đã tạo dựng, gần nửa thế kỷ qua, liên tục, bền bỉ và luôn tự hủy diệt để thoát sinh bằng nhiều thể dạng mới.

Tôi sẽ chỉ nói đến Du Tử Lê như một con người bình thường, giữa hàng triệu con người khác, mang dòng máu Việt Nam, sống rải rác khắp mọi nơi trên mặt địa cầu này.

Tôi sẽ chỉ nói đến Du Tử Lê, người công dân có quốc tịch Việt Nam, 23 năm trước, và bây giờ, mang thêm một quốc tịch thứ hai, Mỹ quốc. Nhưng mãi mãi, cho đến chết, tên tuổi của ông ta không thay đổi, chẳng thể nào thay đổi.

Người công dân đó mang tên Lê Cự Phách.

Tôi sống ở Mỹ mười hai năm. Khoảng thời gian không lâu, nhưng cũng đủ dài để có thể, trong chừng mực nào đó, nhìn thấy được nhiều điều, hiểu được nhiều chuyện. Nhất là những chuyện liên quan đến người Việt Nam, trên đất Mỹ.

Qua những điều nhìn thấy này, tôi tự rút được cho mình một bản tổng kết, với đôi chút ngạc nhiên lẫn thú vị. Đó là, một cách tổng quát, người Việt Nam sinh sống ngoài quê hương, do tâm cơ, thể tạng, hay do chất xúc tác nào đó của điều kiện sống, đã nhanh chóng ngả vào ba thành phần sau:

Thành phần thứ nhất: Mỹ hóa hoàn toàn, hoặc một phần lớn. Thành phần này tách hẳn khỏi cộng đồng Việt Nam, gần như không, hoặc rất ít liên hệ đến người Việt Nam, từ công ăn việt làm, quan hệ xã hội đến nếp nghĩ. Với loại người này, hai chữ Việt Nam chỉ còn như một dư âm như hư như thật. Buổi sáng, lật tờ báo ra, gặp phải một tin liên quan đến Việt Nam, đọc, lướt qua, và quên. Cái tin đó không gây nổi cho họ cảm giác buồn vui nào. Nó, thuần túy chỉ là một cột tin, như hàng chục cột tin khác, đã đọc, hôm qua, hôm kia, tuần trước, về Nam Phi, về châu Âu, về Khờ Me đỏ, về Thái Lan...

Việt Nam, vùng đất của quá khứ, đã lãng quên. Hay cần phải lãng quên.

Thành phần thứ hai: thích nghi nhanh. Đó là loại "công dân quốc tế". Họ như những con cá sống được ở cả hai vùng nước: mặn và ngọt. Trong sông hồ, ngoài biển lớn, như nhau. Ở đâu cũng nước. Có nước là có thể bơi. Giản dị, thoải mái. Loại này vẫn sống gần gũi với cộng đồng, vẫn sinh hoạt như một người Việt Nam thuần túy, giữa lòng cộng đồng. Nhưng khi bước ra khỏi khu vực "ghetto" đó, họ lại là một con người khác, một công dân Mỹ. Quan hệ, hành sử, làm ăn giao dịch như một người Mỹ.

Thành phần thứ ba: mãi mãi, muôn đời, cho đến chết, vẫn chỉ là một người Việt Nam bơ vơ trên đất nước này, nói riêng, và có thể trên cả mặt hành tinh mênh mông mang tên trái đất, nói chung. Những người vẽ tranh, làm nhạc, viết chữ đều nằm trong loại người thứ ba này. Loại người, theo tôi, có lẽ... đáng thương nhất, và đáng bị... đánh đòn nhất, nếu họ còn cha còn mẹ, và các bậc cha mẹ vẫn còn trọng lối dạy dỗ con cái bằng phương pháp "thương cho roi cho vọt".

Họ là những kẻ thất bại triền miên trong cuộc sống. Nhiều người, đã hai mươi ba năm từ ngày bỏ nước ra đi, vẫn chưa có nổi một chiếc xe đủ an toàn khi lên xa lộ, một mái nhà đủ tiện nghi tối thiểu che nắng trốn lạnh, một công ăn việc làm đủ vững chải để không phải băn khoăn tháng sau, liệu có đủ không tiền nhà, đóng cho chủ.

Nhưng mà, kỳ lạ thay, họ xem chừng lại là những kẻ nhẹ nhàng nhất. Bởi lẽ họ không có vẻ gì quan tâm lắm đến chiếc xe đang đi, mái nhà đang ở, hoặc những tờ giấy xanh ít oi trong túi (trong túi thôi, nói chi đến trong ngân hàng).

Ông Lê Cự Phách là một trong loại người đó.

Từ lúc biết ông đến bây giờ, hình như chưa bao giờ tôi thấy ông... khá. Khá, hiểu theo nghĩa khiêm tốn nhất. Nhà, hết garage này đến garage khác (loại "nhà" này khá phổ thông ở tiểu bang California: đó là những cái garage được chủ nhân cho sửa lại thành phòng, với hai tiêu chuẩn tối thiểu điện, nước, rồi cho thuê. Loại phòng này tương đối thoải mái cho người độc thân, tạm đủ cho các cặp vợ chồng son, thêm một người nữa thì chật. Thế nhưng trong "hộ khẩu" mới của ông Lê Cự Phách, hiện tại, có tất cả ba thường trú nhân). Xe, thường, của bạn bè thải ra khi sắm được xe mới, bán với giá tượng

trưng hoặc cho không. Và tiền, nếu lấy con số nghìn làm định chuẩn tương đối, thì hình như ông Lê Cự Phách không mấy khi cầm trong tay những món tiền như thế. Tôi, từng có thời kỳ làm việc chung với ông. Đó là cái garage (lại garage) của nhạc sĩ Trần Duy Đức. Đó cũng là nơi đặt tòa soạn tuần báo *Tay Phải*. Đó cũng là nơi những bài thơ - theo tôi - có vị trí cao trong dòng thi ca Việt Nam đương đại được thai nghén, khai sinh. Và dĩ nhiên, tôi cũng đã từng với ông, vừa làm việc (ông viết, đánh máy, tôi layout) vừa run, trong cái lạnh buốt xương mùa đông, với một cái máy sưởi cá nhân cũ kỹ mà nhiệt lượng tỏa ra không đủ sức làm ấm căn phòng. Điều kiện sống đã thế, chế độ dinh dưỡng lại rất... tùy tiện (gà chiên Kentucky, thịt bằm Mc Donal, cơm hàng cháo chợ...) cộng thêm những chao đảo, bất an trong đời sống tinh thần, đã - có lẽ - là một trong những nguyên nhân khiến ông mang một căn bệnh (kiến thức y khoa của tôi quá tồi, nên không biết gọi tên căn bệnh này là gì): hai tay ông thường trực run bần bật.

Cũng may, thời kỳ này rồi cũng qua đi, ông dần lấy lại được quân bình cho thể xác lẫn tâm hồn, căn bệnh trên bớt và triệt tiêu hẳn.

Nhiều năm trôi qua, ông Lê Cự Phách vẫn thế. Vẫn thỉnh thoảng thay đổi địa chỉ cư trú (có lúc qua tận tiểu bang Texas). Vẫn di chuyển bằng cái khối sắt gọi là xe (tôi vẫn thường đùa với ông như vậy). Vẫn vài ba ngày có phone của bằng hữu mời đi ăn, ông cười vang trong máy, thích thú: "Hay lắm, trong tủ lạnh chẳng còn gì ăn được cả". Và vẫn cách năm bảy tháng, lại thấy ông "ghé thăm" một hai nhà in quen, điều đình, thương lượng xem bằng cách nào trả được tiền ấn phí làm vài ba lần, cho một tác phẩm mới của ông đã xong phần trình bày, layout. Bởi vì, những tờ giấy xanh trong túi chắc chắn không đủ nhiều để có thể thanh toán cho một lần, duy nhất..

Nhưng tôi thấy ông rất tự tin và tự tại trong cảnh giật áo vá vai triền miên ấy. Sự tự tin và tự tại chỉ có thể có được ở hạng người giàu có, thừa vàng dư bạc.

Gẫm cho cùng, nếu lấy thứ tiền tệ nhà văn Mai Thảo nói (*"Bọn chúng ta giàu lắm chứ. Vì chúng ta có tiền tệ riêng"*) làm đơn vị đo lường, thì ông Lê Cự Phách giàu có thật. Với số lượng vài mươi tựa sách ông ném ra ngoài cuộc đời, cộng thêm nhịp sáng tác rất đều từ bao năm nay, tôi nghĩ, chả mấy chốc, ông sẽ là một triệu phú, chân dung của ông chắc chắn sẽ được in trang trọng trên mặt loại tiền tệ vừa nói, với một cái tên khác, quen thuộc hơn, gần gũi hơn: thi sĩ Du Tử Lê. (KT)

Những dòng trên trích từ cuốn sách mang tên: *"Du Tử Lê, Tác Giả, Tác Phẩm"* do Tủ Sách Văn Học Nhân Chứng vừa in và phát hành tháng qua trên khắp thế giới.

Ngày 8 tháng 8 năm 1997

Buổi sáng đi ăn với nhà văn Phan Thị Trọng Tuyến (từ Pháp sang thăm gia đình), gặp Nguyễn Xuân Hoàng, Ngô Thế Vinh, Bùi Bảo Trúc. Hai ông đầu Kim Thi gặp hàng ngày, hàng tuần. Ông sau vừa đến Orange County từ Washington D.C. Đó là trục đường dài xuyên nước Mỹ, Tây sang Đông, và ngược lại, mà ông Bùi Bảo Trúc trên dưới nửa năm nay, đi, về như đi chợ. Hỏi, "Mãnh lực nào giúp ông ngồi cứng người trên phi cơ suốt sáu tiếng đồng hồ một cách mẫn cán quá nhiều lần như thế?" Ông Bùi cười, bằng miệng và bằng đôi mắt lấp lánh sau hai cái... đít chai dày cộm, "Những lần trước vì nhiều lý do chẳng đặng đừng. Lần này, chỉ với mục đích duy nhất: học nghề Nguyễn Xuân Hoàng." "Nghề gì?" "Làm MC."

Làm MC. Ông Bùi đã xuất hiện với tư cách ấy trong đêm dạ vũ "40 năm điện ảnh Kiều Chinh", và nghe đâu vẫn vô cùng duyên dáng như nhiều lần khác. Các nhà văn nhà báo ta từ lãnh vực viết lách nhảy sang thế giới trình diễn hơi nhiều. Hết Nguyễn Ngọc Ngạn (trung tâm Thúy Nga Paris), Nguyễn Xuân Hoàng (trung tâm Làng Văn), nay, Bùi Bảo Trúc.

Nhân chuyện làm MC của các ông nhà văn nhà báo tốt số *, Kim Thi nghĩ lang bang đến các nghệ sĩ trình diễn. Có họ mới có MC. Họ với MC như môi với răng. Môi hở răng lạnh. Nhưng nói đến nghệ sĩ trình diễn, thì cũng không thể không nói đến các "loại" nghệ sĩ khác. Tuy cùng mang một nhãn hiệu nghệ sĩ như nhau, nhưng thấp cao sang hèn hoàn toàn chênh lệch.

Chênh lệch rõ nhất là mức thu nhập tài chánh.

Một cô sĩ chỉ xuất hiện trên sân khấu 10 phút, có thể thâu về từ 1 đến 3 nghìn đô la (tùy theo mức độ nổi tiếng của cô).

Trong lúc anh nhà văn vất vả cả năm (thậm chí năm mười năm) mới hoàn tất một cuốn sách vài trăm trang. Để chuẩn bị cho đứa con tinh thần có cơ hội chường mặt ra với đời, anh ta phải cày bừa, dành dụm từng đồng mới mong trang trải đủ phí tổn ấn loát. Nhưng khi sách in xong, ngoài một hai trăm cuốn ký tặng bạn bè gần xa (tất nhiên tốn thêm tiền tem cước), và gửi bán ở các đại lý (với điều kiện trả tiền sau, nếu sách bán được). Số còn lại, bảy, tám trăm cuốn, anh nhà văn mang chất đống vào garage, may mắn lắm thì... vài năm sau, có nơi back order năm bảy cuốn. Bằng không, dành làm thức ăn cho mối! Nói cách khác, chín mươi chính phẩy chín phần trăm tiền vốn bỏ ra in một cuốn sách cầm bằng vất xuống vực thẳm không đáy (nói chi đến chuyện lời.) Khá hơn, nếu anh nhà văn này đã có tí tiếng tăm, các nhà xuất bản nhận in, thì cũng chỉ được 10% nhuận bút tính trên giá bán, cho 1,000 ấn bản (con số bất biến). Nghĩa là một cuốn sách bán 10 đồng, anh ta

* Tốt số. Chứ sao. Để được chọn làm MC, phải hội đủ ba điều kiện cơ bản,. Thứ nhất, ăn nói lưu loát, duyên dáng và thông minh. Thứ hai, đẹp trai. càng đẹp trai càng đắt giá. Thứ ba, là nhà văn nhà báo nổi tiếng. (tiếp trang kế)

được 1,000 đồng. Một 1,000 đồng cho vài trăm trang sách, công trình tim óc bao nhiêu năm.

Tương tự, các anh nhạc sĩ cũng xấu số không kém. Một bản nhạc nổi tiếng, ca sĩ dành nhau hát (trên sân khấu với tiền thù lao từ 1 đến 3 nghìn đô cho mỗi lần trình diễn như Kim Thi vừa nói ở trên), thính giả dành nhau mua (cassette, video, CD...), thế nhưng tiền tác quyền anh ta nhận được nhiều lắm cũng chỉ vài ba trăm đô la, và chỉ được một lần duy nhất. Sau đó, thiên hạ tha hồ hát chùa, thâu băng chùa. (nơi nào tình nghĩa lắm, sẽ trả thêm mỗi lần... 50 tì.) Nói cách khác, thiên hạ nhờ những công trình tim óc của anh, có thể hái ra tiền, có thể tậu nhà cao cửa rộng, xe pháo bảnh chọe. Riêng anh ta, nhiều phần trăm tiếp tục bưng phở (nếu đang bưng phở) ở một hàng quán nào đó dưới phố Bolsa, với chỉ số lương (tiền tươi) 3 tì một giờ, dưới mức tối thiểu nhà nước qui định những 1 đồng 75 cent.

Thảm hơn là nữa là các anh họa sĩ.

Viết văn, làm thơ, làm nhạc, chỉ cần một cây bút bi, một tập giấy. Nhưng vẽ thì không thể giản dị vậy được. Vẽ, phải có cọ, có sơn, có bố, có khung, có kính... Và phải có một không gian đủ rộng để xoay sở ngắm nghía trong lúc sáng tác. Nghĩa là phải có tiền để sắm sửa dụng cụ. Thế rồi vẽ xong, ngắm một mình, cùng lắm, vài ba mình (vợ, con, bạn bè, đồng nghiệp khố rách áo ôm). May mắn hơn, tìm được nơi triển lãm, tìm được tiền in thiếp mời, tìm được vài tờ báo đưa tin... Sau bao nhiêu gian nan đó, đến ngày khai trương, nhìn quanh, chỉ vài chục trự, toàn người quen. Các ông nhà văn, các chị nhà báo, các chàng thi sĩ, năm bảy đồng nghiệp và họ hàng thân bằng quyến thuộc. Đến, không nhằm mục đích xem tranh (quen quá, biết tỏng, xem làm gì nữa?), đến, chỉ để động viên tinh thần, và nhân tiện gặp gỡ đấu hót. Ngày khai trương qua đi, cũng có nghĩa phòng tranh xem như bế mạc. Không ai đến xem cho biết, nói chi chuyện bỏ tiền ra mua .

Kim Thi nhớ có đọc đâu đó, theo thống kê của một viện thống kê uy tín nhất nước Mỹ, thì mức thu nhập bình quân của một văn nghệ sĩ là... 200 đô la một năm(đủ để gặm hamburger ngày hai buổi và uống nước phông ten trong một tháng). Định mức bình quân này tính chung cho các loại văn nghệ sĩ. Nếu tính riêng, thì những anh làm thơ chỉ được... 50 đồng.

Thế thì đâu phải chỉ có "nhân dân ta" mới rẻ rúng văn nghệ sĩ. Đó là tình trạng chung, của nhân loại, từ xưa đến nay. Đọc báo, ta thấy có những cuốn sách tác quyền lên đến vài chục triệu, những bức tranh trị giá tương đương hoặc nhiều hơn. Nhưng được bao nhiêu người may mắn như thế, khi mà trên

---

(tiếp theo trang trước)
Thời của những anh hoạt náo viên chuyên chọc cười theo lối bình dân học vụ đã qua. MC ngày nay là một nghề danh giá. Danh giá bằng năm bằng mười bác sĩ, luật sư. Bằng chứng, người ta thường chỉ nhắc đến một Nguyễn Cao Kỳ Duyên MC, thay vì phải nhắc đến một Nguyễn Cao Kỳ Duyên luật sư.

hành tinh này có 6 tỉ người không ngừng sinh ra và chết đi, liên tục, từng phút, từng giây.

Qua thực trạng vừa trình bày, Kim Thi cho rằng trong vô số "chủng loại" làm nên nhân loại, có lẽ văn nghệ sĩ là "chủng loại" bất hạnh nhất. Họ bị trời hành.

Thế nhưng có một điều xem ra rất buồn cười: Hầu hết đều tỏ ra hãnh diện bởi sự bất hạnh của mình. Nếu không thế, làm sao giải thích được sự kiện đầy nghịch lý: Ngoài miệng bao giờ cũng than "khổ như chó" (Nguyễn Vỹ: *nhà văn An Nam khổ như chó*), nhưng mặt mũi thì lúc nào cũng vênh váo, ngông nghênh như gà chọi? Họ xem trời bằng vung, xem nhân loại như cây, xem đồng nghiệp như cỏ. Họ khai tử Thượng đế, họ khinh bỉ chúng sinh, và trầm trọng nhất: hiếm khi thấy một anh thi sĩ, văn sĩ, họa sĩ, nhạc sĩ nào khen đồng nghiệp của mình. Hoặc nếu có khen, thì sau lời khen bao giờ cũng kèm theo một chữ "nhưng mà". *"Thằng ấy viết cũng được, nhưng mà..." "Tranh cô ấy cũng đẹp, nhưng mà...."* Nghĩa là, qua cách nhận xét của họ, dù "thằng ấy" viết hay, "con ấy" vẽ đẹp, "nhưng mà" cái hay cái đẹp ấy vẫn còn xoàng, nếu so (hiểu ngầm) với... ta.

Văn nghệ sĩ, ngoài sự bất hạnh ra, còn là "chủng loại" mang bệnh tâm thần rất nặng

Người bị bệnh tâm thần thực sự như Nguyễn Tất Nhiên thuở sinh tiền, lúc nào cũng mang ảo tưởng mọi người nữ đều là "người yêu" của anh. Xem thế, Nguyễn Tất Nhiên lại là kẻ thực thà lương thiện nhất. Trong lúc những anh những chị văn nghệ sĩ nằm trong diện tỉnh táo, lại có vẻ tâm thần hơn Nguyễn Tất Nhiên bội phần: Nguyễn Tất Nhiên yêu mình qua trung gian những người nữ. Qua người nữ, Nguyễn Tất Nhiên muốn chứng tỏ sự tồn tại của mình trong cõi nhân sinh. Các văn nghệ sĩ tỉnh táo yêu mình không cần qua bất cứ trung gian nào. Họ yêu họ trực tiếp, mãnh liệt, đắm say, bằng cách chê bai khinh bỉ tất cả, từ thiêng liêng nhất như Thượng Đế, đông đảo nhất như loài người, và gần gũi nhất như bằng hữu, anh em, đồng nghiệp. Chỉ có họ mới xứng đáng với họ.

Ngày 3 tháng 9 năm 1997

Đến hôm nay, người đàn ông đó 71 tuổi.

Năm năm trước, ông có thể vừa về từ Hồng Kông, hành lý chưa kịp lấy ra khỏi túi xách, đã chuẩn bị lên đường sang Paris. Những dặm mây xuyên lục địa, những làng mạc thành phố, những núi non sông lạch, những danh lam kỳ tích, những ngôn ngữ lạ.... không phải chỉ đọc thấy bằng chữ, chỉ nhìn thấy qua hình, mà có thể nghe bằng thính giác, sờ chạm bằng xúc giác. Nguyễn Tuân từng ước mơ khi chết, da sẽ được thuộc làm chiếc vali. Ông, như chiếc vali của Nguyễn Tuân, không ngừng lang bạt từ lãnh thổ này sang quốc gia

khác, mãi mê.

Ba năm trước, ông còn di chuyển từ miền Tây sang miền Đông, hoặc đến các tiểu bang khác, xa California vài giờ bay, để gặp gỡ bạn bè, để chè chén, để ngâm thơ, để nhắc lại đôi kỷ niệm cũ, với Vũ Hoàng Chương, với Đinh Hùng, với ai đó. Hoặc phê điều này, phán điều nọ, thâu đêm.

Hai năm trước, chỗ ở của ông từ tầng trên chung cư, phải di chuyển xuống tầng dưới. Ông không còn đủ sức leo lên những bậc thang gỗ chông chênh những lúc từ hàng quán trở về, khuya khoắc.

Một năm trở lại đây, ông không ra khỏi cửa. Thế giới bao la của những quốc gia, những tiểu bang, những thành phố đã thu hẹp lại trong chu vi mười sáu thước vuông. Gần gũi, thân thiết nhất với ông trong giai đoạn này là những chai rượu và ánh sáng lấp loáng của màn ảnh TV. Đó là vật thể sống động duy nhất trong căn phòng quạnh hiu.

Tám tháng, rồi sáu, rồi năm..., sức khỏe ông yếu dần. Chiếc bồn tắm chỉ cao hơn mặt đất 40cm, có hôm ông bước vào nhưng không thể bước ra. Loay hoay hàng giờ, người ướt đẫm từ đầu đến chân. Cho đến khi một bằng hữu nào đó đến thăm, thấy, bế ông ra, thay quần thay áo hộ ông. Có đêm, trong giấc ngủ chập chờn đầy mộng mị, ông vật mình té xuống thảm, nửa thân trên kể cả đầu, bị kẹt giữa chiếc bàn đêm và khung giường, ông không đủ sức vùng dậy, đành phải nằm trong tư thế ấy đến sáng, chờ người thân đến, lại bế ông lên.

Rồi vài lần vào nhà thương cấp cứu. Lần kế chót người ta phải giải phẩu một bên hông, xuyên ống cao su vào bao tử, để đổ thức ăn. Ông không ăn được bằng miệng.

Tuần vừa qua, ông lại vào nhà thương. Lần này ông nằm lâu. Trí nhớ bắt đầu rối loạn. Có lúc ông rất tỉnh, nhận ra mọi người, hiểu những điều mọi người nói. Có lúc ông rơi vào thế giới khác. Hai ngày nay ông được chuyển vào khu ICU (intensive Care Unit), khu săn sóc đặc biệt dành cho các bệnh nhân thập tử nhất sinh, y tá, bác sĩ thường trực 24 trên 24. Ông đã không nói được, và phải thở bằng oxygen.

Sáng nay, Kim Thi cùng nhà văn Ngô Thế Vinh vào thăm, ông không còn nhận ra chúng tôi, và đã rất yếu. Lượng bạch cầu trong máu tăng quá cao, phổi không hô hấp nổi dưỡng khí. Một thân cây mất khả năng hấp thụ dinh dưỡng, đang khô.

Trên đường về, Ngô Thế Vinh nhắc lại câu nói của ông, với chúng tôi, hai năm trước "Chữ nghĩa trước kia nó lấp lánh trong đầu. Nhưng bây giờ cái lấp lánh ấy không ở với mình nữa. Đau lắm cơ." Hình ảnh những con chữ tỏa sáng như lân tinh, như châu ngọc, vờn bay, bỗng một ngày cùng rủ nhau ra đi, bỏ lại phía sau khoảng đêm mênh mông là tuổi già khô, kiệt. Hình ảnh đẹp và buồn. Cái đẹp và cái buồn rất văn chương, của một người thủy chung với văn chương, từ thiếu niên đến bạc tóc.

Phải ở gần Mai Thảo, phải hiểu Mai Thảo yêu chữ nghĩa đến chừng nào, mới cảm được nỗi buồn thăm thẳm trong tâm hồn ông. Không còn cầm được cây viết, người bạn thủy chung nhất của ông giai đoạn say này là những chai rượu. Ông uống liên miên, ly rượu không bao giờ cạn. Trung bình mỗi ngày một chai cognac đổ vào bao tử, lại không ăn, tuyệt đối không ăn. Với chế độ dinh dưỡng ấy, ông suy kiệt là điều dễ hiểu.

Từ lúc ông được chuyển vào khu chăm sóc đặc biệt, ngoài những hệ lụy ruột thịt như em, cháu của ông thay phiên túc trực ngoài phòng chờ, là bằng hữu khắp nơi (có người ngụ cư tận miền Đông) lũ lượt đổ về. Bằng hữu thuở thiếu niên, thanh niên, từng sát cánh với ông trong mọi sinh hoạt văn học nghệ thuật của miền Nam Việt Nam xưa, Cung Tiến, Ngọc Dũng, Tạ Ty, Nghiêm Xuân Hồng, Nguyễn Sỹ Tế, Kiều Chinh... Bằng hữu trẻ hơn, Du Tử Lê, Viên Linh, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Nguyễn Xuân Hoàng, Đỗ Ngọc Yến... Và trẻ hơn nữa, thuộc thế hệ thứ ba, thứ tư, đã đến, đã đứng cạnh giường bệnh, nhìn ông, nhìn bộ xương khô trên nền ra trắng, hoặc nằm ngửa bất động, với đôi mắt có khi nhắm nghiền, nghe tiếng thở khò khè, nặng nhọc sau mặt nạ oxygen. Và các tờ tuần báo, nhật báo, các đài phát thanh Việt ngữ, vẫn loan tin tức liên quan đến sức khỏe của ông, hàng ngày, hàng vài ba giờ. Và những cú điện thoại viễn liên từ năm châu gọi về, cho người này, kẻ nọ, hỏi thăm tin tức. Có lẽ chưa có nhà văn Việt Nam (hải ngoại) nào được hầu hết mọi người trân trọng, yêu mến, như ông.

Ông, người đàn ông đã sống cùng, sống với chữ nghĩa trọn vẹn một đời ấy, đang chống chọi từng giây từng phút với tử thần. Ai sẽ chiến thắng?

Ông, tác giả của trên 40 tác phẩm dài ngắn, đủ thể loại, chủ nhiệm của nhiều tạp chí văn học, trong đó có những tờ đã đánh dấu mốc quan trọng cho những giai đoạn chuyển mình của văn học Việt Nam, như *Sáng Tạo*, như *Văn* (trong nước trước 1975, sau này, ở hải ngoại), sẽ thế nào ngày mai, ngày mốt, tuần sau, tháng sau? Ông sẽ còn tiếp tục ở với chúng ta hay sẽ khép hẳn đôi mắt, giã từ vĩnh viễn cõi trần gian bụi bặm này, giã từ vĩnh viễn những bằng hữu già, trẻ, đã cùng ông hiện diện, ưu tư, vui chơi trên các trang chữ, cùng ông thù tạc quanh mọi bàn nhậu, và cùng ông âm thầm sớt chia nỗi bơ vơ của những đứa con bị bứt lìa khỏi đất đai quê mẹ?

Bằng tất cả lòng thương yêu quí trọng, Kim Thi cầu mong ông vượt qua vực tối nghiệt ngã này.

Ngày 7 tháng 9, 1997

Tháng chín, từ mặt trận Hạ Lào trở về (...)

Trên bục gỗ, đôi uyên ương xuất hiện. Người con gái có mái tóc dài, dáng cao, chiếc áo ra-glan với hai tà ngắn, chiếc quần ống rộng phủ kín hai bàn chân. Người con trai thấp hơn, khuôn mặt xương, cây đàn guitare với dây đeo

Căn phòng bỗng yên, và rồi tiếng hát cất lên. Chiếc cổ dài của người con gái vươn cao, chồm về phía trước. Người con trai nhắm mắt, mày nhíu lại. Bàn tay trên phím đàn nhảy nhót. Giọng hát khàn đục cuốn xô. Giọng hát, như ma tuý, tê liệt thần kinh. Giọng hát, như vị đắng cà phê, ngây ngất say. Giọng hát ăm ắp đam mê.

Theo em xuống phố đêm nay / đang còn ngất ngất cơn say / Theo em bước xuống cơn đau / Bên ngoài nắng đã lên mau...

Người con gái lùi lại, cúi đầu, chiếc micro ôm trước bụng. Người con trai tiếp tục nhắm mắt, quai hàm bạnh ra, môi mím chặt. Mười ngón tay lướt chạy miên man. Một vài tiếng vỗ tay lát đát, và rồi đồng loạt, vang dội. Người con trai như không nghe, không thấy, gã nhập vào tiếng đàn, gã chắp cánh, gã bỏ quên nhân gian. Gã đã là tiếng đàn. Là một. Sàn nhảy trống. Mọi người ngồi yên tại chỗ. Hình như tất cả đều ngầm hiểu, tiếng hát của cặp uyên ương không phải để nhảy, mà chỉ để nghe. Nghe bằng tai, đã đành, còn phải nghe bằng tim, bằng óc, bằng cả thân xác "ngất ngất cơn say"...

(...)

Trên bục gỗ, đôi uyên ương tiếp tục chìm trong "cơn say". Tiếng đàn, với người con trai, là một, đã đành. Nhưng chính gã, cái kẻ đang cúi xuống thùng đàn kia, với người con gái có đôi mắt tối thẳm âm u đó, hình như cũng chỉ là một. Họ tạo cho thính giả cảm tưởng sự tồn tại của người này là hiện diện của người kia. Và ngược lại. Đó là hai cá thể bất khả phân ly. Đó là một "nguyên khối" tròn đầy. Là biểu tượng tuyệt vời nhất của tình yêu. Tình yêu làm nên âm nhạc. Tình yêu chắp cánh cho âm nhạc. Tình yêu đẩy âm nhạc bay cao, bay xa...

Những dòng trên Kim Thi viết cách đây bảy năm, về cặp uyên ương Lê Uyên & Phương, để gợi nhớ ấn tượng mãnh liệt khắc đậm trong tâm hồn mình, khó phai, kể từ cái đêm ngoài mặt trận trở về, tình cờ ghé vào một vũ trường, cách đây gần 30 năm.

Cặp uyên ương đó sau này đã chia tan, Mỗi người một hướng đời. Mỗi người một định mệnh riêng. Hạnh phúc và khổ đau. Có đủ.

Trong *sổ tay Văn* số 9, tháng 9 năm 1997, Nguyễn Xuân Hoàng viết: *"Âm nhạc Lê Uyên & Phương không thể đứng được nếu chỉ có một tiếng hát duy nhất cất lên. Nguyễn Đức Quang gọi nhạc của Lê Uyên & Phương là nhạc của hai người."*

Nhậm xét trên rất đúng. Sau này, ở hải ngoại, thỉnh thoảng Kim Thi có tham dự những chương trình ca nhạc, trong đó, hoặc Lê Uyên, hoặc Phương hát một mình. Quả thật, hiệu năng của những nhạc phẩm gây gió bão một thời giảm sút rất nhiều. Tất nhiên nó vẫn rất hay - ngôn ngữ và nét nhạc của Phương luôn mới với thời gian. 30, 40, 50 năm sau, nghe lại, vẫn tinh khôi như buổi ban đầu - nhưng, họ như đôi cánh trên thân thể loài chim. Nếu một trong hai chiếc cánh bỗng gãy, thì khoảng trời lồng lộng trên cao, chỉ còn là

một gợi nhớ xót xa.

Kim Thi nghĩ sẽ không bao giờ còn được nghe cặp uyên ương này cất tiếng, trên sân khấu, với nhau, để có cơ hội sống lại những giây phút ngây ngất của những năm tuổi trẻ.

Thế mà, thật bất ngờ, Kim Thi bỗng nhận được thiệp mời tham dự buổi ra mắt CD tình ca *Khi Loài Thú Xa Nhau* của Lê Uyên & Phương.

Kim Thi vui. Thứ nhất, sau nhiều năm mỗi người một hướng, bây giờ, tuy không còn sống với nhau (cả hai đều có những hệ lụy mới) nhưng họ vẫn có thể đứng chung với nhau trên sân khấu. Thứ hai, sau ba mươi năm, Kim Thi muốn nhìn lại một lần nữa cái hình ảnh đã từng gây cho Kim Thi những chấn động mạnh, thử xem nó sẽ thế nào.

Kim Thi không thất vọng.

Tuy tuổi tác chẳng còn son trẻ, nhưng chất ma tuý đó, trong giọng hát, đắm say đó, trong diễn xuất, vẫn nguyên cường độ, vẫn thừa khả năng làm Kim Thi rùng mình nổi gai. Và không khí vũ trường, như năm xưa, vẫn sàn nhảy trống, vẫn khán giả ngồi im như tượng, lắng nghe.

Vâng, có những ca khúc ai hát cũng được.

Có những ca khúc sẽ tuyệt vời nếu được trình bày tập thể.

Và có những ca khúc chỉ có thịt, có xương, có linh hồn, có sự sống, nếu nó được cất lên từ hai người.

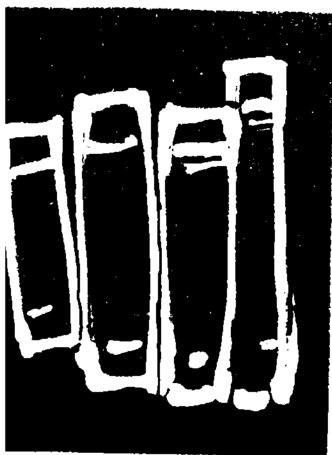
Ca khúc Lê Uyên & Phương. Ca khúc của hai người.

KIM THI



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI



NGỌC VÙI, tập truyện Xuân Vũ, bìa Khánh Trường, Đại Nam xuất bản 1997. 15MK. Liên lạc: Dainamco, P.O.Box 4279, Glendale, CA 91202.USA. Tel: (818)244-0135.

Sách dày 328 trang, *Ngọc Vùi* là một trong 24 truyện ngắn làm thành tập truyện này.

Theo lời giới thiệu của nhà xuất bản thì sau *Ngọc Vùi*, Đại Nam sẽ phát hành: *Hột Xoàn Là Của Trời Cho* và *Hoa Khế Tỏa Hương* của cùng tác giả. Nếu gom chung ba tập truyện này lại, độc giả sẽ có một bộ sách đồ sộ, với đúng 100 truyện ngắn, làm dài thêm thư mục vốn đã rất dài của nhà văn Xuân Vũ.

Trước đây chúng ta chỉ biết Xuân Vũ là người viết hồi ký và là một tiểu thuyết gia có sức sáng tác mạnh. Nay, chúng ta lại biết thêm một Xuân Vũ với thể loại truyện ngắn, cũng sung mãn không kém.

VIỆT NAM VÀ TRẬT TỰ TRUNG HOA, Nguyễn Xuân Nghĩa, bìa Khánh Trường, Đại Nam xuất bản 1997. Giá 15MK.

Một lượng định sơ khởi về triển vọng siêu cường của Trung Quốc và vài suy luận về hoàn cảnh Việt Nam.

Sau nhiều thế kỷ lụn bại, Trung Quốc đang chuyển mình thành một quốc gia giàu mạnh hơn và có triển vọng trở thành một siêu cường kinh tế hàng đầu thế giới chỉ trong vòng một thế hệ nữa thôi. Sự xuất hiện của một tân siêu cường chắc chắn sẽ đảo lộn trật tự thế giới và sẽ ảnh hưởng tới cục diện Việt Nam.

Cuốn sách phân tích, triển khai vấn đề trên.

40 NĂM VĂN HỌC CHIẾN TRANH (1957-1997), Nguyễn Vy Khanh, bìa Khánh Trường, Đại Nam xuất bản. Giá 13MK.

Sách dày 159 trang.

Một cái nhìn tổng quan về những thăng trầm văn học (đặc biệt liên quan đến chiến tranh) trong dòng sinh mệnh dân tộc, kể từ năm 1957 đến năm 1975 và sau này, ở cả hai miền Nam Bắc, cũng như ở hải ngoại.

Trong giới hạn nào đó, cuốn sách là một tư liệu tốt và cần thiết.

NGƯỜI HÁI HOA PHÙ DUNG, thơ Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Trọng Tạo trình bày bìa, nhà xuất bản Thuận Hóa tái bản 1997

Chúng ta đã biết Hoàng Phủ Ngọc Tường qua những tùy bút xuất sắc, với sự tinh tế, nhạy bén rất mực trước thiên nhiên, con người, tình yêu, hoài niệm. Nói cách khác, văn chương HPNT đầy chất thơ. Vì thế, ông đến với thơ ca âu cũng là hợp lẽ.

NÓI CHUYỆN VIỆT NAM, Bốn câu Chuyện Phiếm, Đặng Vũ Nhuế, xuất bản tại Paris, Pháp. Không ghi giá bán.

TÌM PHẬT Ở ĐÂU, Minh Tâm, Văn Nghệ tái bản. Giá 9MK. Ngoài Mỹ thêm 2MK.

Cuốn sách góp phần xiển dương, dẫn dắt tất cả những ai muốn tìm đến giáo lý uyên áo của Phật giáo.

NGYỄN DU: TRUYỆN KIỀU, Nguyễn Quảng Tuân khảo đính và chú giải. Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Việt Nam. Giá 32,000$VN.

“Vì không có bản gốc nên các bản Kiều in ra sau này mỗi bản đều có những chỗ khác sai, xếp chữ sai, chưa kể những chỗ bị sửa lại - đưa đến cái nạn tam sao thất bản.” Do đó, “từ khi còn dạy học, (GS Nguyễn Quảng Tuân) đã sưu tầm được một số bản Kiều Nôm và quốc ngữ có giá trị nên vẫn theo đuổi công việc khảo đính và chú giải mong sao đóng góp được một phần nhỏ công việc chung này”

Sau khi phát hành, sách được các độc giả đánh giá tốt nên đã được Trung Tân Nghiên Cứu Quốc Học cho in lại trong bộ *Nguyễn Du Toàn Tập* (1995) và Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội cho in lại trong bộ *Tổng Tập Văn Học Việt Nam - tập 12* (1996).

1) CHUYẾN XE và 2) NGƯỜI ĐẠP XE VÀO THÀNH PHỐ BUỔI SÁNG, 2 tập truyện của Hoàng Ngọc Biên, Trình Bầy xuất bản. Bìa của tác giả.

Trang nhã, mỹ thuật. Rất tiếc, do thiếu phương tiện tài chánh, nhà xuất bản rất hạn chế số lượng ấn bản, nên sách không thấy xuất hiện ngoài thị trường.

Văn chương Hoàng Ngọc Biên thâm trầm, trí tuệ. Đây là loại văn chương để suy gẫm, không phải để “mua vui”.

NGUYỄN QUÂN, của Phan Cẩm Thượng, Trần Hậu Tuấn. Trình bày Trần Hậu Tuấn, tranh chụp bởi Nguyễn Thái, Đỗ Huy, Phan Cẩm Thượng.

Nhà xuất bản Mỹ Thuật, Việt Nam 1997. Không ghi giá bán.

Gần 200 trang, khổ 11" X 11", giấy láng, dày, bìa cứng, với hàng trăm tranh màu. Một công trình ấn loát công phu, tốn kém.

Táo bạo ở màu sắc và đề tài. Vẻ đẹp nhục cảm tìm ẩm trong phần lớn tranh Nguyễn Quân, với những phần thân xác nữ phái, những bộ phận sinh dục được cách điệu như hoa, như trái, có lúc mọng đỏ, rực vàng, có khi gai góc, thô nhám. Người ta cảm nhận qua tranh ông sự giằng co, xung khắc mãnh liệt giữa cái mềm mại của ước mơ và chất sầm sùi của thực tại.

1) GỌI NHỚ và 2) GIÁNG SINH CA, hai tập nhạc của Lê Văn Khoa, tủ sách Nhạc Vàng thuộc hội VALLA (Vietnamese American Arts And Letters Association) xuất bản. Địa chỉ: 11022 Acacia Parkway, # B, Garden Grove, CA 92840. USA. Không ghi giá bán.

Độc giả yêu nhạc Việt, nên có thêm các ca khúc nghệ thuật của Lê văn Khoa và Vũ Thành, với phần đệm Piano trong hai tập nhạc này.

QUÊ HƯƠNG, TÌNH YÊU VÀ BẠN BÈ, tập nhạc Nguyễn Trọng Khôi, Vài lời trân trọng: Phạm Duy, thay lời tựa: Nguyễn Hiền, giới thiệu: Đinh Cường, thay lời bạt: Trịnh Cung. Tranh bìa: Đinh Cường, trình bày bìa: Nguyễn Đồng, kẻ nhạc: Nguyễn Trọng Khôi, phụ bản: Nguyễn Thị Hợp, Nguyễn Đồng, Đinh Cường, Nguyễn Trọng Khôi. Thế Kỷ 21 xuất bản. Không ghi giá bán.

"Quê hương, tình yêu và bạn bè". Đó là những chủ đề vĩnh cửu và gần gũi nhất với con người. Từ ngàn xưa đến hôm nay, văn chương, thơ ca, âm nhạc đã đề cập đến, nhưng chúng không bao giờ cũ. Ở mỗi tác giả, chúng mang một khuôn mặt, một nhan sắc mới. Khuôn mặt ấy, nhan sắc ấy đẹp, xấu... "tùy người đối diện". Mời độc giả hãy tiếp cận trực tiếp với những ca khúc của Nguyễn Trọng Khôi. Đó là phương cách đánh giá trung thực và khách quan nhất.

TÌNH KHÚC MÙA XUÂN, thơ Nhất Uyên, bìa, phụ bản Duy Liêm. Bông Sen (Paris) xuất bản. Không ghi địa chỉ nhà xuất bản. Không ghi giá bán.

Tập thơ của một người thơ "đã viết trên ngàn bài thơ và nhiều truyện thơ" như tác giả tự giới thiệu ở bìa sau thi phẩm.

EAT TONGUE, tuyển tập văn chương của nhiều tác giả thuộc các quốc gia Africa, Chinese, Russian và Vietnamese. Biên tập bởi Anna Lopata & Christine McKenzie. Victorian Writers' Kentre xuất bản (Địa chỉ: 156 Gheorge St., Fitzroy Victoria 3065. Australia. Tel: (03)9415-1077. Email-writers@vicnet.net.au. Internet homepage-http://www.vicnet.net.au/writer/index.htm.

Phần thơ văn Việt Nam có sự đóng góp của 5 tác giả: Thuong Quan; Hoa Pham, Hong Nguyen, Le Van Tai, Thuy Phong.

MỘT CÁNH HOA DÙ, hồi ký của Trương Dưỡng. Tác giả xuất bản. Giới thiệu của tướng Lê Quang Lưỡng (Tư lệnh Sư Đoàn Nhảy Dù), Nguyễn Thu

Lương (cựu đại tá Lữ đoàn trưởng Nhảy Dù) và nhiều bằng hữu cùng đơn vị, cùng khóa. Giá 16MK. Liên lạc: Thien Truong, 9220 Renoir Court. Boynton Beach, FL 33437. USA. Điện thoại (561)734-4016, hoặc Ông Triệu (714)531-4159 (nếu cư ngụ tại California).

Bằng sự chơn chất, nhân hậu; bằng tất cả thiết tha dành cho bộ quân phục đã chọn, bằng tấm lòng thủy chung và nhân hậu với bằng hữu, với thuộc cấp một thời, cuốn hồi ký, tuy thiếu cái chất "nhà nghề" của một tác phẩm văn chương, nhưng có lẽ sẽ tạo nhiều xúc động, nhất là đối với những người từng mặc áo hoa, mũ đỏ, từng sống và chiến đấu ở cùng một đơn vị (tiểu đoàn 9 Nhảy Dù) với cựu thiếu tá Trương Dưỡng.

Một đặc điểm khác: tác phẩm chỉ kể lại, theo trí nhớ những người thật, việc thật, không cường điệu, không "lên gân", không hào hùng phét lác, không anh dũng phường tuồng như phần đông các cuốn hồi ký khác.

HỒI KÝ VỀ GIA ĐÌNH NGUYỄN TƯỜNG: NHẤT LINH; HOÀNG ĐẠO, THẠCH LAM của Nguyễn Thị Thế. Bìa Duy Lam, Văn Hóa Ngày Nay tái bản lần thứ 3 (địa chỉ: 100N. Ross St., # A 120, Santa Ana, CA 92701. USA. Phone & Fax: 714-564-9908). Giá 12MK.

"Thường ra, người viết hồi ký hay chủ quan, đôi khi thiếu vô tư, chân thật làm người đọc có thể nghi ngờ, nhưng Nguyễn Thị Thế có sao nói vậy, biết đến đâu nói đến đó..." (Tạ Ty, tựa, trang 23).

Có lẽ nhờ sự "vô tư và chân thật" Tạ Ty đã nhận xét, mà tác phẩm thể hiện được khá rõ nét thân thế, sự nghiệp cùng cái chết của 3 nhân vật nổi tiếng thuộc gia đình Nguyễn Tường.

Cụ Nguyễn Thị Thế là con thứ 5 trong gia đình bảy anh em, gồm sáu trai, một gái, trong đó 3 người đã trở thành nhân vật nòng cốt của Tự Lực Văn Đoàn: Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long, và Thạch Lam Nguyễn Tường Lân. Cũng nên biết thêm: cụ N.T.Thế là thân mẫu của hai nhà văn Duy Lam (hiện cư ngụ tại Nam California) và Thế Uyên (hiện cư ngụ tại Seattle, tiểu bang Washington).

THI KINH QUỐC PHONG, bản dịch Kim Y Phạm Lệ Oanh, giới thiệu: Nguyễn Đăng Thục, cảm nghĩ :Võ Đình, bạt: Nguyễn Ngọc Bích, bìa, phụ bản và phần chữ Hán: Tá Chi Trương Cam Khải. Tủ sách Cành Nam tái bản có bổ sung. Giá 25MK. Địa chỉ liên lạc: Cành Nam Publishers, 267 Military Rd., Arlington, VA 22207. USA. Tel: 703-525-4538 hoặc qua các nhà tổng phát hành: Văn Nghệ: 714-527-5761 - Thế Hệ: 703-532-7890 - Minh Văn: 703-204-9239.

Từ hình ảnh, từ ngữ, thể thơ đến cả những tâm tình, quan niệm về mỹ cảm, tôn giáo, tín ngưỡng, và nhất là tình yêu, *Kinh Thi* đã được xếp vào hàng đầu các bộ "kinh" mà nhà nho xưa phải học: Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Xuân Thu. Đọc *Kinh Thi* sẽ giúp ta hiểu được cặn kẽ tính tình và phong tục của người Trung Hoa, một nền văn hóa sâu dày của nhân loại.

Trong bốn phần căn bản của *Kinh Thi*: Quốc Phong, Tiểu Nhã, Đại Nhã, Tụng, thì phần Quốc Phong được xem là phổ biến nhất, có tính cách phổ quát nhất. Ở đây, toàn bộ Kinh Thi Quốc Phong (160 thiên) đã được chuyển ngữ sang tiếng Việt bởi sự cố gắng làm cho gần gũi với ca dao Việt Nam của cụ bà Kim Y Phạm Lệ Oanh.

CĂN PHÒNG THAO THỨC, tập truyện Trần Doãn Nho, bìa Rừng, Thanh Văn xuất bản (địa chỉ: nhà xuất bản Văn Nghệ tổng phát hành). Giá 10MK.

Tác phẩm thứ hai sau **Vết Xước Đầu Đời** (tập truyện, Thanh Văn 1995).

"Với ba bài tùy bút và mười truyện ngắn đặt chung trong tác phẩm này, Trần Doãn Nho cho người đọc thấy anh là một nhà văn thao thức trên từng dòng chữ qua khía cạnh hiện thực của một xã hội còn nhiều trăn trở. Và mặt dù cái nền trong hầu hết những truyện của anh là quá khứ, và mỗi nhân vật của anh đều nằm trong cảnh thúc bách về chiều sâu tâm lý nhưng rõ ràng là cường độ "hiện thực" trong các sáng tác của anh đã lấn át tính "lãng mạn" một bậc, nếu ta được phép nói như thế.

Có thể nói anh là người viết biết kềm chế chữ nghĩa và tình cảm. Anh không to tiếng, không la lối, không thậm xưng, không lên án, không nguyền rủa. Bạn bè anh, người bên này, kẻ bên kia, anh đều mở rộng cửa. Không có oán thù trong chữ nghĩa Trần Doãn Nho..."

Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng đã nhận xét như trên, về tập truyện ngắn mới nhất này của Trần Doãn Nho.

Phê Bình Về Những Bài Phê Bình cuốn ĐỐI THOẠI VỚI GIÁO HOÀNG, tập I: Về ông Dương Ngọc Dụng. Nhiều tác giả. Giao Điểm xuất bản. Giá 12MK. Liên lạc: P.O.Box 2188, Garden Grove, CA 92842. USA.

Năm 1985 *Giao Điểm* xuất bản tuyển tập *Đối Thoại Với Giáo Hoàng Gioan Phao Lồ II* nhân đọc cuốn *Bước Qua Ngưỡng Cửa Của Hy Vọng.*

Cuốn sách nhằm trả lời một cuốn sách khác của ông Dương Ngọc Dụng (Nhận Định Về Các Trí Thức Phật Giáo Trong Nhóm Giao Điểm Ở Hoa Kỳ), đã in và phổ biến tại Việt Nam (vừa được một nhà xuất bản không nêu tên tái bản tại Mỹ).

Tôn giáo là một vấn đề nhạy cảm, rất cần đến sự bình tĩnh và rộng lượng của cả hai phía. Rất tiếc, qua cuốn sách của ông Dương Ngọc Dụng mà chúng tôi đã được đọc, cũng như cuốn *Phê Bình Về Những Bài Phê Bình....* của nhóm Giao Điểm, chúng tôi nhận thấy cả hai phía đều không dấu được hằn học, bỉ thử, lẽ ra nên tránh.

VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG TÔI, tập tranh của Khương Huỳnh, gồm nhiều tranh mầu.

Tranh mầu nước và mực tàu. Bán trừu tượng, nhiều tranh đẹp. Hợp Lưu sẽ xin phép tác giả cho sử dụng vài bức để lên bìa trong tương lai.

THƯỢNG ĐẾ VÀ PHẬN NGƯỜI, cảm tác của Nguyễn Sông Núi. Bìa,

trích đoạn tranh bích họa của Michelangelo. Nhà xuất bản Thánh Linh. Giá 7MK. Liên lạc: P.O.Box 8394 Fountain valley, CA 92728. USA. Tel: (714) 964-5354 / (714) 588-3737.

"Nếu chúng ta hiểu biết và chấp nhận thân phận làm người của mình với trái tim an lạc thanh thản, không bất mãn, phản kháng hay chống cự, chúng ta là kẻ hạnh phúc hành hương về vĩnh hằng"

Sách gồm gồm 14 đề mục, triển khai chủ đề trên.

TRÊN ĐÔI CÁNH HẠC, tập truyện ngắn Đinh Phụng Tiến. Tác giả xuất bản, California 1997. Giá 10MK. Liên lạc mua sách: Vũ Kim Hương 8520 Gloria Ave. # A9, Garden Grove, CA 92644. USA. Tel: 714-638-7819

Tác phẩm thứ ba sau *Hòn Bi* (truyện), Trình Bầy, Sàigòn 1967. *Cơn Lốc (truyện), Trình Bầy, Sàigòn 1969.*

Trên Đôi Cánh Hạc gồm 11 truyện ngắn sáng tác trong năm 1993, đến nay mới được tác giả xuất bản.

Hầu hết các đề tài được tác giả chọn đều ít nhiều liên quan đến thời cuộc, trong giai đoạn sau ngày 30 tháng 4, 1975. Và tất nhiên, không thể thiếu chuyện cải tạo.

CÒN ĐÓ BÓNG HÌNH, tập truyện Song Thao. Bìa Khánh Trường. Văn Mới xuất bản 1997. Giá 8MK. Ngoài Mỹ thêm 2MK. Liên lạc: Văn Nghệ (tổng phát hành).

Gồm 10 truyện ngắn có tên: *Còn đó bóng hình, Cũng đành, Âm vang ngàn sóng, Khúc đoạn trường, Mặn bờ môi, Ru tôi mộng lành, Đội mũ, Tết trước tết.* Phụ lục: *Song Thao, người bạn văn, biết sớm, gặp muộn* (Luân Hoán.)

TỰ TRUYỆN, phá thể tiểu thuyết của Đặng Phùng Quân. NGL xuất bản. Giá 10MK. Liên lạc: Đặng Phùng Quân: P.O.Box 721892. Houston, TX 77272. USA.

Là tác giả của khá nhiều tác phẩm liên quan đến lãnh vực triết học.

Tự Truyện được chia làm 7 phần: Tự Truyện, Nội Truyện, Ngoại Truyện, Mặt Nạ, Trạm Đợi, Tiếng Nói, Phá Truyện. Mỗi phần có thể xem như là một truyện ngắn, một tiểu luận, một tư duy triết học. Trong phần Phá Truyện, đoạn cuối, tácgiả viết:

"quyển sách này không viết ra để dạy bạn một điều gì về văn chương, chắc hẳn bạn đọc vì thích thú trước đã, *nhưng để đọc bạn phải trang bị một số chất liệu thiết yếu trong đời sống và thoát bỏ một số những tư kiến trong đời sống vì như Oedipe đi tìm Freud, không phải Freud đi tìm Oedipe...*"

Tuy chỉ 120 trang, nhưng cuốn sách rất nặng ký. Đúng như tác giả đã nói: *muốn đọc, phải trang bị một số chất liệu thiết yếu và thoát bỏ một số tư kiến.*

ĐỜI TÔI, Marc Chagall (Trần Thị Mai Nhinh dịch), bìa Tranh Chagall,

Phan Ngọc Minh trình bày. Nhà xuất bản Đà Nẵng. Không ghi giá bán.

Khi nói đến hội họa hiện đại của nhân loại, thì bên cạnh những tên tuổi lớn như Picasso, Mastisse, Dali..., người ta không thể không nhắc tới Marc Chagall, người họa sĩ sinh ra trong một khu ghetto Do Thái ở Nga, rồi lưu lạc, sống nổi trôi khốc liệt và thành danh tại hầu hết các trung tâm nghệ thuật của thế giới: Paris, Berlin, New York.

Đời Tôi là tự truyện của nhà danh họa này, giúp chúng ta biết thêm nhiều điều cần biết về cuộc đời cùng con đường sáng tạo của một trong vài ba "vị khổng lồ" của thế giới tạo hình hiện đại.

DU TỬ LÊ, Tác Giả & Tác Phẩm. Tủ sách Nhân Chứng. Bìa Võ Thành Đông. Giá 15MK. Liên lạc: phát hành Văn Nghệ.

Nhiều tác giả viết về một tác giả. Trước đây, trong tủ sách *"Tác Giả Tác Phẩm"* của nhà xuất bản *Dân Chúng*, do Nguyên Sa & Nguyễn Mạnh Trinh chủ trương, đã ra được vài cuốn, với nội dung như trên. Nhưng có lẽ mãi lực không tốt, nên thôi không tiếp tục.

"Mãi lực không tốt" không phải vì loại sách này kém hấp dẫn, trái lại, Kim Thi nghĩ, bất cứ những ai thích đọc chữ, thích theo dõi sinh hoạt văn học, đều ít nhiều muốn biết về những gì có liên quan đến tác phẩm và tác giả. "Mãi lực không tốt", có lẽ vì hệ thống phát hành của nhà xuất bản *Dân Chúng* chưa được rộng. Thêm nữa, hình thức cũng như kỹ thuật in ấn thiếu hoàn chỉnh, kém mỹ thuật, dễ gây ấn tượng xấu ở độc giả.

Nay, *Tủ Sách Văn Học Nhân Chứng* nhận trách nhiệm tiếp tục công việc nhà xuất bản *Dân Chúng* đã bỏ dở mấy năm qua. Dĩ nhiên, với hình thức cũng như nội dung toàn bích hơn.

Du Tử Lê, Tác Giả & Tác Phẩm là cuốn đầu trong tủ sách chuyên đề này, rất phong phú bởi đóng góp của 52 tác giả cư ngụ khắp nơi trên thế giới.

NGƯỜI VIỆT Ở PHÁP (1940-1954), Đặng Văn Long. Tủ sách Nghiên Cứu xuất bản (Địa chỉ: Boite Postale 246 - 75225 Paris Cedex 11. France) Sách khổ lớn (6 X9,50"), bìa dày. Không ghhi giá bán.

Nếu cuốn *Lính Thợ O.N.S.* (của cùng tác giả, đã xuất bản trong nước năm 1996) là một tự truyện, thì cuốn này, lại được viết dưới dạng nghiên cứu. Tuy nhiên, cả hai đều đề cập đến mọi sinh hoạt từ xã hội đến chính trị của hơn 40 ngàn người Việt sống tại Pháp từ đầu thế chiến thứ II (1940) đến hiệp định Geneve (tháng 7 - 1954), lồng trong bối cảnh dầu sôi lửa bỏng của đất nước Việt Nam.

Hơn 66o trang giấy trắng, với nhiều hình ảnh tư liệu lịch sử. Một tài liệu nghiên cứu quí giá.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



VỚI VĂN HỮU VÀ ĐỘC GIẢ



ĐÍNH CHÍNH, XIN LỖI

Bài viết *Literary correctness* của **Phạm Trọng Luật** đăng trên HL số 36 từ tr. 44 đến tr. 47 có nhiều lỗi chính tả không thể tha thứ, nhất là tên tác giả, đã đánh sai thành Phạm Triệu Luật (gần giống với tên một tác giả khác, trong nước: Nguyễn Triệu Luật).

Chúng tôi thành thật xin lỗi tác giả **Phạm Trọng Luật** (hiện cư ngụ tại Paris, Pháp).

THƯ ĐỘC GIẢ

"Quân tử hòa nhi bất đồng"...

Tôi là độc giả HL định cư ở Canada, xứ lá phong. Candada hiện nay đang có một khuôn mặt uy tín: ông David Suzuki, người Gia Nã Đại gốc Nhật. Ông Suzuki là một giáo sư đại học, một bác học đồng thời cũng là một nhà truyền thông lừng lẫy trong vấn đề bảo vệ môi sinh. Theo thống kê, ông là một trong những người được tín nhiệm nhất (*one of the most trusted men*) của dân chúng Gia Nã Đại. Trong cuộc phỏng vấn dành cho hội bảo vệ súc vật, khi được hỏi ông nghĩ gì về việc dùng súc vật trong các thí nghiệm y khoa, ông Suzuki đã trả lời theo Trung-đạo một cách rất tuyệt vời như sau: "Ai mà có công việc của họ la thí nghiệm y khoa, thì xin cứ sử dụng súc vật mà thí nghiệm, ngược lại, ai mà có công việc là bảo vệ súc vật thì xin hãy cứ lên tiếng mà phản đối".

Thoạt nghe thì như mâu thuẫn, nhưng thật ra đó là một nguyên tắc Nhị

nguyên rất là hợp lý: sự việc bao giờ cũng có hai mặt và chân lý không bao giờ là tuyệt đối cả. Bởi thế, cái dung hòa là quan trọng. "Quân tử hòa nhi bất đồng" là vậy.

Trở lại chuyện Thanh / Tục trong HL gần đây. Theo tôi, Đỗ Kh. vẫn cứ nên tiếp tục làn thơ "cởi truồng" - các bạn Mộc Hương, Phạm Thị Hoài, Hoàng Nguyên Nhuận, Thương Nguyên cứ tiếp tục bênh vực và... Trần Mộng Tú, Phạm Trọng Luật v.v... cứ nên tiếp tục phản bác (theo ý riêng, thì cái sự phản bác này rất ư quan trọng), có thế thì thơ mới như, nói theo Mai Thảo "Triệu khúc quành, nghìn ngã rẽ..."

• PHẠM TRỌNG VIỆT (Canada)

Cảm ơn ý kiến của anh. Từ lâu, HL vẫn xem mọi việc, kể cả văn chương, thơ ca, nghệ thuật, theo quan niệm Trung-đạo như như anh vừa nói. Cái tên của tờ báo là một dẫn chứng cụ thể. Trong nghĩa đó, chúng tôi mạnh dạn mở tung mọi cánh cửa, vì thế. Thân mến.

thật khó ưa lắm

1. Tôi vốn đọc HL cà tửng, cà tửng thôi, nhưng nay (qua số 36), thì tôi quyết định mua dài hạn.

2. Tôi không thích thơ ông Đỗ Kh. bao nhiêu, nhưng cũng không thù ghét gì thơ ông cả (đọc "trưa nằm cu ngỏng chỉ lên trời" thì cũng thấy... khoái), tuy nhiên cái lối trả lời người khác (Bà Tú, ông Luật...) của ông ta thì thật khó ưa lắm. Nhưng thôi, cũng như mọi sự khác ở đời, chẳng nên cầu toàn

(....)

Nếu có thể được, HL vui lòng cho biết ông Phan Tấn Hải ở tạp chí Thơ có phải là ông Nguyên Giác Phan Tấn Hải viết "Vài Chú Giảm Về Thiền Đốn Ngộ" không"?

X. LAI (Seattle)

- Nhiều độc giả và văn hữu nghĩ giống ông: Không nói đến chuyện đúng hoặc sai trong quan điểm thơ ca (quyền được sai và được đúng là quyền tối thượng trong văn học nghệ thuật tại các xứ tự do), duy cái lối trả lời "cà tửng cà tửng" của ông họ Đỗ quả rất khó nghe. Một văn hữu ở miền Đông Hoa Kỳ nhận xét: Đỗ Kh. có tài, thông minh, tư tưởng mới mẻ, phóng khoáng. Nhưng thái độ ứng xử thiếu tế nhị của anh trong vài vấn đề lẽ ra cần nhiều tế nhị, làm cho tình cảm của nhiều độc giả và văn hữu dành cho anh bao lâu nay bị giảm sút nhiều. Nhận xét tương tự, nhẹ hơn, nặng hơn, cũng đã có ở Orange County, San Jose, Houston, Canada, Florida, Washington DC,..

Chúng tôi cho công khai thư của ông, cùng nhận xét của nhiều độc giả, văn hữu khác, không ngoài mục tôn trọng tối đa ý kiến người đọc, cũng như qua đó, nhà thơ Đỗ Kh. rút được cho mình một cách hành sử thích ứng.

- Vâng. đúng là Nguyên Giác PTHải. Ông thiền sư này thuộc trường phái... chịu chơi. Theo ông thì từ "thiền đốn ngộ..." đến các bài thơ của các nhà thơ trẻ (và bạo) như Đỗ Kh., Nguyễn Hoàng Nam... chỉ cách nhau một... sát na.

chấm dứt là vừa

Chuyện dài Thanh và Tục trên HL quá dài. Đề nghị ban biên tập chấm dứt là vừa. Bởi lẽ, dù cãi nhau đến tết... Công gô, chắc chắn cũng không thể tìm thấy kết luận chung cuộc. Vậy, ai muốn tục cứ tục, ai muốn thanh cứ thanh. Ai muốn đọc cứ đọc, ai cảm thấy ngứa mắt, thối miệng thì cứ lật qua trang khác. Đừng vì những cái khó chịu nho nhỏ ấy mà "giận" HL, cũng như cũng đừng vì những cái thích nho nhỏ ấy mà "thương" HL. Đọc HL, là đọc trên hai trăm năm chục trang bài. Không thể đòi hỏi với chừng đó trang, trang nào, dòng nào, bài nào cũng hợp với tì vị của mình.

Nói thế là "cảm thông" với HL đấy nhé, nên phải nói lại: đề nghị HL cẩn thận hơn trong chọn lựa bài vở. Tôi rất đồng ý với chủ trương của HL: mở rộng mọi cánh cửa. Song le, cũng nên lưu ý đến chuyện "thiên thời địa lợi" một tí . Tôi biết những khó khăn mà HL sẽ phải đương đầu một khi muốn "cách mạng". Vì khó khăn đó, HL càng nên thận trọng.

N.K. HUỲNH (Cali)

Vâng, cảm ơn và đồng ý với đề nghị của anh.

TRẢ LỜI VĂN HỮU, ĐỘC GIẢ

Anh **NMai** (Việt Nam): Sẽ liên lạc với bà chị vợ của anh, nhưng không dám hứa sẽ giải quyết được những khó khăn anh đang có. Bản thân chúng tôi cũng chẳng dễ thở lắm đâu. Không biết phải nói thế nào để anh hiểu. Thân.

Ông **LVTiến** (Cali): Khó quá, cho chúng tôi. Tòa soạn rất neo người, mà công việc ấy thì cần nhiều nhân lực làm việc full time. Đành hy vọng sẽ có cơ hội thuận tiện thôi. Thân.

Cô **K. Nguyễn** (MA): Đã nhận thư. Đã gửi sáu số báo của năm 1996-1997

đến cô.

Ông **Kh. Trinh** (CA) Báo bị trả lại. Dù bưu điện đã "truy" ra địa chỉ mới của ông. Và chúng tôi, cũng qua hệ thống Internet, "truy" được số phone đi kèm với địa chỉ mới này, nhưng đã gọi rất nhiều lần, vẫn không có người trả lời (kể cả có nhắn vào máy). Xin ông cho biết lý do. Hạn báo của ông hết hạn ở số 37. Coi như chúng tôi còn "nợ" của ông hai số của đợt này. Kính

Ông **N. V. Khánh** (San Jose): Lẽ ra phải trả lời bằng thư riêng như ông yêu cầu. Nhưng chúng tôi lỡ đánh mất bao thư ghi địa chỉ của ông, nên buộc phải trả lời trên báo. Xin ông thứ lỗi.

- Nhà văn ấy chưa cộng tác với *Hợp Lưu* bao giờ. Có nhiều lý do tế nhị. Tuy nhiên, giao tình giữa chúng tôi vẫn tốt đẹp. Nói chung, HL không là "kẻ thù" của ai cả. Nếu chẳng may có người xem chúng tôi là "kẻ thù" thì đó là chuyện hoàn toàn ngoài ý muốn.
- Ông ấy đã trở lại VN. Một kẻ "đi trên mây", suốt đời lãng đãng với những ước mơ xa rời thực tế của mình. Ông ta không thể thích nghi được với bất cứ môi trường nào. Nhưng nhờ sự ngây thơ bẩm sinh, ông ta sống được với cuộc đời, dù cuộc sống ấy chẳng lấy gì tốt đẹp cho lắm.
- Không trầm trọng như ông nghĩ đâu. Văn chương, nghệ thuật, xét cho cùng cũng chỉ là những trò chơi. Tôi gọi đó là những trò chơi lương thiện. Khi đã nhận nhập cuộc chơi thì phải gắng hết mình để chơi một cách đàng hoàng. Thế thôi. Không có tham vọng và cũng chẳng có "ý đồ" gì. Mọi gán ghép đều sai sự thật.
- Chuyện ấy, 7 năm qua đã có quá nhiều. Nhất là thời kỳ đầu. Nay vẫn còn nhưng ít hơn. Thường, chúng tôi vất ngay vào sọt rác (nếu là thư), và chuyển nhanh qua mục khác (nếu là email) những trang chữ có phong cách đầu đường xó chợ. Đọc, chỉ tổ mất thì giờ.

Những câu hỏi còn lại có tính cách cá nhân. Mà cá nhân của kẻ bị (được) hỏi thì hình như chẳng có chi đáng nói.

Có dịp xuống Nam Cali, mời ông ghé tòa soạn. Thân kính.

Anh T.DNho (MA): Nhận được tất cả bài vở của anh. Truyện ngắn đi trong số này, bài kia, số sau.

Về chuyện ông bạn ấy:

Nghĩ tội nghiệp. Chủng loại người suốt đời sống với những lý tưởng viễn mơ, xa rời thực tế như ông ấy thì thời nào, bao giờ cũng lạc lõng, bơ vơ. Và có lẽ vì vậy, rất dễ bị du vào các tình huống dở khóc dở cười.

Nghe nói hơn một tháng bên kia trời Âu, ông ấy gặp nhiều thất vọng.

CHIA MỪNG

Hợp Lưu nhận được hồng thiệp báo tin trưởng nam của 2 họa sĩ
Bé Ký - Hồ Thành Đức:

cháu HỒ THÀNH CAO

sẽ kết hôn cùng thứ nữ của ông bà Bùi Thế San - Phạm Thị Nga:

cháu BÙI PHẠM TƯỜNG VI

Hôn lễ sẽ cử hành tại tư gia vào ngày thứ Bảy, 13 tháng 9 năm 1997
(tức ngày 12 tháng 8 năm Đinh Sửu)
Ban biên tập *Hợp Lưu* chia vui cùng anh chị Hồ Thành Đức - Bé Ký
Chúc hai cháu hạnh phúc mãi mãi.

HỢP LƯU

CHÚC MỪNG

Hợp Lưu nhận được hồng thiệp báo tin thứ nữ của vợ chồng
nhà văn Hồ Minh Dũng là:

cháu Martha HỒ TRƯỜNG VŨ

sẽ kết duyên cùng thứ nam của bà Nguyễn Thị Vinh là:

cháu Phêrô NGUYỄN NGỌC TUẤN

Hôn lễ sẽ cử hành tại thánh đường Holy Cross, Atlanta, Georgia
vào thứ Bảy, ngày 20 tháng 9 năm 1997
(nhằm ngày 19 tháng 8 năm Đinh Sửu).
Ban biên tập *Hợp Lưu* chia vui cùng anh chị Hồ Minh Dũng
Chúc hai cháu hạnh phúc mãi mãi

HỢP LƯU

nhiều tác giả

dutử



tác giả & tác phẩm



tủ sách văn học nhân chứng

bùi bảo trúc, cung trầm tưởng, duy thanh, đào trung pháp, đinh cường, đỗ đình tuân, đỗ quý toàn, hà bỉnh trung, hoàng phố, huy trung, huỳnh sanh thông, lê thị j, khánh trường, kirl lindsay, lam nguyên, lê huy oanh, lê vương ngọc, long ân, mai thảo, minh nghị, neil l. jamieson ngọc dũng, ngô vương toại, nguyên sa, nguyễn anh văn, nguyễn hữu việt, nguyễn mạnh trinh, nguyễn ngọc bích, nguyễn thế toàn, nguyễn tấn lai, nguyễn thu hương, nguyễn trọng khôi nguyễn xuân quang, t.p nguyễn xuân vinh, phan bội hoàn, phạm trọng lệ, phạm thoan, phan diên, tạ ty, trang châu, trần bách linh, trần bát nhã, trần văn thế, trọng minh, trương anh thụy, trương trọng trác, vi vi, võ thành đông, vũ ngự chiêu, vũ đức thành, vương thanh.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(Tất cả ghi rõ bằng CHỮ IN)

Tôi tên ________________________________

Địa chỉ ________________________________

Điện thoại ________________________________

nhận mua dài hạn tạp chí *Hợp Lưu* bắt đầu từ số ______ theo giá biểu sau đây (cho một năm):

Nội địa Hoa Kỳ và Canada:

Hạng tư (Four class): 40MK ☐ • Hạng nhất (First class): 50MK ☐

Âu châu:

Đường thủy (Surface A.O.) 50MK ☐ • Máy bay (Air mail): 70MK ☐

Úc, Á châu:

Đường thủy (Surface A.O.) 50MK ☐ • Máy bay (Air mail): 80MK ☐

Nội địa Hoa Kỳ và Canada trả bằng **Check (Mỹ kim).**
Ngoài Hoa Kỳ và Canada trả bằng **Money Order International**, về:

HỢP LƯU
P.O.Box 277
Garden Grove, CA 92842. USA

• Cho tòa soạn biết ngay (bằng thư hoặc điện thoại) nếu gặp các trường hợp sau: 1) Đổi địa chỉ (nhớ ghi cả địa chỉ cũ) - 2) Không nhận báo đúng thời hạn - 3) Báo hư, rách (do bưu điện), hoặc nhầm, thiếu trang (do tắc trách của nhà in, trị sự), chúng tôi sẽ gửi bù trong thời gian nhanh nhất (không cần trả lại số báo hư).

• Chúng tôi sẽ có thư báo hết hạn kèm trong số báo cuối cùng của chu kỳ mua dài hạn, xin lưu ý đừng để thất lạc (có thể xem hàng đầu trên label để kiểm chứng).

• Độc giả ở Âu châu có thể trả tiền cho đại diện tại Pháp:

Mr. Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013, Paris, France.



NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

KÉO NEO MÀ CHẠY

(Tập truyện)

VĂN MỚI



